



TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP

Trụ sở chính: Số 1 Đào Duy Anh, Phường Kim Liên, TP Hà Nội, Việt Nam

Giấy CNĐKDN số: 0100104595

Điện thoại: 024 35770825 Website: www.vimc.co



CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

I. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM:

- **Thời gian:** 09h00, thứ tư ngày 15 tháng 04 năm 2026
- **Địa điểm:** Hội trường tầng 3, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội, Việt Nam

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH:

Thời gian	Nội dung
08h00 – 09h00	Đón khách và kiểm tra tư cách cổ đông: - Đón tiếp đại biểu/cổ đông; - Kiểm tra tư cách cổ đông.
09h00 – 09h45	Khai mạc Đại hội: - Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội; - Tuyên bố lý do, giới thiệu Chủ tọa; - Thông qua Quy chế tổ chức họp Đại hội - Chủ tọa giới thiệu Đoàn chủ tọa, Ban Thư ký Đại hội, Ban Kiểm phiếu; - Thông qua danh sách Đoàn chủ tọa, Ban Kiểm phiếu; - Thông qua chương trình Đại hội;
09h45 – 10h50	Trình bày các nội dung nghị sự: 1. Báo cáo của Hội đồng quản trị (HĐQT) về quản trị và Kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT năm 2025, Kế hoạch năm 2026; 2. Báo cáo của Ban Kiểm soát (BKS) về Kết quả giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, giám sát HĐQT và Tổng giám đốc năm 2025; 3. Báo cáo tự đánh giá Kết quả thực hiện nhiệm vụ của Kiểm soát viên và BKS năm 2025, Phương hướng hoạt động năm 2026; 4. Tờ trình Báo cáo tài chính năm 2025 của VIMC đã được kiểm toán; 5. Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024, 2025 của VIMC; 6. Tờ trình Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của VIMC; 7. Báo cáo về việc góp vốn thành lập Liên doanh đầu tư Dự án Cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ.

Thời gian	Nội dung
	8. Tờ trình Quỹ tiền lương, thù lao năm 2025 và Kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2026 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát VIMC; 9. Tờ trình Danh sách công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của VIMC; 10. Tờ trình Sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP; 11. Tờ trình Phê duyệt Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP.
10h50 – 11h14	Đại hội thảo luận
11h15 – 11h25	Biểu quyết thông qua các báo cáo và tờ trình
11h25 – 11h30	Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết
11h30 – 11h40	Đại hội biểu quyết thông qua nội dung Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
11h40	Tuyên bố bế mạc Đại hội

QUY CHẾ
TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CỦA TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM – CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2025;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 245/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 11/09/2025);

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HHVN ngày 30/01/2026 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP về kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP.

CHƯƠNG I:

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức và điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (“Đại hội”) bằng hình thức trực tiếp, bỏ phiếu biểu quyết điện tử.

2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của cổ đông, đại diện cổ đông và các bên tham dự Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội và biểu quyết thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội.

3. Cổ đông, đại diện cổ đông và các tổ chức, cá nhân tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

4. Các quy định liên quan đến việc tổ chức Đại hội không quy định chi tiết tại Quy chế này, sẽ được áp dụng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ VIMC và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của VIMC.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Quy định này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.1 “Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP” (sau đây gọi tắt là “VIMC”) là Công ty mẹ trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần ngày 10/7/2025.

1.2 “Đại hội đồng cổ đông” (“ĐHĐCĐ”) là Đại hội đồng cổ đông VIMC.

1.3 “Hội đồng quản trị” (“HĐQT”) là Hội đồng quản trị của VIMC.

1.4 “Tổng giám đốc” là Tổng giám đốc của VIMC.

1.5 “Người được ủy quyền” là người được cổ đông ủy quyền tham dự họp và thực hiện các quyền của cổ đông tại ĐHĐCĐ phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ của VIMC và Quy chế này.

1.6 “Bỏ phiếu điện tử” là việc cổ đông sử dụng các thiết bị có kết nối Internet thực hiện biểu quyết trên Hệ thống bỏ phiếu điện tử tại ĐHĐCĐ theo quy định tại Quy chế này.

1.7 “Hệ thống bỏ phiếu điện tử” là cơ sở hạ tầng được VIMC sử dụng và cung cấp cho cổ đông để thực hiện các quyền liên quan khi tham dự ĐHĐCĐ.

2. Các từ ngữ, thuật ngữ, khái niệm chưa được định nghĩa trong Điều này sẽ được hiểu theo từng ngữ cảnh cụ thể trong Quy chế và các quy định có liên quan của VIMC và pháp luật hiện hành.

Điều 3. Điều kiện tiến hành Đại hội

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông/người được ủy quyền dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số Cổ đông/người được ủy quyền dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông/người được ủy quyền dự họp.

Điều 4. Điều kiện cổ đông tham dự Đại hội

Các cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty theo danh sách chốt tại ngày 16/03/2026 đều có quyền tham dự ĐHĐCĐ; có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được ủy quyền theo quy định của pháp luật thì phải xác định cụ thể số cổ phần của mỗi người đại diện.

Người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức đương nhiên có quyền đại diện cho tổ chức đó hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội đồng cổ đông.

Điều 5. Ủy quyền tham dự Đại hội

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại Quy chế này.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự hoặc theo mẫu Giấy ủy quyền tham dự Đại hội của VIMC, phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

3. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với VIMC).

4. Việc cử người đại diện theo ủy quyền của tổ chức là cổ đông của VIMC thực hiện thêm các quy định tại Điều 20, 21 Điều lệ VIMC.

CHƯƠNG II:

QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN VÀ CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 6. Quyền của Cổ đông/người được ủy quyền khi tham dự Đại hội

1. Cổ đông/người được ủy quyền nhận hồ sơ tài liệu, giấy tờ phục vụ Đại hội tại bộ phận đón tiếp khi đăng ký tham dự Đại hội.

2. Cổ đông/người được ủy quyền có quyền thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Điều lệ VIMC, Luật Doanh nghiệp hiện hành và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

3. Cổ đông/người được ủy quyền đến sau khi Đại hội đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho Cổ đông/người được ủy quyền đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 7. Nghĩa vụ của Cổ đông/người được ủy quyền tham dự Đại hội

1. Cổ đông/người được ủy quyền tham dự Đại hội mang theo giấy tờ sau:

a. Thông báo mời tham dự Đại hội.

b. Giấy tờ tùy thân (Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Hộ chiếu còn hiệu lực) hoặc định danh điện tử mức độ 2 trên ứng dụng VneID.

c. Giấy ủy quyền trong trường hợp được ủy quyền bằng văn bản tham dự Đại hội. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với VIMC).

2. Cổ đông/người được ủy quyền chỉ được chính thức tham dự trực tiếp và biểu quyết tại Đại hội sau khi đã thực hiện đăng ký với Ban kiểm tra tư cách cổ đông/người được ủy quyền.

3. Cổ đông/người được ủy quyền khi vào phòng họp phải tuân thủ ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức Đại hội hướng dẫn.

4. Trong thời gian diễn ra Đại hội, Cổ đông/người được ủy quyền phải tuân thủ theo sự hướng dẫn, điều khiển của Chủ tọa, tôn trọng kết quả làm việc của Đại hội, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.

5. Không hút thuốc lá, không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc để chế độ không đồ chuông.

6. Cổ đông/người được ủy quyền có trách nhiệm tham dự Đại hội từ khi bắt đầu Đại hội cho đến khi kết thúc Đại hội. Trong trường hợp Cổ đông/người được ủy quyền vì lý do bất khả kháng phải rời khỏi cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội thì Cổ đông/người được ủy quyền truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu điện tử đối với các nội dung biểu quyết tại Đại hội.

Điều 8. Chủ tọa và Đoàn Chủ tọa

1. Đoàn Chủ tọa Đại hội gồm 05 người: Chủ tọa và 04 thành viên.

2. Chủ tịch HĐQT VIMC làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành đề ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

2. Quyền của Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

b. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác.

c. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản

tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

d. Hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp.
- Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho Cổ đông/người được uỷ quyền dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết.
- Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

3. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:

a. Điều hành các hoạt động của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo Chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

b. Hướng dẫn các Cổ đông/người được uỷ quyền và Đại hội thảo luận các nội dung có trong Chương trình.

c. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết.

d. Thông báo thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử trên hệ thống để Cổ đông/người được uỷ quyền thực hiện quyền của mình.

e. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.

f. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

4. Đoàn Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

Điều 9. Thư ký Đại hội

1. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký Đại hội.

2. Nhiệm vụ của Thư ký Đại hội:

a. Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội.

b. Tiếp nhận ý kiến đăng ký thảo luận của Cổ đông/người được uỷ quyền. Tổng hợp các ý kiến của Cổ đông/người được uỷ quyền trong quá trình diễn ra cuộc họp ĐHĐCĐ và gửi tới Đoàn Chủ tọa.

c. Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

d. Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo đến các cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ VIMC.

e. Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ tọa Đại hội.

Điều 10. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông

1. Hội đồng quản trị cử một hoặc một số người làm thành viên Ban kiểm tra tư cách cổ đông phục vụ Đại hội. Ban kiểm tra tư cách cổ đông của Đại hội gồm 05 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 04 thành viên.

2. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông:

a. Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.

b. Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình Cổ đông/người được uỷ quyền tham dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng Cổ đông/người được uỷ quyền đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành.

c. Tham gia kiểm phiếu các nội dung khác trước khi thành lập Ban kiểm phiếu.

Điều 11. Ban Kiểm phiếu

1. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa Đại hội.

2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:

a. Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết.

b. Kiểm và ghi nhận kết quả bỏ phiếu điện tử, lập Biên bản kiểm biểu quyết, công bố kết quả biểu quyết; chuyển Biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết.

c. Thông báo kết quả biểu quyết cho Thư ký Đại hội.

d. Bàn giao các biên bản kiểm phiếu và toàn bộ phiếu biểu quyết (nếu có) cho Ban tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ.

e. Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

f. Thực hiện các công việc khác theo yêu cầu hoặc phân công của Chủ tọa.

CHƯƠNG III:

TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 12. Chương trình Đại hội

1. Chương trình Đại hội phải được Đại hội thông qua ngay trong phần khai mạc Đại hội.

2. Trường hợp có sự thay đổi nội dung trong Chương trình họp đã được gửi kèm Thông báo mời họp cho các cổ đông thì các thay đổi phải được Đại hội thông nhất thông qua.

Điều 13. Thảo luận tại Đại hội

1. Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong Chương trình Đại hội.

2. Chỉ có Cổ đông/người được uỷ quyền mới được tham gia thảo luận.

3. Cổ đông/người được uỷ quyền giao tay khi cần phát biểu hoặc thảo luận, và chỉ được phát biểu khi Đoàn Chủ tọa đồng ý. Mỗi Cổ đông/người được uỷ quyền phát biểu không quá 03 phút, nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.

4. Cổ đông/người được uỷ quyền có ý kiến có thể đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định như sau:

a) Cổ đông/người được uỷ quyền có thể đặt câu hỏi tại mục Thảo luận trong giao diện tham dự đại hội thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử tại đường link www.ezgsn.fpts.com.vn hoặc gửi email về địa chỉ: info@vimc.co (trước giờ thảo luận). (Các câu hỏi là hợp lệ khi được gửi từ email đã đăng ký trong danh sách cổ đông do Tổng Công ty Lưu ký và Bảo chứng Khoán Việt Nam (“VSDC”) cung cấp hoặc từ email do Cổ đông đã đăng ký thông tin trong Giấy đăng ký dự họp/ uỷ quyền đã được gửi bản cứng về Công ty, hoặc được gửi từ hệ thống bỏ phiếu điện tử).

b) Ban Thư ký Đại hội sẽ tổng hợp, sắp xếp các nội dung thảo luận của Cổ đông/người được uỷ quyền và chuyển lên cho Chủ tọa.

5. Trên cơ sở nội dung thảo luận của Cổ đông/người được uỷ quyền, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của Cổ đông/người được uỷ quyền.

6. Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được VIMC trả lời sau.

Điều 14. Biểu quyết thông qua các nội dung tại Đại hội

1. Nguyên tắc

1.1 Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai.

1.2 Cổ đông thực hiện đăng ký tham dự tại địa điểm họp được ghi trong Thông báo mời họp đã gửi đến tất cả các cổ đông có tên trong danh sách chốt cổ đông ngày 16/03/2026 do VSDC cung cấp. Sau khi thực hiện đăng ký tham dự với Ban tổ chức đại hội, Cổ đông được cấp tài khoản và mật khẩu và/hoặc Mã QR Code để tiến hành đăng nhập và thực hiện biểu quyết tất cả các nội dung được đưa ra biểu quyết tại Đại hội theo hình thức bỏ phiếu điện tử tại đường link: www.ezgsn.fpts.com.vn.

1.3 Khi phát hiện thấy tên đăng nhập, mật khẩu và/hoặc yếu tố định danh khác bị mất, đánh cắp, bị lộ, hoặc nghi bị lộ, Cổ đông phải thông báo ngay cho Ban tổ chức để kịp thời thực hiện khóa tên truy cập, thiết bị bảo mật. Cổ đông phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại, tổn thất và rủi ro xảy ra do lỗi của Cổ đông.

2. Bỏ phiếu điện tử

2.1 Cách thức bỏ phiếu biểu quyết: Cổ đông/người được uỷ quyền chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết “Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến” với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử. Sau đó, Cổ đông/người được uỷ quyền tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

2.2 Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử:

a) Trong trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chương trình đại hội đã gửi, Cổ đông/người được uỷ quyền có thể biểu quyết bổ sung. Nếu Cổ đông/người được uỷ quyền không thực hiện biểu quyết với những vấn đề phát sinh thì xem như Cổ đông/người được uỷ quyền không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết vấn đề phát sinh đó.

b) Cổ đông/người được uỷ quyền có thể thay đổi kết quả biểu quyết (nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết); bao gồm cả kết quả biểu quyết bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Đại hội. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong quy chế làm việc của đại hội.

c) Thời gian bỏ phiếu điện tử cho các vấn đề cần được biểu quyết tại Đại hội (gồm Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội; Nhân sự Đại hội; Báo cáo và các Tờ trình, Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ): Cổ đông/người được uỷ quyền thực hiện biểu quyết từ lúc hoàn tất thủ tục đăng ký dự họp đến trước khi Đoàn Chủ tọa hoặc Ban kiểm tra tư cách cổ đông thông báo kết thúc thời gian bỏ phiếu điện tử cho các nội dung biểu quyết.

Kết thúc thời gian bỏ phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ Cổ đông/người được uỷ quyền.

3. Thẻ lệ biểu quyết

a) Cứ 01 (một) cổ phần phổ thông tương đương với một phiếu biểu quyết. Mỗi Cổ đông/người được uỷ quyền tham dự đại diện cho một hoặc nhiều phiếu biểu quyết.

b) Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 16/03/2026) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty là: **1.200.588.000 cổ phần** tương đương với **1.200.588.000 phiếu biểu quyết**.

c) Các vấn đề cần biểu quyết tại Đại hội chỉ được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông/người được uỷ quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành. Riêng các nội dung biểu quyết được quy định tại Khoản 1 Điều 29 Điều lệ Công ty được thông qua nếu được số Cổ đông/người được uỷ quyền đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả Cổ đông/người được uỷ quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

Lưu ý: Cổ đông/người được uỷ quyền có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị

tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; các hợp đồng hoặc giao dịch này chỉ được chấp thuận khi có số Cổ đông/người được uỷ quyền sở hữu từ 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành (theo Khoản 4, Điều 167, Luật Doanh nghiệp 2020).

Điều 15. Kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu

1. Việc biểu quyết được tiến hành thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử do Ban tổ chức quy định. Hệ thống bỏ phiếu điện tử sẽ tự động thống kê, tổng hợp số phiếu Tán thành, Không tán thành và Không có ý kiến.

2. Ban Kiểm phiếu kiểm tra kết quả bỏ phiếu điện tử và phiếu biểu quyết do cổ đông gửi đến để tổng hợp kết quả biểu quyết; hoàn thiện Biên bản kiểm phiếu.

3. Kết quả biểu quyết được Ban Kiểm phiếu công bố ngay tại Đại hội.

Điều 16. Biên bản họp, Nghị quyết Đại hội

1. Biên bản họp, Nghị quyết Đại hội phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

2. Biên bản họp, Nghị quyết Đại hội sẽ được công bố thông tin và đăng tải trên trang thông tin điện tử (website) của VIMC theo quy định.

CHƯƠNG IV:

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này gồm 4 chương, 17 điều, có hiệu lực ngay tại thời điểm được Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP thông qua.

2. Đoàn Chủ tọa chịu trách nhiệm điều hành Đại hội theo các điều khoản tại Quy chế này.

3. Các Cổ đông/người được uỷ quyền và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Quy chế này.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA



Nguyễn Cảnh Tĩnh

**NGHỊ QUYẾT
CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CỦA TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các Luật sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các Luật sửa đổi, bổ sung Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (VIMC) ngày 15/4/2026,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị (“HĐQT”) về Kết quả hoạt động năm 2025, Kế hoạch hoạt động năm 2026 (theo Báo cáo số 514/BC-ĐHĐCĐ ngày 14/4/2026 của HĐQT VIMC).

Điều 2. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát (“BKS”) về Kết quả giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, giám sát HĐQT và Tổng giám đốc VIMC năm 2025 (theo Báo cáo số 515/BC-ĐHĐCĐ ngày 14/4/2026 của BKS VIMC).

Điều 3. Thông qua Báo cáo tự đánh giá Kết quả thực hiện nhiệm vụ của Kiểm soát viên và BKS năm 2025, Phương hướng hoạt động năm 2026 (theo Báo cáo số 516/BC-ĐHĐCĐ ngày 14/4/2026 của BKS VIMC).

Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính Hợp nhất; Báo cáo tài chính riêng của VIMC năm 2025 đã được kiểm toán (theo Tờ trình số 517/TTr-ĐHĐCĐ ngày 14/4/2026 của HĐQT VIMC).

Điều 5. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024, năm 2025 của VIMC (theo Tờ trình số 518/TTr-ĐHĐCĐ ngày 14/4/2026 của HĐQT VIMC).

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024:

Chỉ tiêu	Số tiền (VNĐ)	Ghi chú
Lợi nhuận sau thuế 2024 sau khi trích lập quỹ KT,PT, NQL	1.294.118.857.178	
Trích quỹ đầu tư phát triển	403.723.904.174	Trích 29,83% LNST năm 2024
Lợi nhuận còn lại thực hiện theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền	890.394.953.004	

2. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025:

STT	Nội dung	Số tiền (VNĐ)	Tỷ lệ/LNST được phân phối	Ghi chú
1	Lợi nhuận trước thuế	671.553.523.320		
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2025	671.553.523.320		
3	Điều chỉnh LNST không phân phối	26.160.161.760		Theo quy định tại điểm đ Khoản 1 tài khoản 421 mục B phụ lục số II Thông tư 99/2025/TT-BTC
	Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối năm	26.160.161.760		Theo TM BCTC riêng trang 46
4	Tổng lợi nhuận sau thuế được phân phối (4)=(2)-(3)	645.393.361.560		
4.1	Trích quỹ Đầu tư phát triển	322.696.680.780	50,00%	Trích 50% LNST được PP
4.2	Trích quỹ Khen thưởng, phúc lợi	56.951.795.544	8,82%	Trích tối đa 3 tháng tiền lương bình quân theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Luật số 68
5	Lợi nhuận được phân phối còn lại sau khi trích lập Quỹ KTPL	265.744.885.236		
6	Lợi nhuận sau thuế để lại thực hiện theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền	291.905.046.996		

Điều 6. Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của VIMC (theo Tờ trình số 519/TTr-ĐHĐCD ngày 14/4/2026 của HĐQT VIMC).

1. Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2025	KH 2026	KH 2026/ TH 2025
Sản lượng vận tải biển	Triệu tấn	21,5	23,78	110,5%
Sản lượng cảng biển	Triệu tấn	161,9	180,1	111%
HỢP NHẤT				
Doanh thu	Tỷ đồng	20.546	22.186	108%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	3.239	3.236	100%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	2.642	2.589	98%
CÔNG TY MẸ				
Sản lượng	Triệu tấn	3,6	4,2	117%
Doanh thu	Tỷ đồng	5.848	6.432,8	110%
Lợi nhuận kế toán sau thuế	Tỷ đồng	672	739,2	110%

2. Kế hoạch đầu tư của Công ty mẹ VIMC

- Kế hoạch đầu tư phát triển đội tàu: đầu tư 02 tàu hàng rời, trọng tải khoảng 56.000 DWT/tàu.

- Kế hoạch đầu tư khác của Công ty mẹ VIMC năm 2026 là 92,455 tỷ đồng, trong đó, các dự án chuyển tiếp là 61,455 tỷ đồng, các dự án đầu tư mới là 31 tỷ đồng.

+ Các dự án đã có chủ trương/quyết định đầu tư: 04/13 dự án, kế hoạch đầu tư là 60,455 tỷ đồng, chiếm 65,4% kế hoạch đầu tư năm 2026.

+ Các dự án chuẩn bị đầu tư (giá trị thực hiện đầu tư sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt): 09/13 dự án, kế hoạch đầu tư là 32 tỷ đồng, chiếm 34,6% kế hoạch đầu tư năm 2026.

3. Kế hoạch góp vốn/đầu tư vốn của Công ty mẹ VIMC

- Góp vốn thành lập liên doanh triển khai Dự án Cảng Cần Giờ với tỷ lệ Bên Việt Nam là 51% vốn điều lệ (VIMC 36%, Cảng Sài Gòn 15%) và Bên nước ngoài (TiL) là 49% vốn điều lệ. Việc góp vốn sẽ được phân kỳ cụ thể cho từng năm để đảm bảo nguồn vốn đối ứng hoạt động của liên doanh.

- Góp vốn để thành lập liên doanh triển khai, phát triển dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường hàng không.

- Nghiên cứu, đầu tư mua lại 01 nhà máy đóng tàu/ sửa chữa tàu phục vụ cho đầu tư phát triển đội tàu của VIMC, phát triển dịch vụ sửa chữa đội tàu.

- Dự kiến tài chính góp vào Cảng Quy Nhơn đối với phần lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.

Tổng giá trị giải ngân góp vốn dự kiến năm 2026 vào khoảng trên 510 tỷ đồng (giá trị thực tế theo tiến độ góp vốn của từng dự án).

Điều 7. Thông qua Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2025 và kế hoạch tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2026 của HĐQT, BKS VIMC (theo Tờ trình số 521/TTr-ĐHĐCĐ ngày 14/4/2026 của HĐQT VIMC).

Quỹ tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2025:

HĐQT gồm 04 thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách và 01 thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm (thành viên HĐQT kiêm TGD). BKS gồm 03 thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách.

- Tổng quỹ tiền lương HĐQT, BKS: 7.979 triệu đồng; tiền lương bình quân: 94,99 triệu đồng/người/tháng. Trong đó:

+ Quỹ tiền lương HĐQT: 5.175,4 triệu đồng.

+ Quỹ tiền lương BKS: 2.803,6 triệu đồng.

- Quỹ thù lao thành viên HĐQT kiêm nhiệm: 244,8 triệu đồng/năm.

- Thực hiện phân phối theo Quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng đối với Người quản lý, Ban Kiểm soát VIMC.

Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2026 của HĐQT, BKS:

HĐQT gồm 04 thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách và 01 thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm (thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc). BKS gồm 03 thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách.

- Tổng quỹ tiền lương HĐQT, BKS (không bao gồm Tổng giám đốc): 8.208 triệu đồng; tiền lương bình quân: 97,71 triệu đồng/người/tháng.

- Quỹ thù lao thành viên HĐQT kiêm nhiệm: 240 triệu đồng.

Thực hiện phân phối theo Quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng đối với Người quản lý, BKS VIMC.

Điều 8. Thông qua Danh sách công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của VIMC (theo Tờ trình số 522/TTr-ĐHĐCĐ ngày 14/4/2026 của BKS VIMC).

Danh sách các công ty kiểm toán đề xuất:

- Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam.

- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

- Công ty TNHH PwC (Việt Nam).

- Công ty TNHH KPMG.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT VIMC quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của VIMC đảm bảo chất lượng, hiệu quả với chi phí hợp lý theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 9. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ VIMC (theo Tờ trình số 523/TTr-ĐHĐCĐ ngày 14/4/2026 của Hội đồng quản trị VIMC).

Điều 10. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty (theo Tờ trình số 523/TTr-ĐHĐCĐ ngày 14/4/2026 của HĐQT VIMC).

Điều 11. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của HĐQT VIMC (theo Tờ trình số 523/TTr-ĐHĐCĐ ngày 14/4/2026 của HĐQT VIMC).

Điều 12. Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát VIMC (theo Tờ trình số 524/TTr-ĐHĐCĐ ngày 14/4/2026 của BKS VIMC).

Điều 13. Đối với việc góp vốn thành lập liên doanh đầu tư Dự án cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ (theo Báo cáo số 520/BC-ĐHĐCĐ ngày 14/4/2026 của HĐQT VIMC):

Trong quá trình triển khai thực hiện, HĐQT tiếp tục báo cáo Đại hội đồng cổ đông tình hình thực hiện Dự án và xin ý kiến các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP giao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP triển khai thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Cổ đông VIMC (qua website);
- HNX (để CBTT);
- HĐQT, BKS VIMC (để t/hiện);
- Lưu: VT, TKTH.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA



Nguyễn Cảnh Tĩnh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2026

BIÊN BẢN

CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026 CỦA TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP

Hôm nay, vào hồi 09h00 ngày 15/4/2026 tại phòng họp tầng 3, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội đã tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (Đại hội), mã số doanh nghiệp: 0100104595, theo hình thức họp trực tiếp, bỏ phiếu biểu quyết điện tử.

A. THÀNH PHẦN THAM DỰ

1. Các cổ đông theo danh sách cổ đông của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (VIMC) chốt tại thời điểm ngày 16/3/2026.
2. Các thành viên Hội đồng quản trị VIMC (HĐQT); các thành viên Ban Kiểm soát VIMC (BKS); Ban Điều hành VIMC; Chủ tịch Công đoàn Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.
3. Đại diện Lãnh đạo Bộ Tài chính - cổ đông nhà nước.
4. Các khách mời của VIMC.
5. Đại diện các cơ quan thông tấn báo chí.

B. KHAI MẠC ĐẠI HỘI, BÁO CÁO KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG, THÔNG QUA QUY CHẾ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

1. Khai mạc Đại hội

Ông Trần Tuấn Hải - Trưởng Ban Thư ký Tổng hợp (TKTH) Tổng công ty tuyên bố lý do, giới thiệu cổ đông, đại biểu và khai mạc Đại hội.

2. Báo cáo Kết quả kiểm tra tư cách cổ đông

Đại diện Ban Kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông lập lúc 09h00 ngày 15/4/2026, cụ thể như sau:

- Tổng số cổ đông của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP chốt tại thời điểm ngày 16/3/2026 là 1.055 cổ đông, đại diện cho 1.200.588.000 cổ phần.

- Tổng số cổ đông tham dự Đại hội (bao gồm cổ đông tham dự và đại diện cổ đông được ủy quyền tham dự) là 34 cổ đông, đại diện cho 1.199.346.928 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 99,90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ VIMC, Đại hội với số lượng, thành phần cổ đông tham dự như trên là hợp lệ, đủ điều kiện để tiến hành Đại hội.

3. Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội

Ông Trần Tuấn Hải - Trưởng Ban TKTH Tổng công ty trình bày trước Đại hội về dự thảo Quy chế tổ chức Đại hội, hướng dẫn sử dụng phần mềm biểu quyết điện tử tại Đại hội, 100% cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội thống nhất thông qua Quy chế tổ chức Đại hội.

C. GIỚI THIỆU ĐOÀN CHỦ TỌA, BAN THƯ KÝ VÀ THÔNG QUA DANH SÁCH BAN KIỂM PHIẾU, CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI

1. Giới thiệu Đoàn Chủ tọa

Ban Tổ chức Đại hội giới thiệu Đoàn Chủ tọa Đại hội bao gồm:

- Ông Nguyễn Cảnh Tĩnh - Chủ tịch HĐQT VIMC - Chủ tọa Đại hội
- Ông Lê Anh Sơn - Thành viên HĐQT, TGD VIMC
- Ông Đỗ Hùng Dương - Thành viên HĐQT VIMC
- Ông Nguyễn Đình Chung - Thành viên HĐQT VIMC
- Ông Đỗ Tiến Đức - Thành viên HĐQT VIMC

2. Giới thiệu Đoàn Thư ký

Chủ tọa Đại hội giới thiệu Đoàn Thư ký bao gồm:

- Bà Nguyễn Thị Hà Trang - Chuyên viên Ban TKTH, Trưởng Đoàn Thư ký
- Bà Vũ Lan Phương - Chuyên viên Ban TKTH, Thành viên

3. Thông qua danh sách Ban Kiểm phiếu

Đại hội giới thiệu danh sách nhân sự dự kiến của Ban Kiểm phiếu gồm 03 người, 100% cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội đã thống nhất thông qua danh sách Ban Kiểm phiếu, bao gồm:

- Ông Đỗ Đức Duy - Q. Chánh văn phòng Đảng ủy Tổng công ty, Trưởng Ban Kiểm phiếu
- Bà Kiều Việt Hà - Chuyên viên Ban PC&QTRR, Thành viên
- Bà Nguyễn Thị Minh Ngọc - Chuyên viên Ban TKTH, Thành viên

4. Thông qua Chương trình Đại hội

Sau khi nghe giới thiệu Chương trình Đại hội, Đại hội đã tiến hành biểu quyết với 100% cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội thống nhất thông qua Chương trình Đại hội.

D. DIỄN BIẾN ĐẠI HỘI

1. Báo cáo của HĐQT về quản trị và Kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT năm 2025, Kế hoạch năm 2026

Ông Đỗ Hùng Dương - Thành viên HĐQT VIMC trình bày trước Đại hội Báo cáo của HĐQT về Kết quả hoạt động năm 2025 và Kế hoạch hoạt động năm 2026 của HĐQT VIMC.

2. Báo cáo của BKS về Kết quả giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, giám sát HĐQT và Tổng giám đốc năm 2025

Ông Lương Đình Minh - Trưởng BKS VIMC trình bày trước Đại hội Báo cáo của BKS về Kết quả giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của VIMC, giám sát HĐQT và Tổng giám đốc năm 2025.

3. Báo cáo tự đánh giá Kết quả thực hiện nhiệm vụ của Kiểm soát viên và BKS năm 2025, Phương hướng hoạt động năm 2026

Ông Lương Đình Minh - Trưởng BKS VIMC trình bày trước Đại hội Báo cáo của BKS tự đánh giá Kết quả thực hiện nhiệm vụ của Kiểm soát viên và BKS năm 2025, Phương hướng hoạt động năm 2026.

4. Trình Đại hội Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán

Ông Lê Duy Dương - Trưởng Ban Tài chính Kế toán VIMC trình bày trước Đại hội Trình bày về Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán.

Một số chỉ tiêu chính theo Báo cáo tài chính năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

A	Bảng Cân đối kế toán	Tại 31/12/2025	Tại 31/12/2024
I	Tổng tài sản	15.863.637.082.426	14.412.914.827.217
1	Tài sản ngắn hạn	3.927.540.898.921	2.222.671.378.674
2	Tài sản dài hạn	11.936.096.183.505	12.190.243.448.543
II	Tổng nguồn vốn	15.863.637.082.426	14.412.914.827.217
1	Nợ phải trả	1.850.009.408.346	1.011.422.551.457
2	Vốn chủ sở hữu	14.013.627.674.080	13.401.492.275.760

B	Kết quả hoạt động kinh doanh	Năm 2025	Năm 2024
1	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	54.274.983.872	192.885.296.483
2	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	330.720.987.868	393.406.540.554
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	671.553.523.320	1.353.536.982.178
4	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	671.553.523.320	1.353.536.982.178

C	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	Năm 2025	Năm 2024
1	Lợi nhuận trước thuế	671.553.523.320	1.353.536.982.178
2	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(197.686.062.801)	205.778.519.391
3	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	368.550.394.735	(97.957.522.738)
4	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	-	(286.998.125.997)
5	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	170.864.331.934	(179.177.129.344)
6	Tiền và tương đương tiền đầu năm	322.930.807.932	480.875.972.938
7	Tiền và tương đương tiền cuối năm	512.555.597.110	322.930.807.932

5. Trình Đại hội Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024, năm 2025 của VIMC

Ông Lê Duy Dương - Trưởng Ban Tài chính Kế toán VIMC trình bày trước Đại hội về Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024, năm 2025 của VIMC.

Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 chưa thực hiện như sau:

Chỉ tiêu	Số tiền (VNĐ)	Ghi chú
Lợi nhuận sau thuế 2024 sau khi trích lập quỹ KT,PT, NQL	1.294.118.857.178	
Trích quỹ đầu tư phát triển	403.723.904.174	Trích 29,83% LNST năm 2024
Lợi nhuận còn lại thực hiện theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền	890.394.953.004	

Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025 như sau:

STT	Nội dung	Số tiền (VNĐ)	Tỷ lệ/LNST được phân phối	Ghi chú
1	Lợi nhuận trước thuế	671.553.523.320		
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2025	671.553.523.320		
3	Điều chỉnh LNST không phân phối	26.160.161.760		Theo quy định tại điểm đ Khoản 1 tài khoản 421 mục B phụ lục số II Thông tư

STT	Nội dung	Số tiền (VNĐ)	Tỷ lệ/LNST được phân	Ghi chú
				99/2025/TT-BTC
	Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối năm	26.160.161.760		Theo TM BCTC riêng trang 46
4	Tổng lợi nhuận sau thuế được phân phối (4)=(2)-(3)	645.393.361.560		
4.1	Trích quỹ Đầu tư phát triển	322.696.680.780	50,00%	Trích 50% LNST được PP
4.2	Trích quỹ Khen thưởng, phúc lợi	56.951.795.544	8,82%	Trích tối đa 3 tháng tiền lương bình quân theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Luật số 68
5	Lợi nhuận được phân phối còn lại sau khi trích lập Quỹ KTPL	265.744.885.236		
6	Lợi nhuận sau thuế để lại thực hiện theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền	291.905.046.996		

6. Trình Đại hội Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của VIMC

Ông Lê Anh Sơn - Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc VIMC trình bày trước Đại hội Tờ trình về Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của VIMC.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025:

CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2025	TH 2025	So sánh	
				TH 2025/ TH 2024	TH 2025/ KH 2025
Sản lượng vận tải biển	Triệu Tấn	21,1	21,5	111%	102%
Sản lượng cảng biển	Triệu Tấn	158,3	161,9	112%	102,3%
HỢP NHẤT					
Doanh thu	Tỷ đồng	20.793	20.546	107%	99%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	3.076	3.239	103%	105%

CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2025	TH 2025	So sánh	
				TH 2025/ TH 2024	TH 2025/ KH 2025
CÔNG TY MẸ					
Doanh thu	Tỷ đồng	3.849	5.848	185%	152%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	409	672	50%	164%

Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2026:

a. Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026:

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2025	KH 2026	KH 2026/ TH 2025
Sản lượng vận tải biển	Triệu tấn	21,5	23,78	110,5%
Sản lượng cảng biển	Triệu tấn	161,9	180,1	111%
HỢP NHẤT				
Doanh thu	Tỷ đồng	20.546	22.186	108%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	3.239	3.236	100%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	2.642	2.589	98%
CÔNG TY MẸ				
Sản lượng	Triệu tấn	3,6	4,2	117%
Doanh thu	Tỷ đồng	5.848	6.432,8	110%
Lợi nhuận kế toán sau thuế	Tỷ đồng	672	739,2	110%

b. Kế hoạch đầu tư của Công ty mẹ VIMC:

- Kế hoạch đầu tư phát triển đội tàu: đầu tư 02 tàu hàng rời, trọng tải khoảng 56.000 DWT/tàu.

- Kế hoạch đầu tư khác của Công ty mẹ VIMC năm 2026 là 92,455 tỷ đồng, trong đó, các dự án chuyển tiếp là 61,455 tỷ đồng, các dự án đầu tư mới là 31 tỷ đồng.

+ Các dự án đã có chủ trương/quyết định đầu tư: 04/13 dự án, kế hoạch đầu tư là 60,455 tỷ đồng, chiếm 65,4% kế hoạch đầu tư năm 2026.

+ Các dự án chuẩn bị đầu tư (giá trị thực hiện đầu tư sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt): 09/13 dự án, kế hoạch đầu tư là 32 tỷ đồng, chiếm 34,6% kế hoạch đầu tư năm 2026.

c. Kế hoạch góp vốn/đầu tư vốn của Công ty mẹ VIMC:

- Góp vốn thành lập liên doanh triển khai Dự án Cảng Cần Giờ với tỷ lệ Bên Việt Nam là 51% vốn điều lệ (VIMC 36%, Cảng Sài Gòn 15%) và Bên nước ngoài (TiL) là 49% vốn điều lệ. Việc góp vốn sẽ được phân kỳ cụ thể cho từng năm để đảm bảo nguồn vốn đối ứng hoạt động của liên doanh.

- Góp vốn để thành lập liên doanh triển khai, phát triển dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường hàng không.

- Nghiên cứu, đầu tư mua lại 01 nhà máy đóng tàu/ sửa chữa tàu phục vụ cho đầu tư phát triển đội tàu của VIMC, phát triển dịch vụ sửa chữa đội tàu.

- Dự kiến tài chính góp vào Cảng Quy Nhơn đối với phần lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.

Tổng giá trị giải ngân góp vốn dự kiến năm 2026 vào khoảng trên 510 tỷ đồng (giá trị thực tế theo tiến độ góp vốn của từng dự án).

7. Báo cáo Đại hội về việc góp vốn thành lập Liên doanh đầu tư Dự án Cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ

Ông Lý Quang Thái - Trưởng Ban Đầu tư VIMC trình bày trước Đại hội Báo cáo về việc góp vốn thành lập Liên doanh đầu tư Dự án Cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ.

Trong quá trình triển khai thực hiện, HĐQT sẽ tiếp tục báo cáo Đại hội tình hình thực hiện Dự án và xin ý kiến các vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội theo quy định.

8. Trình Đại hội về Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2025; Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2026 của HĐQT, BKS

Ông Nguyễn Đình Chung - Thành viên HĐQT trình bày trước Đại hội Tờ trình về Quyết toán Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2025; Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2026 của HĐQT, BKS.

Quỹ tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS thực hiện năm 2025:

HĐQT gồm 04 thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách và 01 thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm (thành viên HĐQT kiêm TGD). BKS gồm 03 thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách.

- Tổng quỹ tiền lương HĐQT, BKS: 7.979 triệu đồng; tiền lương bình quân: 94,99 triệu đồng/người/tháng. Trong đó:

+ Quỹ tiền lương HĐQT: 5.175,4 triệu đồng.

+ Quỹ tiền lương BKS: 2.803,6 triệu đồng.

- Quỹ thù lao thành viên HĐQT kiêm nhiệm: 244,8 triệu đồng/năm.

- Thực hiện phân phối theo Quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng đối với Người quản lý, Ban Kiểm soát VIMC.

Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2026 của HĐQT, BKS:

HDQT gồm 04 thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách và 01 thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm (thành viên HDQT kiêm Tổng giám đốc). BKS gồm 03 thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách.

- Tổng quỹ tiền lương HDQT, BKS (không bao gồm Tổng giám đốc): 8.208 triệu đồng; tiền lương bình quân: 97,71 triệu đồng/người/tháng.

- Quỹ thù lao thành viên HDQT kiêm nhiệm: 240 triệu đồng.

Thực hiện phân phối theo Quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng đối với Người quản lý, BKS VIMC.

9. Trình Đại hội về Danh sách công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của VIMC

Bà Phan Thị Nhị Hà - Thành viên BKS VIMC trình bày trước Đại hội Tờ trình về Danh sách công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của VIMC.

Các tiêu thức lựa chọn công ty kiểm toán độc lập:

a. Là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín, thương hiệu, được nhiều công ty đại chúng tin cậy, có đội ngũ kiểm toán viên trình độ cao và nhiều kinh nghiệm;

b. Là công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Bộ Tài chính chấp thuận kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng, lựa chọn đơn vị kiểm toán hàng đầu trong danh sách các công ty kiểm toán đủ tiêu chuẩn do Bộ Tài chính công bố để thực hiện kiểm toán và soát xét các Báo cáo tài chính năm 2026 của VIMC.

c. Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, chất lượng, tiến độ kiểm toán của VIMC.

d. Cung cấp khoá học đào tạo về chuyên ngành tài chính kế toán miễn phí cho VIMC.

Danh sách các công ty kiểm toán đề xuất:

- Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam.
- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.
- Công ty TNHH PwC (Việt Nam).
- Công ty TNHH KPMG.

Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền cho HDQT VIMC quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của VIMC đảm bảo chất lượng, hiệu quả với chi phí hợp lý theo đúng quy định của pháp luật.

10. Trình Đại hội về Sửa đổi, bổ sung Điều lệ VIMC, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của HDQT VIMC

Ông Đỗ Tiến Đức - Thành viên HĐQT VIMC trình bày trước Đại hội Tờ trình về Sửa đổi, bổ sung Điều lệ VIMC, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT VIMC.

11. Trình Đại hội về Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của BKS VIMC

Bà Phan Thị Nhị Hà - Thành viên BKS VIMC trình bày trước Đại hội Tờ trình về Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của BKS.

12. Thảo luận, đóng góp ý kiến đối với nội dung các Báo cáo, Tờ trình đã trình bày nêu trên

Ông Nguyễn Cảnh Tinh - Chủ tịch HĐQT VIMC đề nghị các cổ đông thảo luận và đóng góp ý kiến đối với các Báo cáo, Tờ trình đã trình bày nêu trên.

Ý kiến của các cổ đông:

**** Cổ đông Trần Đức Quỳnh (mã cổ đông: MVN.000777) có ý kiến:***

- Đề nghị Ban Lãnh đạo VIMC đánh giá mức độ ảnh hưởng của căng thẳng Trung Đông leo thang tới cước vận tải container.

- Việc tăng chi phí nhiên liệu, chi phí bảo hiểm, chi phí khác,... ảnh hưởng bao nhiêu % vào giá cước?

- Dự kiến doanh thu, lợi nhuận của khối Vận tải biển năm 2026 dưới các áp lực Tổng giám đốc vừa đã trình bày?

- Kế hoạch đối phó với áp lực dư cung mảng Vận tải biển trong thời gian tới.

Tổng giám đốc VIMC giải đáp:

- Giá cước vận tải container hiện vẫn tốt, căng thẳng Trung Đông leo thang ảnh hưởng chủ yếu đến giá nhiên liệu và các hãng tàu tính thêm phụ phí bù đắp. Tuy nhiên, khi xảy ra tình trạng dư cung do Biển Đỏ mở trở lại thì giá cước sẽ giảm.

- Mức tăng giá cước không thể cao bằng mức tăng chi phí. Để đối phó với những thách thức này, chúng tôi buộc phải định tuyến lại, tìm kiếm các hợp đồng có tính khả thi tốt hơn, linh hoạt các hình thức khai thác nhằm đảm bảo giảm thua lỗ khi chi phí tăng vọt. Bên cạnh đó, chúng tôi cân nhắc trong việc lựa chọn thời điểm phù hợp để đầu tư tàu.

- Về Doanh thu, Lợi nhuận khối Vận tải biển: Doanh thu vẫn trong tầm kiểm soát, về Lợi nhuận khối Vận tải biển - chiếm khoảng 1/3 tổng lợi nhuận của VIMC nên vấn đề kiểm soát chi phí, linh hoạt các phương thức khai thác, ... đặc biệt cần xem xét để đảm bảo Lợi nhuận khối Vận tải biển năm nay vẫn đạt được nhưng khả năng không thể đạt được bằng năm 2025. Tuy nhiên, theo tính toán, tổng Lợi nhuận toàn VIMC sẽ không giảm so với năm 2025 nhờ tăng trưởng khối Cảng biển.

*** Cổ đông Hà Thị Thanh (MVN.000108) có ý kiến:**

- Đề nghị Đoàn Chủ tọa cho biết tình hình hoạt động của Dự án bến 3, 4 Cảng Lạch Huyện.

Chủ tịch HĐQT VIMC giải đáp:

Cảng Lạch Huyện bến 3, 4 được đầu tư và xây dựng bởi CTCP Cảng Hải Phòng - Công ty con của VIMC. Hiện đã thành lập liên doanh giữa VIMC và MSC là 1 trong các tập đoàn hàng tàu lớn nhất thế giới để khai thác. Dự án đã đi vào hoạt động từng phần theo đúng kế hoạch. Đến nay, sau hơn 01 năm hoạt động, các chỉ tiêu kết quả hoạt động kinh doanh, hoạt động khai thác đều có hiệu quả, đạt và vượt so với kế hoạch đã tính toán.

*** Cổ đông Nguyễn Thị Kim Ngân (mã cổ đông: MVN.000512) có ý kiến:**

- Đề nghị Công ty chia sẻ về kế hoạch giảm tỷ lệ sở hữu ở các công ty con đang không đáp ứng điều kiện về cơ cấu cổ đông của công ty đại chúng (tỷ lệ cổ phần do cổ đông không phải cổ đông lớn nắm giữ dưới 10%), liệu có đầy mạnh thực hiện trong năm 2026 không hay còn có vướng mắc gì?

- Các kế hoạch đầu tư cảng lớn như Liên Chiểu và Cần Giờ có gia tăng áp lực dư cung trong dài hạn của ngành cảng biển Việt Nam không? Đề nghị Công ty chia sẻ về lợi thế cạnh tranh của các dự án cảng lớn như Lạch Huyện, Liên Chiểu, Cần Giờ bên cạnh lợi thế của khách hàng lớn là MSC?

Chủ tịch HĐQT VIMC giải đáp:

- Về việc không đáp ứng đủ điều kiện về cơ cấu cổ đông của công ty đại chúng, đây là vướng mắc chung của nhiều công ty. Trước hết, theo quy định của pháp luật là phải tuân thủ, HĐQT VIMC đã chỉ đạo các Ban chuyên môn rà soát quy định của pháp luật để thực hiện đúng và có giải pháp xử lý. Hiện VIMC đã xây dựng Kế hoạch cơ cấu lại các doanh nghiệp có vốn góp giai đoạn 2026-2030 đề trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Tại Đại hội này chưa thể công bố cụ thể, nhưng VIMC sẽ thực hiện thoái vốn tại một số doanh nghiệp đảm bảo phù hợp với chiến lược phát triển của VIMC, vừa để huy động nguồn lực tập trung phát triển các mũi nhọn mới, vừa để DNNN tập trung vào lĩnh vực cốt lõi, đồng thời để xử lý vấn đề như Quý cổ đông quan tâm. Danh mục cơ cấu lại vốn tại các doanh nghiệp sẽ được VIMC trình cơ quan có thẩm quyền trong thời gian sớm nhất, trong đó một số doanh nghiệp cảng biển sẽ giảm tỷ lệ để đáp ứng điều kiện công ty đại chúng.

- Đối với các dự án đầu tư cảng biển lớn, mỗi dự án đã được tính toán kỹ lưỡng từ khi phê duyệt dự án. Đây là các dự án hạ tầng giá trị cao, thời gian khai thác kéo dài và nằm trong chiến lược tổng thể phát triển kinh tế xã hội, phát triển kinh tế biển Việt Nam. Theo thống kê về hàng hóa thông qua cảng biển thì Việt Nam có tốc độ tăng trưởng rất lớn (trung bình 15-17%/năm), so sánh đến hạ tầng cảng biển hiện tại, việc đầu tư cảng biển tại các khu vực trọng điểm vẫn nằm trong xu thế tích cực. Ngoài ra, việc xây dựng cảng mới ở khu vực nước sâu, đón được tàu lớn hơn còn là đón đầu xu hướng dịch chuyển, di dời cảng biển từ sâu

trong nội địa, ... Đặc biệt, các cảng như Cần Giờ, Lạch Huyện đã hợp tác liên doanh với hãng tàu MSC lớn nhất thế giới, đây là lợi thế của VIMC. Khi cảng Cần Giờ được hoàn thành và đưa vào khai thác, sẽ xác lập sản lượng hàng trung chuyển cao tại đây và không bị xung đột cạnh tranh trong khu vực.

**** Cổ đông Cao Ngọc Quân (mã cổ đông: MVN.001064) có ý kiến:***

- Cảng biển của VIMC đều nằm ở khu vực trọng điểm của Việt Nam, nằm trong khu thương mại tự do và có tiềm năng tăng trưởng lớn. Khi các chính sách về khu thương mại tự do này đi vào thực tiễn có đóng góp vào triển vọng dài hạn của VIMC không?

- Đề nghị cập nhật tiến độ dự án Lạch Huyện giai đoạn 2. VIMC có kế hoạch tham gia nghiên cứu đầu tư Bến 13, 14 Lạch Huyện không?

Tổng giám đốc VIMC giải đáp:

- Khu thương mại tự do không ảnh hưởng nhiều đến hoạt động cảng biển của VIMC, do mặt hàng tạm nhập, tái xuất ở Việt Nam đang ở quy mô nhỏ.

- Bến 3,4 Lạch Huyện đã cơ bản đi vào hoạt động, hiện chỉ còn hiệu chỉnh thêm tại một số khu vực. Kết quả kinh doanh hy vọng đạt mức cân bằng trong năm nay (sớm hơn rất nhiều so với kế hoạch).

Hiện tại, Cảng Hải Phòng nắm 51% tại liên doanh HTIT, hoàn toàn dùng AI để điều tiết hàng hóa và hỗ trợ hãng tàu, năng suất xếp dỡ thuộc top châu Á, vượt các cảng hiện hữu cả trong khu vực và so với khu vực Vũng Tàu. Trước đây VIMC có cảng CMIT là 1 trong top 20 cảng tốt nhất tại Việt Nam. Hiện HTIT cũng đạt top 1 Việt Nam về năng suất và chúng tôi phấn đấu duy trì vị trí dẫn đầu trong thời gian dài nhất có thể.

Bến 13, 14 Lạch Huyện là câu chuyện của 10 năm nữa. Hiện Nhà nước cũng chưa mở chính sách cho đấu thầu, VIMC sẵn sàng xem xét tham gia khi có cơ hội. Với năng lực tài chính của VIMC, chúng tôi tự tin làm tốt hơn bất kỳ doanh nghiệp khai thác cảng nào tại Việt Nam hiện nay. Chúng tôi không chỉ đầu tư vào cảng nước sâu, mà tập trung đầu tư vào cảng ở tầm cao hần, đảm bảo cạnh tranh được với các cảng biển quốc tế thông qua xây dựng cảng nước sâu có năng suất tốt nhất, giá cả hợp lý, môi trường xanh và đẹp.

13. Biểu quyết thông qua các nội dung báo cáo/trình tại Đại hội

Chủ tọa Đại hội đề nghị các cổ đông biểu quyết thông qua các nội dung trình tại Đại hội.

Kết quả biểu quyết như sau:

(i) Thông qua Báo cáo của HĐQT về Kết quả hoạt động năm 2025, Kế hoạch hoạt động năm 2026

- Tán thành: 1.199.361.013 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Không tán thành: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Không có ý kiến: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

(ii) Thông qua Báo cáo của BKS về kết quả giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của VIMC, giám sát HĐQT và TGD năm 2025

- Tán thành: 1.199.361.013 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Không tán thành: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Không có ý kiến: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

(iii) Thông qua Báo cáo của BKS tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của Kiểm soát viên và BKS năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026

- Tán thành: 1.199.361.013 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Không tán thành: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Không có ý kiến: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

(iv) Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán

- Tán thành: 1.199.361.013 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Không tán thành: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Không có ý kiến: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

(v) Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024, năm 2025 của VIMC

- Tán thành: 1.199.361.013 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Không tán thành: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Không có ý kiến: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

(vi) Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2026 của VIMC

- Tán thành: 1.199.361.013 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Không tán thành: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Không có ý kiến: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

(vii) Thông qua Quỹ tiền lương, thù lao năm 2025; Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2026 của HĐQT, BKS

- Tán thành: 1.199.361.013 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Không tán thành: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Không có ý kiến: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

(viii) Thông qua Danh sách công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của VIMC

- Tán thành: 1.199.361.013 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Không tán thành: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Không có ý kiến: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

(ix) Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của VIMC

- Tán thành: 1.199.361.013 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Không tán thành: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Không có ý kiến: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

(x) Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty của VIMC

- Tán thành: 1.199.361.013 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Không tán thành: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Không có ý kiến: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

(xi) Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị VIMC

- Tán thành: 1.199.361.013 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Không tán thành: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Không có ý kiến: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

(xii) Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát VIMC

- Tán thành: 1.199.361.013 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Không tán thành: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Không có ý kiến: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

E. THÔNG QUA BIÊN BẢN, NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI VÀ BẾ MẠC ĐẠI HỘI

Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 đã được đọc trước toàn thể Đại hội và được biểu quyết thông qua với: (i) 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội đã thống nhất thông qua Biên bản Đại hội; (ii) 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội đã thống nhất thông qua Nghị quyết Đại hội.

Đại hội kết thúc vào 11h40 cùng ngày.

**TM. BAN THƯ KÝ
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Thị Hà Trang

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Nguyễn Cảnh Tĩnh

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2025 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2026**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (VIMC) và các quy định pháp luật có liên quan, Hội đồng quản trị VIMC (HĐQT) trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông về Kết quả hoạt động năm 2025 và Kế hoạch năm 2026 như sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2025 CỦA HĐQT

1. Tình hình hoạt động của HĐQT năm 2025

1.1 Về cơ cấu nhân sự:

HĐQT nhiệm kỳ 2025-2030 gồm 05 thành viên, không có sự thay đổi so với nhiệm kỳ trước. Ngay sau ĐHĐCĐ VIMC thường niên năm 2025, HĐQT tổ chức họp và thống nhất bầu Ông Nguyễn Cảnh Tỉnh giữ chức Chủ tịch HĐQT VIMC và bổ nhiệm Ông Lê Anh Sơn giữ chức Tổng giám đốc VIMC

1.2 Nguyên tắc hoạt động của HĐQT:

- HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số, hoàn thành tốt việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ VIMC, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định khác có liên quan.

- Thực hiện tốt việc giám sát công tác điều hành của Ban Điều hành.

- HĐQT phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ.

1.3 Các cuộc họp, Nghị quyết và Quyết định của HĐQT:

STT	Nội dung	Số lượng/ Tỷ lệ
1	Cuộc họp HĐQT	7 cuộc họp
2	Tỷ lệ tham dự phiên họp	100%
3	Số Nghị quyết ban hành	167
4	Số Quyết định ban hành	93

Các cuộc họp của HĐQT đã được triệu tập và thực hiện theo các trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị

công ty của VIMC. Các nội dung họp bao quát, đầy đủ các chủ đề liên quan đến hoạt động của VIMC, tuân thủ quy định hiện hành, được các thành viên HĐQT chủ động thảo luận, đánh giá đầy đủ và thận trọng để đưa ra những định hướng, giải pháp tốt nhất cho VIMC. Biên bản các cuộc họp của HĐQT đã được lập đầy đủ, đảm bảo đúng hình thức theo quy định của pháp luật.

Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được ban hành phù hợp với các quy định pháp luật, Điều lệ, các quy chế quản lý nội bộ của VIMC, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với chiến lược, kế hoạch SXKD đã được thông qua.

1.4 Kết quả hoạt động của HĐQT năm 2025:

a) Quyết định các vấn đề chiến lược, kế hoạch trung/dài hạn

Năm 2025, HĐQT tiếp tục chỉ đạo VIMC triển khai thực hiện hoạt động kinh doanh, đầu tư, cơ cấu lại doanh nghiệp theo các Đề án, Chiến lược đã được thông qua: Đề án Cơ cấu lại VIMC giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch hành động và triển khai thực hiện các nội dung theo Đề án; Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2035; Kế hoạch SXKD và đầu tư 05 năm giai đoạn 2021-2025 của VIMC.

Đồng thời, trong năm 2025, HĐQT cũng ban hành Chương trình hành động thực hiện Nhiệm vụ SXKD theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam lần thứ VII, nhiệm kỳ 2025-2030; Phương án tài chính tổng thể giai đoạn 2025-2030 phục vụ nhu cầu đầu tư phát triển của VIMC.

b) Công tác chỉ đạo hoạt động SXKD

HĐQT quản trị, định hướng hoạt động SXKD của VIMC thông qua:

- Thông qua kế hoạch SXKD và đầu tư phát triển Công ty mẹ (trên cơ sở ý kiến phê duyệt của cơ quan chủ sở hữu) và các DNTV.

- Ban hành Chương trình hành động của HĐQT, trong đó giao nhiệm vụ cho thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc VIMC việc triển khai thực hiện các chỉ tiêu SXKD cũng như các giải pháp trọng tâm để thực hiện nhiệm vụ.

- Ban hành các Nghị quyết, Quyết định thông qua các nội dung về SXKD, tài chính, đầu tư,... tại Công ty mẹ và DNTV theo thẩm quyền.

Ngoài ra, HĐQT thực hiện việc họp, trao đổi, thảo luận và tham gia các cuộc họp giao ban với Ban Điều hành, các cuộc họp/ buổi làm việc với DNTV, chủ trì/ đồng chủ trì một số cuộc họp, hội nghị quan trọng liên quan đến hoạt động SXKD và quản trị của VIMC để nắm bắt kịp thời, chỉ đạo linh hoạt, phù hợp.

Kết quả năm 2025, VIMC đều đạt và vượt các chỉ tiêu SXKD được ĐHĐCĐ giao.

c) Công tác kiểm tra giám sát, kiểm soát

HĐQT phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên HĐQT cũng như hệ thống kiểm soát toàn VIMC.

Trên cơ sở Kế hoạch Kiểm toán nội bộ (KTNB) và Kế hoạch phối hợp năm 2025 của Ban KTNB đã được HĐQT thông qua từ đầu năm, trong năm 2025, Ban KTNB đã thực hiện 10 cuộc KTNB tại 10 doanh nghiệp, phối hợp cùng Ban Kiểm soát VIMC thực hiện kiểm tra giám sát 02/02 doanh nghiệp, kiểm tra đột xuất 02/02 doanh nghiệp theo yêu cầu của HĐQT.

Bên cạnh đó, HĐQT thực hiện kiểm tra giám sát thường xuyên, định kỳ thông qua các buổi làm việc với Ban Điều hành, NĐDPV và DNTV, các báo cáo của Ban Điều hành,...

Từ đó đảm bảo các DNTV thực hiện nghiêm túc các chỉ đạo của Tổng công ty, biểu dương các doanh nghiệp thực hiện tốt, đồng thời chỉ ra tồn tại, điểm nghẽn tại doanh nghiệp để có các chỉ đạo kịp thời, nhanh chóng đưa ra các quyết sách điều chỉnh phù hợp nhằm mục tiêu duy trì sự ổn định tài chính, bảo vệ lợi ích cổ đông và đảm bảo tăng trưởng bền vững.

d) Chuẩn hóa, hoàn thiện thể chế nội bộ

Năm 2025, HĐQT tập trung chỉ đạo chuẩn hóa thể chế nội bộ; hoàn thiện và đồng bộ hệ thống quy chế, quy trình quản lý, kiểm soát nội bộ theo các thông lệ tốt nhất; tăng cường phân cấp, phân quyền; kết hợp với chuyển đổi số toàn diện để tối ưu hóa quy trình, giảm chi phí vận hành, nâng cao hiệu suất lao động và hiệu quả sử dụng nguồn lực. HĐQT thông qua Kế hoạch ban hành các Quy phạm nội bộ của VIMC năm 2025 ngay từ đầu năm và giám sát việc triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch đề ra.

e) Công tác nhân sự

Năm 2025, HĐQT chú trọng chỉ đạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và xây dựng văn hoá doanh nghiệp thống nhất trong toàn VIMC với triết lý "Lấy khách hàng làm trung tâm" và "Con người là trung tâm". Trong đó, đẩy mạnh đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ quản lý và chuyên gia về chuyển đổi số, vận hành cảng thông minh và vận tải xanh.

HĐQT xây dựng cơ chế tuyển dụng, bổ nhiệm minh bạch, cạnh tranh và chính sách lương thưởng hấp dẫn.

HĐQT đánh giá, xếp loại đối với NĐDPV của Tổng công ty tại doanh nghiệp có vốn góp và Giám đốc/Phó giám đốc phụ trách các đơn vị hạch toán phụ thuộc, làm cơ sở cho công tác đào tạo, sắp xếp nguồn nhân sự chủ chốt tại đơn vị.

g) Đổi mới công tác quản trị

- Áp dụng các công cụ quản trị tiên tiến: Hệ thống chỉ số đo lường hiệu suất KPI tại tất cả các cấp, từ Công ty mẹ đến các DNTV; Thúc đẩy Kaizen trong mọi hoạt động; Đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số toàn diện.

- Đổi mới mô hình quản trị:

- + Hệ thống được phân cấp, phân quyền mạnh mẽ, kết hợp quản lý tập trung - linh hoạt, lấy khách hàng làm trung tâm.

+ Bộ máy tổ chức thường xuyên được rà soát, tinh gọn, ngày càng tăng tính linh hoạt, hiệu quả.

1.5 Kết quả hoạt động của từng thành viên HĐQT

Năm 2025, các thành viên HĐQT được phân công nhiệm vụ cụ thể theo Phân công nhiệm vụ thành viên HĐQT VIMC được ban hành tại các Quyết định số 62/QĐ-HHVN ngày 09/02/2021, Quyết định số 348/QĐ-HHVN ngày 09/9/2025 và Chương trình hành động năm 2025 của HĐQT. Các thành viên HĐQT chủ động thực hiện nhiệm vụ, tham gia đầy đủ và có ý kiến biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền; Phối hợp tốt trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành VIMC, tạo được sự đồng thuận, thống nhất cao trong tập thể HĐQT đối với quyết định về các mục tiêu, chiến lược, định hướng và nhiệm vụ quan trọng của VIMC.

Chương trình hành động năm 2025 của HĐQT được ban hành tại Nghị quyết số 10/NQ-HHVN ngày 10/01/2025. Kết quả năm 2025, HĐQT đã hoàn thành các nhiệm vụ theo Chương trình hành động, từng thành viên HĐQT đã hoàn thành nhiệm vụ được phân công. Cụ thể như sau:

1.1 Ông Nguyễn Cảnh Tĩnh:

- Phụ trách chung, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT và thay mặt HĐQT giải quyết các công việc quản lý, điều hành hàng ngày theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ VIMC, Quy chế hoạt động của HĐQT và văn bản pháp luật có liên quan.

- Lĩnh vực phụ trách: Trực tiếp phụ trách, chỉ đạo và giám sát công tác: xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch phát triển dài hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm; sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp; cơ cấu tổ chức và công tác cán bộ; công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật; tài chính kế toán; khiếu nại, tố cáo; đổi mới sáng tạo; công nghệ thông tin; công bố thông tin và quan hệ cổ đông; ...; phối hợp công tác với đảng ủy, công đoàn và các tổ chức đoàn thể của Tổng công ty.

1.2 Ông Lê Anh Sơn - Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc: Trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư của VIMC theo mục tiêu, kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT.

1.3 Ông Nguyễn Đình Chung - TV HĐQT: Theo dõi, giám sát hoặc tăng cường chỉ đạo các vấn đề thuộc thẩm quyền HĐQT liên quan đến lĩnh vực khai thác cảng biển, dịch vụ hàng hải và một số doanh nghiệp cụ thể khi được phân công bao gồm việc thực hiện kế hoạch kinh doanh, đầu tư; hợp tác, liên doanh, liên kết và các vấn đề khác có liên quan theo các tiêu chí nghiệp vụ chuyên ngành.

1.4 Ông Đỗ Tiến Đức - Thành viên HĐQT: Theo dõi, giám sát hoặc tăng cường chỉ đạo các vấn đề liên quan đến công tác xây dựng, ban hành các quy chế quản lý nội bộ; công tác giải thể, phá sản doanh nghiệp; pháp chế hàng hải và một số doanh nghiệp cụ thể khi được phân công bao gồm việc thực hiện kế

hoạch kinh doanh, đầu tư; hợp tác, liên doanh, liên kết và các vấn đề khác có liên quan theo các tiêu chí nghiệp vụ chuyên ngành.

1.5 Ông Đỗ Hùng Dương - Thành viên HĐQT: Theo dõi, giám sát hoặc tăng cường chỉ đạo các vấn đề thuộc thẩm quyền HĐQT liên quan đến lĩnh vực khai thác vận tải biển và một số doanh nghiệp cụ thể khi được phân công bao gồm việc thực hiện kế hoạch kinh doanh, đầu tư; hợp tác, liên doanh, liên kết và các vấn đề khác có liên quan theo các tiêu chí nghiệp vụ chuyên ngành. Trực tiếp phụ trách, chỉ đạo, theo dõi công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của Tổng công ty trên cơ sở phối hợp cùng UBKT Đảng ủy, Ban Kiểm soát, Ban KTNB và các Ban CMNV xây dựng chương trình kiểm tra chung toàn Tổng công ty, chỉ đạo, giám sát và định kỳ hàng quý báo cáo HĐQT.

1.6 Giao dịch với các bên liên quan:

Trong năm 2025, tổng giá trị giao dịch giữa VIMC với Công ty do thành viên HĐQT làm Người quản lý là 35 tỷ đồng; tổng giá trị giao dịch giữa công ty con, công ty do VIMC quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với Công ty do thành viên HĐQT làm Người quản lý là 30 tỷ đồng.

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông năm 2025 giao

Năm 2025, dù đối mặt với nhiều biến động địa chính trị và sự suy giảm của thị trường vận tải quốc tế, VIMC đã đạt được những thành tựu ấn tượng nhờ sự chỉ đạo quyết liệt của HĐQT trong triển khai các nội dung Nghị quyết số 294/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/7/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 giao, xây dựng Chương trình hành động của HĐQT với các giải pháp cụ thể, tập trung. Kết quả sản xuất kinh doanh của VIMC năm 2025 như sau:

2.1 Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh

CHỈ TIÊU	ĐVT	ĐHĐCĐ năm 2025 giao	Kết quả thực hiện 2025	Thực hiện 2025/ KH giao
HỢP NHẤT				
Sản lượng vận tải biển	Ng.Tấn	21.100	21.524	102%
Sản lượng hàng thông qua cảng	Ng.Tấn	158.345	161.989	102,3%
Doanh thu	Tỷ đồng	20.793	20.546	99%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	3.076	3.239	105%
CÔNG TY MẸ				
Sản lượng vận tải biển	Ng.Tấn	3.500	3.500	100%
Doanh thu	Tỷ đồng	3.849	5.848	152%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	409	672	164%

Trong đó, chỉ tiêu Sản lượng và LNTT hợp nhất vượt kế hoạch, Công ty mẹ có Doanh thu đạt kết quả vượt trội, LNTT bứt phá mạnh mẽ.

2.2 Công tác đầu tư

CHỈ TIÊU	ĐVT	ĐHĐCĐ 2025 giao	Kết quả thực hiện 2025
Kế hoạch đầu tư	tỷ đồng	194,6	113,1 (56,7% kế hoạch) Đã đẩy mạnh triển khai các Dự án đầu tư của Công ty mẹ. Hoàn thành Đầu tư cơ sở hạ tầng khu DVHH CB Hậu Giang, Dự án Cảng thủy nội địa - Trung tâm Logistics Khuyến Lương, nộp Hồ sơ đề xuất đầu tư Dự án ĐTXD tổng thể bến container Liên Chiểu, nộp hồ sơ Dự án ĐTXD khu bến cảng Nam Đồ Sơn;... Một số dự án chưa thực hiện do đánh giá lại sự cần thiết đầu tư và nhu cầu của khách hàng.
Giá trị đầu tư vốn	tỷ đồng	3.242,7	Hoàn thành Góp vốn thành lập liên doanh VIMC - Aries,
Tăng vốn điều lệ, giảm tỷ lệ sở hữu của VIMC	DN	04	Chưa hoàn thành do gặp khó khăn trong thu hút các nhà đầu tư,...
Thoái vốn/giảm vốn của VIMC	DN	06	Chưa thực hiện do thay đổi phương án ở một số DN, DN vướng khoản bảo lãnh của VIMC,...

Bên cạnh đó, tất cả các dự án trọng điểm của toàn VIMC đã được đẩy mạnh triển khai, cơ bản đã đạt được tiến độ theo kế hoạch đề ra, cụ thể:

- Dự án ĐTXD cơ bản như: Dự án ĐTXD bến 3,4 thuộc cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (Cảng Hải Phòng); Dự án ĐTXD Trung tâm dịch vụ logistics tại Huyện Hòa Vang (Cảng Đà Nẵng); Dự án Cảng Sài Gòn Hiệp Phước (Cảng Sài Gòn), Dự án nâng cấp bến số 1 (Giai đoạn 2), Dự án Kho số 2 (Cảng Quy Nhơn), Dự án ĐTXD cảng VIMC Đình Vũ (Cảng VIMC Đình Vũ),...

- Dự án đầu tư thiết bị, CNTT như: Dự án đầu tư phương tiện thiết bị, CNTT (Cảng Hải Phòng), Các dự án mua sắm thiết bị cũ đã qua sử dụng tại Cảng Quy Nhơn, Dự án đầu tư bến phao TL2, TL4 trên sông Ngã Bảy (Cảng Sài Gòn)...

2.3 Phân phối lợi nhuận

Trong năm 2025, VIMC đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

Tổng LNTT được phân phối là 59.418 triệu đồng, phân phối cho:

- + Quỹ khen thưởng: 28.905 triệu đồng
- + Quỹ Phúc lợi: 28.905 triệu đồng
- + Quỹ thưởng người quản lý: 1.607 triệu đồng;

Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của năm 2024 chưa được phân phối là 1.294.118 triệu đồng (chưa thực hiện trích Quỹ Đầu tư phát triển và chưa chia cổ tức).

2.4 Việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập

Lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 cho VIMC đảm bảo chất lượng, hiệu quả với chi phí hợp lý theo đúng quy định của pháp luật theo đúng các tiêu chí đã được ĐHĐCĐ thông qua.

2.5 Việc thực hiện Quỹ tiền lương, thù lao năm 2025 của HĐQT và BKS

Tiền lương, thù lao, phụ cấp và các chi phí hoạt động của HĐQT được thực hiện theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2025, các quy chế nội bộ của VIMC. Trong năm 2025, tổng tiền lương, thù lao của các thành viên HĐQT là 5.419 triệu đồng.

Tổng tiền lương, thù lao của các thành viên HĐQT, BKS là 8.223,8 triệu đồng.

Mức chi cụ thể được công bố tại Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của VIMC.

3. Kết quả giám sát của HĐQT đối với Tổng giám đốc và Ban điều hành VIMC

3.1 Hình thức và cách thức giám sát

- Hình thức giám sát:
 - + Thông qua các Tờ trình/Báo cáo của Ban Điều hành.
 - + Tham dự họp với Ban điều hành để kiểm điểm kết quả thực hiện kinh doanh hàng tháng, quý.
 - + Thông qua việc kiểm tra, kiểm soát của Ban KTNB.
- Cách thức giám sát:
 - + Thường xuyên, chặt chẽ, đúng thẩm quyền, không gây cản trở, chông chéo đến bộ máy điều hành.
 - + Quản trị theo các chuẩn mực hiện đại, đề cao đạo đức nghề nghiệp và luôn hành động vì quyền lợi của cổ đông
 - + Phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát VIMC trong công tác kiểm tra giám sát hoạt động của VIMC.

3.2 Kết quả giám sát

- Tổng giám đốc và Ban điều hành đã chủ động và nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ và chỉ tiêu Đại hội đồng cổ đông giao; trong quá trình điều hành luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, vượt qua khó khăn, đề ra nhiều giải pháp điều hành linh hoạt, kịp thời, đẩy mạnh công tác phát triển kinh doanh, mở rộng thị trường, tìm kiếm việc làm, tăng doanh thu và lợi nhuận cho Tổng công ty.
- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật có liên quan đến công tác quản trị DN và nhiệm vụ kinh doanh của VIMC; Thực hiện đúng các quy định tại Điều lệ VIMC, chỉ đạo tại Nghị quyết của HĐQT.

- Đảm bảo các chế độ theo quy định Nhà nước; điều kiện môi trường làm việc, thực hiện Thỏa ước lao động tập thể, các chế độ khác đối với người lao động.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2026 CỦA HĐQT VIMC

Năm 2026 là năm đặc biệt quan trọng với VIMC, mở đầu giai đoạn 2026-2030 với khát vọng bứt phá đạt mục tiêu tăng trưởng 2 con số, VIMC phát triển năng động, hiệu quả, bền vững, có năng lực cạnh tranh khu vực và quốc tế.

HĐQT VIMC nhận định, yếu tố chi phối mạnh mẽ nhất đến kế hoạch kinh doanh năm nay chính là sự leo thang của xung đột quân sự tại Trung Đông, đặc biệt là cuộc chiến tranh giữa Mỹ - Israel và Iran bùng phát từ cuối tháng 02/2026. Khả năng khủng hoảng năng lượng, đứt gãy chuỗi cung ứng và logistics, biến động thị trường tài chính,... sẽ tác động trực tiếp đến các chi phí đầu vào, hoạt động vận tải biển, logistics, cảng biển,... của chúng ta. Trước bối cảnh đó, HĐQT thống nhất linh hoạt ứng biến, phòng ngừa rủi ro, bám sát các mục tiêu, kết quả thực hiện, chỉ đạo liên tục, định hướng các kịch bản theo diễn biến của thị trường.

HĐQT VIMC xác định mục tiêu và kế hoạch hoạt động cụ thể như sau:

1. Mục tiêu:

- Quyết tâm hoàn thành và vượt mức các chỉ tiêu kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2026.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm bảo toàn và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn Nhà nước, đảm bảo lợi ích tối ưu cho các cổ đông.

- Hoàn thành thực hiện các chủ trương, đề án theo chỉ đạo của cấp trên.

- Đẩy mạnh chuyển đổi mô hình tăng trưởng, đưa các nguyên tắc quản trị theo OECD vào áp dụng tại VIMC và các DNTV, kết hợp chuyển đổi số toàn diện.

- Là nhà đầu tư Dự án Cần Giờ để phát triển cảng nước sâu, cảng trung chuyển quốc tế; mở rộng hạ tầng cảng biển, logistics nhằm nâng cao năng lực khai thác, năng lực cạnh tranh; lấy phát triển bền vững làm giá trị cốt lõi.

- Đảm bảo HĐQT vận hành hiệu quả, đúng quy định pháp luật và chuẩn mực đạo đức của Công ty đại chúng.

2. Kế hoạch hoạt động:

2.1 Tiếp tục chỉ đạo VIMC triển khai thực hiện theo các Kế hoạch, Chiến lược trung/dài hạn: Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2035; Chương trình hành động thực hiện Nhiệm vụ SXKD theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam lần thứ VII, nhiệm kỳ 2025-2030. Đồng thời chủ động xây dựng kế hoạch, định hướng hoạt động của VIMC.

2.2 Đối với công tác chỉ đạo hoạt động SXKD:

- Tổ chức phân giao KPI năm 2026 cho Tổng giám đốc VIMC.

- Tổ chức các cuộc họp HĐQT định kỳ/ chuyên đề để ban hành thông báo kết luận/ nghị quyết phân giao nhiệm vụ, chỉ đạo cụ thể.

2.3 Công tác kiểm tra giám sát, kiểm soát:

- Thường xuyên tổ chức các buổi làm việc, kiểm tra giám sát Ban Điều hành, NĐDPV của VIMC tại các DNTV về việc triển khai thực hiện Nghị quyết, chỉ đạo của HĐQT; đặc biệt trong bối cảnh chiến sự thế giới leo thang tác động mạnh đến hoạt động của VIMC.

- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên HĐQT cũng như hệ thống kiểm soát toàn VIMC.

- Nâng cao vai trò của Kiểm soát viên VIMC cử tại doanh nghiệp.

2.4 Tiếp tục chỉ đạo hoàn thiện thể chế nội bộ trong toàn VIMC.

2.5 Tiếp tục chú trọng chỉ đạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và xây dựng văn hoá doanh nghiệp thống nhất trong toàn VIMC.

2.6 Công tác quản trị:

- Tăng cường đào tạo, nâng cao quản trị theo thông lệ quốc tế.

- Tăng cường ứng dụng CNTT trong triển khai nhiệm vụ, thực thi quyền và nghĩa vụ của HĐQT.

- Nâng cao chất lượng các Ban tham mưu giúp việc cho HĐQT (Ban TK-TH và Ban KTNB).

- Xử lý các khó khăn, vướng mắc, tháo gỡ các điểm nghẽn, tạo hành lang thông thoáng cho phát triển kinh doanh, đầu tư của các doanh nghiệp.

Trên đây là báo cáo đánh giá kết quả hoạt năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026 của HĐQT VIMC, kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Kiểm soát;
- Các TV HĐQT;
- Ban KTNB;
- Lưu: VT, CT.HĐQT, TK-TH.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Cảnh Tĩnh

Số: 515/BC-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
Về kết quả giám sát hoạt động SXKD, giám sát Hội đồng quản trị và
Tổng Giám đốc Tổng công ty Hàng hải Việt Nam năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (VIMC)

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020 và các sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019 và các sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của VIMC;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát VIMC;

Căn cứ Nghị quyết số 294/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/7/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 của Tổng công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY;

Ban Kiểm soát Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (BKS) kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông năm 2026 (ĐHĐCĐ) về Kết quả thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD), hoạt động của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc VIMC của BKS, như sau:

PHẦN I. KẾT QUẢ KIỂM TRA GIÁM SÁT

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA VIMC

Tổng công ty hoạt động theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0100104595 do Phòng đăng ký KD và Tài chính doanh nghiệp - Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 07/7/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 10/7/2025. Tổng công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 18/8/2020.

Vốn điều lệ tại 31/12/2025: 12.005,88 tỷ đồng, tương đương 1.200,588 triệu cổ phần.

Vốn thực góp đến 31/12/2025: 12.005,88 tỷ đồng (trong đó: vốn nhà nước tại VIMC là 11.942,133 tỷ đồng, nắm quyền kiểm soát 99,469% vốn điều lệ, từ ngày 28/02/2025 VIMC thuộc sự quản lý của Đại diện chủ sở hữu là Bộ Tài chính).

Cổ phiếu của VIMC là MVN đăng ký giao dịch trên thị trường UPCoM.

*** Cơ cấu quản trị của Công ty:**

- Thành phần Hội đồng quản trị:

Stt	Họ và tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	ĐDVNN (%)
1	Ông Nguyễn Cảnh Tĩnh	Chủ tịch	09/7/2025	25,469
2	Ông Lê Anh Sơn	Thành viên	09/7/2025	20
3	Ông Đỗ Tiến Đức	Thành viên	09/7/2025	18
4	Ông Nguyễn Đình Chung	Thành viên	09/7/2025	18
5	Ông Đỗ Hùng Dương	Thành viên	09/7/2025	18

- Ban Kiểm soát

Stt	Họ và tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm
1	Ông Lương Đình Minh	Trưởng BKS	09/7/2025
2	Ông Phạm Cao Nhuệ	Thành viên	09/7/2025
3	Bà Phan Thị Nhị Hà	Thành viên	09/7/2025

- Ban Điều hành

Stt	Họ và tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm
1	Ông Lê Anh Sơn	Tổng Giám đốc	09/7/2025
2	Ông Phạm Anh Tuấn	Phó TGĐ	15/12/2022
3	Ông Lê Quang Trung	Phó TGĐ	15/12/2022
4	Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Phó TGĐ	01/11/2023

- Người đại diện theo pháp luật:

+ Ông Nguyễn Cảnh Tĩnh Chủ tịch HĐQT

+ Ông Lê Anh Sơn Tổng Giám đốc

*** Ngành nghề kinh doanh:** Hoạt động chính của VIMC là cung cấp dịch vụ vận tải đường biển, dịch vụ cảng biển, dịch vụ hàng hải.

*** Cơ cấu tổ chức:**

VIMC gồm Cơ quan Văn phòng và 06 đơn vị hạch toán phụ thuộc, như sau:

- Công ty Vận tải biển VIMC;
- Công ty Kho bãi VIMC Hải Phòng;
- Công ty Nhân lực Hàng hải VIMC;
- Ban Quản lý dự án chuyên ngành Hàng hải VIMC;
- Chi nhánh Tổng công ty Hàng hải Việt Nam tại Hải Phòng;
- Chi nhánh Tổng công ty Hàng hải Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh.

Đến 31/12/2025, VIMC đầu tư góp vốn vào 36 doanh nghiệp với giá trị vốn góp là 10.935 tỷ đồng:

+ Phân loại theo quyền kiểm soát:

(i) 18 công ty con giá trị góp vốn là 10.511,44 tỷ đồng, số lượng công ty con đã giảm 01 đơn vị so với đầu năm 2024 do thoái vốn tại Công ty CP Phát triển Hàng hải và Công ty CP Cảng VIMC Đình Vũ để chuyển thành vốn góp tại Công ty CP Vận Tải Container VIMC với quyền kiểm soát 99,956%.

(ii) 14 công ty liên doanh liên kết giá trị góp vốn là 406,5 tỷ đồng (tăng 01 đv so với năm trước Công ty TNHH LD Dịch vụ Hàng hải Aries).

(iii) 4 công ty thuộc đầu tư khác giá trị góp vốn là 17.179,3 triệu đồng (trong đó có Công ty TM Kỹ thuật và Đầu tư có giá gốc 147.178 đồng).

II. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT)

Ngày 9/7/2025 Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, Đại hội đã ban hành Nghị quyết số 294/NQ-ĐHĐCĐ. Tại Đại hội đã thống nhất bầu 05 thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2025-2030 (các thành viên không có sự thay đổi so với nhiệm kỳ trước), ngay tại ĐH HĐQT đã tổ chức họp phiên thứ nhất và thống nhất bầu Ông Nguyễn Cảnh Tỉnh làm Chủ tịch HĐQT và Ông Lê Anh Sơn làm Tổng Giám đốc VIMC (Điều 10 Nghị quyết số 294/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/7/2025 Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP). Ngay sau khi đại hội, HĐQT đã có QĐ phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT, Ban hành KPI 6 tháng cuối năm 2025 của Hội đồng quản trị, bàn giao công việc TGD giữa hai nhiệm kỳ và các công việc liên quan khác như Công bố thông tin, thay đổi Giấy đăng ký doanh nghiệp khi thay đổi Người đại diện theo pháp luật...

Hội đồng quản trị VIMC với 05 thành viên, trong đó 01 thành viên kiêm nhiệm Tổng Giám đốc và 04 thành viên chuyên trách, Hội đồng quản trị đã hoạt

động theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ, quy chế nội bộ về quản trị công ty của VIMC và các quy định của pháp luật hiện hành.

Ban Kiểm soát đã giám sát hoạt động quản trị của Hội đồng quản trị, thông qua việc tham gia các cuộc họp của HĐQT; rà soát các Nghị quyết, Quyết định, các Quy chế do HĐQT ban hành.

Trong năm 2025 Hội đồng quản trị đã bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2025 thông qua, chỉ đạo Ban điều hành thực hiện. HĐQT được tổ chức hoạt động chuyên trách, ra quyết định tập thể, có sự phân công nhiệm vụ, giao KPI cho các thành viên HĐQT theo từng lĩnh vực hoạt động. Hội đồng quản trị đã sát sao trong công tác giám sát điều hành của Ban điều hành dựa trên kết quả thực hiện các chỉ tiêu và tiến độ đã được đặt ra tại Nghị quyết Đại hội cổ đông và Nghị quyết số 10/NQ-HHVN ngày 10/01/2025 về Chương trình hành động năm 2025 của HĐQT VIMC, cụ thể ở 4 mảng hoạt động: Công tác tài chính; Công tác khách hàng; Quy trình nội bộ và Học hỏi phát triển, định kỳ hàng quý tổ chức sơ kết đánh giá và đề ra phương hướng cho kỳ tới nhằm đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

Năm 2025 Hội đồng quản trị đã tổ chức 07 cuộc họp và nhiều buổi hội ý, làm việc với BDH/NĐDPV của Tổng công ty tại các DNTV, Hội đồng quản trị đã ban hành 167 Nghị quyết, 93 Quyết định và 05 Văn bản chỉ đạo chủ yếu tập trung vào công tác tái cơ cấu tổ chức đơn vị thành viên; đầu tư tàu mới thay thế thanh lý tàu già, mua sắm vỏ container, thanh lý tài sản, chủ trương kế hoạch đầu tư giai đoạn 2025-2030 và tăng vốn điều lệ Công ty mẹ VIMC, sửa đổi nâng cao hiệu lực Văn bản Quy phạm nội bộ; công tác cán bộ; các nội dung để NĐDPV tại các đơn vị có vốn góp của VIMC biểu quyết tại ĐHĐCĐ....

Năm 2025, nói chung các thành viên HĐQT đã chủ động thực hiện nhiệm vụ, tham gia đầy đủ và có ý kiến biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền. Từng thành viên HĐQT đã phối hợp trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành Tổng công ty, tạo được sự đồng thuận, thống nhất trong tập thể HĐQT đối với quyết định về các chính sách, chiến lược, định hướng và nhiệm vụ quan trọng của Tổng công ty.

III. Kết quả giám sát hoạt động của Tổng giám đốc

Ban điều hành gồm 04 thành viên, trong đó 01 Tổng Giám đốc và 03 Phó Tổng Giám đốc. Ngay sau Đại hội cổ đông thường niên năm 2025, Ban điều hành đã ban hành quyết định số 118/QĐ-HHVN ngày 14/7/2025 và QĐ 140/QĐ-HHVN ngày 11/8/2025 về việc phân công nhiệm vụ giữa Tổng Giám đốc và các Phó Tổng giám đốc. Ban Kiểm soát giám sát BDH thông qua việc giám sát BDH tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, quyết định của HĐQT đã ban hành. Công tác giám sát Ban điều hành được BKS thực hiện thường xuyên cụ thể như tham gia các cuộc họp giao ban do BDH tổ chức, tham gia các cuộc làm việc của Ban điều hành với các đơn vị thành viên, kiểm tra hồ sơ tài liệu liên quan.

Ban điều hành đã chủ động thực hiện các nhiệm vụ và chỉ tiêu Đại hội đồng cổ đông giao; trong quá trình điều hành luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, vượt qua khó khăn, đề ra nhiều giải pháp điều hành linh hoạt, kịp thời, , tăng doanh thu và lợi nhuận cho Tổng công ty.

Ban Điều hành đã tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan đến công tác quản trị doanh nghiệp và thực hiện nhiệm vụ kinh doanh của Tổng công ty; Thực hiện đúng các quy định tại Điều lệ VIMC, các chỉ đạo tại Nghị quyết của HĐQT; Tiếp thu và triển khai các giải pháp cần thiết trong công tác quản trị doanh nghiệp theo chỉ đạo của HĐQT và các đề xuất của Ban Kiểm soát. Việc sử dụng và quản lý, đầu tư tài sản của VIMC tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định của VIMC.

IV. Kết quả thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh năm 2025, giám sát thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2025

1. Kết quả thẩm định Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh năm 2025

Ban Kiểm soát thống nhất với Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành VIMC về tình hình và kết quả kinh doanh của VIMC cũng như Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 theo Báo cáo tài chính năm 2025 của VIMC đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Tình hình kết quả SXKD năm 2025 đạt được, như sau:

(1) Công ty mẹ:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	TH 2024	KH 2025	TH 2025	TH 2025/ TH 2024	TH 2025/ KH 2025
Sản lượng (triệu tấn)	5,27	3,2	3,5	66%	109%
Tổng doanh thu	3.157	3.849	5.848	185%	152%
- Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	1.641		4.877	297%	

- Doanh thu hoạt động tài chính	540		599	111%	
- Thu nhập khác	975		372	38%	
Tổng chi phí	1.803	3.440	5.176	287%	150%
Lợi nhuận trước thuế	1.354	409	672	50%	164%

- Sản lượng vận tải biển: 3,5 triệu tấn (109% KH 2025)

- Tổng doanh thu: 5.848 tỷ đồng (185% cùng kỳ; 152% KH 2025), trong đó:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 4.877 tỷ đồng, tăng 1.701 tỷ đồng so với kế hoạch, do tăng từ: doanh thu hoạt động thương mại và doanh thu thuê tàu ngoài.

+ Doanh thu tài chính: 599 tỷ đồng, tăng 273 tỷ đồng so với kế hoạch chủ yếu do tăng thu từ cổ tức 214 tỷ đồng; lãi tiền gửi, tiền cho vay tăng 54 tỷ đồng so với kế hoạch, do trong năm VIMC tập trung hoàn thiện hồ sơ pháp lý cho các Dự án trọng điểm, chưa tiến hành giải ngân.

+ Thu nhập khác: 372 tỷ đồng, tăng 25 tỷ đồng so với kế hoạch, chủ yếu do trong năm VIMC thanh lý tàu Tây Sơn 3 và tàu Tây Sơn 4 phát sinh ngoài kế hoạch (thu nhập từ thanh lý 2 tàu này đạt 115 tỷ đồng). Ngoài ra, trong năm VIMC phát sinh thêm các khoản thu nhập từ bồi thường bảo hiểm do sự cố của đội tàu trong năm và được miễn giảm 30% chi phí thuê đất theo quy định của Chính phủ.

- Tổng chi phí: 5.176 tỷ đồng, tăng 1.736 tỷ đồng so với kế hoạch, nguyên nhân chính do tăng chi phí cho hoạt động thương mại và tăng hoạt động thuê tàu ngoài.

- Lợi nhuận trước thuế: 672 tỷ đồng tăng 263 tỷ đồng so với kế hoạch.

Như vậy, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ năm 2025 đã hoàn thành kế hoạch về các chỉ tiêu sản lượng, doanh thu và lợi nhuận, tuy nhiên chỉ tiêu sản lượng và lợi nhuận so với cùng kỳ năm 2024 thì sụt giảm.

(2) Kết quả SXKD hợp nhất:

Đơn vị tính: tỷ đồng

CHỈ TIÊU	TH 2024	KH 2025	TH 2025	So sánh	
				TH 2025/ cùng kỳ	TH 2025/ KH
Sản lượng Vận tải biển (triệu tấn)	19,4	21,1	21,5	111%	101%
Sản lượng cảng biển (triệu tấn)	145,27	158,3	161,9	111%	102%
DOANH THU HỢP NHẤT	19.375	20.793	20.546	106%	99%
Khối Vận tải biển	9.732	11.195	11.321	116%	101%
Khối Cảng biển	7.938	8.332	8.011	101%	96%

Khối Dịch vụ hàng hải	1.543	1.356	1.619	105%	119%
LNTT HỢP NHẤT	3.153	3.076	3.239	103%	105%
Vận tải biển	824	793	721	88%	91%
Cảng biển	1.973	2.317	2.376	120%	103%
Dịch vụ hàng hải	75	24	42,5	57%	176%

- Sản lượng vận tải biển: 21,5 triệu tấn, 111% cùng kỳ 2024, 101% KH 2025.

+ Sản lượng tăng 11% so với cùng kỳ và đảm bảo kế hoạch. Trong năm, VIMC tiếp tục tái cấu trúc đội tàu, thanh lý các tàu già, cũ hoạt động kém hiệu quả và từng bước đầu tư phát triển đội tàu mới phù hợp với diễn biến thị trường.

- Sản lượng cảng biển: 161,9 triệu tấn, 111% cùng kỳ, 102% KH 2025. Trong đó, sản lượng container: 7,5 triệu Teus, 121% cùng kỳ, 102% KH 2025.

+ Sản lượng cảng biển tăng 11% so với cùng kỳ, 102% kế hoạch trong bối cảnh thị trường khai thác cảng biển cạnh tranh gay gắt ở tất cả các khu vực là nỗ lực rất lớn của VIMC và các DNTV. Khối cảng biển có nhiều đơn vị khai thác vượt công suất và đạt sản lượng kỷ lục trong năm 2025. Một số đơn vị đạt được kết quả tăng trưởng cao so với năm 2024 như SSIT tăng 41%, CMIT tăng 23%, Cảng Đà Nẵng tăng 10%, Cảng Cam Ranh tăng 57%.

+ Doanh thu hợp nhất: 20.546 tỷ đồng, 107% cùng kỳ, 99% KH 2025.

+ Lợi nhuận hợp nhất: 3.239 tỷ đồng, 103% cùng kỳ, 105% KH 2025.

+ Doanh thu hợp nhất đạt 99% so với kế hoạch do một số nguyên nhân:

Các nguyên nhân khách quan như: chính sách thuế quan của Hoa Kỳ, căng thẳng thương mại giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc, tình hình thiên tai, mưa lũ diễn biến phức tạp, kéo dài, một số cảng biển quan trọng của VIMC phải di dời hoặc dừng hoạt động để thành phố thực hiện xây dựng các công trình làm giảm đáng kể sản lượng hàng hóa thông qua. Một số luồng hàng hải chưa được duy tu, nạo vét kịp thời làm mất cơ hội đón và khai thác các tàu cỡ lớn đã ảnh hưởng đến việc khó hoàn thành chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận hợp nhất trong năm 2025 như Cảng Hải Phòng, VOSCO, Cảng Quy Nhơn, VOSA.

2. Kết quả giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết số 294/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/7/2025 Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP

2.1 Tình hình thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2024

Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 số 229/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/7/2025, ngày 11/7/2025, Hội đồng quản trị VIMC đã ban hành Nghị quyết số 299/NQ-HHVN về việc triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP, trong năm 2025 VIMC đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

Tổng Lợi nhuận sau thuế được phân phối là 59.418 triệu đồng, phân phối cho:

- + Quỹ khen thưởng là 28.905 triệu đồng
- + Quỹ Phúc lợi là 28.905 triệu đồng
- + Quỹ thưởng người quản lý 1.607 triệu đồng;

Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của năm 2024 chưa được phân phối là 1.294.118 triệu đồng (chưa thực hiện trích Quỹ Đầu tư phát triển và chưa chia cổ tức).

2.2 Thanh lý tài sản

*** Công tác bán tàu:**

Theo kế hoạch bán tàu năm 2025 đã được ĐHĐCĐ thông qua và bổ sung kế hoạch 2025 (Nghị quyết số 410/NQ-HHVN ngày 06/11/2025 về việc bổ sung chủ trương bán tàu Tây Sơn 4), như vậy kế hoạch bán tàu năm 2025 là 05 tàu đã hết khấu hao, gồm: Đại Phú, Đại An (Galaxy), Tây Sơn 2, Tây Sơn 3 và Tây Sơn 4, tuy nhiên trong năm do giá thị trường vận tải đang tốt theo đó HĐQT quyết định tạm dừng thanh lý đối với tàu Tây Sơn 2 mà cho lên đà sửa chữa và khai thác tiếp từ tháng 4/2025. Trong năm 2025, VIMC đã hoàn thành thanh lý 03 tàu: Tàu Đại An, Tây Sơn 3 và Tây Sơn 4. Tàu Đại Phú chưa thanh lý được trong năm 2025 do người mua trả giá thấp hơn giá khởi điểm.

*** Công tác thanh lý tài sản khác:**

Theo kế hoạch thanh lý tài sản năm 2025 có 20 danh mục tài sản, trong năm đã thanh lý được 05 xe đầu kéo và 8 xe sơ mi rơ moóc tải chở container không còn nhu cầu sử dụng (tại Chi nhánh HCM), tổng tiền thu về 1,5 tỷ đồng. Các tài sản chưa bán được theo kế hoạch đề ra và vẫn sẽ được thực hiện trong năm tới.

2.3 Công tác thực hiện dự án đầu tư và các dự án trọng điểm

(1) Tại Công ty mẹ:

Kế hoạch đầu tư của năm 2025 là 194,585 tỷ đồng (trên tổng mức đầu tư là 5.069,02 tỷ đồng), trong đó, các dự án chuyển tiếp có 9 dự án: 162,735 tỷ đồng, 7 dự án đầu tư mới: 31,85 tỷ đồng.

Trong năm, Công ty mẹ đã giải ngân 110,11 tỷ đồng tương đương 56% kế hoạch (chưa bao gồm dự án Nghiên cứu xây dựng nhà máy đóng tàu/sửa chữa tàu biển phát sinh ngoài kế hoạch đã giải ngân 2,39 tỷ đồng). Kết quả cụ thể như sau:

* Hoàn thành 08/17 Dự án: (i) Đầu tư cơ sở hạ tầng khu dịch vụ hàng hải Cảng biển Hậu Giang, (ii) Dự án Nâng cấp hạ tầng CNTT phục vụ công tác quản lý điều hành của Tổng công ty; (iii) Cải tạo, lắp đặt bổ sung hệ thống hút khói hành lang cho Tòa nhà Ocean Park; (iv) Mua sắm 02 chiếc ô tô phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; (v) Dự án Chiến lược phát triển Tổng công ty đến năm 2030 (đang đàm phán quyết toán hợp đồng với Công ty tư vấn Roland Berger); (vi) Hoàn thành nộp Hồ sơ đề xuất đầu tư Dự án ĐTXD tổng thể bến container Liên Chiểu; (vii) Hoàn thành nộp hồ sơ Dự án ĐTXD khu bến cảng Nam Đồ Sơn (VIMC đã có CV rút hồ sơ số 1469/HHVN-ĐT ngày 18/9/2025); Dự án Cảng thủy nội địa – Trung tâm Logistics Khuyến Lương; (viii) VIMC đã hoàn thành việc thuê đơn vị tư vấn nghiên cứu phát triển Dự án nhà máy đóng tàu/ sửa chữa tàu biển tại Việt Nam.

* Đang triển khai 05/17 dự án:

(i) Dự án cảng thủy nội địa Ninh Giang: Đã có quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư (Quyết định số 2690/QĐ-UBND ngày 18/10/2024); VIMC đang triển khai các thủ tục chuẩn bị đầu tư: cơ bản đã hoàn thành khảo sát địa chất, địa hình, lập quy hoạch 1/500, lập BCNCKT. Tuy nhiên, do cơ quan ban ngành thành phố Hải Phòng chưa hoàn thành thủ tục đền bù GPMB, chưa phê duyệt 1/500 nên chưa phê duyệt được BCNCKT, DTM.

(ii) Dự án ĐTXD trung tâm logistics VIMC tại Lạch Huyện: Cơ bản hoàn thành Hồ sơ đề xuất đầu tư Dự án. Tuy nhiên, sau khi rà soát, đánh giá sự cần thiết và hiệu quả đầu tư Dự án, VIMC đã quyết định không tiếp tục triển khai Dự án.

(iii) Dự án Cổng thông tin CSKH tập trung.

(iv) Dự án Trục tích hợp - Bigdata VIMC.

(v) Lắp đặt hệ thống chiếu sáng mỹ thuật bên ngoài toà nhà Ocean Park

* Dự án chưa thực hiện: 04/17 dự án chưa thực hiện do đánh giá lại sự cần thiết đầu tư và nhu cầu của khách hàng, gồm: Mua sắm bổ sung thiết bị âm thanh, ánh sáng phục vụ phòng họp lớn tầng 3 toà nhà Ocean Park; Dự án cổng thông tin và chia sẻ nguồn lực - Logistics Hub; Dự án đầu tư phần mềm quản trị nhân sự; Dự án khu vực ĐBSCL.

Tình hình thực hiện Kế hoạch về đầu tư năm 2025:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tên dự án	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	Tỷ lệ hoàn thành
A	Dự án theo KH tại ĐHCĐ	194.585	110.111	56%
I	Dự án chuyển tiếp từ năm trước	162.735	99.753	
1	Dự án đầu tư XD CB	130.555	74.255	

1.1	Đầu tư cơ sở hạ tầng khu dịch vụ hàng hải Cảng biển Hậu Giang	34.500	34.500	100,0%
1.2	Dự án ĐTXD cảng thủy nội địa Ninh Giang	84.000	29.500	35,1%
1.3	Cải tạo, lắp đặt bổ sung hệ thống hút khói hành lang cho Tòa nhà Ocean Park	10.255	10.255	100,0%
1.4	Mua sắm bổ sung thiết bị âm thanh, ánh sáng phục vụ phòng họp lớn tầng 3 toà nhà Ocean Park	1.800		0,0%
2	Dự án CNTT	17.680	10.998	
2.1	Dự án Cổng thông tin CSKH tập trung (CRM + Hotline)	1.000	255	25,5%
2.2	Dự án Nâng cấp hạ tầng CNTT phục vụ công tác quản lý điều hành của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	10.743	10.743	100,0%
2.3	Dự án cổng thông tin và chia sẻ nguồn lực - Logistics Hub	4.685	0	0,0%
2.4	Dự án đầu tư phần mềm quản trị nhân sự	1.252	0	0,0%
3	Chiến lược phát triển VIMC đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035: Xây dựng và triển khai các giải pháp để thực hiện tầm nhìn	14.500	14.500	100,0%
II	Dự án khởi công năm KH	31.850	10.358	
1	Dự án đầu tư XD CB	23.210	643	
1.1	Lắp đặt hệ thống chiếu sáng mỹ thuật bên ngoài toà nhà Ocean Park	7.710	226	2,9%
1.2	Dự án khu vực ĐBSCL	5.000	0	0,0%
1.3	Dự án đầu tư xây dựng trung tâm logistics VIMC tại khu bến Lạch Huyện, TP. Hải Phòng	500	417	83,4%
1.4	Dự án ĐTXD khu bến cảng Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng - Phần kêu gọi nhà đầu tư chiến lược.	5.000	0	100,0%
1.5	Dự án ĐTXD khu bến cảng Nam Đồ Sơn, TP. Hải Phòng	5.000	0	100,0%
2	Dự án mua sắm thiết bị	4.500	5.575	
2.1	Mua mới xe ô tô 7 chỗ phục vụ văn phòng TCTy	4.500	5.575	100%
3	Dự án CNTT	4.140	4.140	
3.1	Dự án Trục tích hợp - Bigdata VIMC	4.140	4.140	100%
B	Dự án phát sinh ngoài KH			
1	Ng/cứu XD nhà máy đóng tàu/sửa chữa tàu biển		2.390	100%

(2) Các dự án trọng điểm của Tổng công ty tại các công ty con:

Năm 2025, tất cả các dự án trọng điểm của VIMC đã được đẩy mạnh triển khai, cơ bản đã đạt được tiến độ theo kế hoạch đề ra, tình hình triển khai đến thời điểm hiện nay như sau:

(i) Dự án đầu tư xây dựng Bến container số 3, số 4 thuộc cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (tại khu bến Cánh Lạch Huyện, Thành phố Hải Phòng):

Đây là dự án trọng điểm nên ngay từ đầu năm đã được VIMC, Cảng Hải Phòng tập trung nguồn lực, đẩy mạnh thực hiện. Tính đến hết năm 2025, tổng giá trị thực hiện lũy kế là 6.138 tỷ đồng/ tổng mức đầu tư 6.946 tỷ đồng (tỷ lệ 88,4%)

- Giá trị thực hiện lũy kế từ đầu dự án: 6.138 tỷ đồng (đạt 88,4% TMĐT).

- Giá trị giải ngân lũy kế từ đầu dự án: 6.020 tỷ đồng (đạt 86,7% TMĐT).

Dự án đã được đưa vào khai thác một phần từ tháng 04/2025 và đã hoàn thành toàn bộ công tác xây dựng trong năm 2025. Hiện tại, Dự án đã có chấp thuận nghiệm thu phòng cháy chữa cháy của Cục Cảnh sát PCCC&CNCH. Đối với nghiệm thu của Hội đồng kiểm tra nhà nước, Thường trực đã tổ chức kiểm tra, nghiệm thu công trường ngày 29-30/01/2026. Đồng thời, Cục Hàng hải Việt Nam đã có phê duyệt về việc nâng cấp Bến 3,4 Lạch Huyện tiếp nhận tàu 165.000DWT, nâng cao năng lực khai thác Bến 3,4 Lạch Huyện. Đây là động lực tăng trưởng nhằm nâng cao hiệu quả khai thác, tăng sản lượng hàng hóa thông qua, đóng góp vào tăng trưởng của VIMC.

(ii) Dự án Cảng trung chuyển quốc tế tại Huyện Cần Giờ, TP Hồ Chí Minh:

Dự án đã được Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 16/01/2025 và giao cho UBND Thành phố Hồ Chí Minh chủ trì thực hiện lựa chọn nhà đầu tư Dự án.

Ngay sau khi Dự án được phê duyệt chủ trương đầu tư, VIMC đã chủ động, tích cực làm việc với UBND Thành phố Hồ Chí Minh và có nhiều văn bản báo cáo Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành và Thành phố Hồ Chí Minh đề kiến nghị đẩy nhanh tiến độ lựa chọn Nhà đầu tư.

Ngày 11/12/2025, Quốc hội đã phê duyệt, thông qua Nghị quyết số 260/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.

Trên cơ sở các nội dung tại Nghị quyết 260/2025/QH15, UBND Thành phố Hồ Chí Minh đang thực hiện các thủ tục cần thiết trước khi công bố thông tin mời gọi nhà đầu tư tham gia nộp hồ sơ đề xuất đăng ký thực hiện dự án

(iii) Dự án Đầu tư xây dựng tổng thể bến cảng container Liên Chiểu, Đà Nẵng:

Trong năm, VIMC đã đẩy mạnh việc hợp tác với đối tác nước ngoài để nghiên cứu, triển khai Dự án. Ngày 10/6/2025, VIMC đã phối hợp với đối tác để nộp Hồ sơ đề xuất đầu tư Dự án đầu tư xây dựng tổng thể bến cảng container

Liên Chiểu. Ngày 15/9/2025, UBND thành phố Đà Nẵng đã có Quyết định số 1486/QĐ-UBND chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng tổng thể bến cảng container Liên Chiểu.

Ngày 20/10/2025, Ban Quản lý các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng ưu tiên Thành phố Đà Nẵng đã có thông báo mời thầu lựa chọn nhà đầu tư (gửi cho 03 nhà đầu tư đã nộp Hồ sơ đề xuất đầu tư Dự án).

Ngày 24/12/2025, VIMC đã nộp Hồ sơ dự thầu theo đúng kế hoạch. Hiện nay, VIMC vẫn đang tiếp tục bám sát quá trình lựa chọn Nhà đầu tư của Ban Quản lý các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng ưu tiên Thành phố Đà Nẵng, kịp thời làm rõ các vấn đề trong hồ sơ dự thầu theo yêu cầu.

2.4 Chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và dài hạn

Căn cứ Đề án Cơ cấu lại giai đoạn 2021-2025 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua và Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua một số nội dung bổ sung, sửa đổi; VIMC đã xây dựng kế hoạch hành động và triển khai thực hiện các nội dung theo Đề án (năm 2024 HĐQT VIMC ban hành Nghị quyết số 323/NQ-HHVN ngày 07/06/2024 của HĐQT VIMC về việc cập nhật Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2035; Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư 05 năm giai đoạn 2021-2025 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP).

Ban Kiểm soát nhất trí với đánh giá tình hình thực hiện Đề án Cơ cấu lại Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP giai đoạn 2021-2025 theo Công văn số 426/BC-NĐD ngày 25/11/2025 của Người đại diện phần vốn tại VIMC báo cáo Bộ Tài chính. Như:

- Kết quả đạt được: “VIMC đã triển khai thực hiện đầy đủ các giải pháp cơ cấu lại doanh nghiệp theo đúng lộ trình từng năm theo Đề án đã được phê duyệt.”

- Một số tồn tại, hạn chế chưa đạt được: “(i) Năm 2023, VIMC mới được phê duyệt Đề án Cơ cấu lại giai đoạn 2021-2025 nên thời gian triển khai thực hiện các giải pháp theo Đề án gấp rút, dẫn tới kết quả đạt được trong giai đoạn 2023-2025 còn hạn chế.

- (ii) Công ty mẹ - Tổng công ty chưa được phê duyệt phương án sắp xếp để có cơ sở giảm tỷ lệ sở hữu cổ phần của Nhà nước, thực hiện tăng vốn điều lệ nhằm huy động nguồn lực thực hiện các dự án đầu tư trọng điểm.

- (iii) Việc chuyển đổi mô hình hoạt động một số đơn vị hạch toán phụ thuộc và doanh nghiệp do VIMC nắm giữ 100% vốn điều lệ (các doanh nghiệp tiếp nhận từ Vinashin) còn chưa thực hiện được; Công tác thoái vốn, giảm vốn của VIMC tại một số doanh nghiệp theo kế hoạch còn chậm; Việc thực hiện các thủ tục giải thể, phá sản doanh nghiệp còn chậm trễ, kéo dài thời gian.”

2.5 Công tác đầu tư, thoái, giảm vốn góp của VIMC tại các doanh nghiệp có vốn góp:

Thực hiện Kế hoạch đầu tư, tăng, giảm thoái vốn năm 2025 đã được ĐHĐCĐ thông qua, trong năm 2025, VIMC đã triển khai thực hiện đầu tư, tăng, giảm thoái vốn tại các doanh nghiệp như sau:

- a) Thực hiện kế hoạch thoái, giảm vốn góp của VIMC tại các doanh nghiệp có vốn góp năm 2025: hoàn thành 0/6 đơn vị giảm vốn theo kế hoạch.
- b) Thực hiện kế hoạch giảm tỷ lệ sở hữu của VIMC tại các doanh nghiệp có vốn góp năm 2025: hoàn thành 0/4 đơn vị theo kế hoạch.
- c) Thực hiện kế hoạch tăng vốn điều lệ, giảm tỷ lệ sở hữu của VIMC tại các doanh nghiệp có vốn góp năm 2025: hoàn thành 0/3 đơn vị theo kế hoạch.
- d) Thực hiện kế hoạch đầu tư tăng vốn công ty mẹ tại các doanh nghiệp có vốn góp năm 2025: hoàn thành 01/5 đơn vị theo kế hoạch. (Hoàn thành Đầu tư góp vốn thành lập liên doanh VIMC - Aries: Ngày 24/3/2025, VIMC - Aries đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Đồng thời, VIMC đã hoàn thành góp vốn (bằng tiền) vào Liên doanh VIMC – Aries.)

2.6 Công tác chấm dứt hoạt động chi nhánh, giải thể, phá sản doanh nghiệp:

- VIMC đã xây dựng Phương án chấm dứt hoạt động Công ty VTB Container VIMC là chi nhánh của VIMC và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Ngày 29/9/2023, Hội đồng quản trị VIMC ban hành Quyết định số 378/QĐ-HHVN về việc chấm dứt hoạt động của Công ty VTB container VIMC - Chi nhánh Tổng công ty. Hiện nay, VIMC đang thực hiện các thủ tục quyết toán số nộp Ngân sách Nhà nước, đóng mã số thuế chi nhánh, làm việc với cơ quan đăng ký kinh doanh để chấm dứt hoạt động chi nhánh. Ngày 03/2/2026, VCSC tiếp tục có văn bản số 02/VCSC-TCKT gửi Cục Thuế Thành phố Hà nội về việc quyết toán đóng mã số thuế, chấm dứt hiệu lực mã số thuế 0100104595-017.

- VIMC vẫn tiếp tục thực hiện các thủ tục giải thể đối với Công ty TNHH Sửa chữa tàu biển Vinalines - Đông Đô. Việc giải thể còn gặp một số vướng mắc do chưa góp đủ vốn điều lệ, chưa tất toán các khoản nợ vay tại Sở giao dịch Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

- VIMC có 04 doanh nghiệp đã nộp Đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản và được Tòa án thụ lý, bao gồm: Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin (Vinashinlines), Công ty CP Vận tải dầu khí Việt Nam (Falcon), Công ty TNHH MTV CNTT Cà Mau và Công ty XNK Vật tư đường biển. Giá trị

phần vốn góp của các doanh nghiệp này được loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp của Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam khi cổ phần hóa.

Hiện nay, có 03 doanh nghiệp đã có Quyết định của Tòa án tuyên bố phá sản là Công ty TNHH MTV CNTT Cà Mau, Công ty CP Vận tải dầu khí Việt Nam (Falcon) và Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin (Vinashinlines), còn Công ty XNK Vật tư đường biển hiện đã có Thống nhất của Hội nghị chủ nợ đồng ý để Công ty phá sản, VIMC đang chờ Quyết định của Tòa án.

2.7. Đối với các khoản bảo lãnh, cho vay:

a) Bảo lãnh:

Tính đến thời điểm 31/12/2025, VIMC còn tồn tại nghĩa vụ bảo lãnh cho 05 doanh nghiệp thành viên vay vốn với tổng số tiền bảo lãnh trong chương trình đóng mới 32 tàu tại VDB cho 05 doanh nghiệp vận tải biển là 1.710 tỷ đồng (nợ gốc: 630,7 tỷ đồng, nợ lãi 1.079,6 tỷ đồng).

* Trong năm 2025, nghĩa vụ bảo lãnh của VIMC giảm được 5,92 tỷ đồng (do 2 đơn vị Vitranschart và Đông Đô trả nợ gốc).

- Đối với các khoản bảo lãnh của VIMC: VIMC đã thực hiện tăng cường các biện pháp giám sát dòng tiền, hoạt động SXKD của các doanh nghiệp bảo lãnh để đôn đốc, yêu cầu các doanh nghiệp tăng trả nợ các khoản vay có nghĩa vụ bảo lãnh của VIMC, báo cáo Dư nợ vay, bảo lãnh, số tiền thanh toán nợ có bảo lãnh định kỳ hàng tháng, quý, 06 tháng. Đồng thời, VIMC cũng chỉ đạo, hỗ trợ các doanh nghiệp thực hiện tái cơ cấu nợ để giảm nghĩa vụ bảo lãnh. Như trường hợp bảo lãnh cho Vitranschart vay tại Ngân hàng ACB đã tái cơ cấu nợ xong và xoá được nghĩa vụ bảo lãnh của VIMC. Các khoản bảo lãnh tàu đóng mới còn lại tại Ngân hàng VDB: VIMC và các doanh nghiệp đang chờ cơ chế xử lý nợ tại Ngân hàng VDB được ban hành để thực hiện cơ cấu nợ, giảm nghĩa vụ bảo lãnh của VIMC.

b) Đối với các khoản VIMC cho các doanh nghiệp thành viên vay vốn: VIMC đang cho 04 doanh nghiệp thành viên vay vốn là Cảng Cần Thơ, VIMC Hậu Giang và SP-PSA, Cảng Năm Căn. Cụ thể số nợ gốc tại 31/12/2025:

(i) Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ 33,58 tỷ đồng.

(ii) Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hàng hải Hậu Giang 6,5 tỷ đồng.

(iii) Khoản cho Công ty TNHH Cảng quốc tế SP-PSA vay, trị giá nguyên tệ là 4.950.000 USD theo Hợp đồng vay cổ đông ngày 26/08/2008, tương ứng với tỷ lệ vốn góp 15% của Tổng Công ty tại Công ty TNHH Cảng quốc tế SP-PSA. Khoản cho vay được hưởng lãi suất Sofr (lãi suất cho vay qua đêm có đảm

bảo), được hoàn trả khi có yêu cầu của Công ty PSA Vietnam Pte Ltd., (bên cho vay).

(iv) Khoản phải thu công ty TNHH Cảng Công - Ten - Nơ Quốc tế Cái Lân (Cảng CICT) là 12.620.866,40 USD theo thỏa thuận mua nợ đã ký giữa VIMC, Công ty SSA Holdings International và các bên cho vay (Lender) nhằm thực hiện phương án tái cấu trúc tài chính CICT đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 22/7/2024. Đến ngày 31/12/2025 số dư nợ phải thu CICT còn là 8.005.902,53 USD (chưa kể lãi phải thu là 148.694,71 USD tương đương 3,8 tỷ đồng).

Đối với các khoản VIMC cho doanh nghiệp thành viên vay vốn, định kỳ, VIMC vẫn thực hiện đối chiếu, đơn đốc thu hồi công nợ đến hạn. Trong năm 2025, các khoản nợ cho các doanh nghiệp thành viên vay vốn đều được VIMC theo dõi, giám sát chặt chẽ nhằm đảm bảo thu hồi cho vay của VIMC.

2.8 Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của VIMC

Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 304/NQ-HHVN ngày 23/7/2025 về việc chấp thuận lựa chọn Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY - là đơn vị soát xét, kiểm toán Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2025 cho VIMC.

Lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 cho VIMC đảm bảo chất lượng, hiệu quả với chi phí hợp lý theo đúng quy định của pháp luật theo đúng các tiêu chí đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2.9 Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2025 của HĐQT và Ban Kiểm soát VIMC

Tổng lao động tại 31/12/2025 là 715 người, trong đó: (1) Văn phòng Công ty Mẹ là 123 người (người quản lý là 11 người); (2) VLC là 533 người; (3) VMSC là 29 người; (4) Ban QLDA là 14 người; (5) Chi nhánh Hải Phòng là 13 người; (6) Chi nhánh Hồ Chí Minh là 3 người.

Số lao động trong năm 2025 đã tăng 13 người so với số đầu năm (số đầu năm là 702 người) người (tuyển dụng mới 13 người, thuyền viên dự trữ quay lại làm việc là 11 người, số lao động giảm: chấm dứt hợp đồng 8, nghỉ hưu 1, nghỉ theo chế độ 1 và chênh lệch do thuyền chuyển lao động giảm 1 người).

Quỹ tiền lương chung năm 2025:

Năm 2025, VIMC đã thực hiện trích lập Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Người quản lý và Người lao động tuân thủ quy định tại các văn bản pháp luật cũng như quy chế lương tại VIMC, gồm:

- Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định về Quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp Nhà nước;

- Nghị định 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước;
- Quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng đối với Người quản lý, kiểm soát viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam ban hành theo Quyết định số 324/QĐ-HHVN ngày 01/9/2021.
- Quy chế trả lương tại Cơ quan Văn phòng Tổng công ty Hàng hải Việt Nam ban hành theo Quyết định số 242/QĐ-HHVN ngày 08/6/2021.

Tổng quỹ tiền lương thực hiện năm 2025 là 216,79 tỷ đồng

Quỹ tiền lương dự phòng cho năm 2026 là 24,74 tỷ đồng.

Tiền lương bình quân người lao động thực hiện năm 2025 là: 24,78 triệu đồng/tháng, đạt 98,4% so với cùng kỳ năm trước là 25,19 triệu đồng/tháng.

Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của HĐQT, BKS năm 2025:

HĐQT có 04 thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách và 01 thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm (thành viên HĐQT kiêm TGD). BKS gồm 03 thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách.

Thực hiện tuân thủ Điều 7 Nghị quyết số 294/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/7/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP đã phê duyệt quỹ tiền lương và quỹ thù lao kế hoạch năm 2025 và các quy định liên quan. Tổng quỹ tiền lương Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thực hiện trong năm 2025 là 7.979 triệu đồng; tiền lương bình quân là 94,99 triệu đồng/người/tháng. Trong đó:

- + Quỹ tiền lương HĐQT: 5.175,4 triệu đồng.
- + Quỹ tiền lương BKS: 2.803,6 triệu đồng.
- Quỹ thù lao thành viên HĐQT kiêm nhiệm: 244,8 triệu đồng/năm.

V. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính

1. Nhận xét về Báo cáo tài chính

Ban Kiểm soát đã thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính của VIMC năm 2025 và thống nhất xác nhận kết quả tại Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY, là đơn vị nằm trong danh sách các công ty kiểm toán được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

- Đối với Báo cáo tài chính riêng năm 2025:

Ban Kiểm soát thống nhất với ý kiến của đơn vị kiểm toán đối với Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty năm 2025, như sau: “Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty Hàng hải

Việt Nam - CTCP tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.” Tuy nhiên, Kiểm toán viên vẫn còn 02 vấn đề cần nhấn mạnh: (i) khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn đang theo dõi với giá trị là 415,46 tỷ đồng mà chưa thống nhất được giá trị lợi ích hợp pháp của Công ty Hợp Thành trong giai đoạn tham gia đầu tư vào Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn, (2), Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam-CTCP chưa được phê duyệt Quyết toán cổ phần hoá của các cấp có thẩm quyền.

- Đối với Báo cáo tài chính Hợp nhất:

Kiểm toán viên đưa ra 01 ý kiến kiểm toán ngoại trừ *Liên quan đến Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông – Công ty con của Tổng Công ty: (i) chênh lệch số dư gốc vay và nợ vay phải trả Công ty tài chính TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy (“VFC”) (ii) Liên quan đến việc ghi nhận chênh lệch giữa nợ gốc và lãi vay phải trả các tổ chức tín dụng với số tiền Biển Đông nhận nợ với Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC)*

Bên cạnh đó, kiểm toán viên tiếp tục lưu ý người đọc Báo cáo tài chính Hợp nhất một số vấn đề cần nhấn mạnh tại các trang 6,7,8 Mục “Vấn đề cần nhấn mạnh” tại Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2025, các vấn đề tồn đọng này đã được chỉ ra từ những năm trước.

Như vậy, so với năm 2024 Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã giảm được 1 điểm ngoại trừ. Ban Kiểm soát thống nhất với ý kiến của Công ty kiểm toán UHY đối với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty năm 2025: “Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được nêu tại “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất”.

2. Đánh giá một số chỉ tiêu tài chính

2.1. Tại Công ty mẹ

Căn cứ số liệu tại Báo cáo tài chính riêng năm 2025 của Tổng công ty đã được kiểm toán, Ban Kiểm soát đánh giá tình hình tài chính của Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2025, như sau:

Về kết quả sản xuất kinh doanh, năm 2025 Công ty mẹ đạt tổng doanh thu 5.848 tỷ đồng, bằng 152% kế hoạch năm và tăng mạnh so với năm trước. Tuy

nhien, giá vốn hàng bán tăng cao khiến lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ chỉ còn 54,3 tỷ đồng, giảm mạnh so với năm 2024; điều này cho thấy doanh thu tăng nhưng hiệu quả từ hoạt động kinh doanh cốt lõi chưa tăng tương xứng, biên lợi nhuận gộp bị thu hẹp đáng kể. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh đạt 330,7 tỷ đồng, thấp hơn năm trước; tổng lợi nhuận kế toán trước thuế đạt 671,6 tỷ đồng, vượt 164% kế hoạch năm nhưng chỉ bằng khoảng một nửa mức thực hiện năm 2024. Kết quả này cho thấy Công ty mẹ vẫn hoàn thành vượt kế hoạch lợi nhuận được giao, song chất lượng lợi nhuận chưa thật sự bền vững do còn phụ thuộc đáng kể vào doanh thu tài chính và thu nhập khác.

*Tình hình Tài sản - Nguồn vốn tại ngày 31/12/2025:

Đơn vị tính: triệu

đồng

CHỈ TIÊU	01/01/2025		31/12/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tổng tài sản	14.412.914	100	15.863.637	100
+ Tài sản ngắn hạn	2.222.671	15,4	3.927.541	24,8
+ Tài sản dài hạn	12.190.243	84,6	11.936.096	75,2
Tổng nguồn vốn	14.412.914	100	15.863.637	100
+ Nợ phải trả	1.011.422	7	1.850.009	11,7
- Nợ ngắn hạn	832.935	5,8	1.672.847	10,5
- Nợ dài hạn	178.487	1,2	177.162	1,1
+ Nguồn vốn chủ sở hữu	13.401.492	93	14.013.628	88,3
- Vốn góp của chủ sở hữu	12.005.880	83,3	12.005.880	75,7
- Quỹ đầu tư phát triển	42.075	0,3	42.075	0,3
- LNST chưa phân phối	1.353.537	9,4	1.965.672	12,4

Đánh giá sự phù hợp của cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

Tổng tài sản đạt 15.863,6 tỷ đồng, tăng 1.450,7 tỷ đồng, tương đương tăng khoảng 10,1% so với đầu năm. Nợ phải trả là 1.850,0 tỷ đồng, chiếm 11,7% tổng nguồn vốn; vốn chủ sở hữu đạt 14.013,6 tỷ đồng, chiếm 88,3% tổng nguồn vốn. Cơ cấu nguồn vốn này cho thấy Công ty mẹ chủ yếu hoạt động trên nền tảng vốn chủ sở hữu, ít phụ thuộc vào nợ vay, mức độ an toàn tài chính nhìn chung vẫn ở mức cao.

- Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2025 là 15.863 tỷ đồng, tăng 1.450,6 tỷ đồng, tương đương tăng 10% so với thời điểm đầu năm. Trong đó:

(1) Tài sản ngắn hạn là 3.927 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 24,8% tổng tài sản (trong đó chỉ tiêu Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là 2.060 tỷ đồng chiếm 52,5% TSNH, Các khoản phải thu ngắn hạn là 951,3 tỷ đồng chiếm 24,2% TSNH), tăng 1.704,8 tỷ đồng so với thời điểm đầu năm, chủ yếu tăng ở các chỉ tiêu: Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tăng 735 tỷ đồng, Phải thu ngắn hạn khách hàng tăng 505 tỷ đồng, Tiền và các khoản tương đương tiền tăng 189 tỷ đồng, Hàng tồn kho tăng 168 tỷ đồng.

(2) Tài sản dài hạn là 11.936 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 75,2% tổng tài sản, giảm 254,2 tỷ đồng so với thời điểm đầu năm. Cơ cấu các tài sản chính, cụ thể:

- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn là 10.677,75 tỷ đồng đã tăng 2,95 tỷ đồng (góp vốn vào Công ty liên doanh Aries 2,7 tỷ đồng) chiếm tỷ trọng 89,4% Tài sản dài hạn. Đây là giá trị các khoản đầu tư góp vốn của VIMC tại các doanh nghiệp, đã được định giá lại tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty.

- Tài sản cố định là 376,28 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 2,37% tổng tài sản và đã giảm 365,28 tỷ đồng, tương ứng giảm 49,3% so với số đầu năm do trong năm 2025 VIMC thanh lý bán được 03 con tàu (Tây Sơn 3, Tây Sơn 4 và tàu Đại An), giá trị TSCĐ hữu hình tại ngày 31/12/2025 là 369,6 tỷ đồng với nguyên giá là 4.679,7 tỷ đồng, giá trị hao mòn lũy kế tại 31/12/2025 là 4.310 tỷ đồng, giá trị còn lại của TSCĐ HH chỉ còn chiếm 7,9% nguyên giá tài sản (chủ yếu là đội tàu của Công ty mẹ). giá trị TSCĐ vô hình tại ngày 31/12/2025 là 6,69 tỷ đồng với nguyên giá là 29 tỷ đồng, giá trị hao mòn lũy kế tại 31/12/2025 là 22,38 tỷ đồng, giá trị còn lại của TSCĐ vô hình chỉ còn chiếm 23% nguyên giá tài sản.

- Nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2025 bao gồm: Nợ phải trả là 1.850 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 11,66% tổng nguồn vốn; vốn chủ sở hữu là 14.013,6 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 88,34% tổng nguồn vốn (vốn góp của chủ sở hữu là 12.005,88 tỷ đồng, Quỹ đầu tư phát triển 42 tỷ đồng và Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là 1965,6 tỷ đồng). Tại thời điểm 31/12/2025 hệ số bảo toàn vốn (vốn chủ sở hữu lớn/vốn góp của chủ sở hữu) là 1,17 đã cao hơn so với đầu năm cho thấy VIMC đã bảo toàn và phát triển vốn.

Qua phân tích số liệu ở trên cho ta thấy cơ cấu tài sản, tài sản ngắn hạn tăng mạnh lên 3.927,5 tỷ đồng, chủ yếu do tăng tiền và tương đương tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và hàng tồn kho. Trong khi đó, tài sản dài hạn giảm nhẹ, riêng tài sản cố định còn 376,3 tỷ đồng, giảm mạnh so với đầu năm do phát sinh thanh lý, nhượng bán tài sản, đặc biệt là tàu biển. Đầu tư tài chính dài hạn tiếp tục duy trì ở mức lớn, đạt 10.674,8 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tổng tài sản. Diễn biến này cho thấy quy mô tài sản của

Công ty mẹ tăng lên, song chủ yếu theo hướng gia tăng tài sản tài chính và vốn lưu động, trong khi tài sản khai thác trực tiếp có xu hướng thu hẹp. Bên cạnh đó, giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đến cuối năm chỉ còn khoảng 7,9% nguyên giá, đồng thời khối lượng tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn đang sử dụng còn lớn, phản ánh tài sản khai thác của Công ty mẹ đã hao mòn đáng kể và cần được quan tâm trong định hướng đầu tư, đổi mới tài sản thời gian tới.

* Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản năm 2025:

Chỉ tiêu	ĐVT	01/01/2025	31/12/2025
Chỉ tiêu thanh toán:			
- Khả năng thanh toán tổng quát	Lần	14,3	8,6
- Khả năng thanh toán hiện thời	Lần	2,7	2,3
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	2,5	2,2
Chỉ tiêu nợ:			
- Nợ phải trả/ Tổng tài sản	%	7	11,7
- Nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu	%	8	13,2
Khả năng sinh lời		Năm 2024	Năm 2025
- LN sau thuế / Doanh thu thuần	%	82,5	13,9
- LN sau thuế/ TTS (ROA)	%	9,4	4,2
- LN sau thuế/ VCSH (ROE)	%	10,1	4,8

Các chỉ số thanh toán của VIMC tại thời điểm 31/12/2025 đều giảm nhẹ so với đầu năm, tuy nhiên các chỉ tiêu có hệ số > 2 lần cho thấy dòng tiền của VIMC đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ ở mức an toàn, Công ty mẹ vẫn bảo đảm khả năng thanh toán tốt nhờ mức độ tự chủ tài chính cao, quy mô tiền và tiền gửi lớn, nợ vay thấp và cơ cấu vốn an toàn. Tuy nhiên, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2025 âm 197,7 tỷ đồng, trong khi năm trước dương 205,8 tỷ đồng; nguyên nhân chủ yếu do các khoản phải thu và hàng tồn kho tăng mạnh, làm dòng tiền bị hút vào vốn lưu động. Như vậy, lợi nhuận kế toán trong năm chưa chuyển hóa tương xứng thành dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và đây là điểm VIMC cần đặc biệt lưu ý trong công tác điều hành tài chính trong thời gian tới.

Các chỉ số Nợ phải trả trên Tổng tài sản và Nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu của VIMC thấp chỉ đạt lần lượt là 11,7 và 13,2% mặc dù đều tăng nhẹ so với đầu năm, (do trong năm 2025 VIMC mở rộng kinh doanh vận tải hàng thương mại than theo đó đang ghi nhận trích trước giá vốn hàng đã cung cấp là 577,45 tỷ đồng) cho thấy cho thấy VIMC đang sử dụng nguồn tài trợ từ vốn chủ là chủ yếu, đồng nghĩa với không chịu nhiều áp lực trả lãi vay và nợ gốc.

Các chỉ số về khả năng sinh lời của VIMC trong năm 2025 giảm mạnh so với cùng kỳ năm ngoái, Lợi nhuận sau thuế năm 2025 đạt 671,55 tỷ đồng, giảm 682 tỷ và chỉ bằng 49,61% so với cùng kỳ năm 2024 (lợi nhuận sau thuế năm 2024 đạt 1.353,54 tỷ đồng), nguyên nhân chủ yếu do (i) giá cước tàu giảm làm

lợi nhuận gộp giảm và thu nhập khác năm 2025 cũng giảm 619 tỷ đồng do năm 2024 VIMC phát sinh khoản lãi vay được xóa là 377,7 tỷ đồng và khoản thu nhập từ đánh giá lại tài sản khi đem góp vốn và VIMC Lines là 468,54 tỷ đồng.

*** Về quản lý công nợ:**

a. Tình hình công nợ phải thu:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Tại 01/01/2025		Tại 31/12/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
I. Các khoản phải thu ngắn hạn	365.712	40,8	951.335	59,6
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	222.972	24,9	728.740	
Trả trước cho người bán ngắn hạn	73.091	8,2	71.462	
Phải thu về cho vay ngắn hạn	13.216	1,5	16.500	
Phải thu ngắn hạn khác	339.784	37,9	428.107	
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-284.780	-31,8	-293.474	
Tài sản thiếu chờ xử lý	1.429	0,2	0	
II. Các khoản phải thu dài hạn	531.071	59,2	645.097	40,4
Phải thu về cho vay dài hạn	471.101	52,5	352.389	22,1
Phải thu dài hạn khác	59.970	6,7	292.708	18,3
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	0		0	
Tổng nợ phải thu (= I + II)	896.783		1.596.432	

Tổng số nợ phải thu tại ngày 31/12/2025 là 1.596,43 tỷ đồng, tăng 699,65 tỷ đồng đương đương tăng 78% so với thời điểm đầu năm, chủ yếu do các khoản phải thu ngắn hạn là 951,34 tỷ đồng đã tăng 585,62 tỷ đồng (ảnh hưởng chủ yếu do khoản phải thu khách hàng tăng 506 tỷ đồng) và Phải thu dài hạn là 645,1 tỷ đồng đã tăng 114,03 tỷ đồng (trong đó phải thu dài hạn các khoản ký cược, ký quỹ là 239 tỷ đồng khi VIMC thuê 03 con tàu theo hình thức thuê tàu trần (BBC) là Vimc Victory, Vimc Harmony, Vimc Bright).

Tổng nợ xấu tại thời điểm 31/12/2025 của VIMC là 302,71 tỷ đồng, VIMC đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi số tiền 293,47 tỷ đồng đã trích lập dự phòng tăng 8,7 tỷ đồng so với số đầu năm, VIMC đã TLDP theo đúng quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính. Trong đó, chủ yếu là trích lập dự phòng đối với khoản phải thu của Vinalines Nha Trang (105,44 tỷ đồng), Công ty Đóng tàu Bạch Đằng (49,24 tỷ đồng), Vosco (70,7 tỷ đồng), Công ty Denmar (16,66 tỷ đồng).

b. Tình hình nợ phải trả:

Đơn vị tính: triệu

đồng

Chỉ tiêu	Tại 01/01/2025		Tại 31/12/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
I. Các khoản phải trả ngắn hạn	832.935	82,4	1.672.847	90,4
Phải trả người bán ngắn hạn	77.415	7,7	148.747	8,0
Người mua trả trước ngắn hạn	22.165	2,2	52.144	2,8
Thuế và các khoản phải nộp NN	923	0,1	5190	0,3
Phải trả người lao động	79.638	7,9	80.349	4,3
Chi phí phải trả ngắn hạn	5.845	0,6	582.985	31,5
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	3.236	0,3	179.033	9,7
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	0	0	-
Phải trả ngắn hạn khác	620.649	61,4	580.403	31,4
Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	23.064	2	43.996	2,4
II. Các khoản phải trả dài hạn	178.487	17,6	177.162	9,6
Phải trả dài hạn khác	52.010	5,1	46.596	2,5
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	126.477	12,5	130.566	7,1
Tổng nợ phải trả (I+II)	1.011.423	100	1.850.009	100

Tổng số nợ phải trả tại ngày 31/12/2025 là 1.850 tỷ đồng, tăng 838,59 tỷ đồng tương đương tăng 82,9% so với thời điểm đầu năm. Trong đó:

+ Nợ phải trả ngắn hạn: 1.672,85 tỷ đồng, đã lớn gấp 2 lần so với số đầu năm, nhân tố ảnh hưởng tăng chủ yếu là khoản trích trước giá vốn hàng thương mại than đã cung cấp là 577,45 tỷ đồng; ghi nhận doanh thu KD mặt hàng than chưa thực hiện tăng 175,8 tỷ đồng, ngoài ra: phải trả người bán 148,75 tỷ đồng, phải trả người lao động 80,4 tỷ đồng, ...

+ Nợ dài hạn: 177,16 tỷ đồng. Trong đó: Vay, nợ dài hạn 130,57 tỷ đồng (nợ vay PSA Việt Nam) và Phải trả dài hạn khác chủ yếu là các khoản ký cược ký quỹ phải trả là 40,33 tỷ đồng.

Tổng hợp các nội dung trên, Ban Kiểm soát cho rằng tình hình tài chính của Công ty mẹ năm 2025 nhìn chung vẫn bảo đảm an toàn, bảo toàn và phát triển được vốn, hoàn thành vượt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận được giao. Tuy nhiên, cần lưu ý một số vấn đề: chất lượng tăng trưởng doanh thu chưa cao do biên lợi nhuận gộp giảm mạnh; cơ cấu lợi nhuận còn phụ thuộc đáng kể vào doanh thu tài chính và thu nhập khác; các khoản phải thu và hàng tồn kho tăng nhanh làm dòng tiền kinh doanh âm; tài sản cố định hữu hình đã hao mòn lớn. Do đó, đề nghị Hội đồng quản trị và Ban Điều hành tiếp tục chỉ đạo nâng cao chất lượng lợi nhuận, kiểm soát chặt chẽ công nợ phải thu, cải thiện vòng quay vốn lưu động, quản trị tốt dòng tiền và từng bước cơ cấu lại tài sản sản xuất kinh doanh theo hướng hiệu quả, bền vững hơn.

2.2. Hợp nhất

Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán, BKS đánh giá:

Về kết quả kinh doanh, năm 2025 doanh thu thuần hợp nhất đạt 19.016,5 tỷ đồng, tăng 12,1% so với năm trước; lợi nhuận gộp đạt 3.474,5 tỷ đồng, tăng 23,5%, cho thấy hiệu quả hoạt động kinh doanh cốt lõi có cải thiện. Tuy nhiên, doanh thu tài chính và lợi nhuận khác đều giảm khá mạnh so với năm 2024, nên dù lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh tăng, lợi nhuận sau thuế hợp nhất chỉ ở mức 2.641,6 tỷ đồng, gần như không tăng đáng kể; lợi nhuận sau thuế thuộc về công ty mẹ giảm nhẹ. Điều này cho thấy chất lượng lợi nhuận năm 2025 có chuyển biến tích cực hơn ở hoạt động cốt lõi, nhưng không còn nhiều yếu tố hỗ trợ đột biến từ hoạt động tài chính và thu nhập khác như năm trước.

Về dòng tiền, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2025 vẫn dương 1.021,2 tỷ đồng, song giảm mạnh so với năm 2024; trong khi lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư âm lớn và lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính dương mạnh, chủ yếu nhờ tăng vay mới. Cơ cấu dòng tiền này cho thấy hoạt động kinh doanh vẫn tạo tiền, nhưng dòng tiền đang chịu sức ép lớn từ nhu cầu đầu tư và mở rộng hoạt động; phần thiếu hụt được bù đắp đáng kể từ nguồn vốn tài chính. Vì vậy, yêu cầu đặt ra là phải tiếp tục kiểm soát chặt hiệu quả đầu tư, tiến độ thu hồi vốn và an toàn dòng tiền.

Quy mô tài sản và nguồn vốn của Tổng công ty tiếp tục tăng, tình hình tài chính hợp nhất nhìn chung vẫn duy trì theo hướng an toàn, song chất lượng tài sản, cơ cấu nguồn vốn và dòng tiền còn một số vấn đề cần lưu ý. Tổng tài sản hợp nhất tại ngày 31/12/2025 đạt 35.555,8 tỷ đồng, tăng 5.130,8 tỷ đồng, tương đương tăng khoảng 16,9% so với đầu năm; trong đó tài sản ngắn hạn chiếm 43,3%, tài sản dài hạn chiếm 56,7% tổng tài sản. Quy mô tài sản tăng chủ yếu nhờ gia tăng tiền, tiền gửi có kỳ hạn, các khoản phải thu và một số khoản đầu tư dài hạn, cho thấy Tổng công ty vẫn duy trì được nền tảng tài chính lớn và khả năng thanh khoản tương đối tốt.

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	Tại 01/01/2025		Tại 31/12/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tổng tài sản	30.424.971	100	35.555.783	100
- Tài sản ngắn hạn	13.250.276	43,6	15.405.520	43,3
- Tài sản dài hạn	17.174.694	56,4	20.150.263	56,7
Tổng nguồn vốn	30.424.971	100	35.555.782	100
* Nợ phải trả	13.008.273	42,8	16.218.620	45,6
- Nợ ngắn hạn	8.099.991		9.329.063	
- Nợ dài hạn	4.908.282		6.889.557	
* Nguồn vốn chủ sở hữu	17.416.697	57,2	19.337.162	54,4

- <i>Vốn góp của chủ sở hữu</i>	12.005.880		12.005.880	
- <i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	745		591	
- <i>Vốn khác của chủ sở hữu</i>	73.241		73.760	
- <i>Chênh lệch đánh giá lại tài sản</i>	(3.203.637)		(3.203.637)	
- <i>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</i>	108.499		91.508	
- <i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	2.933.165		3.497.532	
- <i>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu</i>	92		92	
- <i>LNST chưa phân phối</i>	596.829		1.632.050	
- <i>Lợi ích của cổ đông không kiểm soát</i>	4.901.883		5.239.386	

- Tổng tài sản hợp nhất của VIMC tại thời điểm 31/12/2025 là 35.555,78 tỷ đồng, tăng 5.130 tỷ đồng so với thời điểm đầu năm. Cơ cấu các tài sản chính như sau:

* Về cơ cấu tài sản tiền và các khoản tương đương tiền đạt 3.899,3 tỷ đồng; đầu tư tài chính ngắn hạn đạt 5.867,7 tỷ đồng, chủ yếu là tiền gửi có kỳ hạn, tạo dư địa thanh khoản đáng kể cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư. Tuy nhiên, các khoản phải thu ngắn hạn tăng lên 4.256,9 tỷ đồng, trong đó phải thu khách hàng tăng mạnh; phải thu dài hạn cũng tăng so với đầu năm. Điều này phản ánh quy mô hoạt động mở rộng nhưng đồng thời cho thấy vốn lưu động bị chiếm dụng lớn hơn, làm tăng yêu cầu quản trị công nợ và hiệu quả sử dụng vốn. Bên cạnh đó, tài sản cố định vẫn chiếm tỷ trọng lớn với giá trị còn lại 9.446,6 tỷ đồng, song khối lượng tài sản đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng ở mức rất cao, cho thấy nền tài sản khai thác của Tổng công ty đã hao mòn đáng kể. Tài sản dở dang dài hạn giảm mạnh so với đầu năm là tín hiệu tích cực, phản ánh một số dự án đã được hoàn thành hoặc chuyển giai đoạn, tuy nhiên vẫn còn một số dự án kéo dài nhiều năm, ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư và vòng quay vốn.

- Nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2025 là 35.555,78 tỷ đồng tăng 5.130 tỷ đồng so với thời điểm đầu năm, trong đó: nợ phải trả là 16.218,62 tỷ đồng, tăng 24,7% so với đầu năm chiếm tỷ trọng 45,6% tổng nguồn vốn; vốn chủ sở hữu là 19.337 tỷ đồng tăng 11,0% chiếm tỷ trọng 54,4% tổng nguồn vốn (vốn góp của chủ sở hữu là 12.005.880 tỷ đồng và lợi nhuận chưa phân phối là 1.632 tỷ đồng). Cơ cấu nguồn vốn vẫn nghiêng về vốn chủ sở hữu, cho thấy nền tài chính hợp nhất nhìn chung còn trong ngưỡng an toàn. Tuy nhiên, tốc độ tăng nợ phải trả cao hơn đáng kể tốc độ tăng vốn chủ sở hữu, đặc biệt vay và nợ thuê tài chính

dài hạn tăng mạnh, phản ánh Tổng công ty đang gia tăng sử dụng đòn bẩy tài chính để phục vụ đầu tư và mở rộng hoạt động. Đây là xu hướng có thể chấp nhận trong giai đoạn phát triển, nhưng cần tiếp tục theo dõi chặt chẽ rủi ro trả nợ và chi phí vốn trong các năm tới.

* Các chỉ tiêu tài chính và hiệu quả hoạt động:

Chỉ tiêu	ĐVT	01/01/2025	31/12/2025
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:</i>			
+ Khả năng thanh toán ngắn hạn (TSNH/Nợ NH)	Lần	1,6	1,7
+ Khả năng thanh toán nhanh (TSNH-HTK)/Nợ NH	Lần	1,6	1,6
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Nợ phải trả/ Tổng tài sản	%	42,8	45,6
+ Nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu	%	74,7	83,9
<i>3. Chỉ tiêu về Khả năng sinh lời</i>			
- LN sau thuế / Doanh thu thuần	%	15,5	13,9
- LN sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	18,1	13,7
- LN sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	%	8,6	7,4

Ban Kiểm soát cho rằng tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty năm 2025 nhìn chung vẫn bảo đảm an toàn, quy mô vốn tiếp tục được mở rộng, thanh khoản tốt và hiệu quả hoạt động kinh doanh cốt lõi có cải thiện. Tuy nhiên, cần lưu ý một số vấn đề trọng yếu như: các khoản phải thu tăng nhanh, nợ vay dài hạn tăng mạnh, dòng tiền kinh doanh giảm đáng kể so với năm trước, một số dự án và tồn tại tài chính lịch sử còn kéo dài, Báo cáo tài chính hợp nhất tiếp tục có ý kiến kiểm toán ngoại trừ.

VI. Giám sát việc thực hiện các kiến nghị tại các kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền

1. Tình hình thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước

Tình hình thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước về kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2021: Năm 2025 VIMC tiếp tục có các văn bản số 2045/HHVN-TCKT ngày 29/12/2025 gửi Kiểm toán Nhà nước Chuyên ngành VI báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước. Cụ thể:

1.1 Đối với kiến nghị về điều chỉnh số liệu kế toán và BCTC năm 2021: VIMC và các đơn vị đã hoàn thành việc điều chỉnh sổ sách, lập lại BCTC năm 2021.

1.2 Đối với các kiến nghị về Xử lý tài chính, nộp vào Ngân sách nhà nước 56.194 triệu đồng: VIMC và các đơn vị đã hoàn thành.

1.3 Việc chấn chỉnh công tác quản lý tài chính, kế toán: công tác sử dụng tiền và tương đương tiền; Công tác quản lý nợ phải thu; Công tác quản lý nợ phải trả; Công tác quản lý sử dụng TSCĐ; Quản lý tiền lương và các khoản trích theo lương; Công tác quản lý doanh thu, chi phí; Thực hiện nghĩa vụ với NSNN; Công tác quản lý mua sắm vật tư, hàng hoá, tài sản, thuê ngoài cung cấp dịch vụ; Công tác quản lý hàng tồn kho; Công tác Quản lý đầu tư tài chính: VIMC đã có các văn bản đôn đốc, thường xuyên giám sát và yêu cầu các công ty có liên quan báo cáo kết quả thực hiện.

1.4 Kiến nghị, xem xét, kiểm điểm đối với tập thể, cá nhân có liên quan đến các tồn tại đã nêu tại báo cáo kiểm toán: Tổng công ty đã thực hiện (theo Biên bản họp ngày 27/3/2023 về kiểm điểm theo Kết luận số 759/TB-KTNN ngày 14/12/2022 và Kết luận số 1133/TB-KTNN ngày 27/12/2022 của Kiểm toán Nhà nước).

Cho đến thời điểm hiện nay, về cơ bản, Tổng công ty đã thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước.

2. Tình hình thực hiện kiến nghị của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp

* NĐDPV nhà nước tại VIMC:

Thực hiện Công văn 2881/UBQLV-CNHT ngày 12/12/2024 về việc thực hiện kết luận số 419/KLTTCP ngày 13/11/2024 của Thanh tra Chính phủ, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam đã tổ chức họp kiểm điểm theo Kế hoạch 553/KH-HHVN ngày 23/12/2024, Biên bản cuộc họp đã được ban hành ngày 26/12/2024.

Thực hiện các kiến nghị của Ủy ban tại văn bản số 2714/UBQLV-CNHT ngày 20/11/2024 về Kết quả giám sát tài chính năm 2023 tại Tổng công ty Hàng hải Việt Nam, theo văn bản có 6 doanh nghiệp thuộc đối tượng phải báo cáo, gồm: Công ty mẹ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam, Công ty CP Cảng Sài Gòn, Công ty CP Cảng Hải Phòng, Công ty CP Cảng Đà Nẵng, Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam, SP-PSA, SSIT, CMIT.

Tổng công ty Hàng hải Việt Nam đã tích cực triển khai thực hiện các kiến nghị đã được chỉ ra, tuy nhiên một số kiến nghị vẫn chưa thực hiện xong do còn vướng nhiều nguyên nhân khách quan về thủ tục hành chính. VIMC đang hoàn thiện báo cáo tình hình thực hiện các kiến nghị về Chủ sở hữu nhà nước.

3. Đối với các kiến nghị tại các kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác

VIMC đã chỉ đạo các Ban, các đơn vị thành viên thực hiện các kiến nghị của các đoàn thanh tra, kiểm tra, kiểm toán. Cụ thể tình hình thực hiện các kiến nghị của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền như sau:

- Cục thuế Thành phố Hà Nội: Thực hiện quyết định số 42947/QĐ-CTHN-TTKT1 ngày 26/7/2024 của Cục Thuế TP. Hà Nội về việc thanh tra tại VIMC; Biên bản thanh tra thuế lập ngày 31/12/2024; Kết luận số 69902/KL-CTHN-TTKT1 ngày 31/12/2024 về kết luận thanh tra tại VIMC; quyết định số 69903/QĐ-CTHN-TTKT1-XPVPHC ngày 31/12/2024 về xử phạt vi phạm hành chính về thuế, theo đó số tiền phải nộp về NSNN là 4.078.180.313 đồng.

Toàn bộ số tiền phải nộp trên VIMC đã thực hiện nộp về NSNN đúng quy định (10/01/2025) đồng thời đã có biện pháp thu hồi với các cá nhân thanh toán sử dụng hoá đơn không phù hợp.

- Bộ Tài chính: Thực hiện Kết luận thanh tra số 1134/KL-TTr ngày 06/12/2019 của Thanh tra Bộ Tài chính về Thanh tra việc chấp hành pháp luật về tài chính, kế toán và thuế, kết quả 09/12 kiến nghị đã hoàn thành; 03/12 kiến nghị đang triển khai thực hiện, cụ thể:

(i) Kiến nghị Công ty CP Vận tải biển Việt Nam làm việc với Công ty TNHH MTV Đóng tàu Bạch Đằng và công ty TNHH MTV Đóng tàu Nam Triệu (các đơn vị đóng mới 3 tàu Lucky Star, Blue Star, Vosco Sunrise) để đối chiếu, xác nhận và thanh quyết toán giá trị hoàn thành theo quy định hiện hành.

(ii) Kiến nghị Công ty CP Vận tải biển Việt Nam, Công ty CP vận tải biển Vinaship và VIMC có biện pháp xử lý dứt điểm khoản nợ liên quan đến tàu Vinashin Atlantic theo biên bản thỏa thuận ba bên ký ngày 01 tháng 11 năm 2010 tại Công ty CP Vận tải biển Việt Nam và khoản nợ phải thu Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin liên quan đến việc sửa chữa tàu Green Sea tại Công ty CP Vận tải biển Vinaship đảm bảo quy định của pháp luật

(iii) Kiến nghị Công ty CP Cảng Hải Phòng và Công ty CP Cảng Sài Gòn hiện còn vướng mắc về phương án sử dụng đất tại Cảng Sài Gòn và vướng mắc xác định số tiền thuê đất phải nộp vào ngân sách nhà nước theo đúng quy định của luật quản lý thuế và Cảng Sài Gòn đang tạm xác định và hạch toán vào chi phí số tiền 40,2 tỷ đồng.

- Thanh tra Chính phủ:

(i) Thực hiện chỉ đạo của UBQLV tại văn bản số 2881/UBQLV-CNHT ngày 12/12/2024 về việc thực hiện Kết luận số 419/KL-TTCT của Thanh tra Chính phủ về việc tái cơ cấu DNNN, việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất sản xuất kinh doanh của DNNN, doanh nghiệp CPH sang kinh doanh đất xây dựng nhà ở giai đoạn 2011- 2021 tại Bộ Giao thông Vận tải. VIMC đã tổ chức triển khai thực hiện các kiến nghị, xử lý tồn tại, đến thời điểm hiện nay còn: 01/5 tồn tại đang triển khai thực hiện (việc chậm quyết toán cổ phần hóa tại Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng và Công ty TNHH MTV Cảng Sài Gòn) và 01/02 kiến nghị đang triển khai thực hiện.

(ii) Thực hiện chỉ đạo của Bộ Giao thông vận tải tại Văn bản số 1420/TTr-P5 ngày 29/11/2023 về việc báo cáo kết quả thực hiện Kết luận Thanh tra số 1566/KL-TTCTP ngày 17/9/2018 của Thanh tra Chính phủ về việc cổ phần hóa Cảng Quy Nhơn, Tổng công ty đã có Báo cáo số 174/HHVN-ĐT ngày 04/12/2023 về kết quả thực hiện Kết luận thanh tra số 1566/KL-TTCTP ngày 17/9/2018, đến nay, VIMC đã hoàn thành 05/6 kiến nghị và 01/6 kiến nghị đang triển khai thực hiện.

Đối với các kiến nghị đang thực hiện, Ban Kiểm soát sẽ tiếp tục theo dõi, đôn đốc và báo cáo cổ đông tại kỳ ĐHĐCĐ tới.

VII. Đánh giá việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc với Ban Kiểm soát

- Ban Kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban Điều hành trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao. Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ. Ban Kiểm soát được cung cấp đầy đủ các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Tổng công ty, được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các cuộc họp cần thiết khác.

- Hầu hết các ý kiến đóng góp kịp thời của Ban Kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban điều hành Tổng công ty đều được ghi nhận và được điều chỉnh ngay trong quá trình ra các nghị quyết, quyết định và triển khai thực hiện.

- Sự phối hợp chặt chẽ giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc góp phần tăng cường hiệu quả sử dụng vốn, tài sản nói chung cũng như tăng cường hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và quản lý rủi ro trong Tổng công ty.

VIII. Đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc), người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc), người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

1. Các giao dịch giữa Công ty (VIMC), công ty con với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của Công ty: không có phát sinh hợp đồng giao dịch liên quan đến các thành viên HĐQT, TGD và người điều hành khác.

2. Các giao dịch giữa Công ty với các công ty con, công ty liên kết có cùng lợi ích: Trong năm 2025, VIMC đã thực hiện đúng quy định tại Điều 167

Luật doanh nghiệp và Điều 57 Điều lệ Công ty về chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan, Ban Kiểm soát nhất trí với thông tin về các giao dịch của VIMC với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 36.1 Báo cáo tài chính Riêng 2025 của VIMC.

3. Các giao dịch giữa công ty (VIMC) với 07 công ty (CĐN, CCR, VOSA, VIMC Lines, Vinaship, CCT, Hậu Giang) trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) và người điều hành khác là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch: gồm các giao dịch về mua hàng, bán hàng, cho vay vốn, lãi vay, cổ tức nhận được là 178 tỷ đồng

PHẦN II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Để hoàn thành tốt các nhiệm vụ năm 2026 và nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổng công ty, Ban Kiểm soát xin có một số đề xuất, kiến nghị sau:

1. Công tác quyết toán cổ phần hóa: Kính đề nghị Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt quyết toán tài chính tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần của Công ty mẹ - Tổng công ty làm cơ sở thực hiện bàn giao giữa doanh nghiệp nhà nước và công ty cổ phần.

2. Hội đồng quản trị VIMC tiếp tục thực hiện các biện pháp kiểm soát chặt chẽ tình hình tài chính, nâng cao hiệu quả SXKD đối với nhóm các công ty có vốn góp có dấu hiệu mất an toàn tài chính; thực hiện thoái vốn các doanh nghiệp trong kế hoạch vào thời điểm phù hợp thu được hiệu quả cao nhất.

3. Báo cáo tài chính riêng và BCTC hợp nhất năm 2025 vẫn còn nhiều điểm cần nhấn mạnh và ý kiến kiểm toán ngoại trừ. Đề nghị Hội đồng quản trị và Ban Điều hành tiếp tục chỉ đạo kiểm soát chặt công nợ, dòng tiền và hiệu quả đầu tư đồng thời tập trung xử lý dứt điểm các tồn tại đã được Kiểm toán nêu ra.

4. Theo quy định của Luật Chứng khoán và ý kiến của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, từ ngày 01/01/2026, một số công ty con của VIMC (Cảng Hải Phòng, Cảng Đà Nẵng, Cảng Cần Thơ, Cảng Cam Ranh, Vinaship) không đáp ứng điều kiện về cơ cấu cổ đông của công ty đại chúng (tỷ lệ cổ phần do cổ đông không phải cổ đông lớn nắm giữ dưới 10%). Trường hợp trong năm 2026 cơ cấu cổ đông của các đơn vị này không được điều chỉnh để đáp ứng điều kiện của công ty đại chúng theo quy định pháp luật, công ty đó sẽ phải thực hiện các thủ tục liên quan đến việc hủy tư cách công ty đại chúng và hủy niêm yết theo quy định của pháp luật chứng khoán. Ban Kiểm soát kiến nghị HĐQT đánh giá tác động của việc các đơn vị này bị hủy niêm yết tới kế hoạch, chiến lược của VIMC để có biện pháp phù hợp, gia tăng giá trị tài sản của VIMC.

5. Đề nghị Hội đồng quản trị và Ban Điều hành VIMC (Người đại diện phần vốn Nhà nước) tiếp tục thực hiện và có báo cáo về tình hình thực hiện các

kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Chính phủ, Thanh tra Bộ Tài chính và tại các kết luận thanh kiểm tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về Bộ Tài chính.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát năm 2025, kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét, thông qua.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT VIMC;
- Các thành viên BKS (để t/h);
- Lưu: VT, BKS, TKTH.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỜNG BAN



Lương Đình Minh

Số: 516/BC-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2026

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA KIỂM SOÁT VIÊN VÀ BAN
KIỂM SOÁT NĂM 2025, PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2026**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020 và các sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019 và các sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Nghị quyết số 294/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/7/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;

Ban Kiểm soát (“BKS”) Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026 với các nội dung như sau:

1. Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025

1.1 Số lượng thành viên Ban Kiểm soát

Nhân sự Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2025 - 2030, gồm 03 thành viên:

- | | | |
|----|---------------------|----------------------------|
| 1) | Ông Lương Đình Minh | - Trưởng Ban Kiểm soát |
| 2) | Ông Phạm Cao Nhuệ | - Thành viên Ban Kiểm soát |

1.2 Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2025 của Ban Kiểm soát

Thực hiện nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao tại Kế hoạch hoạt động năm 2025 của BKS (*Nghị quyết số 294/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/7/2025 Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP*). Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã thực hiện giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và kiểm tra hoạt động SXKD chung của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP, đồng thời kiểm tra giám sát trực tiếp đối với Người đại diện phần vốn của VIMC tại các doanh nghiệp có vốn góp (theo *Văn bản số 233/HHVN-KTNB ngày 05/3/2025 của Tổng giám đốc VIMC về kế hoạch tổng thể kiểm tra, giám sát năm 2025 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP*). Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ về kiểm tra, giám sát, BKS luôn làm việc hết mình, đảm bảo tính khách quan, trung thực và cẩn trọng, đạo đức nghề nghiệp, không cản trở đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty cũng như tại các đơn vị thành viên được kiểm tra.

- Trong năm 2025, Ban kiểm soát có 09 (chín) cuộc họp, định kỳ mỗi quý ít nhất họp một lần đảm bảo theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty. Ngoài ra BKS cũng đã thường xuyên trao đổi, đánh giá các vấn đề liên quan trong công tác quản lý, điều hành hoạt động SXKD của Tổng công ty phục vụ cho cho mục đích kiểm soát của BKS.

- Thông qua việc xem xét rà soát các Tờ trình của Ban điều hành, Nghị quyết của HĐQT, Quy chế do HĐQT ban hành; giám sát công tác điều hành của Ban điều hành thông qua việc tham gia các cuộc họp giao ban, các cuộc làm việc của Ban điều hành với các đơn vị thành viên, qua các báo cáo mà BKS được tiếp cận, qua đó BKS đã thường xuyên giám sát tình hình thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, đầu tư và các nội dung, vấn đề năm 2025 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, giám sát các chỉ tiêu tài chính; bảo toàn và phát triển vốn; tình hình thực hiện các dự án đầu tư và hiệu quả đầu tư; Việc thực hiện chế độ tài chính, phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ.

- Giám sát tình hình thực hiện hoàn thành theo phân kỳ đối với Đề án Cơ cấu lại VIMC giai đoạn 2021-2025; Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2035 và Kế hoạch SXKD và đầu tư 05 năm giai đoạn 2021-2025 của VIMC, để đảm bảo bám sát tiến độ theo yêu cầu của đề án và chiến lược đã được phê duyệt.

- Giám sát việc tuân thủ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025, việc chấp hành Điều lệ VIMC, Pháp luật Nhà nước và các Quy chế, quy định, nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban điều hành trong công tác quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ năm 2025.

- Kiểm tra giám sát tính hợp pháp, hợp lý, trung thực và cẩn trọng của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc trong việc tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu, trong quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Thông qua hoạt động kiểm tra giám sát, BKS đưa ra các ý kiến, kiến nghị với HĐQT, BĐH tại các cuộc họp HĐQT và các cuộc họp với Ban điều hành về

các biện pháp tăng cường kiểm soát, giảm thiểu rủi ro, đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ, quy định nội bộ, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động và hoàn thành tốt nhiệm vụ SXKD trong năm 2025.

- Tham gia đóng góp ý kiến sửa đổi, bổ sung, soát xét hệ thống tài liệu quản trị nội bộ trong Tổng Công ty.

- Thẩm định Báo cáo tài chính riêng và BCTC hợp nhất của VIMC năm 2024 và kỳ 6 tháng đầu năm 2025 đã được soát xét bởi Công ty TNHH hãng Kiểm toán UHY, các báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2025 theo quy định nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các chính sách, quy định pháp luật có liên quan.

- Thông qua các nội dung, quy trình về lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập, các tiêu chí ký hợp đồng với công ty Kiểm toán thực hiện kiểm toán BCTC năm 2025.

- Đánh giá hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ Tổng công ty và một số đơn vị thành viên (theo kế hoạch đã được ĐHĐCĐ năm 2025 thông qua). Đề xuất kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ.

- Thực hiện các báo cáo theo yêu cầu của cổ đông lớn trước tháng 2/2025 là Ủy ban Quản lý Vốn nhà nước tại doanh nghiệp, sau là Bộ Tài chính.

Bên cạnh đó, đối với các công việc thường xuyên Ban Kiểm soát cũng hoàn thành công tác Giám sát việc kiểm kê tài sản và xử lý kết quả kiểm kê theo quy định của Luật Kế toán; Thẩm định việc xây dựng quỹ tiền lương của người quản lý và người lao động tại Công ty Mẹ; Kiểm tra tình hình, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác quản lý chi phí, quản lý nợ tại một số đơn vị hạch toán phụ thuộc. Trong năm 2025 BKS đã thực hiện hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đã tham gia KTGS 08 đoàn công tác do BKS đứng chủ trì, trong đó 2 đoàn kiểm tra đơn vị phụ thuộc của VIMC là Chi nhánh VIMC tại Hải Phòng và Công ty Kho Bãi VIMC Hải Phòng và 06 Công ty cổ phần là công ty con của VIMC, gồm: CTCP Cảng Hải Phòng, CTCP Cảng Nghệ Tĩnh, CTCP Cảng Quy Nhơn, CTCP vận tải biển VINASHIP, CTCP vận tải biển Việt Nam, CTCP Vận tải Container VIMC. Các đoàn kiểm tra do BKS chủ trì đã có sự kết hợp tham gia thêm của các chuyên gia tại các ban chuyên môn, do đó chất lượng KTGS đã được nâng lên cả về quy mô kiểm tra và chất lượng so với thời kỳ trước, với nội dung kiểm tra được rộng hơn, sâu và kỹ hơn, các nhận xét, kiến nghị và ý kiến đóng góp của đoàn kiểm tra đã hỗ trợ giúp cho đối tượng được kiểm tra được kịp thời đưa ra các quyết định trong công tác hoạt động kinh doanh hiệu quả.

Ban Kiểm soát đã nghiêm túc thực hiện và hoàn thành các nội dung trong Kế hoạch hoạt động năm 2025 của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, bám sát Nghị quyết của ĐHĐCĐ, kế hoạch hoạt động và tình hình thực tế, thực hiện đúng trách nhiệm và quyền hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ VIMC. Duy trì tốt mối quan hệ công tác và phối hợp với

Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban điều hành. Thực hiện đầy đủ các báo cáo giám sát và báo cáo khác theo quy định.

1.3 Đánh giá kết quả hoạt động của các thành viên Ban kiểm soát

- Năm 2025, BKS nói chung và từng thành viên BKS nói riêng luôn làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, theo nguyên tắc độc lập, cẩn trọng, vì lợi ích của cổ đông và của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP, đã nỗ lực, đoàn kết, khắc phục mọi khó khăn, tìm mọi biện pháp, thực hiện tinh thần Kaizen liên tục, vận dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo AI, đổi mới sáng tạo trong cách làm để hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ được giao. Trong quá trình hoạt động, từng thành viên Ban kiểm soát luôn khẳng định năng lực chuyên môn nghiệp vụ, kiểm tra một cách độc lập, khách quan và báo cáo theo ý kiến của mình về tính trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính, cũng như tính tuân thủ pháp luật của các hoạt động kinh doanh chung. Thường xuyên trao đổi, đóng góp ý kiến thẳng thắn với Hội đồng quản trị, Ban điều hành khi phát hiện ra sai sót cũng như các hoạt động có tiềm ẩn rủi ro cho Tổng Công ty.

- Các thành viên Ban Kiểm soát đã hoạt động tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng Công ty.

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, các thành viên đã chủ động trong công việc và thường xuyên trao đổi, luôn có tinh thần làm việc tập thể, thực hiện công việc một cách khách quan và đạt hiệu quả cao nhất.

1.4 Lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025

Lương và thù lao của các thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo chế độ của Công ty, tuân thủ quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp. Năm 2025, cả 03 kiểm soát viên đều làm việc theo hình thức chuyên trách nên không phát sinh tiền thù lao, tổng thu nhập (theo quy định tại Điều 172 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ VIMC về Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của KSV) của các thành viên Ban Kiểm soát VIMC là 3.177 triệu đồng. Cụ thể:

Ông Lương Đình Minh Trưởng Ban Kiểm soát 1.335.061.048 đồng; Bà Phan Thị Nhị Hà Kiểm soát viên 930.665.088 đồng; Ông Phạm Cao Nhuệ Kiểm soát viên 911.843.900 đồng.

Các chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được thực hiện đúng định mức chi theo quy định tại Quy chế chi tiêu nội bộ của Tổng Công ty.

2. Phương hướng hoạt động năm 2026

Thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ VIMC và nhiệm vụ được giao tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2026, Ban Kiểm soát lập kế hoạch hoạt động chi tiết cho năm 2026 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua, trong đó tập trung kiểm tra, giám sát các công việc chủ yếu sau:

- Giám sát tình hình thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2026 do Đại hội đồng cổ đông giao.

- Giám sát tình hình thực hiện hoàn thành theo phân kỳ đối với Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2035 đảm bảo bám sát tiến độ theo yêu cầu của chiến lược đã được phê duyệt.

- Kiểm tra, thẩm định Báo cáo tài chính quý, bán niên và cả năm 2026 của Tổng công ty.

- Giám sát các chỉ tiêu tài chính; Bảo toàn và phát triển vốn; Thực hiện các dự án đầu tư và hiệu quả đầu tư; Việc thực hiện chế độ tài chính, phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ.

- Kiểm tra việc tuân thủ các chế độ, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Kiểm tra tình hình thực hiện công tác xây dựng các quy chế, quy định, quy trình quản lý nội bộ của Công ty.

- Kiểm tra giám sát tính hợp pháp, hợp lý, trung thực và cẩn trọng của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc trong việc tổ chức thực hiện quyền của chủ sở hữu, trong quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Làm việc với người đại diện phần vốn tại các doanh nghiệp có vốn góp của VIMC và Ban Kiểm soát các đơn vị này về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tổ chức hệ thống kiểm soát nội bộ và công tác kiểm tra giám sát.

- Giám sát việc thực hiện, tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động của VIMC, tuân thủ các quy định của pháp luật nhà nước; Tuân thủ các chỉ đạo của Hội đồng quản trị, của Tổng giám đốc.

- Đánh giá hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ Tổng công ty. Đề xuất kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ.

- Giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của bộ phận Kiểm toán nội bộ để tăng cường công tác giám sát tại công ty.

- Tham gia các đoàn kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát kiểm tra hoạt động của người đại diện phần vốn của VIMC tại các công ty có vốn góp của VIMC theo kế hoạch năm 2026 (có danh sách kèm theo).

- Phối hợp tham gia cùng các đoàn kiểm tra giám sát của Ban Điều hành và Ban KTNB VIMC trong việc kiểm tra giám sát công tác hoạt động sản xuất kinh doanh tại các công ty thành viên của Tổng công ty.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng, đoàn thanh kiểm tra trong việc kiểm tra giám sát công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty; Giám sát việc thực hiện các kết luận, kiến nghị của Chủ sở hữu, các cơ quan ban ngành thanh kiểm tra, kiểm toán tại VIMC.

- Thực hiện các công việc khác của BKS theo quy định của Luật doanh nghiệp hiện hành.

- Cập nhật chính sách, quy định mới ban hành, tham gia các lớp đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn.

(Chi tiết Kế hoạch hoạt động năm 2026 kèm theo báo cáo này)

Trên đây là báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động nhiệm vụ của Kiểm soát viên và của Ban Kiểm soát năm 2025, phương hướng hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2026. Ban Kiểm soát kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT VIMC;
- Các thành viên BKS (để t/h);
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Lương Đình Minh

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2026
CỦA BAN KIỂM SOÁT TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP

Stt	Nội dung / Nhiệm vụ	Đối tượng kiểm tra, giám sát	Hình thức kiểm tra, giám sát	Thời gian thực hiện	Ghi chú
A	Nhiệm vụ thường xuyên				
1	Giám sát tình hình thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2026 được giao tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2026.	VIMC	Thường xuyên	Năm 2026	
2	Giám sát tình hình thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh.	VIMC	Thường xuyên	Năm 2026	
3	Tham gia các cuộc họp theo nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.		Thường xuyên	Năm 2026	
4	Thực hiện các báo cáo định kỳ theo quy định		Thường xuyên	Năm 2026	
5	Đánh giá hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ Tổng công ty. Đề xuất kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ.	VIMC	Thường xuyên	Năm 2026	
6	Giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của bộ phận Kiểm toán nội bộ để tăng cường chất lượng công tác kiểm tra giám sát tại Tổng công ty.	Ban KTNB VIMC	Thường xuyên	Năm 2026	
7	Kiểm tra giám sát tính hợp pháp, hợp lý, trung thực và cẩn trọng của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc trong việc tổ chức thực hiện quyền của chủ sở hữu, trong quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh	HDQT, Ban TGD	Thường xuyên	Năm 2026	

8	Giám sát công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của HĐQT, Ban Tổng giám đốc VIMC theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức hoạt động của VIMC	HĐQT, Ban TGD	Thường xuyên	Năm 2026	
9	Giám sát các chỉ tiêu tài chính; Bảo toàn và phát triển vốn; Thực hiện các dự án đầu tư và hiệu quả đầu tư; Việc thực hiện chế độ tài chính, phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ năm 2024, 2025.	VIMC	Thường xuyên	Năm 2026	
10	Giám sát tình hình thực hiện các kết luận, kiến nghị của chủ sở hữu, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán tại VIMC.	VIMC	Thường xuyên	Năm 2026	
11	Thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý, bán niên năm 2026 của VIMC.	Công ty Mẹ và các công ty con	Thường xuyên	Năm 2026	Sau khi Báo cáo tài chính hàng kỳ được phát hành
12	Thực hiện các công việc khác được quy định tại Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát VIMC, Điều lệ và Luật doanh nghiệp hiện hành.	VIMC	Thường xuyên	Năm 2026	
B	Kiểm tra, giám sát theo chuyên đề				
I	Quý I năm 2026				
1	Giám sát việc kiểm kê tài sản và xử lý kết quả kiểm kê tại thời điểm 0h00 ngày 01/01/2026	Văn phòng TCTY và Công ty VTB VIMC	Tham gia kiểm kê trực tiếp	Theo lịch kiểm kê của đơn vị	Biên bản kiểm kê; Báo cáo kết quả xử lý sau kiểm kê

2	Thẩm định Quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý và người lao động tại Công ty Mẹ năm 2025 và Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2026.	Văn phòng TCTY	Thông qua Tờ trình của TGD; Nghị quyết của HĐQT	Tháng 3/2026	
3	Rà soát, tham gia có ý kiến đối với Báo cáo tài chính năm tài chính 2025 của VIMC đã được kiểm toán (gồm BCTC riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất).	Công ty mẹ - Tổng công ty (VpTcty và các đơn vị HTPT)	Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán, các biên bản kiểm toán, Thư quản lý, Hợp đồng kiểm toán và hồ sơ chứng từ liên quan; làm việc tại đơn vị nếu cần	Sau khi Báo cáo tài chính 2025 đã kiểm toán được phát hành	
II	Quý II năm 2026				
1	Kiểm tra Công tác tổ chức quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh; Việc thực hiện quyền và trách nhiệm của Giám đốc Công ty theo phân cấp/ủy quyền; Đánh giá công tác quản lý tài chính, tình hình tài chính, việc tổ chức công tác kế toán; Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ; Kiểm tra việc thực hiện các kiến nghị trước đó của VIMC, của thanh tra, kiểm toán, cơ quan quản lý khác. Kỳ kiểm tra: Năm 2025	Công ty Vận tải biển VIMC	Kiểm tra trực tiếp tại đơn vị	Tháng 4 (or 5)/2026	Ban Kiểm soát, Ban VTB; Đầu tư.
2	Kiểm tra Công tác tổ chức quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh; Việc thực hiện quyền và trách nhiệm của người đại diện vốn của VIMC tại đơn vị; Đánh giá công tác quản lý tài chính, tình hình tài chính, việc tổ chức công tác kế toán; Kiểm tra hoạt động đầu tư, chuyển nhượng vốn, phân phối lợi nhuận, cổ tức. Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ; Kiểm tra việc thực	Công ty CP Đại lý Hàng hải (VOSA)	Kiểm tra trực tiếp tại đơn vị	Tháng 5/2026	Ban Kiểm soát và các Ban: VTB; KTNB, TCKT

	hiện các kiến nghị trước đó của VIMC, của thanh tra, kiểm toán, cơ quan quản lý khác. Kỳ kiểm tra: Năm 2025				
3	Kiểm tra Công tác tổ chức quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh; Việc thực hiện quyền và trách nhiệm của người đại diện vốn của VIMC tại đơn vị; Đánh giá công tác quản lý tài chính, tình hình tài chính, việc tổ chức công tác kế toán; Kiểm tra hoạt động đầu tư, chuyển nhượng vốn, phân phối lợi nhuận, cổ tức. Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ; Kiểm tra việc thực hiện các kiến nghị trước đó của VIMC, của thanh tra, kiểm toán, cơ quan quản lý khác. Kỳ kiểm tra: Năm 2025	Công ty Liên doanh khai thác Container Vietnam (Vinabridge)	Kiểm tra trực tiếp tại đơn vị	Tháng 5/2026	Ban Kiểm soát và các Ban: CB&DVHH; Đầu tư
4	Kiểm tra Công tác tổ chức quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh; Việc thực hiện quyền và trách nhiệm của người đại diện vốn của VIMC tại đơn vị; Đánh giá công tác quản lý tài chính, tình hình tài chính, việc tổ chức công tác kế toán; Kiểm tra hoạt động đầu tư, chuyển nhượng vốn, phân phối lợi nhuận, cổ tức. Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ; Kiểm tra việc thực hiện các kiến nghị trước đó của VIMC, của thanh tra, kiểm toán, cơ quan quản lý khác. Kỳ kiểm tra: năm 2025	Công ty CP Đầu tư Cảng Cái Lân (CPI)	Kiểm tra trực tiếp tại đơn vị	Tháng 6/2026	Ban Kiểm soát và các Ban: CB&DVHH.
III	Quý III năm 2026				

1	Kiểm tra đánh giá hệ thống công nghệ thông tin của Tổng công ty (về các nội dung: Trang bị & quản lý TSCNTT; Quản lý kiểm soát truy cập; An toàn mạng máy tính; QL sử dụng các phần mềm nghiệp vụ; hoạt động lưu trữ sao lưu dữ liệu; tình hình thực hiện, triển khai các dự án...).	Trung tâm CNTT Văn phòng TCTy	Kiểm tra trực tiếp	Tháng 7/2026	
2	Kiểm tra Công tác tổ chức quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh; Việc thực hiện quyền và trách nhiệm của Giám đốc chi nhánh theo phân cấp/ủy quyền; Đánh giá công tác quản lý tài chính, tình hình tài chính, việc tổ chức công tác kế toán; Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ; Kiểm tra việc thực hiện các kiến nghị trước đó của VIMC, của thanh tra, kiểm toán, cơ quan quản lý khác. Kỳ kiểm tra: Năm 2025 và 6 tháng năm 2026	Chi nhánh VIMC tại Hải Phòng	Kiểm tra trực tiếp tại đơn vị	Tháng 8/2026	Ban Kiểm soát, Ban TCKT, Ban CB&DVHH.
3	Kiểm tra Công tác tổ chức quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh; Việc thực hiện quyền và trách nhiệm của Giám đốc Công ty theo phân cấp/ủy quyền; Đánh giá công tác quản lý tài chính, tình hình tài chính, việc tổ chức công tác kế toán; Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ; Kiểm tra việc thực hiện các kiến nghị trước đó của VIMC, của thanh tra, kiểm toán, cơ quan quản lý khác. Kỳ kiểm tra: Năm 2025 và 6 tháng năm 2026	Công ty Kho bãi VIMC Hải Phòng	Kiểm tra trực tiếp tại đơn vị	Tháng 8/2026	Ban Kiểm soát, Ban TCKT, Ban CB&DVHH.
4	Kiểm tra Công tác tổ chức quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh; Việc thực hiện quyền và trách nhiệm của Giám đốc Công ty theo phân cấp/ủy quyền; Đánh giá công tác quản lý tài chính, tình hình tài chính, việc tổ chức công tác kế toán; Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ; Kiểm tra việc thực hiện các kiến nghị trước	Công ty Vận tải biển VIMC	Kiểm tra trực tiếp tại đơn vị	Tháng 9/2026	Ban Kiểm soát, Ban VTB; Đầu tư.

	đó của VIMC, của thanh tra, kiểm toán, cơ quan quản lý khác. Kỳ kiểm tra: 6 tháng đầu năm 2026				
5	Kiểm tra Công tác tổ chức quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh; Việc thực hiện quyền và trách nhiệm của Giám đốc Công ty/Chi nhánh theo phân cấp/ủy quyền; Đánh giá công tác quản lý tài chính, tình hình tài chính, việc tổ chức công tác kế toán; Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ; Kiểm tra việc thực hiện các kiến nghị trước đó của VIMC, của thanh tra, kiểm toán, cơ quan quản lý khác. Kỳ kiểm tra: Năm 2025 và 6 tháng năm 2026	Ban Quản lý Dự án chuyên ngành Hàng hải.	Kiểm tra trực tiếp tại đơn vị	Tháng 9/2026	Ban Kiểm soát
IV	Quý IV năm 2026				
1	Kiểm tra, giám sát những nội dung đã được ĐHĐCD năm 2025 thông qua - Đánh giá vai trò, trách nhiệm và hoạt động của HĐQT - Giám sát thực hiện các nghị quyết Hội đồng quản trị của Ban điều hành, đánh giá hiệu quả hoạt động của Ban điều hành - Thẩm định báo cáo tài chính năm 2025 và BCTC bán niên 2026 đã kiểm toán - Đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh - Đánh giá tình hình đầu tư nói chung và hiệu quả đầu tư vốn - Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ - Kiểm tra việc thực hiện các kiến nghị của các ban ngành thanh kiểm tra, cơ quan quản lý khác Kỳ kiểm tra: Năm 2025 và 6 tháng năm 2026	Công ty Mẹ VIMC		Tháng 10/2026	Ban Kiểm soát và các TV khác

2	Kiểm tra Công tác tổ chức quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh; Việc thực hiện quyền và trách nhiệm của người đại diện vốn của VIMC tại đơn vị; Đánh giá công tác quản lý tài chính, tình hình tài chính, việc tổ chức công tác kế toán; Kiểm tra việc thực hiện các kiến nghị trước đó của VIMC, của thanh tra, kiểm toán, cơ quan quản lý khác. Kỳ kiểm tra: năm tài chính 2025 và 6 tháng 2026	Công ty CP Vinalines Nha Trang	Kiểm tra thông qua hồ sơ, sổ sách của đơn vị và làm việc với người đại diện vốn	Tháng 11/2026	Ban Kiểm soát
3	Kiểm tra Công tác tổ chức quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn; Việc thực hiện quyền và trách nhiệm của người đại diện vốn của VIMC tại đơn vị; Đánh giá công tác quản lý tài chính, tình hình tài chính, việc tổ chức công tác kế toán; Kiểm tra hoạt động đầu tư, chuyển nhượng vốn, phân phối lợi nhuận, cổ tức. Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ; Kiểm tra việc thực hiện các kiến nghị trước đó của VIMC, của thanh tra, kiểm toán, cơ quan quản lý khác. Kỳ kiểm tra: Năm 2025 và 6 tháng năm 2026	Công ty TNHH Vận tải quốc tế Nhật-Việt (VIJACO)	Kiểm tra trực tiếp tại đơn vị	Tháng 11/2026	Ban Kiểm soát và các Ban VTB; Đầu tư.
4	Đánh giá hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ Tổng công ty	Công ty Mẹ Tổng công ty	Rà soát các thành phần của hệ thống kiểm soát nội bộ tại Công ty Mẹ Tổng công ty	Tháng 12/2026	Đánh giá hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ

* Thời gian kiểm tra trong kế hoạch này là dự kiến, thời gian cụ thể phụ thuộc vào sự sắp xếp, phối hợp với các đơn vị và ban liên quan.

TỜ TRÌNH

Phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Điều lệ của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (“VIMC”);

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP,

Căn cứ Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Hội đồng quản trị Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung như sau:

1. Về Báo cáo tài chính riêng năm 2025

Báo cáo tài chính riêng năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY. Ý kiến kiểm toán viên về Báo cáo tài chính như sau:

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.”

Tóm tắt một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính riêng năm 2025 đã kiểm toán như sau:

ĐVT: VND

A	Bảng Cân đối kế toán	Tại 31/12/2025	Tại 31/12/2024
I	Tổng tài sản	15.863.637.082.426	14.412.914.827.217
1	Tài sản ngắn hạn	3.927.540.898.921	2.222.671.378.674
2	Tài sản dài hạn	11.936.096.183.505	12.190.243.448.543
II	Tổng nguồn vốn	15.863.637.082.426	14.412.914.827.217
1	Nợ phải trả	1.850.009.408.346	1.011.422.551.457
2	Vốn chủ sở hữu	14.013.627.674.080	13.401.492.275.760

B	Kết quả hoạt động kinh doanh	Năm 2025	Năm 2024
1	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	54.274.983.872	192.885.296.483
2	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	330.720.987.868	393.406.540.554
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	671.553.523.320	1.353.536.982.178
4	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	671.553.523.320	1.353.536.982.178

C	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	Năm 2025	Năm 2024
1	Lợi nhuận trước thuế	671.553.523.320	1.353.536.982.178
2	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(197.686.062.801)	205.778.519.391
3	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	368.550.394.735	(97.957.522.738)
4	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	-	(286.998.125.997)
5	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	170.864.331.934	(179.177.129.344)
6	Tiền và tương đương tiền đầu năm	322.930.807.932	480.875.972.938
7	Tiền và tương đương tiền cuối năm	512.555.597.110	322.930.807.932

2. Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Trong Báo cáo kiểm toán độc lập có nêu:

“Tại Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông - Công ty con của Tổng Công ty (“Biển Đông”)

Liên quan đến chênh lệch số dư gốc vay và nợ vay phải trả Công ty Tài chính TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy (“VFC”)

Theo thư xác nhận độc lập mà chúng tôi nhận được từ Công ty TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy (“VFC”) ghi nhận số dư gốc cho vay và lãi phải thu Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông (“Biển Đông”) liên quan đến Dự án tàu Container 1730 TEU V22 lớn hơn số liệu trên sổ sách do Biển Đông theo dõi tại thời điểm 31/12/2025 lần lượt là 28.667.314,77 USD và 67.863.415,56 USD, tại thời điểm 01/01/2025 lần lượt là 28.667.314,77 USD và 63.541.824,47 USD.

Nguyên nhân là do Biển Đông đã thực hiện chuyển nợ gốc và lãi vay phải trả VFC sang Công ty TNHH MTV Đóng tàu Bạch Đằng (“Bạch Đằng”) theo biên bản bàn giao ký ngày 05/08/2015 với Bạch Đằng. Tuy nhiên, VFC chưa thực hiện chuyển đổi tượng nợ mà vẫn theo dõi nợ gốc và tính lãi vay phát sinh sau thời điểm 05/08/2015 cho Biển Đông nên xảy ra tình trạng chênh lệch nợ gốc và lãi tại thời điểm lập báo cáo tài chính nêu trên.

Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp cho các số dư tại thời điểm đầu năm, số liệu phát sinh trong năm và số dư cuối năm của các khoản vay và chi phí lãi vay phải trả này.

Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các chỉ tiêu này và các ảnh hưởng nếu có đến Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo hay không (xem thêm tại Thuyết minh số 20 và số 24).

Liên quan đến việc ghi nhận chênh lệch giữa nợ gốc và lãi vay phải trả các tổ chức tín dụng với số tiền Công ty nhận nợ với Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC)

Trước năm 2017, Biển Đông áp dụng hướng dẫn của công văn số 751/BTC-TCĐN ngày 17/9/2015 của Bộ tài chính (công văn 751) v/v hướng dẫn kế toán phần chênh lệch giữa giá trị khoản nợ theo sổ sách kế toán và giá trị nhận nợ với Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (“DATC”). Theo đó, khoản chênh lệch giữa số tiền Biển Đông nhận nợ với DATC với giá trị khoản nợ gốc và lãi vay phải trả các tổ chức tín dụng được ghi nhận tăng giá trị phần vốn Nhà nước tại Biển Đông.

Từ năm 2018 đến năm 2021, Biển Đông chuyển sang áp dụng các quy định của Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, theo đó khoản chênh lệch giữa số tiền Biển Đông nhận nợ DATC với giá trị khoản gốc và lãi vay phải trả các tổ chức tín dụng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Từ năm 2022 tới 2023, Biển Đông áp dụng hướng dẫn của Thông tư số 46/2021/TT-BTC ngày 23/6/2021, công văn số 751/BTC-TCDN ngày 17/9/2015, công văn số 5883 /BTC-TCDN ngày 08/5/2017, công văn số 1440/BTC-TCDN ngày 08/02/2021 của Bộ Tài chính. Theo đó, khoản chênh lệch giữa số tiền Công ty nhận nợ với DATC với giá trị khoản nợ gốc và lãi vay phải trả các tổ chức tín dụng được ghi nhận tăng giá trị phần vốn Nhà nước tại Biển Đông.

Nếu Biển Đông áp dụng nhất quán quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam trong việc ghi nhận các khoản này thì trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 01/01/2025, chỉ tiêu Chênh lệch đánh giá lại tài sản (Mã số 416) sẽ giảm xuống 2.166,24 tỷ đồng, chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số 421) tăng lên tương ứng và tại ngày 31/12/2025, chỉ tiêu Chênh lệch đánh giá lại tài sản (Mã số 416) sẽ giảm xuống 2.166,24 tỷ đồng, chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số 421) tăng lên tương ứng.”

Đối với ý kiến ngoại trừ liên quan đến việc ghi nhận tại Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông: Công ty kiểm toán không đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với việc hạch toán kế toán của Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông. Ý kiến ngoại trừ này chỉ liên quan đến việc áp dụng chính sách kế toán chưa nhất quán giữa các năm trong giai đoạn cổ phần hóa và thực hiện phương án tái cơ cấu để chuyển đổi thành công ty cổ phần. Việc hạch toán hiện tại của Công ty Biển Đông vẫn tuân thủ các quy định pháp lý liên quan.

Tóm tắt một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 sau kiểm toán như sau:

ĐVT: VND

A	Bảng Cân đối kế toán	Tại 31/12/2025	Tại 31/12/2024
I	Tổng tài sản	35.552.279.539.976	30.424.970.632.989
1	Tài sản ngắn hạn	15.402.016.388.446	13.250.276.250.627
2	Tài sản dài hạn	20.150.263.151.530	17.174.694.382.362
II	Tổng nguồn vốn	35.552.279.539.976	30.424.970.632.989
1	Nợ phải trả	16.217.919.943.756	13.008.273.019.746
2	Vốn chủ sở hữu	19.334.359.596.220	17.416.697.613.243

B	Kết quả hoạt động kinh doanh	Năm 2025	Năm 2024
1	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.474.523.444.865	2.813.362.201.188
2	Phân lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	470.966.100.037	225.015.248.832
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.550.726.500.980	1.796.420.018.078

4	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.239.182.005.290	3.152.648.526.287
5	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.641.592.662.677	2.629.828.754.343

C	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	Năm 2025	Năm 2024
1	Lợi nhuận trước thuế	3.239.182.005.290	3.152.648.526.287
2	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	2.889.202.931.904	2.798.128.629.518
3	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(3.355.858.656.080)	(2.206.074.606.952)
4	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	2.946.341.994.459	(124.661.281.820)
5	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	628.159.553.774	467.392.740.747
6	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3.255.012.146.283	2.771.448.217.598
7	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3.899.342.887.995	3.255.012.146.283

Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông năm 2026 thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các thành viên HĐQT;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT, CT HĐQT, TKTH, TCKT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Cảnh Tĩnh

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM – CTCP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	09 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	11 - 49

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Cảnh Tinh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 09/07/2025
Ông Lê Anh Sơn	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 09/07/2025
Ông Đỗ Tiến Đức	Thành viên	
Ông Nguyễn Đình Chung	Thành viên	
Ông Đỗ Hùng Dương	Thành viên	

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Anh Sơn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09/07/2025
Ông Nguyễn Cảnh Tinh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 09/07/2025
Ông Phạm Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Quang Trung	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Phó Tổng Giám đốc	

Đại diện pháp luật

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 09/07/2025 Tổng Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Cảnh Tinh - Tổng Giám đốc. Từ ngày 10/07/2025 Tổng Công ty có 02 người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Cảnh Tinh - Chủ tịch HĐQT và ông Lê Anh Sơn - Tổng Giám đốc.

Ban kiểm soát

Ông Lương Đình Minh	Trưởng ban
Bà Phan Thị Nhị Hà	Kiểm soát viên
Ông Phạm Cao Nhuệ	Kiểm soát viên

Kế toán trưởng

Ông Lê Duy Dương	Trưởng ban Tài chính – Kế toán
------------------	--------------------------------

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính riêng đính kèm. Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại thời điểm 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và các luồng lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc, 



Lê Anh Sơn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2026

Số: 195/2026/UHY- BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 12 tháng 03 năm 2026, từ trang 06 đến trang 49, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo tài chính riêng các nội dung sau:

- Tại thuyết minh số 11 (ii) : Tổng Công ty đang theo dõi khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn tại chỉ tiêu “Đầu tư vào công ty con” (mã số 251) của Bảng Cân đối kế toán riêng với giá trị là 415,46 tỷ đồng. Đây là giá trị mà Tổng Công ty đã chuyển trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành (Công ty Hợp Thành) theo các quy định của hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu cổ phần. Đến ngày 31/12/2025, các bên vẫn đang trong quá trình trao đổi, xem xét về giá trị lợi ích hợp pháp của Công ty Hợp Thành trong giai đoạn tham gia đầu tư vào Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.

- Tại thuyết minh số 36.3: Theo quy định tại Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần, Tổng Công ty phải thực hiện quyết toán thuế, các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước với Cơ quan thuế và đề nghị Cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, quyết toán tiền thu về cổ phần hóa, chi trả chế độ lao động dôi dư, chi phí cổ phần hóa. Tổng Công ty đã hoàn thành việc quyết toán thuế. Đối với các nội dung còn lại, Tổng Công ty đã hoàn thành hồ sơ và đang trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, do vậy số liệu trên Báo cáo tài chính riêng kèm theo có thể thay đổi sau khi có phê duyệt của các cấp có thẩm quyền.

Các vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không làm thay đổi Ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Lê Quang Nghĩa
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 3660-2026-112-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2026

Trịnh Thị Trang
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 4061-2022-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.927.540.898.921	2.222.671.378.674
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	512.555.597.110	322.930.807.932
Tiền	111		420.401.597.110	272.428.807.932
Các khoản tương đương tiền	112		92.154.000.000	50.502.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	11	2.060.105.554.794	1.324.907.174.250
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		2.060.105.554.794	1.324.907.174.250
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		951.334.612.575	365.711.524.538
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	728.739.940.097	222.971.807.428
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	71.461.735.726	73.091.281.040
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	16.500.000.000	13.216.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	428.107.030.754	339.784.197.850
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(293.474.094.002)	(284.780.328.729)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	1.428.566.949
Hàng tồn kho	140	10	305.694.674.940	137.400.989.697
Hàng tồn kho	141		510.014.265.740	341.720.580.497
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(204.319.590.800)	(204.319.590.800)
Tài sản ngắn hạn khác	150		97.850.459.502	71.720.882.257
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15	37.251.252.722	5.876.143.841
Thuế GTGT được khấu trừ	152		49.936.784.160	57.756.292.081
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	10.662.422.620	8.088.446.335
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		11.936.096.183.505	12.190.243.448.543
Các khoản phải thu dài hạn	210		645.097.471.730	531.071.124.866
Phải thu về cho vay dài hạn	215	7	352.389.032.523	471.101.268.994
Phải thu dài hạn khác	216	8	292.708.439.207	59.969.855.872
Tài sản cố định	220		376.284.492.015	741.566.363.684
Tài sản cố định hữu hình	221	12	369.596.241.154	732.970.430.801
- Nguyên giá	222		4.679.729.743.732	5.941.341.461.328
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.310.133.502.578)	(5.208.371.030.527)
Tài sản cố định vô hình	227	13	6.688.250.861	8.595.932.883
- Nguyên giá	228		29.065.404.628	28.181.758.628
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(22.377.153.767)	(19.585.825.745)
Bất động sản đầu tư	230	14	190.057.595.091	202.548.041.956
- Nguyên giá	231		454.731.798.768	443.576.848.623
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(264.674.203.677)	(241.028.806.667)
Tài sản dở dang dài hạn	240		31.488.846.786	21.225.570.819
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	31.488.846.786	21.225.570.819
Đầu tư tài chính dài hạn	250	11	10.674.818.994.494	10.671.792.508.773
Đầu tư vào công ty con	251		10.511.439.628.364	10.511.439.628.364
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		406.500.361.788	403.834.081.788
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		17.179.300.748	17.179.300.748
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(260.300.296.406)	(260.660.502.127)
Tài sản dài hạn khác	260		18.348.783.389	22.039.838.445
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	18.348.783.389	22.039.838.445
TỔNG TÀI SẢN	270		15.863.637.082.426	14.412.914.827.217

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.850.009.408.346	1.011.422.551.457
Nợ ngắn hạn	310		1.672.847.416.552	832.935.182.928
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	148.747.176.230	77.414.834.913
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	52.143.947.642	22.164.650.361
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	5.190.108.595	922.942.745
Phải trả người lao động	314		80.349.308.259	79.638.465.162
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	582.985.167.918	5.845.237.358
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	21	179.032.687.368	3.236.056.371
Phải trả ngắn hạn khác	319	22	580.403.027.146	620.649.301.249
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		43.995.993.394	23.063.694.769
Nợ dài hạn	330		177.161.991.794	178.487.368.529
Phải trả dài hạn khác	337	22	46.595.841.794	52.009.918.529
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23	130.566.150.000	126.477.450.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		14.013.627.674.080	13.401.492.275.760
Vốn chủ sở hữu	410	24	14.013.627.674.080	13.401.492.275.760
Vốn góp của chủ sở hữu	411		12.005.880.000.000	12.005.880.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		12.005.880.000.000	12.005.880.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		42.075.293.582	42.075.293.582
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.965.672.380.498	1.353.536.982.178
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.294.118.857.178	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		671.553.523.320	1.353.536.982.178
TỔNG NGUỒN VỐN	440		15.863.637.082.426	14.412.914.827.217

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu



Nguyễn Thị Dung

Trưởng ban TCKT



Lê Duy Dương

Tổng Giám đốc



Lê Anh Sơn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	4.876.944.324.441	1.640.919.298.307
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		4.876.944.324.441	1.640.919.298.307
Giá vốn hàng bán	11	27	4.822.669.340.569	1.448.034.001.824
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		54.274.983.872	192.885.296.483
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	599.378.127.832	540.455.111.560
Chi phí tài chính	22	29	43.287.136.863	107.309.478.612
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13.518.251.009	23.372.539.160
Chi phí bán hàng	25	30	14.446.998.741	9.851.871.608
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	265.197.988.232	222.772.517.269
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		330.720.987.868	393.406.540.554
Thu nhập khác	31	32	371.471.897.307	975.328.607.325
Chi phí khác	32	33	30.639.361.855	15.198.165.701
Lợi nhuận khác	40		340.832.535.452	960.130.441.624
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		671.553.523.320	1.353.536.982.178
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		671.553.523.320	1.353.536.982.178

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Nguyễn Thị Dung

Trưởng ban TCKT

Lê Duy Dương

Tổng Giám đốc



Lê Anh Sơn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		671.553.523.320	1.353.536.982.178
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		281.180.548.916	340.192.919.503
Các khoản dự phòng	03		8.333.559.552	(58.953.775.107)
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(26.160.161.761)	(27.062.031.481)
Lãi hoạt động đầu tư	05		(888.822.549.996)	(841.700.009.728)
Chi phí lãi vay	06		13.518.251.009	23.372.539.160
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		59.603.171.040	789.386.624.525
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(817.591.361.416)	(324.770.272.237)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(168.293.685.243)	16.215.431.644
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		857.874.222.624	(226.674.387.935)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(27.684.053.825)	(1.566.362.579)
Tiền lãi vay đã trả	14		(63.108.529.606)	(46.812.514.027)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(38.485.826.375)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(197.686.062.801)	205.778.519.391
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(96.306.493.141)	(211.873.742.487)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		539.285.463.048	105.673.144.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.449.517.407.843)	(1.276.225.072.874)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		847.387.819.650	1.176.716.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.666.280.000)	(340.426.974.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	29.502.900.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		530.367.293.021	418.676.222.623
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		368.550.394.735	(97.957.522.738)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		364.579.355.200	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		(364.579.355.200)	(240.671.555.973)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(46.326.570.024)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(286.998.125.997)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		170.864.331.934	(179.177.129.344)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	322.930.807.932	480.875.972.938
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61		18.760.457.244	21.231.964.338
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	512.555.597.110	322.930.807.932

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu



Nguyễn Thị Dung

Trưởng ban TCKT



Lê Duy Dương

Tổng Giám đốc



Lê Anh Sơn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 250/TTg ngày 29/4/1995 của Thủ tướng chính phủ. Ngày 29/09/2006, Tổng Công ty đã chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 216/2006/QĐ – TTg của Thủ tướng chính phủ. Đồng thời, Thủ tướng chính phủ cũng ban hành Quyết định số 217/2006/QĐ-TTg về việc thành lập Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam.

Ngày 25/06/2010, Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định số 985/QĐ-TTg về việc chuyển Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Thực hiện đề án Tái cơ cấu Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Tổng Công ty đã tổ chức thực hiện xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm ngày 31/12/2016. Ngày 08/12/2017, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quyết định số 3402/QĐ-BGTVT công bố giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Đến ngày 20/06/2018, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 751/QĐ-TTg phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Ngày 18/06/2020, Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp ban hành Quyết định số 277/QĐ-UBQLV điều chỉnh quy mô và cơ cấu vốn điều lệ theo kết quả chào bán cổ phần lần đầu của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Tổng Công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần đầu vào ngày 13/08/2020 và chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 18/08/2020.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0100104595 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội lần đầu ngày 07/07/2010. Từ ngày 18/08/2020, Tổng Công ty đã thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 7 để chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với vốn điều lệ là 12.005.880.000.000 VND, thay đổi lần thứ 9 ngày 10/07/2025.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương, đường thủy nội địa, đường bộ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải; hoạt động điều hành cảng biển, cảng đường thủy nội địa; hoạt động đại lý, giao nhận vận chuyển, logistics, kho bãi và lưu giữ hàng hóa, mua bán nợ...

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

1.4 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán và hoàn toàn có thể so sánh được.

1.5 CẤU TRÚC TỔNG CÔNG TY

Thông tin về Công ty con, Công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh 12 – phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Đến thời điểm hiện tại, Tổng Công ty có các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, hạch toán phụ thuộc như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.5 CẤU TRÚC TỔNG CÔNG TY (TIẾP)

STT	Đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
1	Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP tại Hải Phòng	Hải Phòng	Cho thuê mặt bằng, văn phòng
2	Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP tại thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	Cho thuê mặt bằng, văn phòng
3	Công ty Vận tải biển VIMC	Hà Nội	Dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng đường biển
4	Công ty Kho bãi VIMC Hải Phòng	Hải Phòng	Cho thuê mặt bằng, văn phòng, dịch vụ hàng hải
5	Công ty Nhân lực VIMC – Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP	Hà Nội	
6	Ban Quản lý dự án chuyên ngành hàng hải – Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP	Hà Nội	Quản lý dự án

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Tổng Công ty được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền) và được tổng hợp từ Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc và của Văn phòng Tổng Công ty. Các giao dịch và số dư giữa các đơn vị này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch. Báo cáo tài chính riêng này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này:

3.1 CÁC ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.2 TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.3 NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí trong năm tài chính.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được quy đổi theo tỷ giá hối đoái tại ngày này, cụ thể như sau:

- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc năm tài chính của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc năm tài chính của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào đơn vị khác gồm các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư góp vốn khác với mục đích nắm giữ lâu dài.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau khi ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này được ghi nhận theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và công bố.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng hoặc Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi và được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Riêng tại Công ty Vận tải biển VIMC – đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty mẹ, giá trị hàng tồn kho (chủ yếu là nhiên liệu trên tàu) được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối kỳ kế toán cho từng mặt hàng tồn kho có chênh lệch lớn hơn giữa giá gốc hàng tồn kho và giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ VÔ HÌNH

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Đối với các tài sản cố định được ghi nhận tăng trước ngày 31/12/2016, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa Tổng Công ty đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và được công bố.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Nhóm tài sản cố định	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 – 35
Máy móc, thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý và TSCĐ khác	03 – 08
Quyền sử dụng đất có thời hạn	50
Phần mềm	03

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.8. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Đối với bất động sản đầu tư được đưa vào sử dụng và ghi tăng nguyên giá trước hoặc trong ngày 31/12/2016 (thời điểm xác định giá trị cổ phần hóa), nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được ghi nhận theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và công bố.

Nhóm tài sản cố định

Thời gian sử dụng (năm)

Nhà cửa, vật kiến trúc

35

3.9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính riêng. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận Tài sản cố định vô hình theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ phát sinh một lần: dựa trên đánh giá tình hình thực tế, chi phí công cụ dụng cụ được phản ánh vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần: dựa trên đánh giá tình hình thực tế, chi phí công cụ dụng cụ được phản ánh vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm.

Chi phí thuê nhà và chi phí bảo hiểm: Được phân bổ căn cứ thời gian trả trước.

3.11. NỢ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Tổng Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo nguyên tắc như trình bày tại thuyết minh số 3.3.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm: các khoản đi vay và nợ thuê tài chính.

Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ, theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

3.13 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, toàn bộ chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

3.14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ đo chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm chi phí lãi vay và các loại chi phí khác.

3.15 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Tại ngày chính thức chuyển sang công ty cổ phần, vốn đầu tư của chủ sở hữu được hạch toán điều chỉnh về đúng vốn điều lệ của Công ty cổ phần đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Phần chênh lệch giữa giá trị vốn chủ sở hữu tại ngày chính thức chuyển sang công ty cổ phần và vốn điều lệ của công ty cổ phần được Tổng Công ty hạch toán vào chỉ tiêu Phải trả ngắn hạn khác để nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp theo quy định.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

3.16 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.16. GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán riêng
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi, tiền vay, cổ tức, lợi nhuận được chia, lãi chênh lệch tỷ giá, lãi thoái vốn tại các công ty cổ phần,... cụ thể như sau:

- Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận theo thông báo của bên chia cổ tức, lợi nhuận.

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Tổng Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

3.17. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực được áp dụng là 20% tính trên thu nhập tính thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.18 CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Tổng Công ty gồm các công ty con, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết;
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3.19 BẢO CÁO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Tổng Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng Báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tổng Công ty một cách toàn diện. Báo cáo bộ phận được trình bày tại Báo cáo hợp nhất của Tổng Công ty theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kiểm toán số 28 – Báo cáo bộ phận.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	2.823.794.092	3.121.559.730
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	417.577.803.018	269.307.248.202
Các khoản tương đương tiền (*)	92.154.000.000	50.502.000.000
	512.555.597.110	322.930.807.932

(*) Bao gồm các khoản tiền gửi tại các Ngân hàng Thương mại với kỳ hạn không quá 03 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	43.110.583.419	-	21.375.342.211	-
- Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam	-	-	39.871	-
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ hàng hải Hậu Giang	86.400.000	-	-	-
- Công ty CP Cảng Hải Phòng	-	-	484.977.024	-
- Công ty CP Cảng Cần Thơ	198.570.000	-	648.000.000	-
- Công ty CP Cảng VIMC Đình Vũ	139.232.718	-	221.735.430	-
- Công ty Cổ phần Vận tải Biển Việt Nam	18.696.685.848	-	-	-
- Công ty CP Vinalines Nha Trang	46.485.514	-	60.585.295	-
- Công ty Cổ phần VIMC Logistics	2.642.237.787	-	3.863.076.849	-
- Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao	1.114.560	-	81.313.983	-
- Công ty Cổ phần VTB & hợp tác lao động quốc tế	654.804	-	99.932.011	-
- Công ty TNHH Vận tải quốc tế Nhật Việt	6.947.748	-	76.198.288	-
- Công ty TNHH Honda Logistic Việt Nam	2.948.940	-	3.074.531	-
- Công ty TNHH Liên doanh dịch vụ hàng hải VIMC - ARIES	247.688.856	-	-	-
- Công ty CP Vận tải Container VIMC	21.041.616.644	-	15.836.408.929	-
Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên khác	685.629.356.678	(26.759.690.122)	201.596.465.217	(26.942.043.163)
- Công ty cổ phần Thương mại Đầu tư HB	135.736.530.000	-	146.268.626.306	-
- Denmar Chartering & Trading GmbH	16.658.268.724	(16.658.268.724)	16.658.268.724	(16.658.268.724)
- Tập đoàn Hoàn Sơn	22.550.193.600	-	-	-
- Chi nhánh Phát điện dầu khí - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng quốc gia Việt Nam	179.543.773.080	-	-	-
- Công ty TNHH Phát triển Đầu tư Thương mại NHT	296.124.211.794	-	-	-
- Các khách hàng khác	35.016.379.480	(10.101.421.398)	38.669.570.187	(10.283.774.439)
	728.739.940.097	(26.759.690.122)	222.971.807.428	(26.942.043.163)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên liên quan	697.791.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng công trình hàng hải	697.791.000	-	-	-
Bên khác	70.763.944.726	(56.451.097.989)	73.091.281.040	(56.451.097.989)
Công ty Đóng tàu Bạch Đằng (*)	49.239.258.319	(49.239.258.319)	49.239.258.319	(49.239.258.319)
Công ty CP Thương mại và Xây dựng T&T Việt Nam	2.253.241.533	-	6.026.238.532	-
Tổng Công ty Xây dựng Đường Thủy	6.179.608.452	(6.179.608.452)	6.179.608.452	(6.179.608.452)
Các đối tượng khác	13.091.836.422	(1.032.231.218)	11.646.175.737	(1.032.231.218)
	71.461.735.726	(56.451.097.989)	73.091.281.040	(56.451.097.989)

(*) Khoản ứng trước vượt quá giá trị quyết toán của Hợp đồng số 01/VNL-BĐ ngày 22/11/2010 ký giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH MTV Đóng tàu Bạch Đằng về việc đóng tàu BV-11.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	16.500.000.000	(6.500.000.000)	13.216.000.000	-
- Công ty CP Cảng Cần Thơ (i)	10.000.000.000	-	6.716.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hàng hải Hậu Giang (ii)	6.500.000.000	(6.500.000.000)	6.500.000.000	-
Dài hạn	352.389.032.523	-	471.101.268.994	-
- Công ty TNHH Cảng quốc tế SP-PSA (iii)	129.081.150.000	-	124.992.450.000	-
- Công ty CP Cảng Cần Thơ (i)	13.585.321.528	-	26.869.321.528	-
- Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân (iv)	208.769.920.275	-	318.689.497.466	-
- Công ty CP Cảng Năm Căn	952.640.720	-	-	-
- Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang	-	-	550.000.000	-
	368.889.032.523	(6.500.000.000)	484.317.268.994	-
Phải thu về cho vay là các bên liên quan	368.889.032.523	(6.500.000.000)	484.317.268.994	-
- Công ty CP Cảng Cần Thơ	23.585.321.528	-	33.585.321.528	-
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hàng hải Hậu Giang	6.500.000.000	(6.500.000.000)	6.500.000.000	-
- Công ty TNHH Cảng quốc tế SP-PSA	129.081.150.000	-	124.992.450.000	-
- Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang	-	-	550.000.000	-
- Công ty CP Cảng Năm Căn	952.640.720	-	-	-
- Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	208.769.920.275	-	318.689.497.466	-

(i) Số dư gốc và lãi vay của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam được Tổng Công ty trả hộ theo Văn bản thỏa thuận đã ký ngày 30/09/2019 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ. Thời hạn trả nợ đến hết năm 2027. Lãi suất của kỳ tính lãi đầu tiên là 4,5%/năm, các kỳ tiếp theo sẽ được điều chỉnh lại theo thỏa thuận nhưng không vượt quá mức bình quân lãi suất huy động của 04 Ngân hàng: Vietcombank, Vietinbank, BIDV và Agribank. Biện pháp đảm bảo bao gồm các tài sản đảm bảo và Quyền đòi nợ từ các hợp đồng kinh tế của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ với giá trị dự kiến được xác định là 67.427.662.220 đồng.

(ii) Khoản cho vay Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hàng hải Hậu Giang ("Công ty Hậu Giang"), lãi suất 6%/năm, mục đích vay để nộp tiền sử dụng đất cho thời gian gia hạn tiền độ sử dụng đất tại Khu công nghiệp Sông Hậu - Giai đoạn 1. Thời gian vay đến ngày 31/12/2025 hoặc ngay sau khi Công ty Hậu Giang thu được tiền chuyển nhượng 21ha đất. Khoản vay không tài sản đảm bảo, Công ty ưu tiên sử dụng nguồn thu từ việc chuyển nhượng 21ha đất để hoàn trả khoản hỗ trợ tài chính. Đến thời điểm hiện tại Công ty Hậu Giang vẫn đang trong thời gian triển khai thực hiện các thủ tục để chuyển nhượng lô đất nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY (TIẾP)

(iii) Khoản cho Công ty TNHH Cảng quốc tế SP-PSA vay, trị giá nguyên tệ là 4.950.000 USD theo Hợp đồng vay cổ đông ngày 26/08/2008, tương ứng với tỷ lệ vốn góp 15% của Tổng Công ty tại Công ty TNHH Cảng quốc tế SP-PSA. Khoản vay chịu lãi suất theo lãi suất tài trợ qua đêm có bảo đảm (SOFR), khoản cho vay này không có bảo đảm. Tổng Công ty cũng trình bày nghĩa vụ hoàn trả số tiền trên cho Công ty PSA Vietnam Pte., Ltd trên khoản mục vay và nợ thuế tài chính trên báo cáo tài chính riêng.

(iv) Khoản phải thu công ty TNHH Cảng Công - ten - nơ Quốc tế Cái Lân (Cảng CICT) theo thỏa thuận mua nợ đã ký giữa VIMC, Công ty SSA Holdings International và các bên cho vay (Lender) ngày 18/10/2024 nhằm thực hiện phương án tái cấu trúc tài chính CICT đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 22/7/2024.

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	428.107.030.754	(203.763.305.891)	339.784.197.850	(198.338.418.174)
Tạm ứng	7.148.999.166	-	4.872.519.106	-
Ký cược, ký quỹ	491.364.875	(162.556.875)	488.060.875	(162.556.875)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	67.657.420.975	(67.657.420.975)	68.457.420.975	(68.457.420.975)
Phải thu lãi cho vay	107.945.421.131	(7.713.305.729)	94.205.965.587	(7.713.305.729)
Phải thu thuế GTGT đầu vào của Dự án bến số 2 - Cảng Ba Ngòi (1)	12.810.751.466	-	12.810.751.466	-
Phải thu tiền bồi thường bảo hiểm Công ty CP Vinalines Nha Trang (2)	8.899.153.768	-	7.769.322.276	-
Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin	106.209.633.907	(105.438.182.080)	106.209.633.907	(104.164.735.511)
Các khoản phải thu khác	15.697.069.348	(5.637.662.979)	15.682.105.689	(5.622.699.320)
Dài hạn	292.708.439.207	-	59.969.855.872	-
Ký cược, ký quỹ	239.633.935.596	-	3.483.461.658	-
Lãi cho vay	13.074.416.168	-	9.570.264.854	-
Phải thu tiền vật tư và nhiên liệu tồn trên tàu khi bàn giao (3)	31.100.087.443	-	41.316.129.360	-
Công ty CP Vinalines Nha Trang	8.900.000.000	-	5.600.000.000	-
	720.815.469.961	(203.763.305.891)	399.754.053.722	(198.338.418.174)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

8. PHẢI THU KHÁC (TIẾP)

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn khác là các bên liên quan	288.365.806.516	(192.598.221.411)	284.287.585.206	(189.531.995.013)
- Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh	-	-	12.810.751.466	-
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	200.000.000	-	240.000.000	-
- Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	200.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	104.400.000	-	143.952.000	-
- Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ	2.194.494.856	-	4.843.684.713	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân	4.615.974.078	-	823.841.637	-
- Công ty Cổ phần Vận tải Biển Việt Nam	70.704.005.549	(70.704.005.549)	70.704.005.549	(70.704.005.549)
- Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	-	-	312.000.000	-
- Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship	200.000.000	-	60.000.000	-
- Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang (2)	106.209.633.907	(105.438.182.080)	106.209.633.907	(104.164.735.511)
- Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông	-	-	7.975.530	-
- Công ty TNHH một thành viên DVHH Hậu Giang	17.270.002.603	(6.542.396.368)	11.022.557.947	(4.749.616.539)
- Công ty Cổ phần Vận tải Container VIMC	212.000.000	-	283.800.000	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng công trình Hàng hải	200.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Cảng Năm Căn	3.318.728.210	(3.310.988.907)	3.310.988.907	(3.310.988.907)
- Công ty Cổ phần Hàng hải Đồng Đô	-	-	74.364.000	-
- Công ty Cổ phần VTB và TM Phương Đông	6.719.648.507	(6.602.648.507)	6.700.148.507	(6.602.648.507)
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép	1.021.990.118	-	1.655.210.725	-
- Công ty TNHH Cảng quốc tế SP-PSA	71.317.416.735	-	61.002.015.761	-
- Công ty Cổ phần Hàng hải Sài Gòn	-	-	36.000.000	-
- Công Ty TNHH Cảng Công-Ten-Nơ Quốc Tế Cái Lân	3.877.511.953	-	4.046.654.557	-
Phải thu dài hạn khác là bên liên quan	32.321.773.759	-	36.624.494.424	-
- Công ty Cổ phần Vận tải Container VIMC (3)	10.347.357.591	-	21.454.229.570	-
- Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ	13.074.416.168	-	9.570.264.854	-
- Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang	8.900.000.000	-	5.600.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

8. PHẢI THU KHÁC (TIẾP)

- (1) Đây là khoản thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của Dự án xây dựng bến số 2 – Cảng Ba Ngòi (Giai đoạn 1) mà Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP đã chuyển giao tài sản cho Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh.
- (2) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang mà Tổng Công ty đã trả hộ gốc vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam để đóng tàu Âu Cơ 1; khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng để đóng mới tàu Âu Cơ 1 và tàu Hoa Lư, lãi phát sinh tương ứng.
- (3) Phải thu tiền nhiên liệu, dầu nhớt, vật tư tàu là giá trị lượng vật tư chưa tiêu hao còn tồn trên tàu theo Hợp đồng cho thuê tàu giữa Công ty Vận tải biển VIMC – đơn vị trực thuộc Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Vận tải Container VIMC sẽ được quyết toán khi bàn giao thanh lý Hợp đồng.

9. NỢ XẤU

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc VND	Giá trị trích lập dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị trích lập dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Ngắn hạn	302,713,008,105	(293,474,094,002)	9,238,914,103	297,407,064,493	(284,780,328,729)	12,626,735,764
- Công ty TNHH MTV đóng tàu Bạch Đằng	49,239,258,319	(49,239,258,319)	-	49,239,258,319	(49,239,258,319)	-
- Công ty CP Vận tải biển Việt Nam	70,704,005,549	(70,704,005,549)	-	70,704,005,549	(70,704,005,549)	-
- Công ty CP Vinalines Nha Trang	106,209,633,907	(105,438,182,080)	771,451,827	106,209,633,907	(104,164,735,511)	2,044,898,396
- Công ty CP Vận tải biển và	6,602,648,507	(6,602,648,507)	-	6,602,648,507	(6,602,648,507)	-
- Denmark Chartering & Trading	16,658,268,724	(16,658,268,724)	-	16,658,268,724	(16,658,268,724)	-
- Tổng Công ty Xây dựng Đường Thủy	6,179,608,452	(6,179,608,452)	-	6,179,608,452	(6,179,608,452)	-
- Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng	6,315,130,281	(2,839,028,925)	3,476,101,356	6,768,939,533	(2,794,578,599)	3,974,360,934
- Các đối tượng khác	40,804,454,366	(35,813,093,446)	4,991,360,920	35,044,701,502	(28,437,225,068)	6,607,476,434
	302,713,008,105	(293,474,094,002)	9,238,914,103	297,407,064,493	(284,780,328,729)	12,626,735,764

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	124.510.808.193	-	126.234.528.695	-
- Công cụ, dụng cụ	232.286.659	-	259.796.286	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.750.145.989	-	3.988.278.877	-
- Hàng hóa (*)	379.521.024.899	(204.319.590.800)	211.237.976.639	(204.319.590.800)
	510.014.265.740	(204.319.590.800)	341.720.580.497	(204.319.590.800)

(*) Hàng hóa bao gồm 02 máy tàu 47.500 DWT (HB-02/03) được đóng tại Công ty TNHH MTV Đóng tàu Hạ Long với giá trị 210.469.590.800 đồng. Dự án này đã được dừng triển khai theo Nghị quyết số 513/NQ-HĐTV ngày 06/03/2015 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty. 02 máy tàu này đã được Tổng Công ty sử dụng để thế chấp cho Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng Phát triển khu vực Đông Bắc theo hợp đồng thế chấp tài sản số 2019/HĐTCTS-NHPT ngày 29/08/2019. Tại thời điểm 31/12/2025, Tổng Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đối với 02 máy tàu này với số tiền 204.319.590.800 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn						
Ngắn hạn	2.060.105.554.794	2.060.105.554.794	-	1.324.907.174.250	1.324.907.174.250	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	2.060.105.554.794	2.060.105.554.794	-	1.324.907.174.250	1.324.907.174.250	-
	<u>2.060.105.554.794</u>	<u>2.060.105.554.794</u>	<u>-</u>	<u>1.324.907.174.250</u>	<u>1.324.907.174.250</u>	<u>-</u>

(*) Các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn trên 03 tháng đến 12 tháng tại các Ngân hàng Thương mại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc (i)	Dự phòng	Tỷ lệ	Giá gốc (i)	Dự phòng	Tỷ lệ
	VND	VND	biểu quyết %	VND	VND	biểu quyết %
Dài hạn						
Đầu tư vào công ty con	10.511.439.628.364	(181.508.965.804)		10.511.439.628.364	(157.161.314.204)	
- Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam	166.306.435.800	-	51,05%	166.306.435.800	-	51,05%
- Công ty CP Vận tải biển Việt Nam	75.684.000.000	-	51,00%	75.684.000.000	-	51,00%
- Công ty CP VIMC Logistics	47.563.558.000	-	56,72%	47.563.558.000	-	56,72%
- Công ty CP Cảng Cam Ranh	582.796.641.000	-	80,90%	582.796.641.000	-	80,90%
- Công ty CP Vận tải biển Vinaship	10.200.000.000	-	51,00%	10.200.000.000	-	51,00%
- Công ty CP Cảng Hải Phòng	4.781.733.756.600	-	92,56%	4.781.733.756.600	-	92,56%
- Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh	125.101.000.800	-	51,00%	125.101.000.800	-	51,00%
- Công ty CP Cảng Sài Gòn	1.132.519.248.000	-	65,45%	1.132.519.248.000	-	65,45%
- Công ty CP Cảng Đà Nẵng	1.435.500.000.000	-	75,00%	1.435.500.000.000	-	75,00%
- Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam	31.459.005.992	(15.243.946.680)	60,00%	31.459.005.992	(16.356.536.848)	60,00%
- Công ty CP Vận tải Container VIMC	1.014.550.000.000	-	99,956%	1.014.550.000.000	-	99,956%
- Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao	38.073.259.493	(14.010.132.457)	56,00%	38.073.259.493	(16.080.698.577)	56,00%
- Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông	-	-	100,00%	-	-	100,00%
- Công ty CP Đầu tư Cảng Cái Lân	-	-	56,58%	-	-	56,58%
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ hàng hải Hậu Giang	395.301.093.431	(152.254.886.667)	100,00%	395.301.093.431	(124.724.078.779)	100,00%
- Công ty CP Cảng Cần Thơ	259.192.479.128	-	99,01%	259.192.479.128	-	99,01%
- Công ty CP Vinalines Nha Trang	-	-	91,79%	-	-	91,79%
- Công ty CP Cảng Quy Nhơn (ii)	415.459.150.120	-	75,01%	415.459.150.120	-	75,01%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc (i)	Dự phòng	Tỷ lệ	Giá gốc (i)	Dự phòng	Tỷ lệ
	VND	VND	biểu quyết %	VND	VND	biểu quyết %
<i>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</i>	406.500.361.788	(77.194.148.819)		403.834.081.788	(100.058.563.466)	
- Công ty CP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam	35.865.600.000	(35.865.600.000)	43,32%	35.865.600.000	(35.865.600.000)	43,32%
- Công ty TNHH Vận tải quốc tế Nhật Việt	39.266.565.460	-	50,00%	39.266.565.460	-	50,00%
- Công ty LD Dịch vụ Container quốc tế cảng SG-SSA	55.886.479.724	-	50,00%	55.886.479.724	-	11,07%
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép	-	-	50,00%	-	-	50,00%
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP-PSA	169.387.500.000	(14.501.901.815)	50,00%	169.387.500.000	(37.850.927.646)	50,00%
- Công ty TNHH Sửa chữa tàu biển Vinalines Đồng Đô	-	-	49,14%	-	-	49,14%
- Công ty CP Cảng Năm Căn	3.131.513.820	(3.131.513.820)	49,35%	3.131.513.820	(3.131.513.820)	49,35%
- Công ty CP Cảng Khuyến Lương	20.846.179.892	-	49,00%	20.846.179.892	-	49,00%
- Công ty CP Hàng hải Đồng Đô	11.993.146.000	(11.993.146.000)	48,97%	11.993.146.000	(11.993.146.000)	48,97%
- Công ty CP Dịch vụ Vận tải và Thương mại	25.344.000.000	-	33,49%	25.344.000.000	-	33,49%
- Công ty CP Tư vấn xây dựng công trình Hàng hải	30.895.720.892	-	49,00%	30.895.720.892	-	49,00%
- Công ty CP Vận tải biển và hợp tác lao động quốc tế	7.286.400.000	(7.286.400.000)	36,00%	7.286.400.000	(7.286.400.000)	36,00%
- Công ty CP Vận tải biển và Thương mại	3.930.976.000	(3.930.976.000)	49,00%	3.930.976.000	(3.930.976.000)	49,00%
- Công ty TNHH Liên doanh dịch vụ Hàng hải VIMC - ARIES (iii)	2.666.280.000	(484.611.184)	50,00%	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc (i)	Dự phòng	Tỷ lệ biểu quyết %	Giá gốc (i)	Dự phòng	Tỷ lệ biểu quyết %
	VND	VND		VND	VND	
<i>Đầu tư vào đơn vị khác</i>	17.179.300.748	(1.597.181.783)		17.179.300.748	(3.440.624.457)	
- Công ty CP Hàng hải Sài Gòn	4.431.254.923	-	10,15%	4.431.254.923	-	10,15%
- Công ty CP Đầu tư và Thương mại Hàng hải Hải Phòng	11.643.115.357	(492.398.493)	12,92%	11.643.115.357	(2.335.841.167)	12,92%
- Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư	147.178	-	0,00002%	147.178	-	0,00002%
- Công ty Liên doanh Gemasa Corporation	1.104.783.290	(1.104.783.290)		1.104.783.290	(1.104.783.290)	
	10.935.119.290.900	(260.300.296.406)		10.932.453.010.900	(260.660.502.127)	

- (i) Đối với các khoản đầu tư Tổng Công ty sở hữu trước thời điểm 31/12/2016 (là thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa), giá trị khoản đầu tư được ghi nhận căn cứ vào kết quả xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và công bố.
- (ii) Tháng 9/2015, Tổng Công ty thực hiện thoái vốn tại Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn ("QNP") theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần với Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành ("Hợp Thành"). Ngày 27/05/2019, thực hiện Kết luận của Thanh tra Chính phủ về công tác Cổ phần hóa tại Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn ("QNP"), ý kiến chỉ đạo của Phó thủ tướng thường trực Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, Tổng Công ty đã ký hợp đồng số 01/2019/VNL-HT/CGCP với Hợp Thành về việc nhận chuyển giao quyền sở hữu cổ phần QNP. Ngày 29/05/2019, việc chuyển giao quyền sở hữu 30.312.262 cổ phần tương đương 75,01% vốn điều lệ QNP cho Tổng Công ty đã được thực hiện thông qua Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam. Theo hợp đồng, tổng giá trị chuyển giao bao gồm (1) Số tiền chuyển giao và (2) Lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư. Trong đó:
- Số tiền chuyển giao (1) là 415.156.027.500 VND. Số tiền này đã được Tổng Công ty chuyển trả cho Hợp Thành vào ngày 27/05/2019 và tạm ghi nhận giá trị khoản đầu tư vào QNP vào ngày được chuyển giao quyền sở hữu.
 - Lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư (2) là giá trị lợi ích hợp pháp mà Hợp Thành được hưởng trong giai đoạn tham gia đầu tư, quản lý và điều hành. Giá trị này hai bên thống nhất do Hợp Thành đưa ra cơ sở phương pháp xác định gửi Tổng Công ty xem xét cho ý kiến và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

II. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Đến thời điểm 31/12/2025, các bên vẫn chưa xác định được giá trị lợi ích hợp pháp (2) mà Hợp Thành được hưởng trong giai đoạn tham gia đầu tư, quản lý và điều hành. Vì vậy, Tổng Công ty chưa thanh toán khoản này cho Hợp Thành đồng thời chưa ghi nhận vào giá trị khoản đầu tư trên Báo cáo tài chính.

- (iii) Ngày 24/03/2025, Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ Hàng hải VIMC - ARIES ("VIMC ARIES SHIPPING") được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0110996062 với vốn điều lệ là 5.000.000.000 đồng. Theo Quyết định số 70/QĐ-HHVN ngày 08/05/2025, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam góp 2.666.280.000 đồng, chiếm 51% vốn điều lệ tại VIMC ARIES SHIPPING bằng tài sản và bằng tiền. Mặc dù nắm giữ 51% vốn điều lệ, theo Hợp đồng liên doanh và Điều lệ công ty, Tổng Công ty chỉ được bổ nhiệm 01/02 thành viên Hội đồng thành viên và việc sửa đổi Điều lệ cần tối thiểu 75% vốn tán thành. Do đó, Tổng Công ty không có quyền kiểm soát đối với VIMC ARIES SHIPPING.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện, vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2025	246.258.984.717	52.399.755.370	5.630.906.596.922	11.536.069.319	240.055.000	5.941.341.461.328
- Mua mới trong năm	309.818.182	-	3.692.694.680	1.117.751.804	-	5.120.264.666
- Đầu tư xây dựng cơ bản	42.889.201.755	12.072.853.945	-	-	-	54.962.055.700
- Thanh lý, nhượng bán	(559.085.919)	(33.050.000)	(1.320.120.845.224)	(501.396.819)	-	(1.321.214.377.962)
- Phân loại lại	-	(252.452.636)	-	252.452.636	-	-
- Giảm khác	-	-	-	(479.660.000)	-	(479.660.000)
31/12/2025	288.898.918.735	64.187.106.679	4.314.478.446.378	11.925.216.940	240.055.000	4.679.729.743.732
HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2025	(151.403.763.388)	(27.208.953.035)	(5.019.258.837.829)	(10.259.421.275)	(240.055.000)	(5.208.371.030.527)
- Khấu hao trong năm	(16.066.679.225)	(8.754.087.633)	(228.855.380.128)	(1.067.676.898)	-	(254.743.823.884)
- Thanh lý, nhượng bán	559.085.919	33.050.000	1.151.408.159.095	501.396.819	-	1.152.501.691.833
- Tăng/Giảm khác	-	-	-	479.660.000	-	479.660.000
31/12/2025	(166.911.356.694)	(35.781.238.011)	(4.096.663.019.426)	(10.537.833.447)	(240.055.000)	(4.310.133.502.578)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2025	94.855.221.329	25.190.802.335	611.647.759.093	1.276.648.044	-	732.970.430.801
31/12/2025	121.987.562.041	28.405.868.668	217.815.426.952	1.387.383.493	-	369.596.241.154

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là: 1.566.716.272.965 đồng (tại ngày 01/01/2025 là: 239.091.236.150 đồng).

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đang dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại 31/12/2025 là: 116.290.963.945 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 237.135.510.315 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	Phần mềm máy vi tính <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2025	397.725.529	27.784.033.099	28.181.758.628
- Mua trong năm	-	883.646.000	883.646.000
31/12/2025	397.725.529	28.667.679.099	29.065.404.628
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
01/01/2025	(397.725.529)	(19.188.100.216)	(19.585.825.745)
- Khấu hao trong năm	-	(2.791.328.022)	(2.791.328.022)
31/12/2025	(397.725.529)	(21.979.428.238)	(22.377.153.767)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2025	-	8.595.932.883	8.595.932.883
31/12/2025	-	6.688.250.861	6.688.250.861

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 8.299.966.442 đồng (tại ngày 01/01/2025 là: 7.427.391.442 đồng).

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	01/01/2025 <u>VND</u>	Tăng trong năm <u>VND</u>	Giảm trong năm <u>VND</u>	01/01/2025 <u>VND</u>
Bất động sản đầu tư cho thuê				
NGUYÊN GIÁ	443.576.848.623	11.154.950.145	-	454.731.798.768
- Nhà cửa	443.576.848.623	11.154.950.145	-	454.731.798.768
HAO MÒN LŨY KẾ	(241.028.806.667)	(23.645.397.010)	-	(264.674.203.677)
- Nhà cửa	(241.028.806.667)	(23.645.397.010)	-	(264.674.203.677)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	202.548.041.956	-	(12.490.446.865)	190.057.595.091
- Nhà cửa	202.548.041.956	-	(12.490.446.865)	190.057.595.091

Bất động sản đầu tư của Tổng Công ty phản ánh giá trị tòa nhà Trung tâm Thông tin thương mại Hàng hải quốc tế Hà Nội tại số 1 Đào Duy Anh, Phường Kim Liên, Tp. Hà Nội và giá trị tòa nhà Vimadeco Building tại số 163 Nguyễn Văn Trỗi, Phường Phú Nhuận, Tp Hồ Chí Minh đang sử dụng để cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	37.251.252.722	5.876.143.841
- Phí bảo hiểm	5.945.449.822	4.949.682.197
- Chi phí sửa chữa Tài sản cố định	136.766.609	66.545.847
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	79.461.757	304.486.092
- Các khoản khác	31.089.574.534	555.429.705
Dài hạn	18.348.783.389	22.039.838.445
- Chi phí thuê đất	15.026.419.765	15.600.831.235
- Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	1.420.973.434	3.046.229.795
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	2.366.575.879
- Chi phí trả trước dài hạn khác	1.901.390.190	1.026.201.536
	55.600.036.111	27.915.982.286

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2025 Giá trị VND	01/01/2025 Giá trị VND
- Mua sắm	-	295.500.000
+ Chi phí đầu tư phần mềm	-	295.500.000
- Đầu tư xây dựng	29.327.227.846	20.417.747.941
+ Dự án khu dịch vụ Hàng hải - Cảng biển Hậu Giang	-	19.675.288.465
+ Dự án trung tâm Logistics, cảng thủy nội địa Ninh Giang	29.327.227.846	742.459.476
- Sửa chữa, nâng cấp	2.161.618.940	512.322.878
+ Cải tạo khu vệ sinh từ tầng G đến tầng 3 Tòa nhà Ocean Park	1.657.659.680	-
+ Các dự án khác	503.959.260	512.322.878
	31.488.846.786	21.225.570.819

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẦN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán là các bên liên quan	1.906.994.179	1.906.994.179	4.134.193.609	4.134.193.609
Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông	380.947.031	380.947.031	3.562.178.094	3.562.178.094
Công ty CP Phát triển hàng hải	-	-	68.361.655	68.361.655
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Vosco	1.481.335.148	1.481.335.148	503.653.860	503.653.860
Công ty CP cung ứng thuyền viên Đông Đô	44.712.000	44.712.000	-	-
Phải trả người bán khác	146.840.182.051	146.840.182.051	73.280.641.304	73.280.641.304
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư HB	67.952.907.066	67.952.907.066	-	-
Công ty TNHH MTV Đóng tàu Hạ Long	32.067.142.734	32.067.142.734	32.067.142.734	32.067.142.734
Các nhà cung cấp khác	46.820.132.251	46.820.132.251	41.213.498.570	41.213.498.570
	148.747.176.230	148.747.176.230	77.414.834.913	77.414.834.913

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP

Số 1 Đào Duy Anh, phường Kim Liên, Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp	686.752.575	33.941.858.673	30.060.784.748	4.567.826.500
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	9.195.116	9.195.116	-
- Thuế thu nhập cá nhân	235.778.950	14.874.976.692	14.488.473.547	622.282.095
- Các loại thuế khác	411.220	3.225.154.107	3.225.565.327	-
	922.942.745	52.051.184.588	47.784.018.738	5.190.108.595
	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	65.980.504	-	1	65.980.505
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.111.282.260	-	-	7.111.282.260
- Thuế thu nhập cá nhân	277.883.571	-	-	277.883.571
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	633.300.000	10.135.317.954	12.709.294.238	3.207.276.284
	8.088.446.335	10.135.317.954	12.709.294.239	10.662.422.620

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	52.143.947.642	22.164.650.361
- Meridian Shipping Co., Ltd	9.921.337.233	-
- Xianglong Shipping Pte. Ltd	9.600.308.855	-
- Hanaro Shipping Co., Ltd	7.828.067.714	-
- Elim Spring Marine Pte. Ltd	7.341.028.588	-
- Sinotrans South China Supply Chain Management Co., Ltd	6.133.721.277	-
- Longmarch Shipping Pte Ltd	-	8.353.736.725
- Công ty Cổ phần Thương mại NCL	-	5.155.288.031
- Các đối tượng khác	11.319.483.975	8.655.625.605
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	1.258.886.684	28.000.000
- Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	529.800.000	28.000.000
- Công ty CP Cảng Hải Phòng	145.800.000	-
- Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam	330.026.400	-
- Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam	253.260.284	-

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Trích trước giá vốn hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	577.446.550.096	-
- Phải trả về sự cố trên tàu	-	5.015.912.043
- Chi phí phải trả khác	5.538.617.822	829.325.315
	582.985.167.918	5.845.237.358

21. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Doanh thu chưa thực hiện hoạt động thương mại	178.859.990.400	-
- Doanh thu từ thuê kho, thuê mặt bằng	172.696.968	352.253.329
- Doanh thu nhận trước từ hoạt động vận tải	-	2.883.803.042
	179.032.687.368	3.236.056.371

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

22. PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	580.403.027.146	620.649.301.249
Kinh phí công đoàn và các khoản bảo hiểm	1.234.759.181	2.315.064.820
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	188.760.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	579.168.267.965	618.145.476.429
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin (*)	29.392.675.703	28.502.905.649
- Phải trả tiền lãi vay	525.244.542.200	572.241.933.784
- Phải trả, phải nộp khác	24.531.050.062	17.400.616.996
Dài hạn	46.595.841.794	52.009.918.529
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	40.334.262.379	52.009.918.529
Phải trả khác	6.261.579.415	-
	626.998.868.940	672.659.219.778
Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan	100.000	865.617.451
- Công ty CP Vận tải Container VIMC	-	805.617.451
- Công ty CP Phát triển Hàng hải	100.000	-
- Công ty Cổ phần Tiếp vận Biển Đông	-	60.000.000
Phải trả dài hạn khác là các bên liên quan	21.466.017.360	32.270.396.337
- Công ty Cổ phần Vận tải Biển Việt Nam	9.929.392.926	21.285.058.806
- Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	357.798.600	357.798.600
- Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao	58.416.540	58.416.540
- Công ty CP Vận tải Container VIMC	10.681.537.581	10.347.357.591
- Công ty Cổ phần phát triển Hàng hải	93.480.753	-
- Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ Hàng Hải VIMC - ARIES	123.626.160	-
- Công ty TNHH Vinalines Honda Logistics Việt Nam	73.888.200	73.888.200
- Công ty TNHH Vận tải quốc tế Nhật Việt	105.012.600	105.012.600
- Công ty vận tải biển và Hợp tác lao động quốc tế	42.864.000	42.864.000

(*) Là khoản tiền thu được từ việc bán thanh lý các tàu của Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin trước đây với giá trị là 1.074.714,26 USD. Số tiền này được chuyển về các tài khoản ngân hàng của Tổng Công ty để sử dụng cho việc thanh toán các khoản nợ mà Tổng Công ty đã trả thay. Khi thực hiện giải ngân từng phần, Tổng Công ty sẽ thực hiện bù trừ tiền thanh lý tàu nêu trên với công nợ phải thu của Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin (được trình bày tại chỉ tiêu “Phải thu khác” – Thuyết minh số 8).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Nội dung	31/12/2025		Trong năm			01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Chênh lệch	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	VND	tỷ giá VND	VND	trả nợ VND
Vay dài hạn	130.566.150.000	130.566.150.000	-	-	4.088.700.000	126.477.450.000	126.477.450.000
- PSA Viet Nam Pte.,Ltd (*)	130.566.150.000	130.566.150.000	-	-	4.088.700.000	126.477.450.000	126.477.450.000
	<u>130.566.150.000</u>	<u>130.566.150.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>4.088.700.000</u>	<u>126.477.450.000</u>	<u>126.477.450.000</u>

(*) Khoản vay Công ty PSA Vietnam Pte Ltd., để cho Liên danh SP-PSA vay lại theo hợp đồng vay cổ đông ngày 26/08/2008, tổng giá trị khoản vay của các cổ đông cho Liên danh SP-PSA vay là 33.000.000 USD bao gồm:

- Đợt A có giá trị là 28.196.202,53 USD và;
- Đợt B có giá trị là 4.803.797,47 USD.

Trong đó, tỷ lệ Tổng Công ty cho vay theo tỷ lệ cổ phần của Tổng Công ty là 15%, tương ứng số gốc vay 4.950.000 USD. Mục đích vay của Liên danh là chỉ được áp dụng cho các chi phí dự án. Lãi suất đi vay và cho vay đều căn cứ tính theo lãi suất Libor, từ ngày 16/12/2023, lãi suất đi vay và cho vay được chuyển sang tính theo lãi suất Sofr (lãi suất qua đêm có bảo lãnh).

Căn cứ theo hợp đồng phụ, toàn bộ các khoản nợ mà Liên danh và các cổ đông không ứng trước còn nợ sẽ được Liên danh hoàn trả ngay khi có yêu cầu của các Cổ đông hay các Cổ đông ứng trước. Ngoài ra, theo thỏa thuận trong Hợp đồng vay vốn cổ đông thì toàn bộ cổ tức và các khoản phân chia khác (nếu có) theo Hợp đồng liên doanh hay Điều lệ sẽ được ưu tiên để trả gốc vay (và lãi lũy kế) cho đến khi thanh toán hết khoản vay này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
01/01/2024	12.005.880.000.000	-	140.250.978.606	12.146.130.978.606
- Trích quỹ	-	42.075.293.582	(93.924.408.582)	(51.849.115.000)
- Lãi trong năm	-	-	1.353.536.982.178	1.353.536.982.178
- Trả cổ tức	-	-	(46.326.570.024)	(46.326.570.024)
31/12/2024	12.005.880.000.000	42.075.293.582	1.353.536.982.178	13.401.492.275.760
01/01/2025	12.005.880.000.000	42.075.293.582	1.353.536.982.178	13.401.492.275.760
- Lãi trong năm	-	-	671.553.523.320	671.553.523.320
- Phân phối lợi nhuận	-	-	(59.418.125.000)	(59.418.125.000)
+ Trích quỹ khuyến thưởng, phúc lợi	-	-	(59.418.125.000)	(59.418.125.000)
31/12/2025	12.005.880.000.000	42.075.293.582	1.965.672.380.498	14.013.627.674.080

24.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2025		01/01/2025	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Vốn góp của Nhà nước	11.942.133.000.000	99,47%	11.942.133.000.000	99,47%
Vốn góp của cổ đông khác	63.747.000.000	0,53%	63.747.000.000	0,53%
	12.005.880.000.000	100,00%	12.005.880.000.000	100,00%

24.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	12.005.880.000.000	12.005.880.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	12.005.880.000.000	12.005.880.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2025	01/01/2025
Ngoại tệ các loại		
USD	14.656.389,63	8.836.416,96

26. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	3.741.353.621.216	401.444.292.648
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.135.590.703.225	1.239.475.005.659
+ Doanh thu vận tải	970.470.238.263	1.081.134.673.427
+ Doanh thu dịch vụ khai thác cảng biển và dịch vụ hàng hải	5.362.246.163	7.635.831.954
+ Dịch vụ khai thác tòa nhà, cho thuê văn phòng, kho bãi	154.495.174.782	142.210.168.814
+ Dịch vụ khác	5.263.044.017	8.494.331.464
	4.876.944.324.441	1.640.919.298.307

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.711.605.474.466	391.792.381.594
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.111.063.866.103	1.056.241.620.230
+ Giá vốn dịch vụ vận tải	996.253.185.655	934.807.266.420
+ Giá vốn dịch vụ khai thác cảng biển và dịch vụ hàng hải	4.683.807.703	7.008.916.441
+ Giá vốn khai thác tòa nhà cho thuê văn phòng, kho bãi	106.369.205.637	107.574.814.653
+ Giá vốn dịch vụ khác	3.757.667.108	6.984.924.566
	4.822.669.340.569	1.448.034.001.824

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	95.009.364.966	79.622.467.503
Cổ tức, lợi nhuận được chia	449.495.832.100	323.544.055.150
Lãi chênh lệch tỷ giá trong năm	27.668.910.000	80.152.674.924
Lãi từ việc bán các khoản đầu tư	-	29.502.900.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối năm	26.160.161.760	27.062.031.481
Các doanh thu tài chính khác	1.043.859.006	570.982.503
	599.378.127.832	540.455.111.560

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	13.518.251.009	23.372.539.160
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong năm	30.128.348.641	74.344.316.869
Trích lập (hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	(360.205.721)	8.649.543.019
Chi phí hoạt động tài chính khác	742.934	943.079.564
	43.287.136.863	107.309.478.612

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.166.778.439	6.964.717.851
Chi phí khác bằng tiền	4.280.220.302	2.887.153.757
	14.446.998.741	9.851.871.608

31. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	1.615.298.973	1.352.503.185
Chi phí nhân công	132.659.555.945	139.069.883.731
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	1.622.730.737	1.619.685.500
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	13.143.214.589	11.439.952.599
Thuế, phí và lệ phí	7.809.828.661	10.388.593.181
Chi phí dự phòng	8.693.765.273	(5.954.605.667)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.853.837.732	21.332.548.937
Chi phí bằng tiền khác	70.799.756.322	43.523.955.803
	265.197.988.232	222.772.517.269

32. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	344.317.352.930	104.475.616.802
Tiền phạt thu được	762.969.118	535.294.590
Tiền thuê đất được giảm	4.290.099.752	1.992.964.806
Thù lao từ đại diện vốn góp	8.814.899.358	7.178.255.524
Thu từ phí đào tạo nhân sự và tiếp xúc thị trường	4.716.456.951	4.933.610.307
Thu nhập từ bồi thường	5.568.772.283	6.546.244.879
Thu nhập từ lãi vay được xóa	-	377.743.630.417
Thu nhập từ đánh giá lại tài sản để góp vốn	-	468.537.405.790
Các khoản khác	3.001.346.915	3.385.584.210
	371.471.897.307	975.328.607.325

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

33. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi thù lao người đại diện vốn không chuyên trách	8.254.982.817	8.815.529.810
Chi tài trợ ứng hộ	16.163.100.000	5.471.000.000
Tiền phạt, truy thu tiền thuế, phạt hành chính	1.268.416.020	109.662.769
Các khoản khác	4.952.863.018	801.973.122
	30.639.361.855	15.198.165.701

34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	671.480.957.496	1.353.536.982.178
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	12.404.089.773	6.864.799.571
- Khấu hao TSCĐ là xe ô tô vượt trên 1,6 tỷ	213.923.480	155.793.072
- Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ của tiền và các khoản phải thu	-	-
- Các khoản tiền phạt và chi phí không được trừ	12.190.166.293	6.709.006.499
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	485.053.971.762	356.532.024.810
- Cổ tức lợi nhuận được chia	449.495.832.100	323.544.055.150
- Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ của tiền và các khoản phải thu	35.558.139.662	31.778.726.660
- Hoàn nhập Chi phí dự phòng phải thu khó đòi đã loại trừ khi tính thuế năm trước	-	1.209.243.000
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	198.831.075.507	1.003.869.756.939
Lỗi năm trước chuyển sang	(198.831.075.507)	(1.003.869.756.939)
Tổng thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-

35. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	1.615.298.973	1.352.503.185
Chi phí nhân công	132.659.555.945	139.069.883.731
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	1.622.730.737	1.619.685.500
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.143.214.589	11.439.952.599
Thuế, phí và lệ phí	7.809.828.661	10.388.593.181
Chi phí dự phòng	8.693.765.273	(5.954.605.667)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.853.837.732	21.332.548.937
Chi phí bằng tiền khác	70.799.756.322	43.523.955.803
	265.197.988.232	222.772.517.269

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

36. THÔNG TIN KHÁC

36.1 BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan

		Năm 2025	Năm 2024
	Mối quan hệ	VND	VND
Mua hàng với bên liên quan			
- Công ty CP Cảng Sài Gòn	Công ty con	191.298.162	20.043.705.178
- Công ty CP Cảng Hải Phòng	Công ty con	-	120.296.188
- Công ty CP Cảng Đà Nẵng	Công ty con	-	8.923.566.914
- Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh	Công ty con	-	218.474.570
- Công ty CP Cảng Cần Thơ	Công ty con	297.097.200	3.332.803.170
- Công ty CP Cảng VIMC Đình Vũ	Công ty con	-	14.989.407.100
- Công ty Cổ phần Vận tải Biển Việt Nam	Công ty con	70.800.000	1.040.716.666
- Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	Công ty con	-	7.964.478.182
- Công ty TNHH một thành viên Vận tải biển Đông	Công ty con	-	116.330.014
- Công ty TNHH một thành viên DVHH Hậu Giang	Công ty con	3.254.306.787	544.993.116
- Công ty CP Đầu tư và phát triển Cảng Đình Vũ	Công ty con	-	118.490.058
- Công ty TNHH Khai thác Container Việt nam	Công ty con	75.433.916	53.477.535
- Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	Công ty con	-	4.781.114.697
- Công ty CP VIMC Logistic	Công ty con	-	-
- Công ty CP Phát triển Hàng hải	Công ty con	122.937.344	63.297.829
- Công ty TNHH Cảng quốc tế SP-PSA	Công ty liên kết	17.000.000	-
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép	Công ty liên kết	-	916.750.741
- Công ty CP Hàng hải Đông Đô	Công ty liên kết	-	595.801.333
- Công ty TNHH Tiếp vận SITC Đình Vũ	Công ty liên kết	73.820.000	-
- Công ty LD DV container quốc tế cảng SG SSA (SSIT)	Công ty liên kết	-	829.088.520
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vosco	Công ty liên kết	-	1.304.824.340
- Công ty CP Hàng hải Sài Gòn	Công ty liên kết	-	-
- Công ty CP Lai dắt và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	Công ty liên kết	-	54.400.000
- Nosco Shipyard - Công ty CP Nosco Shipyard	Công ty liên kết	17.408.631.128	-
		21.511.324.537	66.012.016.151

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

36. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

36.1 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp)

	Mối quan hệ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ cho bên liên quan			
- Công ty CP Cảng Hải Phòng	Công ty con	7.196.370.812	8.382.738.332
- Công ty CP Cảng Đà Nẵng	Công ty con	1.425.926	1.246.133.600
- Công ty CP Cảng Cần Thơ	Công ty con	3.152.489.613	5.091.265.125
- Công ty CP Cảng VIMC Đình Vũ	Công ty con	-	3.049.162.211
- Công ty Cổ phần Vận tải Biển Việt Nam	Công ty con	95.745.149.961	173.928.244.129
- Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	Công ty con	925.926	992.647.741
- Công ty CP Vinalines Nha Trang	Công ty con	61.867.339	46.212.877
- Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	Công ty con	1.449.138.264	1.493.974.982
- Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải Việt Nam	Công ty con	368.340.634	466.319.292
- Công ty Cổ phần Vận tải Container VIMC	Công ty con	32.689.649.100	24.465.188.623
- Công ty Cổ phần VIMC Logistics	Công ty con	8.723.608.267	9.892.280.251
- Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao	Công ty con	534.701.526	295.251.219
- Công ty TNHH một thành viên Vận tải biển Đông	Công ty con	766.783.016	11.828.993.687
- Công ty TNHH một thành viên DVHH Hậu Giang	Công ty con	9.153.441.979	3.615.256.987
- Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam	Công ty con	6.750.000	-
- Công ty Cổ phần Tiếp vận Biển Đông	Công ty liên kết	-	164.713.845
- Công ty Cổ phần VTB & hợp tác lao động quốc tế	Công ty liên kết	235.978.846	146.624.469
- Công ty TNHH Vận tải quốc tế Nhật Việt	Công ty liên kết	580.411.084	432.117.363
- Công ty TNHH Vinalines Honda Logistic Việt Nam	Công ty liên kết	596.652.682	765.618.442
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ VOSCO	Công ty liên kết	-	62.405.000
- Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ Hàng Hải VIMC - ARIES	Công ty liên kết	304.105.903	-
- Công ty Cổ phần Hàng hải Sài Gòn	Công ty liên kết	-	285.018.530
- Cty CP Đại lý tàu biển và Logistics Vosco	Công ty liên kết	-	68.518.519
- Công ty CP Logistic Cảng Đà Nẵng	Công ty liên kết	-	3.620.371
- Công ty CP Cảng Khuyến Lương	Công ty liên kết	2.037.037	-
- Công ty TNHH Tiếp vận SITC	Công ty liên kết	11.600.000	-
- Công ty CP Hàng hải Đông Đô	Công ty liên kết	4.074.074	-
- Công ty CP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam	Công ty liên kết	88.818.182	-
		161.674.320.171	246.722.305.595

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

36. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

36.1 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

	Mối quan hệ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập khác từ bên liên quan			
- Công ty CP Cảng Sài Gòn	Công ty con	1.266.248.514	4.933.610.307
- Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân	Công ty con	4.274.050.074	-
		<u>5.540.298.588</u>	<u>4.933.610.307</u>
Lãi cho vay bên liên quan			
- Công ty CP Cảng Cần Thơ	Công ty con	906.165.361	1.283.287.028
- Công ty TNHH một thành viên DVHH Hậu Giang	Công ty con	395.416.667	396.500.001
- Công ty TNHH Cảng Công-Ten- Nơ Quốc Tế Cái Lân	Công ty liên kết	15.490.014.235	4.046.654.557
- Công ty TNHH Cảng quốc tế SP-PSA	Công ty liên kết	8.265.239.119	9.073.724.458
- Công ty CP Cảng Năm Căn	Công ty liên kết	7.739.303	9.073.724.458
		<u>25.064.574.685</u>	<u>23.873.890.502</u>
Thu nhập từ cổ tức với bên liên quan			
- Công ty CP Cảng Cam Ranh	Công ty con	9.911.507.500	8.920.356.750
- Công ty CP Cảng Hải Phòng	Công ty con	181.584.826.200	121.056.550.800
- Công ty CP Cảng Đà Nẵng	Công ty con	89.100.000.000	103.950.000.000
- Công ty CP Phát triển Hàng hải	Công ty con	-	5.232.600.000
- Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh	Công ty con	6.035.574.600	6.584.263.200
- Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam	Công ty con	78.540.000.000	-
- Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam	Công ty con	10.795.257.000	23.029.881.600
- Công ty CP VIMC Logistics	Công ty con	6.449.296.000	-
- Công ty CP Vận tải biển Vinaship	Công ty con	10.404.000.000	-
- Công ty CP Cảng Quy Nhơn	Công ty con	42.437.166.800	36.374.714.400
- Công ty CP Tư vấn xây dựng công trình Hàng hải	Công ty liên kết	8.044.036.000	7.828.220.400
- Công ty LD Vận tải quốc tế Nhật Việt	Công ty liên kết	-	-
- Công ty CP Cảng Khuyến Lương	Công ty liên kết	3.975.468.000	3.975.468.000
- Công ty Cổ phần dịch vụ Vận tải & Thương mại	Công ty liên kết	-	2.592.000.000
- Công ty TNHH Vận tải quốc tế Nhật Việt	Công ty liên kết	2.000.000.000	4.000.000.000
- Công ty CP Hàng hải Sài Gòn	Công ty con của công ty con	218.700.000	-
		<u>449.495.832.100</u>	<u>323.544.055.150</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

36. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

36.1 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp)

Ngoài các giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh bên trên, Tổng Công ty còn có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Chức vụ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt			
Ông Lê Anh Sơn	Chủ tịch Hội đồng quản trị đến ngày 09/07/2025 Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc từ ngày 09/07/2025	15.817.458.424 2.106.351.272	13.659.385.250 1.636.113.506
Ông Nguyễn Cảnh Tinh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc đến ngày 09/07/2025 Chủ tịch Hội đồng quản trị từ ngày 09/07/2025	1.894.678.628	1.627.289.353
Ông Đỗ Tiến Đức	Thành viên HĐQT	1.471.689.668	1.305.366.516
Ông Nguyễn Đình Chung	Thành viên HĐQT	1.471.689.668	1.303.244.516
Ông Đỗ Hùng Dương	Thành viên HĐQT	1.491.931.668	1.266.520.968
Ông Phạm Anh Tuấn	Phó Tổng giám đốc	1.470.331.468	1.234.966.487
Ông Lê Quang Trung	Phó Tổng giám đốc	1.393.276.508	1.230.466.487
Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Phó Tổng giám đốc	1.339.939.508	1.201.769.519
Ông Lương Đình Minh	Trưởng Ban Kiểm soát	1.335.061.048	1.195.023.753
Bà Phan Thị Nhị Hà	Kiểm soát viên	930.665.088	843.122.955
Ông Phạm Cao Nhuệ	Kiểm soát viên	911.843.900	815.501.190

36.2 CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

- (1) Tổng Công ty ký hợp đồng thuê đất tại số 1 Đào Duy Anh, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội để sử dụng với mục đích làm văn phòng làm việc và kinh doanh cho thuê văn phòng từ ngày 15/06/1998 đến ngày 25/06/2048. Diện tích khu đất thuê là 6.851,0 m². Theo hợp đồng này, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

36. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

36.2 CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT (TIẾP)

(2) Tổng Công ty ký hợp đồng thuê đất tại 163 Nguyễn Văn Trỗi, phường Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích làm văn phòng làm việc và kinh doanh cho thuê từ 19/06/2002 đến 19/06/2052. Diện tích khu đất thuê là 330,0 m². Theo hợp đồng này, Tổng Công ty đã trả tiền thuê đất một lần cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

(3) Tổng Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại một số địa điểm trên địa bàn thành phố Hải Phòng, cụ thể như sau:

TT	Địa điểm	Diện tích (m ²)	Mục đích	Hình thức thuê đất	Thời hạn thuê đất
1	Phường Đồng Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	161.745,0	Trung tâm chuyển hàng hóa	Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm	40 năm (từ 24/02/2004 đến 24/01/2044)
2	Số 282 Đà Nẵng, Phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	8.310,1	Kinh doanh khách sạn, văn phòng cho thuê	Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm	50 năm (từ 25/07/1994 đến 25/07/2044)
3	11B Võ Thị Sáu, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	112,0	Văn phòng làm việc	Thuê đất, trả tiền thuê đất một lần cho toàn bộ thời gian thuê	50 năm (từ 15/10/1993 đến 15/10/2043)
Tổng cộng		170.176,1			

36.3 THÔNG TIN KHÁC

Theo quy định tại Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần, Tổng Công ty phải thực hiện quyết toán thuế, các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước với Cơ quan thuế và đề nghị Cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, quyết toán tiền thu về cổ phần hóa, chi trả chế độ lao động đối dư, chi phí cổ phần hóa. Tổng Công ty đã hoàn thành việc quyết toán thuế. Đối với các nội dung còn lại, Tổng Công ty đã hoàn thành hồ sơ và đang trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, do vậy số liệu trên Báo cáo tài chính riêng kèm theo có thể thay đổi theo ý của các cấp có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

37. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Tổng Công ty đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu



Nguyễn Thị Dung

Trưởng ban TCKT



Lê Duy Dương

Tổng Giám đốc



Lê Anh Sơn



TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 09
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	10 - 12
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	13
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	14 - 15
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	16 - 73

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Cảnh Tinh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 09/07/2025
Ông Lê Anh Sơn	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 09/07/2025
Ông Đỗ Tiến Đức	Thành viên	
Ông Nguyễn Đình Chung	Thành viên	
Ông Đỗ Hùng Dương	Thành viên	

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Anh Sơn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09/07/2025
Ông Nguyễn Cảnh Tinh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 09/07/2025
Ông Phạm Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Quang Trung	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc	

Đại diện pháp luật

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 09/07/2025 Tổng Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Cảnh Tinh - Tổng Giám đốc. Từ ngày 10/07/2025 Tổng Công ty có 02 người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Cảnh Tinh - Chủ tịch Hội đồng quản trị và ông Lê Anh Sơn - Tổng Giám đốc.

Ban kiểm soát

Ông Lương Đình Minh	Trưởng ban
Bà Phan Thị Nhị Hà	Kiểm soát viên
Ông Phạm Cao Nhuệ	Kiểm soát viên

Kế toán trưởng

Ông Lê Duy Dương	Trưởng ban Tài chính - Kế toán
------------------	--------------------------------

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại thời điểm 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



Lê Anh Sơn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2026

Số: 196/2026/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025*

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 12 tháng 03 năm 2026, từ trang 10 đến trang 73 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông - Công ty con của Tổng Công ty ("Biển Đông")

Liên quan đến chênh lệch số dư gốc vay và nợ vay phải trả Công ty Tài chính TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy ("VFC")

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp)

Theo thư xác nhận độc lập mà chúng tôi nhận được từ Công ty Tài chính TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy ("VFC") ghi nhận số dư gốc cho vay và lãi phải thu Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông ("Biển Đông") liên quan đến Dự án tàu Container 1730 TEU V22 lớn hơn số liệu trên sổ sách do Biển Đông theo dõi tại thời điểm 31/12/2025 lần lượt là 28.667.314,77 USD và 67.863.415,56 USD, tại thời điểm 01/01/2025 lần lượt là 28.667.314,77 USD và 63.541.824,47 USD.

Nguyên nhân là do Biển Đông đã thực hiện chuyển nợ gốc và lãi vay phải trả VFC sang Công ty TNHH MTV Đóng tàu Bạch Đằng ("Bạch Đằng") theo biên bản bàn giao ký ngày 05/08/2015 với Bạch Đằng. Tuy nhiên, VFC chưa thực hiện chuyển đổi tương nợ mà vẫn theo dõi nợ gốc và tính lãi vay phát sinh sau thời điểm 05/08/2015 cho Biển Đông nên xảy ra tình trạng chênh lệch nợ gốc và lãi tại thời điểm lập báo cáo tài chính nêu trên.

Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp cho các số dư tại thời điểm đầu năm, số liệu phát sinh trong năm và số dư cuối năm của các khoản vay và chi phí lãi vay phải trả này.

Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các chỉ tiêu này và các ảnh hưởng nếu có đến Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo hay không (xem thêm tại Thuyết minh số 20 và số 24).

Liên quan đến việc ghi nhận chênh lệch giữa nợ gốc và lãi vay phải trả các tổ chức tín dụng với số tiền Công ty nhận nợ với Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC)

Trước năm 2017, Biển Đông áp dụng hướng dẫn của công văn số 751/BTC-TCDN ngày 17/9/2015 của Bộ tài chính (công văn 751) v/v hướng dẫn kế toán phần chênh lệch giữa giá trị khoản nợ theo sổ sách kế toán và giá trị nhận nợ với Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam ("DATC"). Theo đó, khoản chênh lệch giữa số tiền Biển Đông nhận nợ với DATC với giá trị khoản nợ gốc và lãi vay phải trả các tổ chức tín dụng được ghi nhận tăng giá trị phần vốn Nhà nước tại Biển Đông.

Từ năm 2018 đến năm 2021, Biển Đông chuyển sang áp dụng các quy định của Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, theo đó khoản chênh lệch giữa số tiền Biển Đông nhận nợ DATC với giá trị khoản gốc và lãi vay phải trả các tổ chức tín dụng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Từ năm 2022 tới 2023, Biển Đông áp dụng hướng dẫn của Thông tư số 46/2021/TT-BTC ngày 23/6/2021, công văn số 751/BTC-TCDN ngày 17/9/2015, công văn số 5883 /BTC-TCDN ngày 08/5/2017, công văn số 1440/BTC-TCDN ngày 08/02/2021 của Bộ Tài chính. Theo đó, khoản chênh lệch giữa số tiền Công ty nhận nợ với DATC với giá trị khoản nợ gốc và lãi vay phải trả các tổ chức tín dụng được ghi nhận tăng giá trị phần vốn Nhà nước tại Biển Đông.

Nếu Biển Đông áp dụng nhất quán quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam trong việc ghi nhận các khoản này thì trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 01/01/2025, chỉ tiêu Chênh lệch đánh giá lại tài sản (Mã số 416) sẽ giảm xuống 2.166,24 tỷ đồng, chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số 421) tăng lên tương ứng và tại ngày 31/12/2025, chỉ tiêu Chênh lệch đánh giá lại tài sản (Mã số 416) sẽ giảm xuống 2.166,24 tỷ đồng, chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số 421) tăng lên tương ứng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được nêu tại “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo tài chính hợp nhất các nội dung sau:

- Tại thuyết minh số 1.5 - Cấu trúc Tổng Công ty: Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn - Công ty con của Tổng Công ty được hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty. Trên Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty đang phản ánh giá trị khoản đầu tư vào Công ty con này là 415,46 tỷ VND. Đây là giá trị mà Tổng Công ty đã chuyển trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành (“Hợp Thành”) theo các quy định của hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu cổ phần. Đến ngày 31/12/2025, Tổng Công ty và Hợp Thành vẫn đang trong quá trình trao đổi, xem xét về giá trị lợi ích hợp pháp của Hợp Thành trong giai đoạn tham gia đầu tư vào Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.
- Tại thuyết minh 2.1 - Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất: Các báo cáo tài chính của một số Công ty con, Công ty liên kết được hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty đang tồn tại các yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của các Công ty này. Các báo cáo tài chính của các đơn vị này đang được lập và trình bày trên giả định hoạt động liên tục.
- Như trình bày tại thuyết minh 11 - Các khoản đầu tư tài chính, Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn - Công ty con của Tổng Công ty (Cảng Sài Gòn), đang theo dõi khoản đầu tư góp vốn bằng tài sản là 600m cầu tàu K6, K7, K8, K9, K10 tại Cảng Nhà Rồng - Khánh Hội vào Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô Thị Ngọc Viễn Đông (“Công ty Ngọc Viễn Đông”) với giá trị góp vốn được xác định là hơn 300 tỷ đồng (tương đương tỷ lệ góp vốn 5,6%). Cảng Sài Gòn không thu thập được các Báo cáo tài chính của Công ty Ngọc Viễn Đông từ năm 2021 đến nay. Tuy nhiên, các tài sản góp vốn là hơn 600m cầu cảng từ K6 đến K10 tại Khu Nhà Rồng - Khánh Hội vẫn đang được Công ty tiếp tục quản lý, khai thác, kinh doanh và Công ty Ngọc Viễn Đông cam kết chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất có liên quan đối với Nhà nước theo Biên bản thỏa thuận ngày 31/08/2017 giữa Công ty Ngọc Viễn Đông và Cảng Sài Gòn. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá khoản đầu tư này không bị suy giảm giá trị.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 17 - Xây dựng cơ bản dở dang, “Dự án đầu tư xây dựng công trình Cảng Cái Cui giai đoạn I” được triển khai từ năm 2002 với tổng mức đầu tư theo dự toán ban đầu 230,3 tỷ đồng; “Dự án đầu tư xây dựng cảng Cái Cui giai đoạn II” được triển khai từ năm 2009 với tổng mức đầu tư theo dự toán ban đầu là 829,8 tỷ đồng. Việc đầu tư 02 dự án đã kéo dài hơn so với dự kiến ban đầu và hiện vẫn chưa hoàn thành. Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ - Công ty con của Tổng Công ty đang tiếp tục triển khai đầu tư để hoàn thành đưa các hạng mục dự án vào sử dụng vào hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh (tiếp)

- Như trình bày tại Thuyết minh số 19 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước: Cảng Sài Gòn đã tạm tính các chi phí phải nộp liên quan đến tiền thuê đất tại Khu vực Cảng Nhà Rong - Khánh Hội tính đến thời điểm Công ty ký thỏa thuận với Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô Thị Ngọc Viễn Đông ("Ngọc Viễn Đông") (chủ đầu tư dự án Khu Cảng Nhà Rong - Khánh Hội) theo Quyết định chủ trương đầu tư số 6815/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh). Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Cảng Sài Gòn đang tiếp tục làm việc với cơ quan thuế về cơ sở tính tiền thuê đất phải nộp.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 22 (3) và 22 (4) - Phải trả phải nộp khác: Cảng Sài Gòn đã tiếp nhận tiền ứng vốn từ Ngân sách Nhà nước và Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô thị Ngọc Viễn Đông để phục vụ đầu tư dự án xây dựng Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước, thuộc quản lý của Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn Hiệp Phước - Công ty con của Cảng Sài Gòn. Đến thời điểm hiện tại dự án này vẫn đang được triển khai xây dựng.
- Tại thuyết minh 22(6) - Phải trả phải nộp khác và 24(1) - Vay và nợ thuê tài chính, đến thời điểm hiện tại tại Dự án Nhà máy đóng tàu Hậu Giang của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hàng hải Hậu Giang đã bị dừng vĩnh viễn theo văn bản số 403/TTg-KTN ngày 29/03/2012 của Thủ tướng Chính phủ. Liên quan đến nguồn vốn dùng để đầu tư dự án này, Công ty đang thực hiện ghi nhận lãi suất tái cơ cấu căn cứ Nghị quyết 107/NQ-CP ngày 10/10/2017 của Chính phủ. Tuy nhiên các bên cho vay/ứng vốn gồm: Công ty Tài chính TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy (VFC), Tổng Công ty Công nghiệp tàu thủy (SBIC) chưa thực hiện cơ cấu nợ theo nghị quyết nêu trên.
- Tại Thuyết minh số 24 (2) - Vay và nợ thuê tài chính và Thuyết minh số 7 - Phải thu về cho vay: Tại ngày 31/12/2025, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty phản ánh khoản Phải thu về cho vay Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP - PSA ("SP-PSA") trị giá nguyên tệ là 4.950.000 USD (tại Công ty mẹ - Tổng Công ty) và 11.880.000 USD (tại Cảng Sài Gòn), đồng thời phản ánh khoản vay Công ty PSA Việt Nam Pte., Ltd ("PSA Việt Nam") với cùng số tiền theo Hợp đồng vay cổ đông ngày 26/08/2008, tương ứng với tỷ lệ vốn góp 15% của Tổng Công ty và 36% của Công ty CP Cảng Sài Gòn tại Công ty TNHH Cảng quốc tế SP PSA. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty và Cảng Sài Gòn vẫn đang tiếp tục làm việc với các bên để thống nhất ký lại phụ lục hợp đồng và cơ sở tính số lãi phải thu và lãi phải trả tương ứng.
- Như đã nêu tại Thuyết minh số 37.3 - Thông tin khác:
 - + Theo quy định tại Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần, Tổng Công ty phải thực hiện quyết toán thuế, các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước với Cơ quan thuế và đề nghị Cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, quyết toán tiền thu về cổ phần hóa, chi trả chế độ lao động đối dư, chi phí cổ phần hóa. Tổng Công ty đã hoàn thành việc quyết toán thuế. Đối với các nội dung còn lại, Tổng Công ty đã hoàn thành hồ sơ và đang trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Do vậy số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo có thể thay đổi theo ý kiến của các cấp có thẩm quyền.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh (tiếp)

- + Tại ngày 31/12/2025, số liệu tại chỉ tiêu “Tài sản cố định hữu hình” (mã số 221) bao gồm các tài sản thuộc cầu cảng số 04, số 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ được ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng – công ty con của Tổng Công ty (“Cảng Hải Phòng”) với tổng nguyên giá 279,7 tỷ đồng và giá trị còn lại 133,81 tỷ đồng. Nguồn vốn hình thành các tài sản này được ghi nhận tại chỉ tiêu “Vay và nợ thuê tài chính dài hạn” (mã số 338) với giá trị 342,1 tỷ đồng. Đây là các tài sản thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp Cảng Hải Phòng giai đoạn II do Bộ Giao thông Vận tải làm chủ đầu tư, sử dụng vốn vay ODA Nhật Bản và vốn đối ứng của Chính phủ.

Ngày 4/4/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 84/2025/NĐ-CP quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải. Theo đó, Bộ Xây dựng đã ban hành Văn bản số 12000/BXD-KHTC ngày 21/10/2025 đề nghị Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”) nghiên cứu, rà soát các phương thức khai thác, xử lý tài sản cầu cảng số 4, số 5 thuộc Bến cảng Chùa Vẽ bảo đảm phù hợp với thực trạng tài sản, điều kiện quản lý, khai thác các cầu cảng và tuân thủ quy định pháp luật. Đồng thời, Bộ Xây dựng yêu cầu Ban Quản lý dự án cảng Hải Phòng nghiên cứu ý kiến của Cảng Hải Phòng tại Văn bản số 3878/CHP-TCKT ngày 19/09/2025 về phân bổ chi phí cho gói thiết bị.

Trên cơ sở chỉ đạo này, Tổng Công ty đã yêu cầu Người đại diện phần vốn của Tổng Công ty tại Cảng Hải Phòng nghiên cứu, rà soát xây dựng phương án khai thác, xử lý tài sản cầu cảng số 4, số 5 thuộc Bến cảng Chùa Vẽ. Trên cơ sở ý kiến của Cảng Hải Phòng, đánh giá ưu, nhược điểm của từng phương án, VIMC đã có Văn bản số 1753/HHVN-TCKT ngày 06/11/2025 báo cáo Bộ Xây dựng và Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam về các phương án quản lý khai thác tài sản bến số 4, số 5 Cảng Chùa Vẽ.

Theo nội dung buổi làm việc ngày 29/12/2025 giữa Bộ Xây dựng, Tổng Công ty và Cảng Hải Phòng, trên cơ sở đề xuất của Cảng Hải Phòng tại Văn bản số 5222/CHP-TCKT ngày 31/12/2025 về phương án xử lý tài sản bến số 4, bến số 5 Cảng Chùa Vẽ, VIMC đã có văn bản số 16/HHVN-TCKT ngày 08/01/2026 trình Bộ Xây dựng và Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam cập nhật nội dung liên quan đến phương án xử lý các tài sản nêu trên.

Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, cơ quan quản lý nhà nước chưa ban hành quyết định về hình thức quản lý đối với cầu cảng số 04, số 05 và bãi container thuộc Bến Cảng Chùa Vẽ của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng. Căn cứ Điều 55 Luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025 quy định văn bản pháp luật không được áp dụng hiệu lực trở về trước trong trường hợp phát sinh trách nhiệm pháp lý mới đối với hành vi mà tại thời điểm thực hiện hành vi đó pháp luật chưa quy định trách nhiệm pháp lý, việc ghi nhận chính thức tài sản và chi phí liên quan đến cầu cảng số 4 và số 5 thuộc Bến cảng Chùa Vẽ sẽ được thực hiện khi cơ quan quản lý nhà nước ban hành quyết định chính thức về hình thức quản lý đối với các tài sản này.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh (tiếp)

- Bên cạnh đó, như đã trình bày tại Thuyết minh số 37.3 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, Bộ Tài chính cũng yêu cầu kiểm tra lại quá trình cổ phần hóa của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (trong điều kiện hồ sơ quyết toán giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa của Công ty chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt). Khi có sự phê duyệt chính thức của Cơ quan Quản lý về phương án vay, trả nợ, Công ty sẽ thực hiện các điều chỉnh cần thiết (nếu có) đối với Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không làm ảnh hưởng ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.



Lê Quang Nghĩa
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán số 3660-2026-112-1
Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2026

Trịnh Thị Trang
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán số 4061-2022-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		15.402.016.388.446	13.250.276.250.627
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	3.899.342.887.995	3.255.012.146.283
Tiền	111		2.215.388.113.333	1.867.525.795.383
Các khoản tương đương tiền	112		1.683.954.774.662	1.387.486.350.900
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.867.736.826.672	5.138.580.323.941
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	11	5.867.736.826.672	5.138.580.323.941
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.253.422.327.916	3.607.375.668.277
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	2.521.398.265.326	1.744.869.889.828
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	576.974.970.640	904.476.701.248
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	236.106.038.500	203.408.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1.260.065.721.019	1.114.081.771.535
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(343.956.929.421)	(363.723.523.135)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		2.834.261.852	4.262.828.801
Hàng tồn kho	140	10	660.344.563.191	485.064.150.994
Hàng tồn kho	141		864.664.153.991	689.383.741.794
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(204.319.590.800)	(204.319.590.800)
Tài sản ngắn hạn khác	150		721.169.782.672	764.243.961.132
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	16	121.449.727.627	79.824.461.633
Thuế GTGT được khấu trừ	152		558.909.638.589	545.190.547.000
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	40.810.416.456	139.228.952.499

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		20.150.263.151.530	17.174.694.382.362
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.791.915.562.293	1.506.052.730.179
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5	81.408.356.188	93.599.714.342
Trả trước cho người bán dài hạn	212	6	24.653.398.581	24.653.398.581
Phải thu về cho vay dài hạn	215	7	773.431.322.495	1.080.764.677.466
Phải thu dài hạn khác	216	8	912.422.485.029	307.034.939.790
Tài sản cố định	220		9.446.601.539.891	9.100.520.065.447
Tài sản cố định hữu hình	221	12	8.769.659.560.271	8.401.808.885.120
- Nguyên giá	222		28.809.037.419.828	29.962.641.030.949
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.039.377.859.557)	(21.560.832.145.829)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	14	42.315.190.625	45.229.712.513
- Nguyên giá	225		58.290.437.844	58.290.437.844
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(15.975.247.219)	(13.060.725.331)
Tài sản cố định vô hình	227	13	634.626.788.995	653.481.467.814
- Nguyên giá	228		940.133.833.854	934.473.120.013
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(305.507.044.859)	(280.991.652.199)
Bất động sản đầu tư	230	15	2.984.208.912.246	417.002.112.683
- Nguyên giá	231		3.621.818.373.230	801.560.573.617
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(637.609.460.984)	(384.558.460.934)
Tài sản dở dang dài hạn	240	17	1.803.621.191.126	3.528.272.652.993
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		39.313.490.216	39.141.592.111
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.764.307.700.910	3.489.131.060.882
Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.653.364.118.355	2.220.497.150.565
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	11	3.271.022.106.246	1.849.307.819.163
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	11	367.777.404.323	395.522.409.602
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	11	(24.187.531.620)	(24.333.078.200)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	11	38.752.139.406	-
Tài sản dài hạn khác	260		470.551.827.619	402.349.670.495
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	440.475.415.867	373.585.689.251
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		30.076.411.752	28.763.981.244
TỔNG TÀI SẢN	270		35.552.279.539.976	30.424.970.632.989

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		16.217.919.943.756	13.008.273.019.746
Nợ ngắn hạn	310		9.329.063.030.027	8.099.991.348.524
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	1.395.291.432.180	1.698.029.979.726
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		115.658.711.378	77.566.769.514
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	591.025.431.542	309.516.290.210
Phải trả người lao động	314		773.199.200.502	684.237.666.497
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	3.054.627.921.655	2.313.842.060.507
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	21	205.746.164.157	25.249.417.363
Phải trả ngắn hạn khác	319	22	1.536.119.179.125	1.542.820.618.819
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24	1.457.232.290.180	1.280.673.986.345
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		7.000.000.000	25.100.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		193.162.699.308	142.954.559.543
Nợ dài hạn	330		6.888.856.913.729	4.908.281.671.222
Chi phí phải trả dài hạn	333	20	13.904.306.662	13.882.563.322
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	21	148.206.565.356	44.734.415.104
Phải trả dài hạn khác	337	22	2.325.139.746.868	2.381.238.467.846
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	24	3.996.077.081.710	1.999.549.682.841
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	341	23	405.529.213.133	468.876.542.109
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		19.334.359.596.220	17.416.697.613.243
Vốn chủ sở hữu	410	25	19.334.359.596.220	17.416.697.613.243
Vốn góp của chủ sở hữu	411		12.005.880.000.000	12.005.880.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		12.005.880.000.000	12.005.880.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		591.314.843	745.029.557
Vốn khác của chủ sở hữu	414		73.760.124.299	73.241.144.535
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(3.203.637.830.471)	(3.203.637.830.471)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		91.508.818.739	108.499.338.222
Quỹ đầu tư phát triển	418		3.497.532.340.887	2.933.165.394.314
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		92.227.503	92.227.503
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.629.246.910.613	596.828.553.066
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(315.399.444.737)	(1.424.185.891.752)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		1.944.646.355.350	2.021.014.444.818
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		5.239.385.689.807	4.901.883.756.517
TỔNG NGUỒN VỐN	440		35.552.279.539.976	30.424.970.632.989

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Trưởng ban TCKT

Tổng Giám đốc



Vũ Thị Thanh Duyên

Lê Duy Dương

Lê Anh Sơn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	19.029.665.651.275	16.969.719.071.136
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		13.121.224.611	8.470.890.671
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		19.016.544.426.664	16.961.248.180.465
Giá vốn hàng bán	11	28	15.542.020.981.799	14.147.885.979.277
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.474.523.444.865	2.813.362.201.188
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	621.214.249.623	856.589.652.356
Chi phí tài chính	22	30	407.836.764.389	616.879.088.999
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		267.782.572.860	372.851.242.087
Lãi/(lỗ) đầu tư Công ty liên doanh, liên kết	24		470.966.100.037	225.015.248.832
Chi phí bán hàng	25	31	166.250.716.487	138.313.204.379
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	1.441.889.812.669	1.343.354.790.920
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.550.726.500.980	1.796.420.018.078
Thu nhập khác	31	33	908.330.558.114	1.435.448.737.979
Chi phí khác	32	34	219.875.053.804	79.220.229.770
Lợi nhuận khác	40		688.455.504.310	1.356.228.508.209
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.239.182.005.290	3.152.648.526.287
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		662.699.432.285	546.070.402.800
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(65.110.089.671)	(23.250.630.856)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.641.592.662.676	2.629.828.754.343
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		1.946.960.410.410	2.021.014.444.818
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		694.632.252.266	608.814.309.525
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	1.622	1.683

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu



Vũ Thị Thanh Duyên

Trưởng ban TCKT



Lê Duy Dương

Tổng Giám đốc



Lê Anh Sơn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		3.239.182.005.290	3.152.648.526.287
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.422.822.222.755	1.525.135.144.321
Các khoản dự phòng	03		(38.012.140.294)	26.689.582.157
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		52.329.935.464	(55.131.068.690)
Lỗ/(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(1.258.087.197.310)	(1.308.671.609.044)
Chi phí lãi vay	06		267.782.572.860	372.851.242.087
Các điều chỉnh khác	07		-	26.272.308.883
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		3.686.017.398.765	3.739.794.126.001
Tăng giảm các khoản phải thu	09		(90.620.704.155)	455.843.676.906
Tăng giảm hàng tồn kho	10		(175.452.310.302)	8.277.984.948
Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(1.355.889.295.327)	(434.232.237.235)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(108.514.992.610)	36.070.693.052
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(223.823.083.134)	(217.231.080.187)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(387.345.225.404)	(569.874.097.308)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		6.787.908.508	32.320.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(329.941.705.651)	(220.552.756.659)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.021.217.990.690	2.798.128.629.518
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.712.707.184.141)	(3.090.639.824.854)
Tiền thu thanh lý nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		952.566.071.076	846.150.504.689
Tiền chi cho vay mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(5.967.201.207.926)	(6.805.556.798.760)
Tiền thu hồi cho vay bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.521.913.497.546	6.701.753.928.991
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(55.720.149.211)	(332.099.938.458)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		79.995.226.586	106.295.848.490
Tiền thu lãi vay cổ tức và lợi nhuận được chia	27		825.295.089.990	368.021.672.950
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.355.858.656.080)	(2.206.074.606.952)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		13.775.290.000	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	470.498.442.708
Tiền thu từ đi vay	33		4.538.679.535.138	(548.833.154.504)
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.276.945.894.707)	-
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(329.166.935.972)	(46.326.570.024)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		2.946.341.994.459	(124.661.281.820)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		611.701.329.069	467.392.740.747
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	3.255.012.146.283	2.771.448.217.598
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		32.629.412.643	16.171.187.938
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	3.899.342.887.995	3.255.012.146.283

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Vũ Thị Thanh Duyên

Trưởng ban TCKT

Lê Duy Dương

Tổng Giám đốc

Lê Anh Sơn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 250/TTg ngày 29/4/1995 của Thủ tướng chính phủ. Ngày 29/09/2006, Tổng Công ty đã chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 216/2006/QĐ - TTg của Thủ tướng chính phủ. Đồng thời, Thủ tướng chính phủ cũng ban hành Quyết định số 217/2006/QĐ-TTg về việc thành lập Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam.

Ngày 25/06/2010, Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định số 985/QĐ-TTg về việc chuyển Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Thực hiện đề án Tái cơ cấu Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Tổng Công ty đã tổ chức thực hiện xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm ngày 31/12/2016. Ngày 08/12/2017, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quyết định số 3402/QĐ-BGTVT công bố giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Đến ngày 20/06/2018, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 751/QĐ-TTg phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Ngày 18/06/2020, Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp ban hành Quyết định số 277/QĐ-UBQLV điều chỉnh quy mô và cơ cấu vốn điều lệ theo kết quả chào bán cổ phần lần đầu của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Tổng Công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần đầu vào ngày 13/08/2020 và chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 18/08/2020.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0100104595 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội lần đầu ngày 07/07/2010. Từ ngày 18/08/2020, Tổng Công ty đã thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 7 để chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với vốn điều lệ là 12.005.880.000.000 VND, thay đổi lần thứ 9 ngày 10/07/2025.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương, đường thủy nội địa, đường bộ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải; hoạt động điều hành cảng biển, cảng đường thủy nội địa; hoạt động đại lý, giao nhận vận chuyển, logistics, kho bãi và lưu giữ hàng hóa, mua bán nợ...

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

1.4 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán và hoàn toàn có thể so sánh được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**1.5 CẤU TRÚC TỔNG CÔNG TY**

Tổng Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2025 bao gồm:

STT	Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	51,05%	51,05%	Dịch vụ hàng hải
2	Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam	TP. Hải Phòng	51,00%	51,00%	Dịch vụ vận tải biển
3	Công ty Cổ Phần VIMC Logistics	TP. Hà Nội	59,50%	60,59%	Dịch vụ hàng hải
4	Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh	Khánh Hòa	80,90%	80,90%	Dịch vụ cảng biển, bốc xếp
5	Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship	TP. Hải Phòng	51,00%	51,00%	Dịch vụ vận tải biển
6	Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	TP. Hải Phòng	92,56%	92,56%	Dịch vụ cảng biển, bốc xếp
7	Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	Nghệ An	51,00%	51,00%	Dịch vụ cảng biển, bốc xếp
8	Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	65,45%	65,45%	Dịch vụ cảng biển, bốc xếp
9	Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng	TP. Đà Nẵng	75,00%	75,00%	Dịch vụ cảng biển
10	Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam	TP. Hải Phòng	60,00%	60,00%	Dịch vụ vận tải biển
11	Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao	TP. Hà Nội	56,00%	56,00%	Dịch vụ cảng biển, bốc xếp
12	Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông	TP. Hà Nội	100,00%	100,00%	Dịch vụ vận tải biển
13	Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân	Quảng Ninh	56,58%	56,58%	Dịch vụ cảng biển, bốc xếp
14	Công ty TNHH MTV Dịch vụ hàng hải Hậu Giang	Hậu Giang	100,00%	100,00%	Dịch vụ cảng biển, bốc xếp, vận chuyển
15	Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ	TP. Cần Thơ	99,01%	99,01%	Dịch vụ cảng biển, bốc xếp
16	Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang	Khánh Hòa	91,79%	91,79%	Dịch vụ vận tải biển
17	Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn (I)	Bình Định	75,01%	75,01%	Dịch vụ cảng biển, bốc xếp
18	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh	Khánh Hòa	41,26%	51,00%	Dịch vụ hàng hải
19	Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Cảng Đình Vũ	TP. Hải Phòng	47,21%	51,00%	Dịch vụ cảng biển, bốc xếp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

STT	Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
20	Công ty Cổ phần Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng	TP. Hải Phòng	55,54%	60,00%	Dịch vụ hàng hải
21	Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	TP. Hải Phòng	92,56%	100,00%	Dịch vụ cảng biển, bốc xếp
22	Công ty TNHH MTV Trung tâm y tế Cảng Hải Phòng	TP. Hải Phòng	92,56%	100,00%	Dịch vụ khám chữa bệnh
23	Công ty TNHH MTV Đào tạo kỹ thuật Nghiệp vụ Cảng Hải Phòng	TP. Hải Phòng	92,56%	100,00%	Dịch vụ đào tạo
24	Công ty Cổ phần Logistics Cảng Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	48,52%	74,13%	Dịch vụ hàng hải
25	Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn Hiệp Phước	TP. Hồ Chí Minh	59,26%	90,54%	Dịch vụ cảng biển, bốc xếp
26	Công ty Cổ phần Kỹ thuật Thương mại Dịch vụ Cảng Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	41,44%	63,31%	Dịch vụ hàng hải
27	Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Cảng Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	33,38%	51,00%	Dịch vụ hàng hải
28	Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	34,51%	52,72%	Dịch vụ hàng hải
29	Công ty TNHH MTV Cung ứng Nhân lực VOSCO	TP. Hải Phòng	51,00%	51,00%	Cung ứng nhân lực
30	Công ty Cổ phần dịch vụ Cảng Hậu Giang	Hậu Giang	51,00%	51,00%	Dịch vụ hàng hải
31	Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Vinaship	TP. Hải Phòng	51,00%	51,00%	Dịch vụ hàng hải
32	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Logistics Cảng Quy Nhơn	TP. Quy Nhơn	75,01%	75,01%	Dịch vụ hàng hải
33	Công ty cổ phần Vận tải container VIMC (VIMC Lines)	TP. Hà Nội	99,56%	99,56%	Dịch vụ cảng biển, bốc xếp, vận tải biển
34	Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải	TP. Hải Phòng	51,00%	50,55%	Dịch vụ hàng hải
35	Công ty Cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ	TP. Hải Phòng	51,00%	50,55%	Dịch vụ cảng biển, bốc xếp

- i. Tháng 9/2015, Tổng Công ty thực hiện thoái vốn tại Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn (“QNP”) theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần với Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành (“Hợp Thành”). Ngày 27/05/2019, thực hiện Kết luận của Thanh tra Chính phủ về công tác Cổ phần hóa tại QNP, ý kiến chỉ đạo của Phó thủ tướng thường trực Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, Tổng Công ty đã ký hợp đồng số 01/2019/VNL-HT/CGCP với Hợp Thành về việc nhận chuyển giao quyền sở hữu cổ phần QNP. Ngày 29/05/2019, việc chuyển giao quyền sở hữu 30.312.262 cổ phần tương đương 75,01% vốn điều lệ QNP cho Tổng Công ty đã được thực hiện thông qua Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam. Theo hợp đồng, tổng giá trị chuyển giao bao gồm (1) Số tiền chuyển giao và (2) Lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư. Trong đó:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)****1.5 CẤU TRÚC TỔNG CÔNG TY (TIẾP)**

- Số tiền chuyển giao (1) là 415.156.027.500 VND. Số tiền này đã được Tổng Công ty chuyển trả cho Hợp Thành vào ngày 27/05/2019 và tạm ghi nhận giá trị khoản đầu tư vào QNP vào ngày được chuyển giao quyền sở hữu;
- Lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư (2) là giá trị lợi ích hợp pháp mà Hợp Thành được hưởng trong giai đoạn tham gia đầu tư, quản lý và điều hành. Giá trị này hai bên thống nhất do Hợp Thành đưa ra cơ sở phương pháp xác định gửi Tổng Công ty xem xét cho ý kiến và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Đến thời điểm 31/12/2025, các bên vẫn chưa xác định được giá trị lợi ích hợp pháp (2) mà Hợp Thành được hưởng trong giai đoạn tham gia đầu tư, quản lý và điều hành. Vì vậy, Tổng Công ty chưa thanh toán khoản này cho Hợp Thành đồng thời chưa ghi nhận vào giá trị khoản đầu tư trên Báo cáo tài chính riêng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty con do Tổng Công ty kiểm soát (Các công ty con). Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con.

Báo cáo tài chính của một số Công ty con và Công ty liên kết gồm: Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông, Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hàng hải Hậu Giang, Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang, Công ty TNHH quốc tế Cảng Cái Mép có các sự kiện cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của các Công ty này như lỗ lũy kế lớn, nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn... nhưng báo cáo tài chính của các Công ty này vẫn được lập dựa trên giả định hoạt động liên tục để hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng, với việc các đơn vị đang trong quá trình quyết liệt tái cơ cấu các khoản nợ vay, đồng thời thị trường vận tải biển đang có những chuyển biến hết sức tích cực thì giả định hoạt động liên tục để lập Báo cáo tài chính của các công ty này là phù hợp.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát: Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tổng Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)

2.2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và tuân thủ Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2.3 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

3.1 CÁC ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 CÁC NGHIỆP VỤ BẰNG NGOẠI TỆ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.3 TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.4 HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ LỢI THỂ THƯƠNG MẠI

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thể thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ được xác định là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ (thời điểm công ty mẹ nắm giữ quyền kiểm soát công ty con). Lãi mua rẻ (nếu có) sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thể thương mại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ, Tổng Công ty sẽ đánh giá tổn thất lợi thể thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thể thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thể thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước/hoặc phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết mua trong năm được bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tổng Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thể thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tổng Công ty không phân bổ lợi thể thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thể thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết phát sinh trong kỳ. Tổng Công ty loại trừ phần cổ tức ưu đãi của các cổ đông khác (nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu); số dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty liên doanh, liên kết; phần lãi liên quan tới giao dịch công ty liên doanh, liên kết góp vốn hoặc bán tài sản cho Tổng Công ty trước khi xác định phần sở hữu của Tổng Công ty trong lợi nhuận hoặc lỗ của công ty liên doanh, liên kết kỳ báo cáo. Sau đó Tổng Công ty điều chỉnh giá trị khoản đầu tư tương ứng với phần sở hữu trong lãi, lỗ của công ty liên doanh, liên kết và ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tổng Công ty. Các điều chỉnh thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tổng Công ty trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi và được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên. Dự phòng cũng được xác định đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn. Dự phòng được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.7 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Riêng tại Công ty Vận tải biển VIMC - đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty mẹ, giá trị hàng tồn kho (chủ yếu là nhiên liệu trên tàu) được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng dịch vụ hoặc hạng mục tư vấn dự án chưa nghiệm thu hoàn thành. Chi phí sản xuất kinh doanh dài hạn được tập hợp theo chi phí thực tế phát sinh của dự án đầu tư bất động sản để bán.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối kỳ kế toán cho từng mặt hàng tồn kho có chênh lệch lớn hơn giữa giá gốc hàng tồn kho và giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Chính sách khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cùng loại thuộc sở hữu của Tổng Công ty và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (TIẾP)**

Nhóm tài sản cố định	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 35
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý và TSCĐ khác	03 - 10
Quyền sử dụng đất có thời hạn	50
Quyền sử dụng đất không thời hạn	Không trích khấu hao
Phần mềm	03
Tài sản cố định vô hình khác	02 - 21

3.9 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Đối với bất động sản đầu tư được đưa vào sử dụng và ghi tăng nguyên giá trước thời điểm xác định giá trị cổ phần hóa, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được ghi nhận theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và công bố.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhóm tài sản cố định	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 25
Quyền sử dụng đất	50
Cơ sở hạ tầng	47

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.10 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.11 THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

3.12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau. Đối với giá trị lợi thế kinh doanh và giá trị công cụ dụng cụ đánh giá lại được ghi nhận theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và công bố.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận Tài sản cố định vô hình. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí dựa trên đánh giá tình hình thực tế, chi phí công cụ dụng cụ được phản ánh vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm.
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định: Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí dựa trên đánh giá tình hình thực tế, chi phí công cụ dụng cụ được phản ánh vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm.
- Chi phí thuê nhà và chi phí bảo hiểm: Được phân bổ căn cứ thời gian trả trước.

3.13 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại ngoại tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

3.14 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm các khoản đi vay và nợ thuê tài chính.

Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ, theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.15 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, toàn bộ chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

3.16 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm chi phí lãi vay và các loại chi phí khác.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

3.17 CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

3.18 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi chưa thực hiện khi góp vốn bằng tài sản phi tiền tệ cho công ty liên doanh, liên kết tương ứng với phần sở hữu của Tổng Công ty trong công ty liên doanh, liên kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.19 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày cuối kỳ được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu - là vốn điều lệ của Tổng Công ty được Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp phê duyệt tại Quyết định số 277/QĐ-UBQLV ngày 18/06/2020.

Tại Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông (“Biển Đông”): Theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Công văn số 751/BTC-TCDN ngày 17/09/2015, khoản chênh lệch giữa số tiền Biển Đông nhận nợ với Công ty TNHH Mua Bán nợ Việt Nam (DATC) với giá trị khoản nợ gốc và lãi vay phải trả các tổ chức tín dụng phát sinh trước ngày chuyển đổi chủ nợ được ghi nhận tăng giá trị phần vốn Nhà nước tại Biển Đông. Hướng dẫn này có sự khác biệt với quy định của Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, theo đó khoản chênh lệch này được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Trước năm 2017, Biển Đông áp dụng hướng dẫn của công văn số 751/BTC-TCDN ngày 17/9/2015 của Bộ tài chính (công văn 751) v/v hướng dẫn kế toán phần chênh lệch giữa giá trị khoản nợ theo sổ sách kế toán và giá trị nhận nợ với DATC (Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam). Theo đó, khoản chênh lệch giữa số tiền Công ty nhận nợ với Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) với giá trị khoản nợ gốc và lãi vay phải trả các tổ chức tín dụng được ghi nhận tăng giá trị phần vốn Nhà nước tại Biển Đông.

Từ năm 2018 đến năm 2021, Biển Đông chuyển sang áp dụng các quy định của Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, theo đó, khoản chênh lệch giữa số tiền Biển Đông nhận nợ DATC với giá trị khoản gốc và lãi vay phải trả các tổ chức tín dụng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Từ năm 2022 tới 2023, Biển Đông áp dụng hướng dẫn của Thông tư số 46/2021/TT-BTC ngày 23/6/2021, công văn số 751/BTC-TCDN ngày 17/9/2015, công văn số 5883 /BTC-TCDN ngày 08/5/2017, công văn số 1440/BTC-TCDN ngày 08/02/2021 của Bộ Tài chính.

Nếu Biển Đông áp dụng nhất quán quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam trong ghi nhận các khoản này thì trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 01/01/2025, chỉ tiêu Chênh lệch đánh giá lại tài sản (Mã số 416) sẽ giảm xuống 2.166,24 tỷ đồng, chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số 421) tăng lên tương ứng và tại ngày 31/12/2025, chỉ tiêu Chênh lệch đánh giá lại tài sản (Mã số 416) sẽ giảm xuống 2.166,24 tỷ đồng, chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số 421) tăng lên tương ứng.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trong các trường hợp: khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.20 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thường hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thường hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thường hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất có liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.21 CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

3.22 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

3.23 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

3.24 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế suất thuế TNDN năm tài chính hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, Tổng Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

3.25 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.26 CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả Công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết.
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được Tổng Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

3.27 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tổng Công ty một cách toàn diện.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	12.801.084.654	16.561.419.383
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.197.238.222.919	1.850.964.376.000
Tiền đang chuyển	5.348.805.760	-
Các khoản tương đương tiền (*)	1.683.954.774.662	1.387.486.350.900
	3.899.342.887.995	3.255.012.146.283

(*) Là các khoản tiền gửi tại các Ngân hàng Thương mại với kỳ hạn không quá 03 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	2.521.398.265.326	(239.037.962.205)	1.744.869.889.828	(254.544.791.678)
<i>Phải thu khách hàng là bên liên quan</i>	<i>52.362.359.411</i>	<i>(9.129.344.594)</i>	<i>91.328.760.684</i>	<i>(39.886.741.594)</i>
- Công ty Cổ phần VTB & hợp tác lao động quốc tế	654.804	-	99.932.011	-
- Công ty TNHH Vận tải quốc tế Nhật Việt	34.703.748	-	124.636.288	-
- Công ty TNHH Vinalines Honda Logistic Việt Nam	783.357.782	-	1.137.853.872	-
- Công ty CP Tiếp vận Biển Đông	4.818.931.380	-	4.655.791.380	-
- Công ty CP Đại lý Tàu biển và Logistics Vosco	1.009.353.136	-	1.053.597.594	-
- Công ty TNHH Tiếp Vận SITC - Đình Vũ	339.642.234	-	-	-
- Công ty CP HPH Logistic	52.734.332	-	4.543.659.314	-
- Công ty CP Vận tải Container Đông Đô - Cảng Hải Phòng	5.374.564.965	(5.374.564.965)	5.269.379.882	(5.269.379.882)
- Công ty Cổ phần Lai Dất và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	24.221.557	-	70.680.540	-
- Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ Container Quốc tế Cảng Sài Gòn - SSA	5.499.734.492	-	2.785.844.500	-
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép	22.367.146.500	-	63.654.666.209	(30.862.582.083)
- Công ty TNHH Korea Express Cảng Sài Gòn	231.341.089	-	492.539.914	-
- Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam)	507.689.130	-	355.175.057	-
- Công ty Cổ phần Vận tải biển Viship	3.754.779.629	(3.754.779.629)	3.754.779.629	(3.754.779.629)
- Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Cái Lân	2.864.879.523	-	2.822.051.194	-
- Công ty CP Hàng hải Đông Đô	115.000.000	-	115.000.000	-
- Công ty CP Hàng hải Sài Gòn	-	-	24.000.000	-
- Công ty CP sửa chữa tàu biển Nosco-Vinalines	-	-	307.030.500	-
- Công ty CP Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam	-	-	15.142.800	-
- Công ty CP Cảng Năm Căn	47.000.000	-	47.000.000	-
- Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ Hàng Hải VIMC - ARIES	247.688.856	-	-	-
- Công ty TNHH Cảng quốc tế TIL Cảng Hải Phòng	4.288.936.254	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG (TIẾP)

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên khác	2.469.035.905.915	(229.908.617.611)	1.653.541.129.144	(214.658.050.084)
- Denmar Chartering & Trading GmbH	16.658.268.724	(16.658.268.724)	16.658.268.724	(16.658.268.724)
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại DIC	59.397.598.942	(59.397.598.942)	60.597.598.942	(60.597.598.942)
- Maersk A/S	34.533.508.990	-	10.561.674.714	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư HB	135.736.530.000	-	146.268.626.306	-
- Công ty TNHH Phát triển Đầu tư Thương mại NHT	296.124.211.794	-	-	-
- SITC Container Lines Co., Ltd	31.175.891.730	-	38.657.905.546	-
- Công ty TNHH MTV Vận tải biển Nam Triệu	21.977.044.420	(21.977.044.420)	21.977.044.420	(21.977.044.420)
- Công ty CP Vận tải và Kinh doanh than - Vinacomin	175.500.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Naigai Nitto Logistics Việt Nam	14.646.693.907	-	14.116.722.448	-
- Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	3.967.129.294	-	23.910.382.470	-
- Phát điện dầu khí - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	179.543.773.080	-	-	-
- Các khách hàng khác	1.499.775.255.034	(131.875.705.525)	1.320.792.905.574	(115.425.137.998)
Dài hạn	81.408.356.188	-	93.599.714.342	-
Phải thu khách hàng là bên liên quan	81.408.356.188	-	93.599.714.342	-
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép (*)	81.408.356.188	-	93.599.714.342	-
	2.602.806.621.514	(239.037.962.205)	1.838.469.604.170	(254.544.791.678)

(*) Khoản phải thu Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép (CMIT) liên quan đến tiền thuê cơ sở kết cấu hạ tầng tại Cảng Cái Mép. Trong đó bao gồm khoản phải thu liên quan khoản tiền thuê đất được giãn theo thỏa thuận Hợp đồng cho giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2019. Khoản tiền này sẽ thanh toán trong 24 kỳ kể từ sau ngày 30/06/2019 cho đến ngày 31/12/2030. Ngày 30/06/2023, Cảng Sài Gòn và CMIT đã ký kết Thỏa thuận tạm hoãn thanh toán với các bên cho thuê, theo đó khoản tiền thuê đất được giãn theo thỏa thuận Hợp đồng cho giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2019 trong 4 kỳ đầu tiên sẽ được hoãn lại và thực hiện kể từ ngày 30/06/2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	576.974.970.640	(60.874.952.249)	904.476.701.248	(60.552.920.726)
<i>Các bên liên quan</i>	<i>5.786.918.850</i>	<i>-</i>	<i>2.676.105.764</i>	<i>-</i>
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải	3.290.997.586	-	180.184.500	-
Công ty CP Hàng hải Đông Đô	2.495.921.264	-	2.495.921.264	-
<i>Các bên khác</i>	<i>571.188.051.790</i>	<i>(60.874.952.249)</i>	<i>901.800.595.484</i>	<i>(60.552.920.726)</i>
Công ty Đóng tàu Bạch Đằng (1)	69.262.562.009	(49.239.258.319)	69.262.562.009	(49.239.258.319)
Công ty Mitsui E & S Co., Ltd	-	-	108.086.362.479	-
Công ty TNHH MTV Đóng tàu Nam Triệu (2)	256.655.705.789	-	256.655.705.789	-
Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân	11.703.000.000	-	99.860.088.449	-
Tổng công ty Sông Thu	-	-	41.631.415.631	-
Công ty CP Unico Vina	56.643.670.000	-	50.940.000.000	-
Công ty CP xây dựng Công trình Thuyền Hà Nội	8.024.861.624	-	15.493.614.486	-
Đối tượng khác	168.898.252.368	(11.635.693.930)	259.870.846.641	(11.313.662.407)
Dài hạn	24.653.398.581	-	24.653.398.581	-
Công ty Cổ phần Địa ốc 10	24.653.398.581	-	24.653.398.581	-
	601.628.369.221	(60.874.952.249)	929.130.099.829	(60.552.920.726)

(1) Bao gồm:

- Khoản ứng trước liên quan đến Hợp đồng số 01/VNL-BĐ ngày 22/11/2010 ký giữa Công ty mẹ - Tổng Công ty và Công ty TNHH MTV Đóng tàu Bạch Đằng về việc đóng tàu BV-11 số tiền 49.239.258.319 VND. Đây là số tiền ứng trước theo hợp đồng vượt quá giá trị quyết toán do dừng thực hiện dự án.
- Số còn lại là khoản ứng trước cho việc đóng tàu Lucky Star và tàu Blue Star với Công ty CP Vận tải Biển Việt Nam. Hiện nay các bên đang hoàn thiện các thủ tục cần thiết để quyết toán hoàn thành giá trị tàu.

- (2) Khoản ứng trước cho Công ty TNHH MTV Đóng tàu Nam Triệu về việc đóng tàu Vosco Sunrise của Công ty CP Vận tải biển Việt Nam. Hai bên đang hoàn thiện các thủ tục cần thiết để quyết toán hoàn thành giá trị tàu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	236.106.038.500	-	203.408.000.000	-
<i>Bên liên quan</i>	<i>234.706.038.500</i>	<i>-</i>	<i>202.008.000.000</i>	<i>-</i>
Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ Container Quốc tế Cảng Sài Gòn - SSA (i)	234.706.038.500	-	202.008.000.000	-
<i>Bên khác</i>	<i>1.400.000.000</i>	<i>-</i>	<i>1.400.000.000</i>	<i>-</i>
Các đối tượng khác	1.400.000.000	-	1.400.000.000	-
Dài hạn	773.431.322.495	-	1.080.764.677.466	-
<i>Bên liên quan</i>	<i>773.431.322.495</i>	<i>-</i>	<i>1.080.764.677.466</i>	<i>-</i>
Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ Container Quốc tế Cảng Sài Gòn - SSA (i)	126.460.411.500	-	337.100.850.000	-
Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP-PSA (ii)	437.248.350.000	-	424.974.330.000	-
Công ty TNHH Cảng Công - Ten - Nơ Quốc tế Cái Lân (iii)	208.769.920.275	-	318.689.497.466	-
Công ty CP Cảng Năm Căn	952.640.720	-	-	-
	1.009.537.360.995	-	1.284.172.677.466	-

- (i) Khoản cho vay theo Nghị quyết số 119/NQ-CSG ngày 16/03/2023 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn ("Cảng Sài Gòn") Công ty con của Tổng Công ty về việc đồng ý các nội dung tái cơ cấu khoản nợ vay của Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ Container Quốc tế Cảng Sài Gòn - SSA ("SSIT") với các tổ chức tín dụng tại Điều khoản Thỏa thuận và Thỏa thuận khoản tài trợ của Chủ sở hữu. Cụ thể, các Cổ đông đồng ý tài trợ cho việc mua lại khoản vay và tất cả các nghĩa vụ nợ của SSIT với tổng kinh phí cần thiết là 48.000.000 USD, trong đó Cảng Sài Gòn hỗ trợ tài chính 24.000.000 USD (thông qua việc cung cấp một khoản vay có lãi suất 6,3%/năm, kỳ hạn 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (kỳ trả gốc cuối cùng là vào tháng 12/2027), với tỷ giá hối đoái thực hiện là 23.518 VND/ USD). Ngày 23/06/2023, Cảng Sài Gòn đã hoàn tất chuyển 564.432.000.000 VND cho SSIT vay theo Hợp đồng vay Cổ đông ngày 28/04/2023 và Thỏa thuận tái cơ cấu SSIT. Đến thời điểm 31/12/2025, SSIT đã thực hiện trả lãi vay phát sinh trong năm và một phần gốc vay theo đúng lịch trả nợ trong Thỏa thuận cho vay ngày 28/04/2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY (TIẾP)

Thông tin chi tiết về khoản cho vay như sau:

Hợp đồng vay vốn	Lãi suất	Thời hạn cho vay	Hình thức đảm bảo	31/12/2025		01/01/2025	
				USD	VND	USD	VND
Hợp đồng vay cổ đông	6,3%/năm	05 năm	Tín chấp	17.600.000	361.166.450.000	21.350.000	539.108.850.000
Khoản nợ phải trả trong vòng 12 tháng				8.750.000	234.706.038.500	8.000.000	202.008.000.000
Khoản nợ đến hạn phải trả sau 12 tháng				8.850.000	126.460.411.500	13.350.000	337.100.850.000

- (ii) Khoản cho Công ty TNHH Cảng quốc tế SP-PSA vay, trị giá nguyên tệ là 16.830.000 USD theo Hợp đồng vay cổ đông ngày 26/08/2008, tương ứng với tỷ lệ vốn góp 51% của Tổng Công ty và Cảng Sài Gòn tại Công ty TNHH Cảng quốc tế SP-PSA. Khoản cho vay này không có tài sản bảo đảm. Tổng Công ty cũng trình bày nghĩa vụ hoàn trả số tiền trên cho Công ty PSA Vietnam Pte., Ltd trên khoản mục vay và nợ thuê tài chính trên báo cáo tài chính hợp nhất.
- (iii) Khoản phải thu Công ty TNHH Cảng Công - Ten - Nơ Quốc tế Cái Lân (Cảng CICT) theo thỏa thuận mua nợ đã ký giữa VIMC, Công ty SSA Holdings International và các bên cho vay (Lender) ngày 18/10/2024 nhằm thực hiện phương án tái cấu trúc tài chính CICT đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 22/7/2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	1.260.065.721.019	(44.044.014.967)	1.114.081.771.535	(47.177.243.782)
- Tạm ứng	30.336.706.273	(955.707.766)	23.680.410.730	-
- Ký cược, ký quỹ	167.542.409.989	(162.556.875)	57.862.924.614	(162.556.875)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	32.969.376.583	(611.670.975)	40.250.966.469	(3.287.420.975)
- Phải thu lãi tiền gửi	75.944.337.320	-	75.359.962.000	-
- Phải thu lãi cho vay	256.642.760.854	(7.713.305.729)	217.938.131.332	(7.733.305.729)
- Các khoản chi hộ	46.641.188.173	-	80.386.274.300	(96.597.406)
- Phải thu thuế GTGT đầu vào của Dự án bến số 2 - Cảng Ba Ngòi	12.810.751.466	-	12.810.751.466	-
- Tiền thu cổ phần hóa	29.137.413.831	-	28.719.686.558	-
- Các khoản phải thu khác	608.040.776.530	(34.600.773.622)	577.072.664.066	(35.897.362.797)
+ Công ty TNHH MTV Đông tàu Bạch Đằng (I)	54.027.528.536	-	52.630.296.044	-
+ Công ty TNHH MTV Vận tải viễn dương Vinashin	97.070.437.392	(12.980.150.553)	97.057.412.225	(12.932.016.846)
+ Khấu hao và lãi vay đối với tài sản cầu số 4, số 5 bãi container Chùa Vẽ (II)	194.218.263.761	-	194.218.263.761	-
+ Phải thu khác	262.724.546.841	(21.620.623.069)	233.166.692.036	(22.965.345.951)
Dài hạn	912.422.485.029	-	307.034.939.790	-
- Ký cược, ký quỹ	811.728.575.801	-	164.599.664.649	-
- Phải thu về chi phí bồi thường nhà cửa, vật kiến trúc, cây trồng, chi phí tạm cư	74.640.633.376	-	74.166.933.376	-
- Phải thu khác	26.053.275.852	-	68.268.341.765	-
	2.172.488.206.048	(44.044.014.967)	1.421.116.711.325	(47.177.243.782)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

8. PHẢI THU KHÁC (TIẾP)

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan	263.158.892.402	(11.074.539.163)	231.640.359.816	(11.074.539.163)
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép	1.021.990.118	-	1.655.210.725	-
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP-PSA	245.044.203.869	-	212.537.977.105	-
- Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	5.693.751.634	-	5.876.642.238	-
- Công ty CP Vinalines Hòa Lạc Logistic	-	-	324.126.585	-
- Công ty CP Cảng Năm Căn	3.318.396.525	(3.310.988.907)	3.310.988.907	(3.310.988.907)
- Công ty CP Vận tải biển và hợp tác lao động quốc tế	-	-	-	-
- Công ty CP Vận tải biển và Thương mại Phương Đông	6.719.648.507	(6.602.648.507)	6.700.148.507	(6.602.648.507)
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Tàu thủy và Vận tải Cần Thơ	1.006.651.749	(1.006.651.749)	1.006.651.749	(1.006.651.749)
- Công ty CP Hàng hải Đông Đô	-	-	74.364.000	-
- Công ty CP Tư vấn xây dựng công trình Hàng hải	200.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn	154.250.000	(154.250.000)	154.250.000	(154.250.000)

- (i) Thực hiện Nghị quyết số 317/NQ-CNTT ngày 23/11/2015 của Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam (“SBIC”) về việc Phê duyệt nội dung điều chuyển đối tượng nhận nợ từ nguồn ủy thác của SBIC tại Công ty tài chính TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy liên quan đến điều chuyển Dự án đầu tư đóng mới tàu 1.730 TEU - V22 từ Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông (“Biển Đông”) sang Công ty TNHH MTV Đóng tàu Bạch Đằng (“Bạch Đằng”) và Biên bản bàn giao ký ngày 05/08/2015 giữa Biển Đông với Bạch Đằng, Biển Đông đã bàn giao Dự án này cùng các khoản nợ gốc vay và lãi vay liên quan sang cho Bạch Đằng từ ngày 05/08/2015. Khoản nợ trên là số còn lại phải thu Bạch Đằng sau khi bàn giao chi phí, công nợ vay, lãi vay của Dự án (xem thêm tại Thuyết minh số 24 - Vay và nợ thuê tài chính).
- (ii) Khoản tiền đã được Công ty CP Cảng Hải Phòng - Công ty con nộp vào ngân sách Nhà nước đối với chi phí khấu hao và lãi vay trong giai đoạn từ năm 2014 đến 31/12/2018 của cầu cảng số 4, số 5 Bến cảng Chùa Vẽ theo yêu cầu của Bộ Tài chính tại văn bản số 3910/BTC-TTtr ngày 03/04/2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thông tin này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

9. NỢ XẤU

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	373.978.564.852	30.021.635.431	393.051.586.523	29.328.063.388
- Công ty TNHH MTV Đóng tàu Bạch Đằng	49.239.258.319	-	49.239.258.319	-
- Denmar Chartering & Trading Gmbh	16.658.268.724	-	16.658.268.724	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại DIC	59.397.598.942	-	60.597.598.942	-
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin	16.643.599.993	28.761.484	23.059.435.641	47.935.804
- Công ty TNHH MTV Vận tải biển Nam Triệu	21.977.044.420	-	21.977.044.420	-
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép	-	-	39.706.522.031	8.843.939.948
- Cavalier Enterprise, UAE	23.151.694.758	-	23.151.694.758	-
- Các đối tượng khác	186.911.099.696	29.992.873.947	158.661.763.688	20.436.187.636
	373.978.564.852	30.021.635.431	393.051.586.523	29.328.063.388

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Hàng đang đi trên đường	632.500.000	-	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	433.405.821.177	-	431.641.044.485	-
- Công cụ, dụng cụ	25.936.848.667	-	29.133.777.571	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.490.567.959	-	9.538.137.150	-
- Hàng hóa (*)	395.198.416.188	(204.319.590.800)	219.070.782.588	(204.319.590.800)
	864.664.153.991	(204.319.590.800)	689.383.741.794	(204.319.590.800)

(*) Hàng hóa bao gồm 02 máy tàu 47.500 DWT (HB-02/03) được đóng tại Công ty TNHH MTV Đóng tàu Hạ Long với giá trị 210.469.590.800 đồng. Dự án này đã được dừng triển khai theo Nghị quyết số 513/NQ-HĐTV ngày 06/03/2015 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty. Hai máy tàu này đã được Tổng Công ty sử dụng để thế chấp cho Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng Phát triển khu vực Đông Bắc theo hợp đồng thế chấp tài sản số 2019/HĐTCTS-NHPT ngày 29/08/2019. Tại thời điểm 31/12/2025, Tổng Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đối với 02 máy tàu này với số tiền 204.319.590.800 đồng.

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Ngắn hạn	5.867.736.826.672	5.867.736.826.672	5.138.580.323.941	5.138.580.323.941
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	5.867.736.826.672	5.867.736.826.672	5.138.580.323.941	5.138.580.323.941
Dài hạn	38.752.139.406	38.752.139.406	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	38.752.139.406	38.752.139.406	-	-
	5.906.488.966.078	5.906.488.966.078	5.138.580.323.941	5.138.580.323.941

(*) Các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn trên 03 tháng tại các Ngân hàng Thương mại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty	31/12/2025			01/01/2025		
	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Giá trị (l)	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Giá trị (l)
	%	%	VND	%	%	VND
Công ty Cổ phần Cảng Khuyến Lương	49,00%	49,00%	50.695.915.340	49,00%	49,00%	38.842.478.997
Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	50,00%	28,34%	-	50,00%	28,34%	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp tàu thủy và Vận tải Cần Thơ	33,45%	33,45%	-	33,45%	33,45%	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ VOSCO	46,45%	23,69%	20.960.754.895	46,45%	23,69%	20.308.310.076
Công ty Cổ phần Vận tải & Thuê tàu biển Việt Nam	43,32%	43,32%	-	43,32%	43,32%	-
Công ty Cổ phần Cảng Năm Căn	49,35%	49,35%	-	49,35%	49,35%	-
Công ty Cổ phần Cảng tổng hợp Thị Vải	21,00%	13,74%	20.906.161.988	21,00%	13,74%	17.000.265.402
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển dịch vụ Cảng Hải Phòng	30,52%	28,25%	34.578.028.522	30,52%	28,25%	29.757.030.562
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại hàng hải Hải Phòng	40,53%	38,48%	36.778.062.682	40,53%	38,48%	30.990.342.284
Công ty CP Đại lý tàu biển và Logistic Vosco	36,00%	18,36%	3.837.984.309	36,00%	18,36%	3.219.817.702
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Hưng Phúc	20,00%	13,09%	300.000.000	20,00%	13,09%	300.000.000
Công ty Cổ phần dịch vụ Vận tải & Thương mại	33,49%	33,49%	60.343.397.513	33,49%	33,49%	58.186.491.199
Công ty Cổ phần Hàng hải Đông Đô	48,97%	48,97%	-	48,97%	48,97%	-
Công ty CP HPH Logistics	38,81%	35,92%	15.346.710.801	38,81%	35,92%	14.900.653.069
Công ty Cổ phần Lai dắt và Dịch vụ hàng hải Cửa Lò	36,00%	18,36%	6.947.229.643	36,00%	18,36%	6.724.806.131
Công ty Cổ phần Logistic Cảng Sài Gòn	20,12%	18,62%	-	20,12%	18,62%	2.627.515.041
Công ty Cổ phần Logistic Cảng Đà Nẵng	45,10%	33,83%	26.889.115.882	45,10%	33,83%	26.000.530.784
Công ty TNHH KM Cargo Service Hải Phòng	36,00%	33,32%	24.861.836.361	36,00%	33,32%	23.779.148.807

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết (Tiếp)

Công ty	31/12/2025			01/01/2025		
	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Giá trị (i)	Tỷ lệ biểu	Tỷ lệ	Giá trị (i)
	biểu quyết	lợi ích	VND	quyết	lợi ích	VND
	%	%		%	%	
Công ty TNHH Smart Logistics Service (Hải Phòng)	20,00%	18,51%	84.433.441.461	20,00%	18,51%	35.495.162.924
Công ty Cổ phần Tàu Lai Cảng Đà Nẵng	36,00%	27,00%	35.100.992.561	36,00%	27,00%	31.792.013.335
Công ty Cổ phần Tiếp vận Biển Đông	21,00%	21,00%	-	21,00%	21,00%	-
Công ty Cổ phần TM DV VT Logistic Sài Gòn Bến Tre	30,00%	13,09%	-	30,00%	13,09%	-
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng công trình Hàng hải	49,00%	49,00%	25.918.458.349	49,00%	49,00%	27.249.691.922
Công ty Cổ phần Vận tải biển Viship	37,00%	37,00%	-	37,00%	37,00%	-
Công ty Cổ phần Vinalines Đông Bắc	25,00%	23,14%	-	25,00%	23,14%	-
Công ty Cổ phần VTB & hợp tác lao động quốc tế	36,00%	36,00%	-	36,00%	36,00%	-
Công ty Cổ phần VTB và TM Phương Đông	49,00%	49,00%	-	49,00%	49,00%	-
Công ty LD DV container quốc tế cảng SG SSA	50,00%	36,55%	1.031.870.223.544	50,00%	36,55%	770.439.259.571
Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn	47,19%	46,72%	4.411.992.369	47,19%	46,72%	4.276.490.785
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép	50,00%	45,82%	-	50,00%	45,82%	-
Công ty TNHH Cảng quốc tế SP-PSA	50,00%	38,54%	522.083.727.780	50,00%	38,54%	439.181.278.305
Công ty TNHH Korea Express Cảng Sài Gòn	50,00%	32,72%	30.913.526.283	50,00%	32,72%	30.591.830.926
Công ty TNHH NYK Autologistic Việt Nam	20,00%	10,21%	1.955.273.059	20,00%	10,21%	1.955.273.059
Công ty TNHH Sứ chữa tàu biển Vinalines Đông Đô	45,56%	45,56%	-	45,56%	45,56%	-
Công ty TNHH Tiếp vận SITC Đình Vũ	50,00%	47,21%	170.661.098.874	50,00%	47,21%	184.849.146.303
Công ty TNHH Vận tải quốc tế Nhật Việt	50,00%	50,00%	40.263.933.373	50,00%	50,00%	37.621.103.450
Công ty TNHH Vinalines Honda Logistic Việt Nam	22,12%	12,55%	7.155.933.861	22,12%	12,55%	7.622.902.383
Công ty Cổ phần Vinalines Hòa Lạc Logistic	37,89%	21,49%	5.234.037.516	37,89%	21,05%	5.596.276.146
Công ty TNHH Liên doanh dịch vụ Hàng hải VIMC - ARIES (ii)	50,00%	51,35%	2.196.512.285	50,00%	0,00%	-
Công ty TNHH Sinotrans Container Lines (Việt Nam)	20,00%	10,21%	1.545.600.000	0,00%	0,00%	-
Công ty TNHH Cảng Quốc tế TIL Hải Phòng (iii)	46,28%	47,53%	1.004.832.156.996	0,00%	0,00%	-
			3.271.022.106.246			1.849.307.819.163

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Đầu tư vào đơn vị khác

Công ty	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ %	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ %
Đầu tư vào đơn vị khác	364.370.404.323	(23.187.531.620)		389.522.247.319	(23.333.078.200)	
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô thị Ngọc Viễn Đông (iv)	300.001.000.000	-	5,56%	300.001.000.000	-	5,56%
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế QTM	33.594.000.000	(21.880.635.615)	11,35%	33.594.000.000	(21.880.635.615)	11,35%
Công ty CP Tân Cảng Quy Nhơn	18.000.000.000	-	16,68%	18.000.000.000	-	16,68%
Đầu tư vào đơn vị khác	12.775.404.323	(1.306.896.005)		37.926.847.319	(1.452.442.585)	
Đầu tư bằng quỹ phúc lợi	3.407.000.000	(1.000.000.000)		6.000.162.283	(1.000.000.000)	
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	-	-		2.593.162.283	-	
Đầu tư khác	3.407.000.000	(1.000.000.000)		3.407.000.000	(1.000.000.000)	
	367.777.404.323	(24.187.531.620)		395.522.409.602	(24.333.078.200)	

(i) Đối với các khoản đầu tư Tổng Công ty sở hữu trước thời điểm 31/12/2016 (là thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa), giá trị khoản đầu tư được ghi nhận căn cứ vào kết quả xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và công bố.

(ii) Khoản đầu tư theo Thỏa thuận thành viên giữa Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam và Công ty Aries Energy Corporation Inter S.A, trong đó tỷ lệ vốn góp là 51% và hai bên có quyền tương đương nhau trong việc quyết định các vấn đề quan trọng của Công ty TNHH Liên doanh dịch vụ Hàng hải VIMC - ARIES.

(iii) Khoản đầu tư theo Thỏa thuận thành viên ngày 02/05/2024 giữa Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng và Công ty Global Terminal Limited S.À.R.L về việc góp vốn thành lập Công ty TNHH Cảng Quốc tế TIL, Hải Phòng, trong đó tỷ lệ vốn góp của Công ty là 51%, hai bên có quyền tương đương nhau trong việc quyết định các vấn đề quan trọng của Công ty TNHH Cảng Quốc tế TIL Hải Phòng. Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty đã thực hiện góp là 990.093.997.089 đồng, trong đó góp bằng tiền là 1.314.929.805 đồng.

(iv) Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn - Công ty con của Tổng Công ty (Cảng Sài Gòn), đang theo dõi khoản đầu tư góp vốn bằng tài sản là 600m cầu tàu K6, K7, K8, K9, K10 tại Cảng Nhà Rồng - Khánh Hội vào Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô Thị Ngọc Viễn Đông ("Công ty Ngọc Viễn Đông") với giá trị góp vốn được xác định là 300.001.000.000 đồng (tương đương tỷ lệ góp vốn 5,6%). Cảng Sài Gòn không thu thập được các Báo cáo tài chính của Công ty Ngọc Viễn Đông từ năm 2021 đến nay. Tuy nhiên, các tài sản góp vốn vẫn đang được Công ty tiếp tục quản lý, khai thác, kinh doanh và Công ty Ngọc Viễn Đông cam kết chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất có liên quan đối với Nhà nước theo Biên bản thỏa thuận ngày 31/08/2017 giữa Công ty Ngọc Viễn Đông và Cảng Sài Gòn. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá khoản đầu tư này không bị suy giảm giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện, vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2025	9.554.269.628.529	3.463.366.786.431	16.639.582.815.300	247.821.846.596	56.065.328.198	29.962.641.030.949
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.554.293.127.717	18.565.276.584	277.433.031	3.672.705.513	-	2.576.808.542.845
- Mua mới trong kỳ	21.273.017.678	29.547.328.445	3.636.350.221.179	88.206.847.507	2.619.224.280	3.777.996.639.089
- Thanh lý, nhượng bán	(32.145.500.922)	(14.965.039.441)	(2.747.893.325.465)	(799.940.819)	(587.371.381)	(2.796.391.178.028)
- Giảm đo góp vốn đầu tư	-	-	(758.676.246.680)	(21.467.736.008)	-	(780.143.982.688)
- Phân loại lại	(24.174.581.436)	22.045.346.702	(22.018.707.179)	269.518.404	-	(23.878.423.509)
- Chuyển sang BĐS đầu tư	(2.777.074.580.908)	-	-	-	-	(2.777.074.580.908)
- Tăng/Giảm khác	(6.836.209)	176	(1.099.034.814.491)	(32.005.377.398)	126.400.000	(1.130.920.627.922)
31/12/2025	9.296.434.274.449	3.518.559.698.897	15.648.587.375.695	285.697.863.795	58.223.581.097	28.809.037.419.828
HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2025	(5.073.785.725.332)	(2.260.222.759.512)	(14.007.386.147.234)	(170.684.310.006)	(47.218.577.849)	(21.560.832.145.829)
- Khấu hao trong kỳ	(304.898.631.178)	(198.176.335.913)	(791.228.533.833)	(25.611.230.084)	(2.495.513.698)	(1.322.410.244.706)
- Thanh lý, nhượng bán	32.092.239.239	14.831.780.072	2.579.228.077.580	799.940.819	587.371.381	2.627.539.409.091
- Phân loại lại	20.411.469.542	(5.945.764.956)	6.227.776.236	59.149.573	(5.058.651)	20.747.571.744
- Tăng/Giảm khác	195.124.423.772	-	3.421.827	479.660.000	(29.955.456)	195.577.550.143
31/12/2025	(5.131.056.223.957)	(2.449.513.080.309)	(12.213.155.405.424)	(194.956.789.698)	(49.161.734.273)	(20.039.377.859.557)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2025	4.480.483.903.197	1.203.144.026.919	2.632.196.668.066	77.137.536.590	8.846.750.349	8.401.808.885.120
31/12/2025	4.165.378.050.492	1.069.046.618.588	3.435.431.970.271	90.741.074.097	9.061.846.824	8.769.659.560.271

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 10.491.113.427.032 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 8.891.181.259 đồng).

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đang dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2025 là 3.358.828.756.077 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 1.345.974.699.456 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Phần mềm máy vi tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2025	787.551.911.520	351.898.800	132.002.487.182	14.566.822.511	934.473.120.013
- Mua trong năm	-	-	49.894.964.092	71.530.000	49.966.494.092
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(99.855.000)	-	(99.855.000)
- Giảm khác	(8.163.526.647)	-	(36.042.398.604)	-	(44.205.925.251)
31/12/2025	<u>779.388.384.873</u>	<u>351.898.800</u>	<u>145.755.197.670</u>	<u>14.638.352.511</u>	<u>940.133.833.854</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
01/01/2025	(169.638.421.519)	(351.898.800)	(96.483.656.869)	(14.517.675.011)	(280.991.652.199)
- Khấu hao trong năm	(13.385.537.610)	-	(13.383.031.370)	(14.779.421)	(26.783.348.401)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	99.855.000	-	99.855.000
- Tăng khác	2.168.100.741	-	-	-	2.168.100.741
31/12/2025	<u>(180.855.858.388)</u>	<u>(351.898.800)</u>	<u>(109.766.833.239)</u>	<u>(14.532.454.432)</u>	<u>(305.507.044.859)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2025	<u>617.913.490.001</u>	-	<u>35.518.830.313</u>	<u>49.147.500</u>	<u>653.481.467.814</u>
31/12/2025	<u>598.532.526.485</u>	-	<u>35.988.364.431</u>	<u>105.898.079</u>	<u>634.626.788.995</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 122.010.477.901 đồng (tại ngày 01/01/2025 là: 75.102.581.270 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2025	22.590.437.844	35.700.000.000	58.290.437.844
31/12/2025	22.590.437.844	35.700.000.000	58.290.437.844
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
01/01/2025	(5.176.975.331)	(7.883.750.000)	(13.060.725.331)
- Khấu hao trong năm	(1.129.521.888)	(1.785.000.000)	(2.914.521.888)
31/12/2025	(6.306.497.219)	(9.668.750.000)	(15.975.247.219)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2025	17.413.462.513	27.816.250.000	45.229.712.513
31/12/2025	16.283.940.625	26.031.250.000	42.315.190.625

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ	801.560.573.617	2.820.257.799.613	-	3.621.818.373.230
- Quyền sử dụng đất	255.797.525.808	8.163.526.647	-	263.961.052.455
- Nhà cửa	542.955.500.829	35.019.692.058	-	577.975.192.887
- Cơ sở hạ tầng	2.807.546.980	2.777.074.580.908	-	2.779.882.127.888
HAO MÒN LŨY KẾ	(384.558.460.934)	(253.051.000.050)	-	(637.609.460.984)
- Quyền sử dụng đất	(60.601.002.265)	(8.535.962.559)	-	(69.136.964.824)
- Nhà cửa	(322.388.777.897)	(44.654.058.139)	-	(367.042.836.036)
- Cơ sở hạ tầng	(1.568.680.772)	(199.860.979.352)	-	(201.429.660.124)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	417.002.112.683	2.590.602.593.924	(23.395.794.361)	2.984.208.912.246
- Quyền sử dụng đất	195.196.523.543	5.796.356.004	(6.168.791.916)	194.824.087.631
- Nhà cửa	220.566.722.932	2.856.080.784	(12.490.446.865)	210.932.356.851
- Cơ sở hạ tầng	1.238.866.208	2.581.950.157.136	(4.736.555.580)	2.578.452.467.764

Bất động sản đầu tư chủ yếu bao gồm giá trị quyền sử dụng đất tại Cảng Cái Mép, tòa nhà Trung tâm Thông tin thương mại Hàng hải quốc tế Hà Nội tại số 1 Đào Duy Anh, Phường Kim Liên, Hà Nội và giá trị tòa nhà Vimadeco Building tại số 163 Nguyễn Văn Trỗi, phường Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh đang sử dụng để cho thuê.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31/12/2025. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	121.449.727.627	79.824.461.633
- Phí bảo hiểm	26.565.968.066	21.284.996.684
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	15.955.129.292	18.423.061.033
- Chi phí sửa chữa	23.962.319.685	14.618.279.026
- Các khoản khác	54.966.310.584	25.498.124.890
Dài hạn	440.475.415.867	373.585.689.251
- Lợi thế kinh doanh	1.583.710.038	1.598.764.474
- Tiền thuê đất trả trước	94.529.088.569	70.522.864.934
- Chi phí mua bảo hiểm	460.604.984	-
- Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	265.447.659.309	226.194.470.270
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	38.141.555.553	46.834.233.085
- Chi phí trước hoạt động	15.479.169.446	5.169.139.803
- Các khoản khác	24.833.627.968	23.266.216.685
	561.925.143.494	453.410.150.884

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

17. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	39.313.490.216	39.313.490.216	39.221.826.904	39.221.826.904
- Dự án đầu tư xây dựng mới khu nhà ở cán bộ công nhân viên Cảng Sài Gòn - Giai đoạn 2	39.313.490.216	39.313.490.216	39.221.826.904	39.221.826.904
Xây dựng cơ bản dở dang	1.764.307.700.910	1.764.307.700.910	3.489.131.060.882	3.489.131.060.882
- Mua sắm	92.432.906.637	92.432.906.637	45.369.904.529	45.369.904.529
- Xây dựng cơ bản	1.671.338.934.703	1.671.338.934.703	3.442.803.812.356	3.442.803.812.356
+ Dự án 02 bến container số 3,4 Cảng cửa ngõ Lạch Huyện (1)	1.183.973.593.202	1.183.973.593.202	3.154.812.152.209	3.154.812.152.209
+ Dự án đầu tư xây dựng Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước (2)	36.695.791.482	36.695.791.482	30.056.053.743	30.056.053.743
+ Dự án trung tâm Logistics tại Hòa Vang	155.030.604.366	155.030.604.366	39.200.111.424	39.200.111.424
+ Công trình Cảng Cái Cui giai đoạn I (3)	38.248.404.217	38.248.404.217	42.404.035.793	42.404.035.793
+ Công trình Cảng Cái Cui giai đoạn II (4)	8.647.825.475	8.647.825.475	8.647.825.475	8.647.825.475
+ Dự án mở rộng Cảng Quy Nhơn đến năm 2030 tại phường Hải Cảng	28.533.296.536	28.533.296.536	1.110.920.740	1.110.920.740
+ Dự án đầu tư xây dựng kho hàng chuyên dụng - Cảng Quy Nhơn	24.378.454.294	24.378.454.294	-	-
+ Dự án đầu tư hệ thống bàn nâng, băng tải và hệ thống điện	32.813.382.730	32.813.382.730	-	-
+ Dự án Cảng thủy nội địa Ninh Giang	29.327.227.846	29.327.227.846	742.459.476	742.459.476
+ Dự án khác	133.690.354.555	133.690.354.555	205.030.364.920	205.030.364.920
- Sửa chữa lớn	535.859.570	535.859.570	957.343.997	957.343.997
	1.803.621.191.126	1.803.621.191.126	3.528.352.887.786	3.528.352.887.786

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

17. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN (TIẾP)

- (1) Thông tin Dự án đầu tư xây dựng các bến container số 3, số 4 Cảng cửa ngõ Quốc tế Hải Phòng (tại khu bến cảng Lạch Huyện), thành phố Hải Phòng
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng;
 - Mục đích xây dựng: Đáp ứng tiến độ thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội của thành phố Hải Phòng;
 - Địa điểm xây dựng: Khu bến Cảng Lạch Huyện thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Huyện Cát Hải, Thành phố Hải Phòng;
 - Tổng mức đầu tư: 6.946 tỷ VND;
 - Thời gian bắt đầu triển khai và thời gian dự kiến hoàn thành: từ năm 2020 đến năm 2025.
 - Nguồn vốn đầu tư: Dự kiến vốn vay 55%, vốn chủ sở hữu 45%;
 - Quy mô của dự án: Xây dựng 02 bến cho tàu đến 100.000DWT (gần 8.000 teus) với tổng chiều dài 750m, rộng 50m; Bến xả lan dịch vụ với tổng chiều dài 250m (gồm cả 50m bề rộng của bến chính), rộng 15m cho cỡ tàu đến 3.000 DWT (gần 160 teus); Kè bảo vệ bờ; Hệ thống bãi chứa hàng, đường giao thông, các công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật, thiết bị đồng bộ (đáp ứng sản lượng hàng hóa thông qua 1,0 - 1,1 triệu teus/năm) trên diện tích 47ha; Các thiết bị chính phục vụ khai thác: 06 cần trục STS trên bến chính; 24 RTG; 02 xe nâng RSD; 01 xe nâng rỗng; 50 đầu kéo + ro-mooc; 01 cầu trục xưởng sửa chữa, 08 cần xe tại cổng cảng và phần mềm quản lý vận hành cảng TOS;

Đến thời điểm ngày 31/12/2025, dự án đã cơ bản hoàn thành các hạng mục chính, các hạng mục còn lại đang được hoàn thiện, đồng thời Công ty đang thực hiện các thủ tục phục vụ cho công tác nghiệm thu và bàn giao tài sản để đưa vào sử dụng.

(2) Thông tin chung về dự án

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước;
- Địa chỉ: D10C, Đường D3, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Mục đích: Phục vụ di dời Khu cảng Nhà Rong - Khánh Hội của Cảng Sài Gòn theo Công văn số 1603/TTg-CN ngày 10/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ ban hành cho phép đầu tư các cảng trên sông Sài Gòn;
- Quy mô: 36,06 ha;
- Tổng vốn đầu tư: 2.777.258.048.000 đồng (theo Quyết định số 12/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 12/02/2015);
- Tình trạng của dự án: Dự án đã hoàn thành 800 m cầu cảng, 02 kho chứa hàng, 118.000 m² bãi chứa hàng và hiện vẫn đang trong quá trình vừa thi công, vừa xây dựng hoàn thiện các cơ sở hạ tầng còn lại, vừa kết hợp khai thác trên các hạng mục đã hoàn thành. Thời gian dự kiến hoàn thành dự án theo kế hoạch là đến hết năm 2025.
- Ngày 12/10/2022, Công ty đã có Tờ trình số 99/SPH-2022 gửi tới Hội đồng quản trị và đang trong quá trình chờ HĐQT phê duyệt dự toán điều chỉnh hạng mục chi phí quản lý. Theo đó, chi phí quản lý theo dự toán điều chỉnh có giá trị là 56.746.708.000 đồng.
- Đến thời điểm ngày 31/12/2025, giá trị xây dựng đã hoàn thành tạm tăng tài sản là 1.776.977.187.962 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

17. TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN (TIẾP)

(3) Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ

- Mục đích xây dựng: San lấp mặt bằng 23,4 ha, tăng cường khai thác tốt nhất tiềm năng của mọi đầu giao lưu hàng hải trung tâm của khu vực đồng bằng sông Cửu Long, tạo động lực thúc đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế trước hết cho thành phố Cần Thơ;
- Địa điểm xây dựng: Phường Tân Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ;
- Tổng mức đầu tư: 230,3 tỷ VND
- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: Từ năm 2002 đến năm 2011, hiện tại đã kéo dài hơn so với dự kiến ban đầu.
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 31/12/2025: Dự án đã hoàn thành và đưa vào khai thác đối với phần diện tích 9,5 ha (Công ty đã thực hiện tạm tăng tài sản). Đối với phần diện tích đất còn lại dự án mới thực hiện việc san lấp mặt bằng và xây dựng bờ kè, chưa được đầu tư cơ sở hạ tầng cần thiết cho hoạt động của Cảng.

(4) Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ

- Mục đích xây dựng: Xây dựng phát triển Cảng Cái Cui với công suất từ 4,0 - 4,5 triệu tấn/ năm, tiếp nhận tàu trọng tải đến 20.000DWT, tăng cường khai thác tốt nhất tiềm năng của mọi đầu giao lưu hàng hải trung tâm của khu vực đồng bằng sông Cửu Long, tạo động lực thúc đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế trước hết cho thành phố Cần Thơ;
 - Địa điểm xây dựng: Phường Tân Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ;
 - Tổng mức đầu tư: 829,8 tỷ VND
 - Thời gian bắt đầu triển khai: Từ năm 2009 và hiện tại đã kéo dài hơn so với dự kiến ban đầu.
 - Tình trạng của dự án tại thời điểm 31/12/2025: Dự án mới triển khai được việc san lấp mặt bằng và thực hiện được một số hạng mục nhỏ.
- Theo quyết định số 57/QĐ-HHVN ngày 05/02/2013 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam về việc giao tài sản và vốn của Dự án Cảng Cái Cui giai đoạn I và II cho Công ty TNHH MTV Cảng Cái Cui (sau này là Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ). Hiện tại, Công ty đang chờ hoàn tất thủ tục pháp lý và huy động vốn để tiếp tục triển khai đầu tư khi có điều kiện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các bên liên quan	36.666.097.394	36.666.097.394	26.364.572.900	26.364.572.900
- Công ty TNHH Vận tải quốc tế Nhật Việt	704.889.152	704.889.152	-	-
- Công ty CP Tư vấn xây dựng công trình Hàng hải	919.100.000	919.100.000	2.082.029.708	2.082.029.708
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép	258.795.392	258.795.392	49.500.000	49.500.000
- Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ Container Quốc tế Cảng Sài Gòn - SSA	1.479.807.093	1.479.807.093	-	-
- Công ty TNHH Korea Express Cảng Sài Gòn	721.455.949	721.455.949	787.722.782	787.722.782
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP-PSA	161.138.581	161.138.581	142.441.583	142.441.583
- Công ty CP Logistics Cảng Đà Nẵng	10.899.953.242	10.899.953.242	3.119.967.702	3.119.967.702
- Công ty CP Tàu lai cảng Đà Nẵng	11.617.824.720	11.617.824.720	9.826.865.009	9.826.865.009
- Công ty TNHH Cảng Công ten nơ Quốc tế Cái Lân	3.852.977.295	3.852.977.295	3.575.217.879	3.575.217.879
- Công ty Cổ phần HPH Logistic	53.638.200	53.638.200	239.620.463	239.620.463
- Công ty Cổ phần Hàng hải Đồng Đô	-	-	2.004.677.253	2.004.677.253
- Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Vosco	5.796.314.124	5.796.314.124	594.464.360	594.464.360
- Công ty LD DV container quốc tế cảng SG SSA	-	-	3.396.706.292	3.396.706.292
- Công ty Cổ phần Lai dắt và Dịch vụ hàng hải Cảng Cần Lô	195.745.406	195.745.406	-	-
- Công ty Cổ phần Hàng hải Sài Gòn	-	-	404.263.266	404.263.266
- Công ty cổ phần Dịch vụ công nghiệp Hàng hải	-	-	141.096.603	141.096.603
- Công ty TNHH NYK Auto Logistics	4.458.240	4.458.240	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (TIẾP)

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các bên khác	1.358.625.334.786	1.358.625.334.786	1.671.665.406.826	1.671.665.406.826
- Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư HB	41.723.945.000	41.723.945.000	-	-
- Công ty Cổ phần Kỹ Nghệ Á Châu	5.761.723.404	5.761.723.404	-	-
- Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển CNTT Hậu Giang	6.788.222.485	6.788.222.485	-	-
- Công ty cổ phần thiết bị và dịch vụ TCE	6.685.000.000	6.685.000.000	-	-
- Công ty TNHH thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu VNO	38.969.901.310	38.969.901.310	2.210.507.280	2.210.507.280
- Công ty TNHH MTV Vận tải Việt Thuận	32.487.722.532	32.487.722.532	-	-
- Công ty TNHH MTV Đóng tàu Hạ Long	32.067.142.734	32.067.142.734	32.067.142.734	32.067.142.734
- Tổng Công ty Xây dựng đường thủy - CTCP - Chi nhánh 01	24.205.404.807	24.205.404.807	16.665.309.635	16.665.309.635
- MITSUI E&S Co., Ltd	31.604.729.170	31.604.729.170	534.268.317.506	534.268.317.506
- Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân	95.733.944.544	95.733.944.544	246.886.354.746	246.886.354.746
- Công ty Bảo Minh Thăng Long	11.151.174.241	11.151.174.241	-	-
- Công ty TNHH Hồng Phúc	19.395.198.700	19.395.198.700	4.433.597.500	4.433.597.500
- Công ty đóng tàu Bạch Đằng	72.806.298.515	72.806.298.515	72.806.298.515	72.806.298.515
- Công ty Cổ phần Thành Quân	8.742.158.779	8.742.158.779	-	-
- Các đối tượng khác	930.502.768.565	930.502.768.565	764.538.386.190	764.538.386.190
	1.395.291.432.180	1.395.291.432.180	1.698.029.979.726	1.698.029.979.726

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp	11.457.877.795	405.117.134.957	395.462.201.541	21.112.811.211
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	235.425.047	235.425.047	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	187.987.791.842	660.512.796.193	387.154.865.729	461.345.722.306
- Thuế thu nhập cá nhân	14.471.785.385	140.012.332.675	143.491.323.810	10.992.794.250
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất (*)	91.368.223.516	93.879.808.691	94.983.770.948	90.264.261.259
- Thuế bảo vệ môi trường	-	3.000.000	3.000.000	-
- Phí, lệ phí và các khoản thuế phải nộp khác	4.230.611.672	88.667.523.263	85.588.292.419	7.309.842.516
	309.516.290.210	1.388.428.020.826	1.106.918.879.494	591.025.431.542
	01/01/2025	Số đã nộp trong năm	Số phải nộp trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp	2.771.842.323	174.221.190	210.845.108	2.735.218.405
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.443.868.058	190.359.675	138.199.181	8.496.028.552
- Thuế thu nhập cá nhân	838.462.092	10.539.382.515	8.062.474.968	3.315.369.639
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất (*)	127.174.780.026	97.173.480.733	198.086.460.899	26.261.799.860
- Phí, lệ phí và các khoản thuế phải nộp khác	-	2.000.000	-	2.000.000
	139.228.952.499	108.079.444.113	206.497.980.156	40.810.416.456

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)

(*) Bao gồm:

- Cảng Sài Gòn tạm ước tính tiền thuế đất và thuế đất phải nộp tại khu vực Cảng Nhà Rong - Khánh Hội tính đến thời điểm Công ty ký thỏa thuận với Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô Thị Ngọc Viễn Đông ("Ngọc Viễn Đông") - chủ đầu tư dự án Khu Cảng Nhà Rong - Khánh Hội theo Quyết định chủ trương đầu tư số 6815/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số tiền 40.120.533.791 đồng. Công ty đã có nhiều văn bản trao đổi với cơ quan thuế Thành phố Hồ Chí Minh liên quan đến tiền thuế đất tại khu vực nêu trên và tính đến ngày lập báo cáo này, Công ty vẫn chưa nhận được phản hồi cuối cùng từ cơ quan này.
- Cảng Sài Gòn tạm nộp tiền thuế đất cho giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2020 tại Cảng Tân Thuận 1, Tân Thuận 2 (Tân Thuận Đông) theo các Thông báo của chi cục thuế Quận 7, cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh, số tiền 124.474.343.440 đồng. Số tiền này được cơ quan thuế xác định trên cơ sở sử dụng đơn giá thuê văn phòng để tính toán tiền thuế cho toàn bộ diện tích thuê. Tuy nhiên, phần lớn diện tích thuê được sử dụng làm cầu tàu và kho bãi với đơn giá thuê thấp hơn theo quy định hiện hành. Theo đó, Công ty đã có nhiều văn bản trao đổi với chi cục thuế Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh và các cơ quan hữu quan về việc xác định diện tích, đơn giá và mục đích sử dụng đối với diện tích đất đã thuê theo các thông báo nêu trên. Tuy nhiên, Công ty đều không nhận được phản hồi, vì vậy, Công ty đã thực hiện ghi nhận toàn bộ khoản thuế đất phải thu nói trên vào chi phí trong năm 2025.

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	3.054.627.921.655	2.313.842.060.507
- Chi phí lãi vay tạm trích (*)	2.419.185.878.852	2.250.074.143.398
- Chi phí công trình công cộng khu nhà ở cán bộ công nhân viên cảng Sài Gòn	15.096.760.678	15.389.773.022
- Trích trước giá vốn hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	586.826.395.759	6.798.753.561
- Trích trước chi phí sản xuất kinh doanh	14.106.747.116	-
- Thuế nhà đất phải trả	428.256.660	441.209.387
- Chi phí phải trả khác	18.708.926.043	41.138.181.139
Dài hạn	13.904.306.662	13.882.563.322
- Thuế nhà đất	13.454.306.662	13.882.563.322
- Chi phí phải trả khác	450.000.000	-
	3.068.532.228.317	2.327.724.623.829

(*) Trong đó bao gồm khoản phải trả của Công ty Tài chính TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy ("VFC") có số dư tại ngày 31/12/2025 bao gồm khoản vay bằng VND là 748.122.173.137 VND - gồm 376.608.218.984 VND và 16.728.423,67 USD (tại ngày 01/01/2025 là 321.225.583.789 VND và 16.728.423,67 USD). Theo thư xác nhận, thông báo lãi vay từ VFC thì khoản gốc và lãi vay mà VFC đang theo dõi phải thu Biển Đông nhiều hơn số Biển Đông đang phản ánh tại thời điểm 31/12/2025 lần lượt là 28.667.314,77 USD và 67.863.415,56 USD. Đây là lãi vay liên quan đến khoản nợ gốc vay tài trợ cho dự án đóng tàu Container 1730 TEU V22 đã được bàn giao cho Công ty TNHH MTV Đóng tàu Bạch Đằng (xem thêm Thuyết minh số 8 - Phải thu khác và Thuyết minh số 24 - Vay và nợ thuê tài chính).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

21. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	205.746.164.157	25.249.417.363
Doanh thu từ thuê kho, thuê mặt bằng	11.328.063.849	3.642.452.775
Doanh thu nhận trước từ hoạt động vận tải biển	9.455.786.729	4.267.032.584
Doanh thu từ hoạt động khai thác cảng biển	-	10.151.840.748
Doanh thu chưa thực hiện hoạt động thương mại	178.859.990.400	-
Doanh thu khác	6.102.323.179	7.188.091.256
Dài hạn	148.206.565.356	44.734.415.104
Doanh thu từ thuê kho, thuê mặt bằng	51.248.930.928	44.734.415.104
Doanh thu chưa thực hiện phát sinh từ giao dịch góp vốn bằng TSCĐ	95.307.634.428	-
Doanh thu khác	1.650.000.000	-
	353.952.729.513	69.983.832.467

22. PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	1.536.119.179.125	1.542.820.618.819
- Kinh phí công đoàn	9.949.803.807	10.041.294.296
- Bảo hiểm xã hội	141.773.310	376.559.352
- Bảo hiểm y tế	20.023.284	93.893.825
- Bảo hiểm thất nghiệp	163.034.981	165.345.568
- Phải trả về cổ phần hóa	161.900.914.229	160.235.295.791
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	29.844.530.229	18.333.909.476
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.334.099.099.285	1.353.574.320.511
+ Cổ tức, lợi nhuận phải trả	15.156.061.107	15.057.717.924
+ Lãi vay các Ngân hàng và các tổ chức khác (1)	945.415.369.487	944.405.253.421
+ Các khoản trả hộ và tiền nhận để trả hộ cho các hãng tàu.	89.437.671.135	71.740.689.008
+ Thuế TNCN của người lao động chưa quyết toán	4.149.117.463	6.101.369.870
+ Chi phí đền bù di dời Cảng Hoàng Diệu (2)	73.656.708.400	94.020.613.821
+ Các khoản khác	206.284.171.693	222.248.676.467

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM – CTCP

Số 1 Đào Duy Anh, phường Kim Liên,

Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B09 – DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

22. PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP KHÁC (TIẾP)

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Dài hạn	2.325.139.746.868	2.381.238.467.846
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	52.495.380.538	104.315.719.784
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.272.644.366.330	2.276.922.748.062
- Phải trả Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô thị Ngọc Viễn Đông tiền ứng vốn để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước (3)	850.000.000.000	850.000.000.000
- Phải trả Ngân sách Nhà nước tiền ứng trước để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước (4)	549.000.000.000	599.000.000.000
- Tam tổng nguyên giá tàu (Lucky Star, Blue Star, Vosco Sunrise) (5)	487.172.201.784	487.172.201.784
- Tổng Công ty Công Nghiệp Tàu Thủy - Ứng vốn (6)	191.025.462.572	191.025.462.572
- Phải trả khác	195.446.701.974	149.725.083.706
	3.861.258.925.993	3.924.059.086.665
	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Trong đó: Phải trả ngắn hạn khác là bên liên quan	3.193.638.680	6.372.497.620
- Công ty TNHH LD Dịch vụ Container quốc tế cảng SG - SSA	-	4.455.468.624
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP - PSA	147.029.624	484.526.024
- Công ty TNHH Korea Express Cảng Sài Gòn	-	50.500.000
- Công ty CP Cảng Tổng hợp Thị Vải	1.085.063.376	224.573.843
- Công ty CP Tàu Lai Cảng Đà Nẵng	470.375.500	1.157.429.129
- Công ty CP Hàng hải Đông Đô	1.395.498.511	-
- Công ty Cổ phần Tiếp vận Biển Đông	-	60.000.000
- Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ	3.260.056	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng công trình Hàng hải	92.411.613	92.411.613

(1) Trong đó bao gồm:

- Khoản lãi vay phải trả cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng Phát triển khu vực Cần Thơ liên quan đến hợp đồng vay để đầu tư dự án xây dựng Nhà máy đóng tàu Hậu Giang, số tiền khoảng hơn 33,8 tỷ đồng. Sau thời gian khoan nợ theo Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 10/10/2017 của Chính phủ, khoản vay này tiếp tục được tính lại theo mức lãi suất công bố của Ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***22. PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP KHÁC (TIẾP)**

- Khoản lãi vay phải trả cho Công ty Tài chính TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy (VFC) với giá trị hơn 28,6 tỷ đồng liên quan đến hợp đồng vay để đầu tư dự án xây dựng Nhà máy đóng tàu Hậu Giang theo danh mục dự án sử dụng nguồn vốn vay nước ngoài 600 triệu USD quy định tại Quyết định số 1986/QĐ-CNT-TCKT ngày 26/06/2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam với lãi suất 9,5%/năm, giá trị 30,1 tỷ đồng. Đến thời điểm hiện tại Dự án Nhà máy đóng tàu Hậu Giang đã bị dừng vĩnh viễn theo văn bản số 403/TTg-KTN ngày 29/03/2012 của Thủ tướng Chính phủ. Khoản nợ vay từ nguồn vay nước ngoài này được tái cơ cấu theo Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 10/10/2017 của Chính phủ với mức lãi suất ưu đãi và Công ty đang thực hiện trích với lãi suất 1,2%/năm. Giữa Công ty và VFC hiện nay vẫn chưa thống nhất mức lãi suất liên quan đến khoản nợ gốc vay của VFC từ khi có Nghị quyết 107/NQ-CP ngày 10/10/2017 của Chính Phủ. VFC chưa thực hiện tái cơ cấu nợ theo Nghị quyết mà vẫn đang tính cho Công ty ở mức lãi suất theo hợp đồng là 9,5%/năm, chênh lệch lãi lũy kế đến ngày 31/12/2025 là 76.196.255.415 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 67.676.841.205 đồng).
 - Lãi vay phải trả Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo các hợp đồng vay phục vụ cho mục đích đầu tư các dự án đóng tàu với giá trị hơn 431,44 tỷ đồng.
- (2) Trong năm 2024, Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng - Công ty con (Cảng Hải Phòng) nhận được từ UBND Quận Ngô Quyền số tiền hơn 319 tỷ đồng để đảm bảo thực hiện việc di dời cảng Hoàng Diệu theo các Quyết định số 3983/QĐ-UBND và 3984/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND Quận Ngô Quyền về việc thu hồi đất; Quyết định số 3982/QĐ-UBND ngày 22/12/2023, 4274/QĐ-UBND ngày 28/12/2023, 347/QĐ-UBND ngày 15/3/2024 và 2459/QĐ-UBND ngày 01/10/2024 của UBND Quận Ngô Quyền về việc phê duyệt phương án bồi thường đối với Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng. Trong đó, số tiền đền bù di dời tài sản là 94,4 tỷ đồng. Tại ngày 31/12/2025, số dư khoản chi phí đền bù di dời Cảng Hoàng Diệu là 73,6 tỷ đồng.
- (3) Phải trả Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô thị Ngọc Viễn Đông (gọi tắt là Công ty Ngọc Viễn Đông) liên quan đến khoản ứng vốn từ Công ty Ngọc Viễn Đông theo nhu cầu vốn từ năm 2013 đến năm 2015 của Công ty CP Cảng Sài Gòn đã được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt để thi công và đưa vào khai thác liên quan đến dự án Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước giai đoạn 1 (nay thuộc quản lý của Công ty CP Cảng Sài Gòn Hiệp Phước - Công ty con của Tổng Công ty). Theo thỏa thuận bàn giao ngày 31/08/2017, Công ty Ngọc Viễn Đông đồng ý tạm bàn giao lại nguyên trạng cho Công ty tiếp tục quản lý, khai thác, kinh doanh tại khu Nhà Rong - Khánh Hội trong thời gian đầu tư xây dựng khu Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước chưa hoàn thành. Công ty có trách nhiệm hoàn tất việc di dời, xử lý tài sản với điều kiện Ngọc Viễn Đông hoàn tất các thủ tục pháp lý về đất đai và đồng thời trong khoảng thời gian này Công ty không phải chịu các chi phí có liên quan trong thời gian sử dụng đất (từ ngày 31/08/2017). Sau khi công tác di dời hoàn tất, việc quyết toán khoản tạm ứng vốn này sẽ được thực hiện giữa Công ty CP Cảng Sài Gòn, Bộ Tài chính và Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô thị Ngọc Viễn Đông.
- (4) Phải trả Ngân sách Nhà nước liên quan đến khoản Cảng Sài Gòn nhận ứng trước từ Ngân sách Nhà nước năm 2009 và 2010 để phục vụ đầu tư dự án xây dựng Cảng Sài Gòn- Hiệp Phước, thuộc quản lý của Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn Hiệp Phước- Công ty con của Công ty. Theo quyết định số 46/2010/QĐ-TTg ngày 24 tháng 06 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ, khoản ứng trước vốn này sẽ phải hoàn trả cho Ngân sách Nhà nước khi công tác xây dựng dự án Cảng Sài Gòn- Hiệp Phước hoàn tất. Đến thời điểm hiện tại, dự án vẫn đang trong quá trình xây dựng. Trong năm 2025, Cảng Sài Gòn đã hoàn trả 50 tỷ đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***22. PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP KHÁC (TIẾP)**

- (5) Khoản tạm trích để tăng TSCĐ tại Công ty CP Vận tải Biển Việt Nam. Công ty đang hoàn thiện hồ sơ để quyết toán nguyên giá tàu Lucky Star, Blue Star và Vosco Sunrise với các khoản trả trước cho Công ty TNHH MTV Đóng tàu Bạch Đằng và Công ty TNHH MTV Đóng tàu Nam Triệu.
- (6) Khoản phải trả cho Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy (SBIC) về các nghiệp vụ nhận cấp vốn có tính lãi hoạt động trong giai đoạn từ khi thành lập đến năm 2009 liên quan đến hoạt động đầu tư Dự án Nhà máy đóng tàu Hậu Giang. Dự án này đã bị dừng vĩnh viễn theo Công văn số 403/TTg-KTN của Thủ tướng Chính phủ ngày 29 tháng 03 năm 2012. Lãi phát sinh liên quan đến khoản nợ này đã được tái cơ cấu là xóa lãi phát sinh theo Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ. Đến thời điểm 31/12/2025, SBIC vẫn chưa thực hiện theo Nghị quyết của Chính Phủ nêu trên và vẫn thực hiện thống báo lãi cho Công ty hàng năm.

23. THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI PHẢI TRẢ

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	405.529.213.133	468.876.542.109
	<u>405.529.213.133</u>	<u>468.876.542.109</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Giá trị đầu năm	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị cuối năm	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	1.280.673.986.345	1.280.673.986.345	1.023.523.175.317	846.964.871.482	1.457.232.290.180	1.457.232.290.180
Vay ngắn hạn	117.729.150.726	117.729.150.726	684.717.012.533	707.803.201.380	94.642.961.879	94.642.961.879
Vay dài hạn đến hạn trả	1.162.944.835.619	1.162.944.835.619	338.806.162.784	139.161.670.102	1.362.589.328.301	1.362.589.328.301
Vay dài hạn	1.999.549.682.841	1.999.549.682.841	3.829.438.012.858	1.819.371.770.197	3.996.077.081.710	3.996.077.081.710
Cộng	3.280.223.669.186	3.280.223.669.186	4.852.961.188.175	2.666.336.641.679	5.453.309.371.890	5.453.309.371.890

Vay ngắn hạn

	Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	31/12/2025
Công ty Tài chính TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy (1)	USD	Theo từng hợp đồng	Tin chấp	59.080.000.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	VND	Theo từng hợp đồng	Thế chấp	1.063.694.937.856
Vay ODA đến hạn trả (3)	USD	Theo từng hợp đồng	Tin chấp	24.562.190.653
Vay các đối tượng khác	VND	Theo từng hợp đồng	Thế chấp, tin chấp	309.895.161.671
				1.457.232.290.180

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Vay dài hạn

	Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	31/12/2025
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	VND	Theo từng hợp đồng	Thế chấp, tín chấp	237.558.719.650
Công ty Tài chính TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy (1)	USD	Theo từng hợp đồng	Tín chấp	47.998.584.837
PSA VietNam Pte.Ltd (2)	USD	Theo lãi suất Sofr	Tín chấp	443.924.910.000
Vay dài hạn ODA (3)	USD	Theo từng hợp đồng	Tín chấp	460.128.839.474
Quỹ đầu tư phát triển Thành phố Đà Nẵng	VND	Theo từng hợp đồng	Tín chấp	229.733.400.000
Vay các đối tượng khác	VND	Theo từng hợp đồng	Thế chấp, tín chấp	2.576.732.627.749
				3.996.077.081.710

(1) Trong đó bao gồm:

- Khoản vay của Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông (Biển Đông) với Công ty tài chính TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy (VFC) có số dư tại ngày 31/12/2025 là 59.080.000.000 VND (tại ngày 01/01/2025 là 59.080.000.000 VND). Theo thư xác nhận, thông báo lãi vay từ VFC thì khoản gốc và lãi vay mà VFC đang theo dõi phải thu Biển Đông nhiều hơn số Biển Đông đang phản ánh tại thời điểm 31/12/2025 lần lượt là 28.667.314,67 USD và 67.863.415,56 USD (tương ứng là chênh lệch các khoản lãi vay phát sinh từ món này – Thuyết minh 17). Đây là khoản nợ gốc và lãi phát sinh từ khoản vay tài trợ cho Dự án đóng tàu Container 1730 TEU V22 đã được bàn giao cho Công ty TNHH MTV Đóng tàu Bạch Đằng (“Bạch Đằng”). Cụ thể, thực hiện Nghị quyết số 317/NQ-CNTT ngày 23/11/2015 của Tổng Công ty Công nghiệp Tàu Thủy Việt Nam về việc Phê duyệt nội dung điều chuyển đối tượng nhận nợ từ nguồn ủy thác của Tổng Công ty tại Công ty Tài chính TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy liên quan đến điều chuyển Dự án đầu tư đóng mới tàu 1.730 TEU - V22 từ Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông sang Công ty TNHH MTV Đóng tàu Bạch Đằng và Biên bản bàn giao ký này 05/08/2015 giữa Công ty với Bạch Đằng, Biển Đông đã bàn giao Dự án này, các khoản nợ gốc vay và lãi vay liên quan sang cho Bạch Đằng từ ngày 05/08/2015. Tuy nhiên, VFC chưa thực hiện chuyển đối tượng nợ mà vẫn theo dõi nợ gốc và tính lãi vay phát sinh sau thời điểm 05/08/2015 cho Biển Đông nên xảy ra tình trạng chênh lệch nợ gốc và lãi tại thời điểm lập báo cáo tài chính nêu trên.
- Khoản vay VFC để thực hiện các dự án đầu tư của Công ty TNHH MTV Nhà máy Đóng tàu Hậu Giang theo danh mục dự án sử dụng nguồn vốn vay nước ngoài 600 triệu USD quy định tại Quyết định số 1986/QĐ-CNT-TCKT ngày 26/06/2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam với lãi suất 9,5%/năm, thời hạn vay 10 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn ân hạn 02 năm. Số dư nhận nợ bằng tiền VND gốc vay ban đầu được các bên thống nhất quy đổi sang USD là 1.970.144,91 USD. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Khoản vay này được tái cơ cấu theo Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 10/10/2017 của Chính phủ. Công ty đã thanh toán trả cho VFC lũy kế đến thời điểm 31/12/2025, số tiền 3,5 tỷ VND quy đổi tương đương 146.133,96 USD. Thông qua Thỏa thuận tái cấu trúc Vinashin, toàn bộ số tiền nợ đã được các chủ nợ thống nhất sẽ được lùi thời hạn trả đến 30/12/2025 với lãi suất 1%/năm được tính vào cuối kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)****(2) Chi tiết khoản vay:**

- PSA Viet Nam Pte.Ltd, Công ty CP Cảng Sài Gòn và Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP là cổ đông góp vốn của Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP-PSA. Các cổ đông đã đồng ý cho Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP-PSA ("SP-PSA") vay theo hợp đồng vay cổ đông ngày 26/08/2008 với tổng giá trị khoản vay là 33.000.000 USD bao gồm: Đợt A có giá trị là 28.196.202,53 USD và Đợt B có giá trị là 4.803.797,47 USD. PSA Viet Nam Pte.Ltd đã ứng trước toàn bộ khoản cho vay này, Tổng công ty và Cảng Sài Gòn sẽ nhận nợ với PSA Viet Nam Pte.Ltd, tổng số gốc vay 16.830.000 USD (4.950.000 USD tại Tổng Công ty và 11.880.000 USD tại Cảng Sài Gòn, tương ứng với tỷ lệ vốn góp lần lượt là 15% và 36% tại SP-PSA).
- Mục đích vay: để Công ty TNHH Cảng quốc tế SP-PSA chi trả cho chi phí dự án phát triển, thiết kế, kỹ thuật, mua sắm các vật liệu và thiết bị, xây dựng, vận hành, lắp đặt, hoàn tất, tài trợ, hoạt động, bảo trì, tiếp thị, thay thế và sửa chữa cảng container 2 cầu cảng tại Thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, bao gồm Cầu cảng 600 mét và một số máy cầu cầu cảng.
- Lãi suất cho vay áp dụng theo Hợp đồng vay cổ đông được tính theo lãi suất Libor 6 tháng, từ ngày 16/12/2023, phía PSA thông báo lãi suất áp dụng được tạm tính theo lãi suất Sofr (lãi suất qua đêm có bảo lãnh).
- Theo quy định của hợp đồng phụ (ký ngày 26/5/2008 giữa SP-PSA, các cổ đông và Calyon), toàn bộ các khoản nợ mà Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP-PSA và các cổ đông không ứng trước còn nợ sẽ được Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP-PSA hoàn trả ngay khi có yêu cầu của các Cổ đông hay các Cổ đông ứng trước. Ngoài ra, theo thỏa thuận trong Hợp đồng vay vốn cổ đông thì toàn bộ cổ tức và các khoản được phân chia khác (cho Tổng công ty và Cảng Sài Gòn nếu có) theo Hợp đồng liên doanh hay Điều lệ sẽ được ưu tiên để trả gốc vay (và lãi lũy kế) cho đến khi thanh toán hết khoản vay này. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng công ty và Cảng Sài Gòn vẫn đang tiếp tục làm việc với các bên để thống nhất ký lại phụ lục hợp đồng và cơ sở tính số lãi phải thu và lãi phải trả tương ứng.

(3) Bao gồm:

- Số dư vay theo hợp đồng vay số 02/2004/TDNN ngày 21/12/2004 ký giữa Chi nhánh Quỹ hỗ trợ phát triển Hải Phòng và Cảng Hải Phòng (nay là Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng), mục đích vay đầu tư thiết bị đối với dự án "Cải tạo nâng cấp Cảng Hải Phòng giai đoạn II", không có tài sản đảm bảo, lãi suất 1,3%/năm, kỳ trả gốc và lãi cuối cùng vào ngày 20/08/2029. Tại thời điểm 30/06/2025, số dư nợ vay gốc Yên Nhật là: 705.855.150 JPY (tương đương 122.112.940.950 VND); Nợ dài hạn đến hạn trả là: 156.856.700,00 JPY (tương đương 26.358.199.868 VND).
- Giá trị nhận nợ liên quan đến các tài sản là cầu cảng số 04, số 05 và bãi container thuộc bến Cảng Chùa Vẽ - Cảng Hải Phòng và các khoản mục chi phí khác được phân bổ cho giá trị gói thiết bị được ghi nhận căn cứ theo Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Bộ Giao thông Vận tải (Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT) với số tiền 383,3 tỷ VND.
Căn cứ theo Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT và Biên bản về việc kiểm tra, xác định giá trị phần vốn nhà nước, quyết toán số tiền thu từ cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần được ký giữa Tổ công tác Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam và đại diện của Công ty vào ngày 10/10/2016, Công ty đã tạm thời điều chỉnh giá trị các tài sản, thiết bị nêu trên và ghi nhận giá trị khoản vay với tổng số tiền là 383,3 tỷ VND (bao gồm 342,1 tỷ VND là giá trị quyết toán của 02 cầu cảng, và 41,2 tỷ VND là phần chi phí khác được phân bổ cho giá trị gói thiết bị thuộc dự án). Việc ghi nhận này đã được Công ty điều chỉnh hồi tố từ ngày 01/07/2014 (ngày Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Đến thời điểm hiện tại, phương án vay và trả nợ vay (thời hạn vay, phương án trả nợ, lãi suất vay và các điều khoản đảm bảo), cũng như đồng tiền nhận nợ (Việt Nam Đồng hay Yên Nhật) chưa được các cơ quan quản lý Nhà nước phê duyệt tại thời điểm nhận nợ, vì thế, Công ty tạm ghi nhận các khoản vay này bằng Việt Nam Đồng và thực hiện trích trước chi phí lãi vay cho giai đoạn từ ngày 01/07/2014 đến thời điểm 31/12/2019 với lãi suất 9,5%/năm, cộng thêm chi phí cho vay lại là 0,2%/năm. Trong năm 2020, theo Nghị quyết số 71/NQ-CHP ngày 12/06/2020 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng, Công ty đã tạm dừng trích chi phí lãi vay kể từ đầu năm 2020.

Tại văn bản số 8715/BTC-PLN ngày 23/07/2018 của Bộ Tài chính và Văn bản số 10582/VPCP-KTTH ngày 01/11/2018 của Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Chính phủ đã đồng ý với kiến nghị của Bộ Tài chính về việc rà soát lại cơ sở ghi nhận giá trị đối với 02 cầu cảng và các nội dung khoản vay nêu trên và đồng ý chủ trương cho vay lại phần chi phí thiết bị tương tự cơ chế cho vay lại phần thiết bị đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại văn bản số 1596/CP-QHQT ngày 25/10/2004. Cụ thể, lãi suất cho vay lại bằng Yên Nhật là 1,5%/năm. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cũng yêu cầu kiểm tra lại quá trình cổ phần hóa của Công ty (trong điều kiện hồ sơ quyết toán giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa của Công ty chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt). Khi có sự phê duyệt chính thức của Bộ Tài chính về phương án vay, trả nợ, Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh Báo cáo tài chính (nếu cần thiết).

Ngày 11/11/2022, Văn phòng Chính phủ có văn bản số 7642/VPCP-CN thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Văn Thành yêu cầu Bộ GTVT chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu, rà soát kỹ lưỡng các phương án, thống nhất một phương án xử lý, quản lý khai thác cầu cảng số 4, số 5 thuộc bến cảng Chùa Vẽ, đảm bảo phù hợp với thực trạng tài sản, điều kiện quản lý khai thác cầu cảng và tuân thủ theo quy định của Pháp luật liên quan.

Bộ GTVT đã có văn bản số 10882/BGTVT-TC ngày 28/9/2023 gửi Bộ Tài chính tham gia ý kiến về dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải (thay thế Nghị định số 43/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018), trong đó Bộ GTVT có đề xuất bổ sung nội dung trong điều khoản chuyển tiếp của Nghị định để trong trường hợp đề xuất được thông qua sẽ giải quyết được hình thức quản lý tài sản, tức là tài sản bến số 4,5 Cảng Chùa Vẽ được giao cho Cảng Hải Phòng quản lý, khai thác (không phải cho thuê). Ngày 24/12/2024, Văn phòng Chính phủ đã có thông báo số 569/TB-VPCP về việc kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà tại cuộc họp tiếp thu, giải trình ý kiến Thành viên Chính phủ về Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa. Theo đó, Phó Thủ tướng thống nhất về việc không quy định xử lý chuyển tiếp trong Nghị định đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải hình thành từ nguồn vốn Nhà nước, đồng thời giao Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Tài chính khẩn trương báo cáo phương án xử lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

25.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển thuộc VCSH	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2024	12.005.880.000.000	10.945.029.557	82.963.929.693	(3.190.407.830.469)	40.796.738.792	2.086.664.356.714	92.227.504	(241.969.636.062)	4.571.350.235.856	15.366.315.051.585
- Lãi(Lỗ) trong năm	-	-	-	-	-	-	-	2.021.014.444.818	608.814.309.525	2.629.828.754.343
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	804.518.060.719	-	(981.975.773.047)	(49.132.408.874)	(226.590.121.202)
- Biến động VCSH trong công ty liên kết	-	-	-	-	67.702.599.430	-	-	-	-	67.702.599.430
- Thoái vốn công ty liên kết	-	-	-	(13.230.000.000)	-	-	-	-	-	(13.230.000.000)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(46.326.570.024)	(81.781.939.109)	(128.108.509.133)
- Giảm khác	-	(10.200.000.000)	(9.722.785.158)	(2)	-	41.982.976.881	(1)	(153.913.912.619)	(147.366.440.881)	(279.220.161.780)
31/12/2024	12.005.880.000.000	745.029.557	73.241.144.535	(3.203.637.830.471)	108.499.338.222	2.933.165.394.314	92.227.503	596.828.553.066	4.901.883.756.517	17.416.697.613.243
01/01/2025	12.005.880.000.000	745.029.557	73.241.144.535	(3.203.637.830.471)	108.499.338.222	2.933.165.394.314	92.227.503	596.828.553.066	4.901.883.756.517	17.416.697.613.243
- Tăng vốn trong năm	-	(153.714.714)	-	-	-	-	-	-	(12.351.682)	(166.066.396)
- Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	-	1.946.960.410.410	694.632.252.266	2.641.592.662.676
- Trích quỹ trong năm	-	-	-	-	-	565.160.817.313	-	(863.552.276.938)	(244.663.365.365)	(543.054.824.990)
- Biến động VCSH trong công ty liên kết	-	-	-	-	(16.990.519.483)	-	-	-	-	(16.990.519.483)
- Chia cổ tức trong	-	-	-	-	-	-	-	-	(166.610.022.358)	(166.610.022.358)
- Tăng/Giảm khác	-	-	518.979.764	-	-	(793.870.740)	-	(50.989.775.925)	54.155.420.429	2.890.753.528
31/12/2025	12.005.880.000.000	591.314.843	73.760.124.299	(3.203.637.830.471)	91.508.818.739	3.497.532.340.887	92.227.503	1.629.246.910.613	5.239.385.689.807	19.334.359.596.220

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

25.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2025		01/01/2025	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Vốn góp của Nhà nước	11.942.133.000.000	99,47%	11.942.133.000.000	99,47%
Vốn góp của cổ đông khác	63.747.000.000	0,53%	63.747.000.000	0,53%
	12.005.880.000.000	100,00%	12.005.880.000.000	100,00%

25.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	12.005.880.000.000	12.005.880.000.000
+ Vốn góp đầu năm	-	-
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	12.005.880.000.000	12.005.880.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2025	01/01/2025
Ngoại tệ các loại		
USD	71.774.795,84	54.396.030,11
EUR	2.766,11	6.111,73
JPY	45.593,00	44.000,00
RUB	4.890,00	2.016.869,46
Nợ khó đòi đã xử lý	47.978.313.903	47.978.313.903

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

27. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	5.289.816.360.866	4.307.603.925.955
Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.739.849.290.409	12.662.115.145.181
+ Doanh thu vận tải	4.553.778.061.563	4.473.051.188.004
+ Doanh thu dịch vụ khai thác dịch vụ cảng biển và dịch vụ hàng hải	8.346.329.625.730	7.686.709.404.664
+ Doanh thu khai thác tòa nhà cho thuê văn phòng, kho bãi	622.383.654.841	345.058.353.334
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	217.357.948.275	157.296.199.179
Cộng	19.029.665.651.275	16.969.719.071.136

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	5.271.482.474.483	4.250.969.858.767
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	10.270.538.507.316	9.897.050.422.360
+ Giá vốn dịch vụ vận tải	4.200.477.187.092	4.029.551.798.937
+ Giá vốn từ hoạt động khai thác cảng biển và dịch vụ hàng hải	5.564.473.647.693	5.438.750.405.749
+ Giá vốn cho thuê văn phòng, khai thác	307.857.035.752	313.482.677.004
+ Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	197.730.636.779	115.265.540.670
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(134.301.850)
Cộng	15.542.020.981.799	14.147.885.979.277

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	318.286.942.241	464.476.358.397
Lãi bán các khoản đầu tư	49.307.995.039	62.425.431.766
Cổ tức, lợi nhuận được chia	33.650.290.474	36.214.959.243
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	127.994.707.274	206.026.148.452
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối năm	27.439.771.660	77.901.052.806
Các doanh thu tài chính khác	64.514.542.935	9.545.701.692
Cộng	621.214.249.623	856.589.652.356

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí lãi vay	267.782.572.860	372.851.242.087
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái trong năm	59.077.902.775	147.479.228.103
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	79.789.707.124	22.769.984.116
Trích lập (hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	77.331.550	72.322.918.476
Chi phí hoạt động tài chính khác	1.109.250.080	1.420.446.897
	407.836.764.389	616.879.088.999

31. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân viên	15.431.104.818	14.960.771.459
Chi phí vật liệu, dụng cụ	15.698.148	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	147.017.359	166.066.567
Chi phí dịch vụ mua ngoài	121.497.200.296	95.251.334.265
Chi phí bằng tiền khác	29.159.695.866	27.935.032.088
	166.250.716.487	138.313.204.379

32. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ đồ dùng	33.952.647.433	32.570.875.837
Chi phí nhân công	817.414.350.911	757.978.711.994
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	48.911.740.121	42.274.643.413
Thuế, phí và lệ phí	24.089.187.502	32.950.862.532
Chi phí dự phòng/Hoàn nhập dự phòng	(18.840.412.380)	26.827.030.643
Chi phí dịch vụ mua ngoài	197.114.241.383	143.816.754.698
Chi phí bằng tiền khác	339.248.057.699	306.935.911.803
	1.441.889.812.669	1.343.354.790.920

33. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	759.435.233.519	720.352.895.601
Lãi vay được xóa, cơ cấu nợ vay	132.771.400	382.276.365.958
Thu nhập từ tiền bồi thường & bảo hiểm	10.870.737.938	8.011.971.036
Tiền thuê đất được giảm	6.801.926.432	2.381.495.145
Thu nhập từ đánh giá lại tài sản để góp vốn	97.553.032.333	25.201.964.037
Các khoản thu nhập khác	33.536.856.492	38.348.124.352
	908.330.558.114	1.435.448.737.979

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

34. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ thanh lý, nhượng bán	146.296.296	3.154.470.854
Chi phí khấu hao, lãi vay và chi phí khác dự án Nhà máy đóng tàu Hậu Giang	16.182.797.303	19.544.026.993
Tiền phạt, truy thu tiền thuế, phạt hành chính	3.784.171.976	19.872.192.501
Các khoản khác	199.761.788.229	36.649.539.422
	219.875.053.804	79.220.229.770

35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2025	Năm 2024
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	1.946.960.410.410	2.021.014.444.818
Lợi nhuận/ (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	1.946.960.410.410	2.021.014.444.818
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	1.200.588.000	1.200.588.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	1.622	1.683

36. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ đồ dùng	1.844.693.513.971	1.954.586.181.564
Chi phí nhân công	2.951.810.461.641	2.844.440.962.974
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.422.822.222.755	1.525.135.144.321
Thuế, phí và lệ phí	41.139.449.824	77.273.557.442
Chi phí dự phòng/Hoàn nhập dự phòng	(18.840.412.380)	83.274.790.696
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.450.853.162.099	4.142.667.332.614
Chi phí bằng tiền khác	1.239.509.896.860	960.415.809.885
	11.931.988.294.770	11.587.793.779.496

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

37. THÔNG TIN KHÁC

37.1 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

	Hoạt động dịch vụ vận tải	Hoạt động dịch vụ cảng biển	Hoạt động cho thuê văn phòng, kho bãi	Hoạt động bán hàng	Hoạt động khác	Tổng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn Tổng Công ty
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	4.540.656.836.952	8.346.329.625.730	622.383.654.841	5.289.816.360.866	217.357.948.275	19.016.544.426.664	-	19.016.544.426.664
Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	340.179.649.860	2.781.855.978.037	314.526.619.089	18.333.886.383	19.627.311.496	3.474.523.444.865	-	3.474.523.444.865
Tổng chi phí mua tài sản cố định	-	-	-	-	-	9.225.029.475.639	-	9.225.029.475.639
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	46.235.574.336.770	(10.683.294.796.795)	35.552.279.539.976
Tổng tài sản	-	-	-	-	-	46.235.574.336.770	(10.683.294.796.795)	35.552.279.539.976
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	16.387.474.842.100	(169.554.898.344)	16.217.919.943.756
Tổng nợ phải trả	-	-	-	-	-	16.387.474.842.100	(169.554.898.344)	16.217.919.943.756

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

37. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

37.1 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

	Hoạt động dịch vụ vận tải	Hoạt động dịch vụ cảng biển	Hoạt động cho thuê văn phòng, kho bãi	Hoạt động bán hàng	Hoạt động khác	Tổng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn Tổng Công ty
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	4.464.580.297.333	7.686.709.404.664	345.058.353.334	4.307.603.925.955	157.296.199.179	16.961.248.180.465	-	16.961.248.180.465
Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	435.028.498.396	2.247.958.998.915	31.575.676.330	56.634.067.188	42.030.658.509	2.813.227.899.338	-	2.813.227.899.338
Tổng chi phí mua tài sản cố định	-	-	-	-	-	1.647.389.847.866	-	1.647.389.847.866
Tài sản bộ phận	-	-	-	-	-	41.268.985.470.141	(10.844.014.837.152)	30.424.970.632.989
Tổng tài sản	-	-	-	-	-	41.268.985.470.141	(10.844.014.837.152)	30.424.970.632.989
Nợ phải trả không phân bổ						13.187.994.980.386	(179.721.960.640)	13.008.273.019.746
Tổng nợ phải trả	-	-	-	-	-	13.187.994.980.386	(179.721.960.640)	13.008.273.019.746

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

37. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**37.2 BÊN LIÊN QUAN**

Ngoài các số dư với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh bên trên, Tổng Công ty còn có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Giao dịch với các bên liên quan

	Mối quan hệ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu với bên liên quan			
- Công ty CP Tàu lai Cảng Đà Nẵng	Công ty liên kết	8.767.742.499	8.435.029.031
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép	Công ty liên kết	77.573.193.328	96.899.754.005
- Công ty CP Đại lý tàu biển và Logistics Vosco	Công ty liên kết	13.073.687.181	13.009.750.081
- Công ty CP Cảng Khuyến Lương	Công ty liên kết	2.037.037	-
- Công ty CP Vận tải biển và hợp tác lao động quốc tế	Công ty liên kết	1.278.555.119	1.021.862.985
- Công ty TNHH Korea Express Cảng Sài Gòn	Công ty liên kết	4.670.817.963	7.890.492.841
- Công ty TNHH Vận tải quốc tế Nhật Việt	Công ty liên kết	976.977.825	822.685.326
- Công ty CP Tiếp vận Biển Đông	Công ty liên kết	16.938.092.623	8.591.845.361
- Công ty Cổ phần Vận tải & Thuê tàu biển Việt Nam	Công ty liên kết	116.984.848	6.666.666
- Công ty TNHH Honda Logistics Việt Nam	Công ty liên kết	9.120.145.356	11.040.238.594
- Công ty CP Hàng hải Đồng Đô	Công ty liên kết	44.916.894	214.963.812
- Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	Công ty liên kết	26.606.581.060	4.109.572.165
- Công ty CP Thương mại và Dịch vụ	Công ty liên kết	911.496.853	963.915.532
- Công ty LD Dịch vụ Container quốc tế cảng SG - SSA	Công ty liên kết	100.971.059.271	145.188.213.402
- Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ	Công ty liên kết	3.912.665.471	562.593.870
- Công ty TNHH TNHH KM Cargo Services Hải Phòng		20.770.000	-
- Công ty CP Lai dắt và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	Công ty liên kết	297.773.942	270.564.659
- Công ty TNHH NYK Autologic Việt	Công ty liên kết	9.968.126.300	56.227.000
- Công ty CP Vận tải biển và Thương mại Phương Đông	Công ty liên kết	42.453.333	
- Công ty Cổ phần Cảng tổng hợp Thị Vải	Công ty liên kết	58.600.000	723.900.000
- Công ty CP Logistics Cảng Đà Nẵng	Công ty liên kết	36.657.937.420	37.552.831.960
- Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ Hàng hải VIMC - ARIES	Công ty liên kết	304.105.903	-
- Công ty TNHH Cảng quốc tế TIL Cảng Hải Phòng	Công ty liên kết	134.360.115.150	-
- Công ty CP Hàng hải Sài Gòn	Công ty liên kết	-	285.018.530
- Công ty CP HPH Logistic	Công ty liên kết	6.142.532.634	4.869.927.135
- Công ty CP Tân cảng Quy Nhơn	Công ty liên kết	-	69.774.000
		452.817.368.010	342.585.826.955

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

37. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**37.2 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

	Mối quan hệ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí với bên liên quan			
- Công ty TNHH Vận tải quốc tế Nhật Việt	Công ty liên kết	2.538.604.751	50.800.000
- Công ty CP Hàng hải Đông Đô	Công ty liên kết	-	595.801.333
- Công ty CP Tư vấn xây dựng công trình Hàng hải	Công ty liên kết	5.282.393.926	1.175.655.484
- Công ty CP Vận tải biển và hợp tác lao động quốc tế	Công ty liên kết	8.675.556	-
- Công ty CP Vận tải biển và Thương mại Phương Đông	Công ty liên kết	-	5.271.420.000
- Công ty LD Dịch vụ Container quốc tế cảng SG - SSA	Công ty liên kết	3.934.888.115	339.436.457
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP - PSA	Công ty liên kết	3.790.583.000	53.776.589.788
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép	Công ty liên kết	2.411.571.637	11.612.704.851
- Công ty CP Đại lý tàu biển và Logistics Vosco	Công ty liên kết	1.964.527.318	2.103.662.643
- Công ty CP Thương mại và Dịch vụ	Công ty liên kết	34.676.712.865	30.703.888.599
- Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ	Công ty liên kết	1.236.704.228	106.549.226
- Công ty CP Lai dắt và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	Công ty liên kết	136.000.000	54.400.000
- Công ty TNHH Korea Express Cảng Sài Gòn	Công ty liên kết	7.774.491.915	9.054.368.747
- Công ty Cổ phần Cảng tổng hợp Thị Vải	Công ty liên kết	341.863.350	3.660.399.703
- Công ty CP Logistics Cảng Đà Nẵng	Công ty liên kết	81.151.979.938	79.997.995.168
- Công ty CP Tàu Lai Cảng Đà Nẵng	Công ty liên kết	84.964.993.791	81.152.772.450
- Công ty CP Hàng hải Sài Gòn	Công ty liên kết	-	154.600.186
- Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	Công ty liên kết	16.034.807.898	245.274.400
- Công ty CP HPH Logistic	Công ty liên kết	386.457.466	552.152.527
- Công ty CP Tân cảng Quy Nhơn	Công ty liên kết	-	31.857.210.000
- Công ty cổ phần Dịch vụ công nghiệp hàng hải	Công ty liên kết	-	255.761.436
- Công ty TNHH TNHH KM Cargo Services Hải Phòng	Công ty liên kết	69.545.364	-
- Công ty TNHH Cảng quốc tế TIL Cảng Hải Phòng	Công ty liên kết	61.260.000	-
- Công ty TNHH NYK Autologic Việt	Công ty liên kết	10.350.000	-
		246.776.411.118	312.721.442.998

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM – CTCPSố 1 Đào Duy Anh, phường Kim Liên,
Hà Nội, Việt Nam**Mẫu số B09 – DN/HN**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2025**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***37. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****37.2 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

Thu nhập của người quản lý chủ chốt:

	Chức vụ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt		15.817.458.424	13.659.385.250
Ông Lê Anh Sơn	Chủ tịch Hội đồng quản trị đến ngày 09/07/2025 Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc từ ngày 09/07/2025	2.106.351.272	1.636.113.506
Ông Nguyễn Cảnh Tinh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc đến ngày 09/07/2025 Chủ tịch Hội đồng quản trị từ ngày 09/07/2025	1.894.678.628	1.627.289.353
Ông Đỗ Tiến Đức	Thành viên HĐQT	1.471.689.668	1.305.366.516
Ông Nguyễn Đình Chung	Thành viên HĐQT	1.471.689.668	1.303.244.516
Ông Đỗ Hùng Dương	Thành viên HĐQT	1.491.931.668	1.266.520.968
Ông Phạm Anh Tuấn	Phó Tổng giám đốc	1.470.331.468	1.234.966.487
Ông Lê Quang Trung	Phó Tổng giám đốc	1.393.276.508	1.230.466.487
Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Phó Tổng giám đốc	1.339.939.508	1.201.769.519
Ông Lương Đình Minh	Trưởng Ban Kiểm soát	1.335.061.048	1.195.023.753
Bà Phan Thị Nhị Hà	Kiểm soát viên	930.665.088	843.122.955
Ông Phạm Cao Nhuệ	Kiểm soát viên	911.843.900	815.501.190

37.3 THÔNG TIN KHÁC*Thông tin liên quan đến cổ phần hóa*

Theo quy định tại Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần, Tổng Công ty phải thực hiện quyết toán thuế, các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước với Cơ quan thuế và đề nghị Cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, quyết toán tiền thu về cổ phần hóa, chi trả chế độ lao động dôi dư, chi phí cổ phần hóa. Tổng Công ty đã hoàn thành việc quyết toán thuế. Đối với các nội dung còn lại, Tổng Công ty đã hoàn thành hồ sơ và đang trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Do vậy số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo có thể thay đổi theo ý kiến của các cấp có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***37. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****37.3 THÔNG TIN KHÁC***Thông tin liên quan đến các tài sản thuộc cầu cảng số 04, số 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ*

Tại ngày 31/12/2025, số liệu tại chỉ tiêu “Tài sản cố định hữu hình” (mã số 221) bao gồm các tài sản thuộc cầu cảng số 04, số 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ được ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng – công ty con của Tổng Công ty (“Cảng Hải Phòng”) với tổng nguyên giá 279,7 tỷ đồng và giá trị còn lại 133,81 tỷ đồng. Nguồn vốn hình thành các tài sản này được ghi nhận tại chỉ tiêu “Vay và nợ thuê tài chính dài hạn” (mã số 338) với giá trị 342,1 tỷ đồng. Đây là các tài sản thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp Cảng Hải Phòng giai đoạn II do Bộ Giao thông Vận tải làm chủ đầu tư, sử dụng vốn vay ODA Nhật Bản và vốn đối ứng của Chính phủ.

Ngày 4/4/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 84/2025/NĐ-CP quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải. Theo đó, Bộ Xây dựng đã ban hành Văn bản số 12000/BXD-KHTC ngày 21/10/2025 đề nghị Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”) nghiên cứu, rà soát các phương thức khai thác, xử lý tài sản cầu cảng số 4, số 5 thuộc Bến cảng Chùa Vẽ bảo đảm phù hợp với thực trạng tài sản, điều kiện quản lý, khai thác các cầu cảng và tuân thủ quy định pháp luật. Đồng thời, Bộ Xây dựng yêu cầu Ban Quản lý dự án cảng Hải Phòng nghiên cứu ý kiến của Cảng Hải Phòng tại Văn bản số 3878/CHP-TCKT ngày 19/09/2025 về phân bổ chi phí cho gói thiết bị.

Trên cơ sở chỉ đạo này, Tổng Công ty đã yêu cầu Người đại diện phần vốn của Tổng Công ty tại Cảng Hải Phòng nghiên cứu, rà soát xây dựng phương án khai thác, xử lý tài sản cầu cảng số 4, số 5 thuộc Bến cảng Chùa Vẽ. Trên cơ sở ý kiến của Cảng Hải Phòng, đánh giá ưu, nhược điểm của từng phương án, VIMC đã có Văn bản số 1753/HHVN-TCKT ngày 06/11/2025 báo cáo Bộ Xây dựng và Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam về các phương án quản lý khai thác tài sản bến số 4, số 5 Cảng Chùa Vẽ.

Theo nội dung buổi làm việc ngày 29/12/2025 giữa Bộ Xây dựng, Tổng Công ty và Cảng Hải Phòng, trên cơ sở đề xuất của Cảng Hải Phòng tại Văn bản số 5222/CHP-TCKT ngày 31/12/2025 về phương án xử lý tài sản bến số 4, bến số 5 Cảng Chùa Vẽ, VIMC đã có văn bản số 16/HHVN-TCKT ngày 08/01/2026 trình Bộ Xây dựng và Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam cập nhật nội dung liên quan đến phương án xử lý các tài sản nêu trên.

Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, cơ quan quản lý nhà nước chưa ban hành quyết định về hình thức quản lý đối với cầu cảng số 04, số 05 và bãi container thuộc Bến Cảng Chùa Vẽ của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng. Căn cứ Điều 55 Luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025 quy định văn bản pháp luật không được áp dụng hiệu lực trở về trước trong trường hợp phát sinh trách nhiệm pháp lý mới đối với hành vi mà tại thời điểm thực hiện hành vi đó pháp luật chưa quy định trách nhiệm pháp lý, việc ghi nhận chính thức tài sản và chi phí liên quan đến cầu cảng số 4 và số 5 thuộc Bến cảng Chùa Vẽ sẽ được thực hiện khi cơ quan quản lý nhà nước ban hành quyết định chính thức về hình thức quản lý đối với các tài sản này.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM – CTCP

Số 1 Đào Duy Anh, phường Kim Liên,

Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B09 – DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

38. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Vũ Thị Thanh Duyên

Trưởng ban TCKT

Lê Duy Dương

Tổng Giám đốc



Lê Anh Sơn

TỜ TRÌNH

**Về việc phê duyệt phương án phân phối LNST năm 2024 và 2025 của
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn;

Căn cứ Điều lệ của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP năm 2025 đã kiểm toán;

Hội đồng quản trị Tổng công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 phê duyệt Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 và năm 2025 của Tổng công ty như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024:

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, phần lợi nhuận sau thuế năm 2024 sau khi trích lập các quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ người quản lý chưa thực hiện trích quỹ đầu tư phát triển và chia cổ tức là 1.294.118.857.178 đồng.

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2026; kế hoạch điều chỉnh tăng vốn điều lệ VIMC giai đoạn 2026-2030, kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông năm 2026 phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 chưa thực hiện như sau:

Chỉ tiêu	Số tiền (VNĐ)	Ghi chú
Lợi nhuận sau thuế 2024 sau khi trích lập quỹ KT,PT, NQL	1.294.118.857.178	
Trích quỹ đầu tư phát triển	403.723.904.174	Trích 29,83% LNST năm 2024
Lợi nhuận còn lại thực hiện theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền	890.394.953.004	

2. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025

Theo báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP năm 2025 đã kiểm toán, một số các chỉ tiêu tài chính và số liệu tiền lương thực hiện tại Công ty mẹ (theo số làm tròn) như sau:

Chỉ tiêu	KH 2025	TH 2025	TH 2025/ KH 2025
1. Doanh thu (tỷ đồng)	3.849	5.848	152%
2. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (tỷ đồng)	409	672	164%
3. Tiền lương bình quân thực hiện năm 2025 (triệu đồng/tháng)	19.891	18.984	95,4%

Như vậy, tổng doanh thu thực hiện và lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2025 của Công ty mẹ đều tăng trưởng so với kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 thông qua.

Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 nêu trên; Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2026, phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025 như sau:

STT	Nội dung	Số tiền (VNĐ)	Tỷ lệ/LNST được phân phối	Ghi chú
1	Lợi nhuận trước thuế	671.553.523.320		
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2025	671.553.523.320		
3	Điều chỉnh LNST không phân phối	26.160.161.760		Theo quy định tại điểm đ Khoản 1 tài khoản 421 mục B phụ lục số II Thông tư 99/2025/TT-BTC
	Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối năm	26.160.161.760		Theo TM BCTC riêng trang 46
4	Tổng lợi nhuận sau thuế được phân phối (4)=(2)-(3)	645.393.361.560		
4.1	Trích quỹ Đầu tư phát triển	322.696.680.780	50,00%	Trích 50% LNST được PP
4.2	Trích quỹ Khen thưởng, phúc lợi	56.951.795.544	8,82%	Trích tối đa 3 tháng tiền lương bình quân theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Luật số 68
5	Lợi nhuận được phân phối còn lại sau khi trích lập Quỹ KTPL	265.744.885.236		

6	Lợi nhuận sau thuế để lại thực hiện theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền	291.905.046.996		
---	---	------------------------	--	--

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024 và lợi nhuận sau thuế năm 2025 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Kiểm soát;
- Các thành viên HĐQT;
- Lưu: VT, CTHĐQT, TCKT, TKTH.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Cảnh Tĩnh

Số: 519/TTr-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH
Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026
của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025.

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH11 ngày 26/11/2019; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024.

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP.

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP.

Căn cứ Nghị quyết số 294/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/07/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP.

Hội đồng quản trị Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (VIMC) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2026 về Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của VIMC như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2025

Năm 2025, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường. Các cuộc xung đột địa chính trị tiếp tục leo thang ở nhiều khu vực, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày một gia tăng trong khi đó kinh tế, thương mại phục hồi chậm, thiếu vững chắc, tổng cầu, đầu tư toàn cầu sụt giảm. Đặc biệt, căng thẳng thương mại giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc, chính sách thuế đối ứng của Hoa Kỳ áp đặt lên hàng hóa nhập khẩu đã ảnh hưởng trực tiếp đến nền kinh tế toàn cầu nói chung, ngành hàng hải và chuỗi cung ứng hàng hóa nói riêng. Tỷ giá, lãi suất biến động khó lường; thiên tai, biến đổi khí hậu, an ninh năng lượng, lương thực, an ninh mạng diễn biến phức tạp.

Trước bối cảnh nhiều khó khăn, thách thức, VIMC đã triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp để hoàn thành các chỉ tiêu của kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 được ĐHĐCĐ giao, cụ thể:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh

CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2025	TH 2025	So sánh	
				TH 2025/ TH 2024	TH 2025/ KH 2025
Sản lượng vận tải biển	Triệu Tấn	21,1	21,5	111%	102%
Sản lượng cảng biển	Triệu Tấn	158,3	161,9	112%	102,3%
HỢP NHẤT					
Doanh thu	Tỷ đồng	20.793	20.546	107%	99%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	3.076	3.239	103%	105%
CÔNG TY MẸ					
Doanh thu	Tỷ đồng	3.849	5.848	185%	152%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	409	672	50%	164%

2. Tình hình thực hiện đầu tư tại Công ty mẹ VIMC

Kế hoạch đầu tư của Công ty mẹ VIMC năm 2025 được ĐHĐCĐ thông qua là 194,6 tỷ đồng, trong đó, các dự án chuyển tiếp là 162,7 tỷ đồng, các dự án đầu tư mới là 31,9 tỷ đồng.

Năm 2025, các dự án đầu tư của Công ty mẹ VIMC đều được đẩy mạnh triển khai. Giá trị thực hiện đầu tư năm 2025 tại Công ty mẹ VIMC là 113,1 tỷ đồng (tương đương 56,7% kế hoạch).

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ NĂM 2026

Căn cứ vào các bối cảnh và các giả định thị trường tại Phụ lục 01 kèm theo; căn cứ các chỉ đạo, định hướng của Chính phủ, Bộ Tài chính về mục tiêu tăng trưởng năm 2026, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ về Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 như sau:

1. Mục tiêu hoạt động

(1) Tăng trưởng bền vững

Đảm bảo tăng trưởng ổn định và bền vững đối với các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trong năm 2026.

(2) Phát triển thị trường và khách hàng

Duy trì, và giữ chân khách hàng hiện hữu; đồng thời phát triển khách hàng mới và mở rộng các tuyến dịch vụ để gia tăng thị phần tại các khu vực trọng điểm, củng cố vị thế của VIMC và các doanh nghiệp thành viên. Phát triển được tuyến vận tải biển đến các khu vực, thị trường mới, nâng cao hiệu quả cho đội tàu.

(3) Phát triển dịch vụ logistics tích hợp

Phát triển mạnh các dịch vụ logistics tích hợp dựa trên hệ sinh thái cảng biển - vận tải biển – logistics đồng bộ; tạo ra các sản phẩm dịch vụ khác biệt, nâng cao trải nghiệm khách hàng và tăng cường sức cạnh tranh cốt lõi của VIMC trên thị trường.

(4) Đầu tư hạ tầng logistics chiến lược và đội tàu

Đẩy mạnh đầu tư, hiện đại hóa hạ tầng logistics và đội tàu để tạo bước đột phá về năng lực khai thác và hiệu quả vận hành, là động lực để tăng trưởng bền vững cho VIMC.

(5) Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và xây dựng văn hóa doanh nghiệp VIMC

Xây dựng đội ngũ cán bộ, người lao động có đủ phẩm chất, năng lực, ngang tầm nhiệm vụ; xây dựng văn hóa VIMC đặc sắc, chuyên nghiệp, trở thành nền tảng tinh thần cho sự phát triển. Xây dựng mô hình quản trị tiên tiến, minh bạch; tinh gọn bộ máy gắn với tối ưu hóa nguồn lực; nâng cao năng lực quản trị tài chính, quản trị rủi ro và tuân thủ; tăng cường hội nhập quốc tế và hợp tác chiến lược.

(6) Phát triển đột phá về chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và đổi mới sáng tạo

Lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh làm động lực cốt lõi cho sự phát triển, tạo ra không gian tăng trưởng mới và lợi thế cạnh tranh bền vững, đóng góp vào sự phát triển kinh tế bền vững của đất nước, đồng thời đảm bảo an ninh quốc phòng và an sinh xã hội.

2. Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh

CHỈ TIÊU	ĐVT	TH 2025	KH 2026	KH 2026/ TH 2025
Sản lượng vận tải biển	Triệu Tấn	21,5	23,78	110,5%
Sản lượng cảng biển	Triệu Tấn	161,9	180,1	111%
HỢP NHẤT				
Doanh thu	Tỷ đồng	20.546	22.186	108%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	3.239	3.236	100%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	2.642	2.589	98%
CÔNG TY MẸ				
Sản lượng	Triệu tấn	3,6	4,2	117%
Doanh thu	Tỷ đồng	5.848	6.432,8	110%
Lợi nhuận kế toán sau thuế	Tỷ đồng	672	739,2	110%

3. Kế hoạch đầu tư của Công ty mẹ VIMC

*Kế hoạch đầu tư phát triển đội tàu: (*Chi tiết theo Phụ lục 02 đính kèm*).

* Kế hoạch đầu tư khác của Công ty mẹ VIMC năm 2026 là 92,455 tỷ đồng, trong đó, các dự án chuyển tiếp là 61,455 tỷ đồng, các dự án đầu tư mới là 31 tỷ đồng.

+ Các dự án đã có chủ trương/quyết định đầu tư: 04/13 dự án, kế hoạch đầu tư là 60,455 tỷ đồng, chiếm 65,4% kế hoạch đầu tư năm 2026.

+ Các dự án chuẩn bị đầu tư (giá trị thực hiện đầu tư sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt): 09/13 dự án, kế hoạch đầu tư là 32 tỷ đồng, chiếm 34,6% kế hoạch đầu tư năm 2026.

4. Kế hoạch góp vốn/đầu tư vốn của Công ty mẹ VIMC

Năm 2026, VIMC dự kiến đầu tư trọng điểm vào các dự án hạ tầng chiến lược và dịch vụ mới, cụ thể:

- Góp vốn thành lập liên doanh triển khai Dự án Cảng Cần Giờ với tỷ lệ Bên Việt Nam là 51% vốn điều lệ (VIMC 36%, Cảng Sài Gòn 15%) và Bên nước ngoài (TiL) là 49% vốn điều lệ. Việc góp vốn sẽ được phân kỳ cụ thể cho từng năm để đảm bảo nguồn vốn đối ứng hoạt động của liên doanh.

- Góp vốn để thành lập liên doanh triển khai, phát triển dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường hàng không.

- Nghiên cứu, đầu tư mua lại 01 nhà máy đóng tàu/ sửa chữa tàu phục vụ cho đầu tư phát triển đội tàu của VIMC, phát triển dịch vụ sửa chữa đội tàu.

- Dự kiến tài chính góp vào Cảng Quy Nhơn đối với phần lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.

Tổng giá trị giải ngân góp vốn dự kiến năm 2026 vào khoảng trên 510 tỷ đồng (giá trị thực tế theo tiến độ góp vốn của từng dự án).

III. ĐỀ XUẤT

Hội đồng quản trị VIMC kính trình ĐHĐCĐ:

1. Thông qua các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 nêu trên.

2. Thông qua Kế hoạch đầu tư của Công ty mẹ VIMC năm 2026 nêu trên.

3. Thông qua Kế hoạch góp vốn/đầu tư vốn năm 2026 của VIMC là 510 tỷ đồng (giá trị thực tế theo tiến độ góp vốn của từng dự án).

4. ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị VIMC xem xét, quyết định việc điều chỉnh Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 trong trường hợp cần thiết, đảm bảo điều hành linh hoạt, hiệu quả, tối ưu hoá nguồn lực trong bối cảnh kinh tế biến động khó lường và báo cáo ĐHĐCĐ tại kỳ họp gần nhất.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Kiểm soát;
- Các thành viên HĐQT;
- Lưu: VT, CTHĐQT, PTKD, TKTH.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Cảnh Tĩnh



VIỆT NAM

~~hình hình t~~

tc, nên ki

Việt Nam

2025, Ou

ng hải

c vận tải

àu hàng

rời toàn

Trong tải c

chuyên

Thị trường tàu container:

Đội tàu container thế giới dự báo tăng trưởng nhanh trong năm 2025, 2026 và 2027 khi lượng tàu đóng mới được bàn giao hàng loạt.

Nhu cầu vận chuyển container toàn cầu dự kiến tăng trưởng khoảng 3,5 - 4,5% trong năm 2025 và chỉ 2,5 - 3,5% vào năm 2026.

Thị trường tàu dầu:

Đóng mới: Các hãng tàu mới ồ ạt đầu tư đóng mới trong vòng 2 - 3 năm trở lại đây. Số lượng tàu mới được bàn giao tăng mạnh trong giai đoạn 2025 - 2027. Trong đó, gam tàu MR chiếm thị phần lớn với khoảng 9,9 triệu DWT trong năm 2026.

Phá dỡ: Số lượng tàu phá dỡ năm 2025 ở mức 2,2 triệu DWT.

Nhu cầu dầu của nhiều nước vẫn duy trì ở mức thấp do triển vọng tăng trưởng hạn chế. Tiêu thụ dầu của Trung Quốc (quốc gia tiêu thụ dầu lớn thứ hai thế giới, chiếm khoảng 16,1% nhu cầu toàn cầu) đang giảm khi tốc độ tăng trưởng kinh tế chậm lại.

Các tàu đóng mới, đặc biệt cỡ tàu MR, bắt đầu được bàn giao nhiều kể từ năm 2025 trong khi lượng tàu phá dỡ hạn chế không đủ để cân bằng cán cân cung - cầu. Nhu cầu tiêu thụ toàn cầu giảm, nhu cầu vận chuyển duy trì ở mức thấp sẽ gây áp lực lớn lên giá cước vận tải cũng như giá mua bán tàu dầu.

3.2 Lĩnh vực cảng biển và dịch vụ hàng hải

Sự thay đổi lớn nhất trong các liên minh vận tải biển diễn ra kể từ tháng 02/2025. Hiện nay, thế giới tồn tại 4 liên minh hãng tàu, cụ thể:

- + Liên minh 2M giữa MSC và Maersk đã kết thúc vào tháng 1/2025;
- + Hình thành liên minh Gemini (Maersk và Hapag Lloyd) bắt đầu từ tháng 2/2025;
- + Liên minh Premier Alliance (ONE, HMM, Yang Ming) bắt đầu từ tháng 2/2025;
- + Duy trì liên minh Ocean Alliance (CMA-CGM, Cosco, OOCL, Evergreen).

Theo dữ liệu của Alphaliner cập nhật năm 2025, các hãng tàu thuộc các liên minh lớn cộng với hãng độc lập lớn như Mediterranean Shipping Company (MSC) đang kiểm soát khoảng 82,1% tổng công suất vận tải container toàn cầu.

Mediterranean Shipping Company (MSC): khoảng 20,6% thị phần toàn cầu.

Ocean Alliance (bao gồm CMA CGM, COSCO Shipping, Evergreen Marine, OOCL): khoảng 28,4% thị phần.

Gemini Cooperation (liên minh của Maersk & Hapag-Lloyd): khoảng 21,6% thị phần.

Premier Alliance (bao gồm ONE, HMM, Yang Ming): khoảng 11,5% thị phần.

- Các hãng tàu tiếp tục có xu hướng tham gia hợp tác đầu tư phát triển cảng biển, đặc biệt là các cảng nước sâu tại khu vực và Việt Nam.

- Xu hướng tăng size tiếp tục diễn ra cả ở khu vực cảng sông và cảng nước sâu.

- Các dự án đầu tư, phát triển cảng biển tiếp tục được đẩy mạnh triển khai cũng như đưa vào khai thác tại nhiều khu vực trên cả nước khiến tình trạng cạnh tranh ngày càng gay gắt trong lĩnh vực cảng biển:

- + Các bến số 3, 4, 5, 6 Lạch Huyện được hoàn thành và đi vào khai thác;

- + Gemadept: Nam Đình Vũ giai đoạn 3 đã hoàn thiện xong thủ tục xin giấy phép xây dựng, công suất 650.000 TEUs/năm, khởi công tháng 07/2024 và dự kiến khai thác quý IV/2025, nâng tổng diện tích dự án Cảng Nam Đình Vũ (giai đoạn 1, 2 và 3) là 65 ha, tổng vốn đầu tư 6.700 tỷ đồng và công suất 2 triệu TEUs.

- + Cảng Chu Lai: THILOGI đã hoàn tất nạo vét tuyến luồng hàng hải Kỳ Hà, tuyến tiếp cận chính vào cảng Chu Lai. Theo Cổng thông tin tỉnh Quảng Nam, luồng dài 11km, rộng đáy 110m, sâu -9,3m được đưa vào khai thác từ ngày 8/5/2025, đón tàu đến 30.000 DWT.

- + Cảng Chân Mây đang tích cực đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng. Theo kế hoạch trong thời gian tới, Cảng Chân Mây sẽ sớm bổ sung công năng tiếp nhận, khai thác tàu container cho bến số 1 và tàu du lịch cho bến số 2. Đồng thời nâng cấp khả năng tiếp nhận tàu 70.000DWT cho Bến số 2;

- + Cảng VSICO Huế: Tổng diện tích 20,4 ha, tổng chiều dài 02 bến số 4 và bến số 5 là 540m có khả năng tiếp nhận các tàu hàng lên đến 70.000 tấn và tàu container lên đến 4.000 TEUs. Cảng Vsico Huế đặt mục tiêu kế hoạch đến Quý II/2025 đưa vào hoạt động Bến số 4 và đầu năm 2026 đi vào hoạt động Bến số 5.

- + Cảng Quốc tế Mỹ Thủy: là chủ đầu tư toàn bộ bến cảng tổng hợp Mỹ Thủy (toàn bộ 10 bến) với vốn đầu tư là 14.234 tỷ đồng. Quy mô cỡ tàu: Bến tổng hợp, container, hàng rời cho tàu đến 100.000 DWT. Dự án khởi công năm 2024 và giai đoạn 1 dự kiến hoàn thành trong năm 2025.

- + Cảng Cà Ná: Đang đầu tư hệ thống thiết bị để đảm bảo công tác xếp dỡ (cầu, bến bãi, các công trình phụ trợ, dịch vụ, đầu mối hạ tầng kỹ thuật.). Cảng đã hoàn thiện bãi dầm gỗ 2ha và bãi chứa đá xuất khẩu cũng khoảng 2ha. Với năng lực tiếp nhận tàu 70.000 tấn.

- + Cảng quốc tế Phước An - là cảng lớn nhất tỉnh Đồng Nai nằm trong nhóm cảng biển số 5, rộng 183 ha nằm bên bờ sông Thị Vải (huyện Nhơn Trạch) đã chính thức đi vào khai thác với nhiều tuyến dịch vụ của hãng tàu container quốc tế.

- Các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng tại các địa phương sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của các doanh nghiệp chủ lực của VIMC: dự án xây dựng cầu Thủ Thiêm 4 tại Tp. HCM; hợp long cầu Máy Chai tại Hải Phòng.

- Tình trạng dư cung cảng biển diễn ra tại nhiều khu vực, đặc biệt khu vực Hải Phòng dẫn tới cạnh tranh vô cùng gay gắt giữa các doanh nghiệp cảng biển, thậm chí cạnh tranh không lành mạnh về giá.

- Các tập đoàn logistics quốc tế tiếp tục mở rộng tại Việt Nam. Doanh nghiệp trong nước chịu áp lực nâng cấp năng lực vận tải, công nghệ, dịch vụ tích hợp (3PL/ 4PL) và chất lượng chăm sóc khách hàng.

- Khách hàng FDI và xuất nhập khẩu yêu cầu dịch vụ tích hợp: cảng biển – vận tải biển - vận tải bộ - kho bãi - thủ tục hải quan - logistics giá trị gia tăng.

- Xu hướng số hóa và tự động hóa trở thành tiêu chuẩn: Ứng dụng e-logistics, quản trị vận tải (TMS), quản trị kho (WMS), định vị - theo dõi thời gian thực, eDO, eBL... trở thành yêu cầu bắt buộc. Doanh nghiệp không chuyển đổi số sẽ mất lợi thế cạnh tranh.

- Biến động giá nhiên liệu, phụ phí hàng hải, tắc nghẽn tại các tuyến chiến lược (kênh Suez, Panama) ảnh hưởng trực tiếp chi phí vận tải biển. Doanh nghiệp cần tối ưu mạng lưới vận tải, giảm chi phí rỗng, tăng sử dụng dữ liệu để tối ưu hóa.

- Yêu cầu giảm phát thải, sử dụng nhiên liệu sạch, báo cáo ESG ngày càng nghiêm ngặt từ khách hàng châu Âu, Mỹ, Nhật. Doanh nghiệp logistics phải đầu tư đội tàu, xe, kho bãi thân thiện môi trường, chuyển sang năng lượng sạch hoặc hybrid.

4. Các giả định kế hoạch SXKD năm 2026

- VIMC xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 dựa trên đánh giá, phân tích các yếu tố thị trường nêu trên và các giả định như sau:

+ Giả định BDI: 1.500 - 2.000 (BSI 900-1.300; BHSI 600 - 800);

+ Tỷ giá tham chiếu USD/VND: 26.500;

+ Giá nhiên liệu: VLSFO (500 USD/tấn); MGO (600 - 630 USD/tấn);

5. Tác động của xung đột Trung Đông đối với thị trường vận tải biển

Tác động tới nguồn cung tàu

Trong bối cảnh căng thẳng gia tăng, Iran kiểm soát chặt chẽ Eo biển Hormuz – tuyến hàng hải chiến lược kết nối Vịnh Ba Tư với Vịnh Oman và Biển Ả Rập. Đây là một trong những điểm nghẽn quan trọng của hệ thống vận tải năng lượng toàn cầu, với khoảng 20% sản lượng dầu thô thế giới được vận chuyển qua khu vực này. Đồng thời, hai tuyến hàng hải trọng yếu trong khu vực là Eo biển Hormuz và Bab el-Mandeb hiện không còn được đánh giá là an toàn cho hoạt động lưu thông tàu biển.

Theo ước tính, hiện có khoảng 3.200 tàu đang hoạt động hoặc neo đậu trong khu vực Vịnh Ba Tư, tương đương khoảng 4% tổng trọng tải đội tàu toàn cầu. Ngoài ra, khoảng 500 tàu khác (tương đương khoảng 1% tổng trọng tải thế giới) đang chờ bên ngoài Vịnh tại các cảng ven biển của UAE và Oman.

Số lượng tàu chịu ảnh hưởng

Loại tàu	Số lượng tàu	Tỷ trọng trong đội tàu toàn cầu
Tàu chở dầu thô	112 trong đó có 70 tàu VLCC (Very Large Crude Carrier)	8% đội tàu VLCC toàn cầu
Tàu chở dầu sản phẩm	195	4%
Tàu chở khí cỡ lớn VLGC	21	5%
Tàu hàng rời	241	1%
Tàu container	140	2%

Đối với thị trường vận tải container: hiện có 124 tuyến dịch vụ container có ít nhất một điểm ghé cảng tại Vịnh Ả Rập, tương đương 520 tàu với tổng sức chở triển khai khoảng 3,60 triệu TEU, chiếm khoảng 10,7% tổng năng lực đội tàu container toàn cầu. Trước diễn biến leo thang, các hãng tàu lớn đã triển khai các biện pháp khẩn cấp như điều chỉnh các tuyến dịch vụ ghé các cảng thuộc khu vực nguy hiểm, áp dụng phụ phí rủi ro chiến tranh. Trong trung hạn, nếu tình hình bất ổn kéo dài, thị trường có thể chứng kiến những điều chỉnh nhất định trong cấu trúc mạng lưới vận tải container. Các hãng tàu có khả năng tái cấu trúc tuyến dịch vụ, tăng cường trung chuyển tại các cảng trung gian an toàn hơn nhằm giảm thiểu rủi ro. Đồng thời, giá cước vận tải container trên các tuyến chính như châu Á – Trung Đông và châu Âu – Trung Đông có thể biến động mạnh, trong khi một số tuyến dịch vụ có thể phải thay đổi hành trình hoặc kéo dài thời gian vận chuyển.

Đối với thị trường tàu hàng rời: So với các phân khúc vận tải biển khác, thị trường tàu hàng rời được đánh giá là ít chịu tác động trực tiếp hơn từ xung đột tại Trung Đông. Theo ước tính, khu vực Trung Đông có khoảng 146 triệu tấn hàng nhập khẩu và khoảng 140 triệu tấn hàng xuất khẩu trong năm trước, phần lớn là các tuyến vận chuyển cự ly ngắn trong khu vực. So với tổng thương mại toàn cầu của các mặt hàng rời chủ lực như quặng sắt, than và thép – vượt 3 tỷ tấn mỗi năm – quy mô giao thương tại khu vực này vẫn chiếm tỷ trọng tương đối nhỏ. Trong trường hợp xung đột kéo dài hoặc việc lưu thông qua Eo biển Hormuz bị gián đoạn nghiêm trọng, thị trường hàng rời có thể chịu tác động tiêu cực. Các quốc gia vùng Vịnh có khả năng phải giảm nhập khẩu do việc thay thế bằng vận chuyển đường bộ khó đáp ứng đủ nhu cầu. Đồng thời, việc tìm nguồn cung thay thế cho các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của khu vực.

Đối với thị trường vận tải tàu dầu: đây là phân khúc được hưởng lợi rõ rệt nhất, phản ánh vai trò then chốt của khu vực Trung Đông trong chuỗi cung ứng năng lượng toàn cầu. Chỉ số BAIT đã tăng lên trên 1.700 điểm, mức cao nhất trong nhiều năm trở lại đây. Mức cước tăng cao dành cho các tàu chấp nhận vận chuyển dầu qua khu vực có rủi ro an ninh, khi nguồn cung tàu sẵn sàng hoạt động tại khu vực chiến sự bị hạn chế. Trong khi đó, giá cước vận tải tàu dầu sản phẩm tại nhiều khu vực khác không ghi nhận mức tăng đáng kể.

Nhìn chung, thị trường tàu dầu sẽ chịu ảnh hưởng lớn nhất bởi tình hình xung đột hiện nay. Đối với các phân khúc khác chưa cho thấy tác động rõ rệt. Thị trường tàu container và tàu hàng rời không ghi nhận sự cải thiện đáng kể về giá cước khi chỉ số BDI và World Container Index (WCI) duy trì quanh mức tương đương giai đoạn trước khi xung đột xảy ra.

Tác động đối với thị trường năng lượng và chi phí nhiên liệu

Cuộc xung đột tại Trung Đông đang tạo áp lực tăng đáng kể đối với giá dầu và thị trường vận tải dầu toàn cầu. Đây là tuyến hàng hải chiến lược, nơi trung chuyển khoảng 20% sản lượng dầu thô và khí tự nhiên hóa lỏng (LNG) của thế giới.

Hiện nay, giá nhiên liệu hàng hải tăng lên mức rất cao, với dầu nhiên liệu ít lưu huỳnh (VLSFO) khoảng 1.004 USD/tấn và dầu gas hàng hải (MGO) khoảng 1.777 USD/tấn. Các mức giá này lần lượt cao gấp khoảng hai lần và ba lần so với giá định trong kế hoạch được VIMC xây dựng từ đầu năm, khi giá VLSFO được dự kiến ở mức 500 USD/tấn và MGO khoảng 600–630 USD/tấn. Trong bối cảnh giá cước chưa có nhiều chuyển biến tích cực, trong khi chi phí nhiên liệu tăng mạnh trong khi chi phí nhiên liệu chiếm khoảng 30% chi phí khai thác của hoạt động vận tải biển dẫn tới hiệu quả khai thác của các đội tàu đang chịu áp lực rất lớn.

Đánh giá tác động tới hoạt động của VIMC

Tác động đến chi phí & hiệu quả khai thác đội tàu: Yếu tố chịu tác động trực tiếp nhất là **giá nhiên liệu (bunker)**. Khi giá dầu tăng mạnh, chi phí nhiên liệu của tàu biển tăng ngay (**chiếm khoảng 20-30% chi phí khai thác đội tàu**) làm suy giảm hiệu quả khai thác khi giá cước chưa điều chỉnh tương ứng. Điều này đặc biệt nhạy cảm với các tàu chạy tuyến dài, tàu hoạt động ở thị trường cạnh tranh cao hoặc hợp đồng thuê chưa có cơ chế bù giá nhiên liệu. Ngoài bunker, phí bảo hiểm chiến tranh, phụ phí rủi ro chiến sự, phụ phí an ninh và chi phí chuyển hướng hành trình cũng có xu hướng tăng.

Tác động đến chi phí nhiên liệu, chi phí thuê ngoài của các đơn vị dịch vụ cảng biển & logistics: Chi phí nhiên liệu hàng tháng của các đơn vị tăng từ 40% đến 51%, kéo theo chi phí thuê ngoài vận tải tăng 20% và chi phí chuỗi dịch vụ tăng 14-17%. Đối với hoạt động vận tải đường bộ, khi nhiên liệu chiếm 40% giá thành vận tải, mức tăng 40% giá dầu đã đẩy tổng chi phí vận hành tăng thêm 16%. Bên cạnh đó, giá dầu tăng còn kéo theo tăng giá các sản phẩm phái sinh như dầu nhớt, lốp xe và phụ tùng do chi phí vận chuyển các mặt hàng này cũng tăng. Đặc biệt, áp lực vốn lưu động trở nên nghiêm trọng khi doanh nghiệp phải chi ra một lượng tiền mặt lớn hơn 40% để đổ dầu cho đội xe trước khi thu được tiền từ khách hàng (thường có độ trễ công nợ 30-60 ngày). Đối với hoạt động bãi container, các xe nâng (Reach Stacker) tiêu thụ trung bình 15-25 lít dầu/giờ, khiến chi phí cho mỗi lượt nâng hạ container tăng tương ứng 40%.

Tác động đến thị trường vận tải và chuỗi cung ứng hàng hóa:

+ Khủng hoảng Trung Đông làm dịch chuyển dòng thương mại năng lượng và nguyên liệu thô. Xuất khẩu dầu Trung Đông sang châu Á giảm mạnh đang

buộc người mua châu Á tìm nguồn thay thế từ châu Phi, Brazil, Mỹ Latin và các khu vực xa hơn, qua đó làm thay đổi cự ly vận chuyển và cấu trúc nhu cầu tàu.

+ Các khách hàng xuất nhập khẩu có xu hướng gom hàng, chờ đợi hoặc tìm cách tối ưu hóa lại chuỗi cung ứng để giảm số chuyến vận chuyển, dẫn đến sản lượng giảm do khách hàng tạm dừng chờ thống nhất lại giá dịch vụ. Một số đơn vị của VIMC có khách hàng lớn đã giảm hoặc tạm ngưng nhập hàng trong khoảng một tuần. Thêm vào đó, hàng hóa tạm dừng, ứ đọng tại các cảng đóng hàng chờ xuất do chưa thống nhất được mức giá mới phù hợp.



PHỤ LỤC 02: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TÀU CÔNG TY MẸ NĂM 2026

STT	Tên Doanh nghiệp	Loại tàu	Số lượng	DWT/TEU	Tổng mức đầu tư dự kiến	Hình thức đầu tư (Mua/Đóng mới/Thuê mua/...)	Thời điểm dự kiến đầu tư
1	VIMC SHIPPING	Hàng rời	01	Khoảng 56.000 DWT	18 triệu USD	Mua cũ	Quý 3/2026
2		Hàng rời	01	Khoảng 56.000 DWT	18 triệu USD	Mua cũ	Quý 4/2026

BÁO CÁO

**V/v góp vốn thành lập liên doanh đầu tư
Dự án cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ tại huyện Cần Giờ,
Thành phố Hồ Chí Minh**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH11 ngày 26/11/2019; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ Điều lệ của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (“VIMC”);

Căn cứ Kế hoạch đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp năm 2025 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua tại Nghị quyết số 294/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/7/2025;

Hội đồng quản trị Tổng công ty Hàng hải Việt Nam kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) về việc góp vốn thành lập liên doanh đầu tư Dự án cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ (“Dự án”) như sau:

I. Thông tin chung về Dự án

Theo Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (BCNCKT) đã được các Bộ, ngành thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư dự án tại Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 16/01/2025, thông tin chung về Dự án như sau:

1. Tên dự án: **cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ**
2. Địa điểm thực hiện dự án: Cù lao Gò Con Chó, xã Thạnh An, Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Mục tiêu Dự án: Xây dựng và phát triển Cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ, bao gồm dịch vụ liên quan đến khai thác cảng container cảng biển và các dịch vụ khác.
4. Quy mô dự án:

- Quy mô đầu tư bên cảng đề xuất xây dựng cho tiếp nhận tàu mẹ trọng tải lên đến 250.000DWT với tổng chiều dài bến cầu chính khoảng 7,2 km.

- Công suất thiết kế lên đến 16,9 triệu Teu/năm hàng container.

- Tổng nhu cầu sử dụng đất của dự án là khoảng 571 ha

5. Tổng mức đầu tư (TMĐT): **128.872 tỷ đồng**.

6. Hiệu quả Dự án:

STT	Chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị	Quan điểm tổng vốn	Quan điểm chủ sở hữu
1	Tổng mức đầu tư	Tỷ đồng	128.872	128.872
2	Tổng hiện giá thuần (NPV)	Tỷ đồng	14.663	9.633
3	Nội suất thu nhập (IRR)	%	13,58	17,10
4	Tỷ số lợi ích/chi phí (B/C)	Lần	1,18	1,11
5	Thời gian hoàn vốn (THv) (Kể từ khi khai thác)	Năm	26,5	24,0

II. Lựa chọn Nhà đầu tư Dự án

Ngày 16/01/2025, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 148/QĐ-TTg chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ và giao Ủy ban nhân dân (“UBND”) Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện các thủ tục lựa chọn nhà đầu tư Dự án.

Ngày 02/3/2026, UBND Thành phố Hồ Chí Minh đã đăng tải thông tin và tiếp nhận đề xuất đăng ký thực hiện Dự án.

Ngày 04/3/2026, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (VIMC), Công ty cổ phần Cảng Sài Gòn (Cảng Sài Gòn) và đối tác Terminal Investment Limited Holding S.A (TiL) - thành viên Hãng tàu Mediterranean Shipping Company đã nộp Hồ sơ đề xuất đăng ký thực hiện Dự án.

Ngày 11/4/2026, UBND Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành **Quyết định số 2155/QĐ-UBND** về việc lựa chọn Nhà đầu tư Dự án Cần Giờ với thông tin cụ thể như sau:

+ Chấp thuận Nhà đầu tư, gồm: VIMC, Cảng Sài Gòn, TiL là Nhà đầu tư thực hiện dự án Cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ (Dự án) đã được chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 16 tháng 01 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Tổng vốn đầu tư: **128.872 tỷ đồng**. Trong đó:

- Vốn góp thực hiện Dự án: 19.331 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 15% TMĐT;

- Vốn huy động: 109.541 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 85% TMĐT.

+ Giá trị, tỷ lệ, phương thức và tiến độ góp vốn như sau

Đvt: Tỷ đồng

TT	Thành viên góp vốn	Tỷ lệ (%)	Đến năm 2030	Sau năm 2030	Tổng cộng
1	Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	36	2.083	4.876	6.959
2	Công ty cổ phần Cảng Sài Gòn	15	868	2.032	2.900
3	Terminal Investment Limited Holding S.A	49	2.835	6.637	9.472
	Tổng cộng	100	5.786	13.545	19.331

+ Tiến độ xây dựng cơ bản

- Giai đoạn I (đến năm 2030): hoàn thành đầu tư ít nhất hai (02) cầu cảng.

- Giai đoạn II (đến năm 2050): hoàn thành các hạng mục xây dựng còn lại của Dự án theo tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động chủ yếu. Thời điểm hoàn thành đầu tư, xây dựng toàn bộ Dự án là trong vòng 20 năm kể từ ngày bàn giao đất và đất có mặt nước trên thực địa.

III. Thông tin dự kiến về doanh nghiệp thực hiện dự án

1. Tên tổ chức kinh tế: Công ty TNHH Cảng trung chuyển quốc tế cửa ngõ Sài Gòn

2. Loại hình tổ chức kinh tế: Công ty trách nhiệm hữu hạn

3. Thành viên góp vốn và tỷ lệ góp vốn

TT	Thành viên góp vốn	Tỷ lệ (%)
1	Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	36
2	Công ty cổ phần Cảng Sài Gòn	15
3	Terminal Investment Limited Holding S.A	49
	Tổng cộng	100

4. Vốn điều lệ:

- *Vốn điều lệ*: sẽ được các bên tham gia góp vốn theo tỷ lệ tại từng giai đoạn theo phân kỳ đầu tư của Dự án.

- *Vốn điều lệ tại thời điểm thành lập*: Việc đăng ký và góp vốn điều lệ của tổ chức kinh tế thực hiện dự án sẽ được các Nhà đầu tư thực hiện tương ứng theo tỷ lệ tại từng giai đoạn theo phân kỳ đầu tư của Dự án.

5. Mục đích góp vốn: Đầu tư xây dựng Dự án cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ.

Dự án Cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và hoàn thiện hệ thống logistics. Vì vậy, việc Tổng công ty/Cảng Sài Gòn tham gia liên doanh với đối tác chiến lược MSC/TIL là phù hợp với định hướng phát triển kinh tế biển và chiến lược đầu tư cảng nước sâu của Tổng công ty. Do đây là dự án lớn, trọng điểm của Tổng công ty, tùy vào khả năng huy động nguồn lực, Tổng công ty sẽ cân đối lại cơ cấu vốn đầu tư (có thể xem xét cơ cấu vốn tự có/vốn vay: 30/70) để đảm bảo hiệu quả đầu tư của Dự án, bảo toàn và phát triển vốn đầu tư của Tổng công ty.

Trong quá trình triển khai, Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục báo cáo ĐHQĐ tình hình thực hiện dự án và xin ý kiến các vấn đề thuộc thẩm quyền ĐHQĐ theo quy định.

Trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT TCT;
- BKS TCT;
- Lưu: VT, CTHĐQT, ĐT, TKTH.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Cảnh Tĩnh

Số: 521 /TTr-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

**Về Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2025 và Kế hoạch tiền lương,
thù lao năm 2026 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ về quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Điều lệ của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Nghị quyết số 294/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/7/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam,

Hội đồng quản trị Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (“VIMC”) kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2025; phê duyệt Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2026 của Hội đồng quản trị (“HĐQT”), Ban Kiểm soát (“BKS”) của Tổng công ty như sau:

1. Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của HĐQT, BKS năm 2025 đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 thông qua

Tại Điều 7 Nghị quyết số 294/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/7/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của VIMC đã phê duyệt quỹ tiền lương và quỹ thù lao kế hoạch năm 2025 như sau:

- HĐQT gồm 04 thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách và 01 thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm (thành viên HĐQT kiêm TGD). BKS gồm 03 thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách.

- Tổng quỹ tiền lương Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát: 7.849 triệu đồng; tiền lương bình quân: 93,44 triệu đồng/người/tháng.

- Quỹ thù lao thành viên HĐQT kiêm nhiệm: 242,2 triệu đồng.

Thực hiện phân phối theo Quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng đối với Người quản lý, Ban Kiểm soát VIMC.

2. Thông qua Quỹ tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2025

Sau khi đánh giá các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh thực hiện 2025 so với kế hoạch có khách quan loại trừ theo quy định của Nghị định 248/NĐ-CP, HĐQT VIMC kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua Quỹ tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS thực hiện năm 2025 như sau:

HĐQT gồm 04 thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách và 01 thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm (thành viên HĐQT kiêm TGD). BKS gồm 03 thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách.

- Tổng quỹ tiền lương HĐQT, BKS: 7.979 triệu đồng; tiền lương bình quân: 94,99 triệu đồng/người/tháng. Trong đó:

- + Quỹ tiền lương HĐQT: 5.175,4 triệu đồng.

- + Quỹ tiền lương BKS: 2.803,6 triệu đồng.

- Quỹ thù lao thành viên HĐQT kiêm nhiệm: 244,8 triệu đồng/năm.

- Thực hiện phân phối theo Quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng đối với Người quản lý, Ban Kiểm soát VIMC.

3. Phê duyệt Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của HĐQT, BKS năm 2026

Căn cứ chỉ tiêu SXKD kế hoạch 2026 của Công ty mẹ VIMC, Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ về quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước, HĐQT VIMC kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua Quỹ tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2026 như sau:

- HĐQT gồm 04 thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách và 01 thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm (thành viên HĐQT kiêm TGD). BKS gồm 03 thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách.

- Tổng quỹ tiền lương của HĐQT, BKS chuyên trách: 8.208 triệu đồng; tiền lương bình quân: 97,71 triệu đồng/người/tháng.

- Quỹ thù lao thành viên HĐQT kiêm nhiệm: 240 triệu đồng.

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát VIMC có trách nhiệm quy định nguyên tắc phân phối khoản tiền lương, thù lao trên cho từng thành viên đảm bảo quy định pháp luật và xác định mức tiền lương, thù lao tối đa thực hiện căn cứ trên kết quả sản xuất kinh doanh năm 2026.

Hội đồng quản trị Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2025 và phê duyệt Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2026 của HĐQT, BKS Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Kiểm soát;
- Các thành viên HĐQT;
- Lưu: VT, TCNS, TKTH, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Cảnh Tinh

TỜ TRÌNH
Về việc phê duyệt danh sách công ty kiểm toán
Báo cáo tài chính năm 2026 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (VIMC);

Căn cứ danh sách Tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2026, theo Quyết định số 3830/QĐ-BTC ngày 14/11/2025 của Bộ Tài chính.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP, như sau:

1. Nguyên tắc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập

a. Là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín, thương hiệu, được nhiều công ty đại chúng tin cậy, có đội ngũ kiểm toán viên trình độ cao và nhiều kinh nghiệm;

b. Là công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Bộ Tài chính chấp thuận kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng, lựa chọn đơn vị kiểm toán hàng đầu trong danh sách các công ty kiểm toán đủ tiêu chuẩn do Bộ Tài chính công bố để thực hiện kiểm toán và soát xét các Báo cáo tài chính năm 2026 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP.

c. Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, chất lượng, tiến độ kiểm toán của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP.

d. Cung cấp khoá học đào tạo về chuyên ngành tài chính kế toán miễn phí cho Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.

2. Danh sách các công ty kiểm toán đề xuất

Để tạo thuận lợi cho việc tiếp cận thị trường vốn, trong bối cảnh VIMC chuẩn bị phát hành tăng vốn điều lệ, nâng cao mức độ tin cậy của Báo cáo tài chính đối với nhà đầu tư, Tổng giám đốc đã có đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán thuộc nhóm Big 4 (là nhóm 4 công ty kiểm toán hàng đầu thế giới và Việt Nam, Big 4 kiểm toán bao gồm: 1. Pricewaterhouse Coopers (PwC); 2. Deloitte; 3. Ernst & Young (EY); 4. KPMG). Đề xuất này cũng đã được Hội đồng quản trị thống nhất tại Văn bản số 237/HHVN-TKTH ngày 26/2/2026.

Các công ty kiểm toán thuộc nhóm Big4 là các đơn vị có năng lực chuyên môn sâu, kinh nghiệm kiểm toán các tập đoàn quy mô lớn đa ngành, với phương pháp tiếp cận hệ thống, quy trình chặt chẽ, tuân thủ nghiêm chuẩn mực Việt Nam và quốc tế, góp phần nâng cao chất lượng và tính minh bạch của báo cáo tài chính. Ý kiến kiểm toán của Big4 có mức độ chấp nhận cao trên thị trường, củng cố niềm tin của nhà đầu tư và hỗ trợ hiệu quả cho công tác phát hành vốn của VIMC.

Để góp phần thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về tăng vốn Điều lệ của VIMC, Ban kiểm soát đề xuất các đơn vị kiểm toán trong danh sách Big4 như sau:

- 1) Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam.
- 2) Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
- 3) Công ty TNHH PwC (Việt Nam).
- 4) Công ty TNHH KPMG

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung, nguyên tắc lựa chọn; phê duyệt danh sách các công ty kiểm toán được nêu ở trên và uỷ quyền cho Hội đồng quản trị Tổng công ty quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP đảm bảo chất lượng, hiệu quả với chi phí hợp lý theo đúng quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các thành viên HĐQT;
- Lưu: VT, BKS.



TỜ TRÌNH

Về sửa đổi, bổ sung: Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020, các sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019, các sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 22 tháng 7 năm 2024;

Căn cứ nhu cầu hoạt động và quản trị doanh nghiệp của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP, Hội đồng quản trị Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (VIMC) kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua một số nội dung như sau:

1. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP và thay đổi, bổ sung ngành, nghề kinh doanh.

2. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP.

3. Phê duyệt Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP.

Tài liệu kèm theo gồm:

(1) Dự thảo Điều lệ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;

(2) Phụ lục 1 - Nội dung chi tiết sửa đổi, bổ sung Điều lệ;

(3) Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;

(4) Phụ lục 2 - Nội dung chi tiết sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty;

(5) Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;

(6) Phụ lục 3 - Nội dung chi tiết sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị VIMC.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Kiểm soát;
- Các thành viên HĐQT;
- Lưu VT, PC&QTRR, TKTH, Hk02;

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Cảnh Tinh

ĐIỀU LỆ
TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP
(Ban hành ngày 15 tháng 4 năm 2026)

PHẦN MỞ ĐẦU	7
CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	7
MỤC 1: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	7
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	7
MỤC 2: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG, NGƯỜI ĐẠI DIỆN	9
THEO PHÁP LUẬT CỦA VIMC	9
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của VIMC.....	9
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của VIMC	9
Điều 4. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của VIMC	11
MỤC 3: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ	11
HOẠT ĐỘNG CỦA VIMC	11
Điều 5. Mục tiêu hoạt động của VIMC.....	11
Điều 6. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của VIMC	15
CHƯƠNG II: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU.....	15
Điều 7. Vốn điều lệ.....	15
Điều 8. Cổ phần.....	15
Điều 9. Chào bán cổ phần	16
Điều 10. Mua lại cổ phần theo quyết định của VIMC	16
Điều 11. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông	17
Điều 12. Chuyển nhượng cổ phần.....	17
Điều 13. Thừa kế, tặng cho cổ phần.....	18
Điều 14. Chứng nhận cổ phiếu và chứng chỉ chứng khoán khác.....	18
Điều 15. Trả cổ tức.....	19
Điều 16. Sổ đăng ký cổ đông	19
CHƯƠNG III: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	20
MỤC 1: CƠ CẤU TỔ CHỨC	20
Điều 17. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	20

MỤC 2: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	20
Điều 18. Quyền của cổ đông	20
Điều 19. Nghĩa vụ của cổ đông	22
Điều 20. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức	23
Điều 21. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức .	24
Điều 22. Đại hội đồng cổ đông	24
Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	25
Điều 24. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	27
Điều 25. Thay đổi các quyền.....	27
Điều 26. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.....	28
Điều 27. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	29
Điều 28. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	30
Điều 29. Điều kiện để nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	32
Điều 30. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	33
Điều 31. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	34
Điều 32. Yêu cầu hủy bỏ các quyết định của Đại hội đồng cổ đông	35
MỤC 3: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	35
Điều 33. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	36
Điều 34. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	36
Điều 35. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị	37
Điều 36. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị 37	
Điều 37. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	38
Điều 38. Chủ tịch Hội đồng quản trị	40
Điều 39. Tiền lương, thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	42
Điều 40. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	42
Điều 41. Biên bản họp Hội đồng quản trị	44
Điều 42. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.....	44

Điều 43. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	45
Điều 44. Người phụ trách quản trị công ty	45
MỤC 4: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	46
Điều 45. Tổ chức bộ máy quản lý	46
Điều 46. Người điều hành VIMC.....	46
Điều 47. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	46
Điều 48. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc	47
MỤC 5: BAN KIỂM SOÁT	48
Điều 49. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát	48
Điều 50. Thành phần Ban kiểm soát	49
Điều 51. Trưởng Ban kiểm soát	49
Điều 52. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	50
Điều 53. Cuộc họp của Ban kiểm soát	52
Điều 54. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên	52
MỤC 6: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	53
Điều 55. Trách nhiệm của người quản lý VIMC	53
Điều 56. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	53
Điều 57. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này.....	55
Điều 58. Công khai lợi ích có liên quan.....	56
Điều 59. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	57
MỤC 7: QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ VIMC.....	58
Điều 60. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	58
MỤC 8: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	58
Điều 61. Công nhân viên và công đoàn	58
CHƯƠNG IV: CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA VIMC VÀ QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ CỦA VIMC TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC	59
MỤC 1: CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA VIMC	59
Điều 62. Cơ cấu tổ chức của VIMC	59

MỤC 2: QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ CỦA VIMC	59
TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC	59
Điều 63. Quản lý phần vốn đầu tư của VIMC tại doanh nghiệp khác	59
CHƯƠNG V: TÀI CHÍNH VIMC	59
MỤC 1: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	59
Điều 64. Phân phối lợi nhuận	59
MỤC 2: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH	60
VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	60
Điều 65. Tài khoản ngân hàng	60
Điều 66. Năm tài chính	60
Điều 67. Chế độ kế toán	60
MỤC 3: BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN	61
VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	61
Điều 68. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	61
Điều 69. Báo cáo thường niên	61
Điều 70. Công khai thông tin	61
MỤC 4: KIỂM TOÁN	62
Điều 71. Kiểm toán	62
MỤC 5: DẤU CỦA VIMC	62
Điều 72. Dấu của VIMC	62
MỤC 6: GIẢI THẺ VIMC	62
Điều 73. Giải thẻ VIMC	62
Điều 74. Thanh lý	62
MỤC 7: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	63
Điều 75. Giải quyết tranh chấp nội bộ	63
MỤC 8: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	64
Điều 76. Điều lệ VIMC	64
MỤC 9: NGÀY HIỆU LỰC	64
Điều 77. Ngày hiệu lực	64

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP (sau đây gọi là “Điều lệ”) đã được thông qua theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP ngày tháng năm 2026.

Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP là doanh nghiệp được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ này, các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

MỤC 1: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) **“Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP”** viết tắt là **“VIMC”**, là Công ty mẹ trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con Tổng công ty Hàng hải Việt Nam, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần ngày 18/8/2020;

b) **“Ngày thành lập”** là ngày VIMC được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần;

c) **“Người quản lý doanh nghiệp”** là người quản lý VIMC, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng;

d) **“Người điều hành doanh nghiệp”** là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;

e) **“Cổ đông”** là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của VIMC;

f) **“Cổ đông lớn”** là cổ đông sở hữu từ 05% trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết của VIMC;

g) **“Vốn điều lệ”** là tổng mệnh giá cổ phần đã bán và theo quy định tại Điều 7 Điều lệ này;

h) **“Vốn có quyền biểu quyết”** là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

i) **“Cổ phần đã bán”** là cổ phần được quyền chào bán đã được các cổ đông thanh toán đầy đủ cho VIMC;

j) **“Cổ phần được quyền chào bán”** là tổng số cổ phần các loại mà Đại hội đồng cổ đông quyết định sẽ chào bán để huy động vốn;

k) **“Cổ phần chưa bán”** là cổ phần được quyền chào bán và chưa được thanh toán cho VIMC;

l) **“Công ty con”** là công ty thuộc một trong các trường hợp sau:

(i) VIMC sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ

thông của công ty đó;

(ii) VIMC có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của công ty đó;

(iii) VIMC có quyền quyết định việc sửa đổi bổ sung điều lệ của công ty đó.

m) **“Công ty liên kết”** là công ty có cổ phần, vốn góp dưới mức chi phối của VIMC và công ty con; công ty không có vốn góp của VIMC và công ty con, tự nguyện tham gia liên kết dưới hình thức hợp đồng liên kết và có mối quan hệ gắn bó lâu dài về lợi ích kinh tế, công nghệ, thị trường, các dịch vụ khác với VIMC hoặc công ty con;

n) **“Cổ phiếu”** là chứng chỉ do VIMC phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của VIMC. Cổ phiếu bao gồm các nội dung được quy định tại Điều 121 Luật Doanh nghiệp;

o) **“Đại hội đồng cổ đông”** gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết của VIMC;

p) **“Hội đồng quản trị”** là Hội đồng quản trị của VIMC;

q) **“Ban kiểm soát”** là Ban kiểm soát của VIMC;

r) **“Tổng giám đốc”** là Tổng giám đốc của VIMC;

s) **“Đơn vị phụ thuộc”** là chi nhánh, văn phòng đại diện của VIMC;

t) **“Cơ quan Văn phòng VIMC”** là Văn phòng cơ quan, các ban chuyên môn nghiệp vụ, trung tâm do Hội đồng quản trị VIMC quyết định thành lập;

u) **“Luật Doanh nghiệp”** là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các sửa đổi, bổ sung;

v) **“Luật Chứng khoán”** là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các sửa đổi, bổ sung;

w) **“Sở giao dịch chứng khoán”** là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con;

x) **“Người có liên quan”** là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

y) **“Sổ đăng ký cổ đông”** là tài liệu bằng văn bản, tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai theo quy định tại Điều 17 Điều lệ này;

z) **“Thành viên HĐQT không điều hành”** là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng;

aa) **“Việt Nam”** là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

bb) **“Pháp luật”** là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Chương, Mục, Điều) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung mà không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ khác đã được định nghĩa trong Bộ luật dân sự và Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

MỤC 2: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA VIMC

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của VIMC

1. Tên gọi:
 - Tên tiếng Việt: TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP
 - Tên giao dịch quốc tế: VIETNAM MARITIME CORPORATION
 - Tên viết tắt: VIMC
 - Loại hình công ty: Công ty cổ phần
2. Trụ sở chính:
 - Địa chỉ: Số 1 Đào Duy Anh, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội.
 - Điện thoại: (84-24) 35770825 ~ 29
 - Fax: (84-24) 35770850
 - Logo:



3. VIMC có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật hiện hành kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. VIMC là công ty mẹ trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con.

4. VIMC có chức năng trực tiếp sản xuất, kinh doanh và đầu tư tài chính ra ngoài doanh nghiệp.

5. VIMC có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của VIMC phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo quy định tại Điều 73 của Điều lệ này, thời gian hoạt động của VIMC là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của VIMC

1. Người đại diện theo pháp luật của VIMC là cá nhân đại diện cho VIMC thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của VIMC; đại diện cho VIMC với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. VIMC có 02 người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc và Chủ

tịch Hội đồng quản trị. Việc phân chia quyền và nghĩa vụ giữa hai người đại diện theo pháp luật cụ thể như sau:

a) Người đại diện theo pháp luật thứ nhất - là Tổng giám đốc của VIMC có các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của VIMC trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

b) Người đại diện theo pháp luật thứ hai - là Chủ tịch Hội đồng quản trị của VIMC có các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của VIMC khi Tổng giám đốc vắng mặt tại Việt Nam mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của VIMC hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, hoặc bị Hội đồng quản trị VIMC miễn nhiệm, bãi nhiệm.

c) Việc phân chia quyền, nghĩa vụ đại diện nhằm phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ giữa các người đại diện theo pháp luật, phát huy tính chủ động, đề cao trách nhiệm trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của VIMC, hạn chế việc chồng chéo về thẩm quyền trong công tác đại diện của VIMC; không làm thay đổi thẩm quyền của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc VIMC theo quy định của pháp luật và Điều lệ VIMC.

d) Mỗi người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm riêng rẽ đối với thiệt hại gây ra cho VIMC theo quy định pháp luật về dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan trong phạm vi quyền và nghĩa vụ được phân chia theo Điều lệ này. Người đại diện theo pháp luật xác lập giao dịch với bên thứ ba không đúng thẩm quyền quy định của mình phải chịu trách nhiệm cá nhân với VIMC và cơ quan có thẩm quyền về những thiệt hại gây ra trong giao dịch đó. Việc xử lý hậu quả của các giao dịch do người đại diện không đúng thẩm quyền xác lập, thực hiện được thực hiện theo quy định của pháp luật.

đ) Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, nếu có vấn đề vướng mắc liên quan đến phạm vi chức danh do người đại diện theo pháp luật đảm nhận theo quy định tại Điều lệ và các quy phạm nội bộ của VIMC thì hai người đại diện theo pháp luật phối hợp với nhau để thực hiện; phải báo cáo thường xuyên và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị VIMC.

e) Trường hợp vì bất kỳ lý do nào có một người không đủ điều kiện làm người đại diện theo pháp luật của VIMC thì người còn lại sẽ đương nhiên thực hiện quyền, nghĩa vụ của người đại diện không đủ điều kiện và chịu trách nhiệm đối với các giao dịch do mình là đại diện.

3. Tổng giám đốc khi xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, Tổng giám đốc vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo quy định tại khoản 3 Điều này mà Tổng giám đốc chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật cho đến khi Tổng giám đốc trở lại làm việc tại VIMC.

5. Khi VIMC chỉ còn lại một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam thì người này khi xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật.

6. Trường hợp cả 02 người đại diện theo pháp luật không đủ điều kiện, tiêu chuẩn là người đại diện pháp luật theo quy định của pháp luật và Điều lệ này thì Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của VIMC.

Điều 4. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của VIMC

1. Người đại diện theo pháp luật của VIMC có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của VIMC;

b) Trung thành với lợi ích của VIMC; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của VIMC để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho VIMC về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

2. Người đại diện theo pháp luật của VIMC chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho VIMC do vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này.

MỤC 3: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA VIMC

Điều 5. Mục tiêu hoạt động của VIMC

1. Ngành, nghề kinh doanh của VIMC

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương Chi tiết: Vận tải hàng hóa ven biển; Vận tải hàng hóa viễn dương.	5012
2	Vận tải hàng hoá đường thủy nội địa Chi tiết: Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới.	5022

3	Vận tải hàng hoá bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng; Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng); Vận tải hàng hóa bằng xe có động cơ loại khác; Vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường bộ khác.	4933
4	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
5	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy Chi tiết: Hoạt động điều hành cảng biển; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải ven biển và viễn dương; Hoạt động điều hành cảng đường thủy nội địa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải đường thủy nội địa.	5222
6	Kho bãi và lưu giữ hàng hoá Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (trừ kho ngoại quan); Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho loại khác.	5210
7	Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác	9531
8	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	3099
9	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu.	4659
10	Cung ứng nguồn nhân lực khác Chi tiết: cung ứng nguồn nhân lực khác trong nước.	7822
11	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299
12	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: cho thuê và vận hành nhà ở và đất ở; cho thuê và vận hành nhà và đất không để ở; kinh doanh bất động sản khác.	6810
13	Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự	5510
14	Sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315

15	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê tàu, thuyền và kết cấu nổi không kèm người điều khiển; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu.	7730
16	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Hoạt động kiến trúc; Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác.	7110
17	Hoạt động dịch vụ tài chính khác (trừ bảo hiểm và hoạt động quỹ hưu trí)	6499
18	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn quặng kim loại; Bán buôn sắt, thép; Bán buôn kim loại khác.	4672
19	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác; Bán buôn dầu thô; Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan; Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan.	4671
20	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa.	4610
21	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn xi măng, Buôn bán sơn, véc ni Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi.	4673
22	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày khác Chi tiết: Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự.	5520
23	Hoạt động trung gian cho vận tải hàng hóa	5231
24	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống); Bán buôn ô tô (trừ ô tô con loại 9 chỗ ngồi trở xuống) và xe có động cơ khác.	4661
25	Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4662
26	Bán lẻ ô tô và xe có động cơ khác	4781

27	Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4782
28	Hoạt động dịch vụ trung gian bán lẻ	4790
29	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
30	Bán lẻ tổng hợp khác	4719
31	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên và dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng.	5621
32	Dịch vụ ăn uống khác	5629
33	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
34	Hoạt động dịch vụ trung gian cho vận tải	5231
35	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
36	Sửa chữa, bảo dưỡng các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
37	Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4662
38	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa ga đường sắt; Bốc xếp hàng hóa đường bộ; Bốc xếp hàng hóa cảng biển; Bốc xếp hàng hóa cảng sông; Bốc xếp hàng hóa loại khác.	5224
39	Dịch vụ vệ sinh khác	8129
	(Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, VIMC chỉ được hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	

Trong quá trình hoạt động, VIMC có thể bổ sung ngành nghề kinh doanh theo quy định của pháp luật. Trường hợp bổ sung ngành nghề kinh doanh trong khoảng thời gian giữa hai kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Hội đồng quản trị phải lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản (Đối với nhóm Người đại diện phần vốn nhà nước là thành viên Hội đồng quản trị phải xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi thực hiện có ý kiến bằng văn bản).

2. Mục tiêu hoạt động của VIMC

a) Xây dựng và phát triển thương hiệu của VIMC luôn là một doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực hàng hải của Việt Nam; với chiến lược phát triển ổn định và bền vững trên nền tảng kinh doanh cốt lõi là dịch vụ kinh doanh vận tải biển, khai thác cảng biển và dịch vụ hàng hải để trở thành nhà cung cấp dịch vụ toàn diện; chú trọng đầu tư có trọng tâm, trọng điểm phát triển

cơ sở hạ tầng logistics, ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn lực của VIMC.

b) Tối đa hóa lợi nhuận cho VIMC và cổ đông trên cơ sở xây dựng hệ thống quản lý, điều hành gọn nhẹ, hiệu lực, hiệu quả, ứng dụng công nghệ thông tin và công cụ quản lý tiên tiến, quản trị tốt nhất các nguồn lực và hoạt động sản xuất kinh doanh.

c) Đa dạng hóa các hình thức đầu tư, phát triển dịch vụ mới gắn kết với ngành nghề kinh doanh cốt lõi của VIMC.

d) Phát triển, đào tạo nguồn nhân lực chuyên môn chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh kết hợp với chính sách đãi ngộ tương xứng.

e) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước và trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng.

Điều 6. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của VIMC

VIMC được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp VIMC kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, VIMC phải đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

CHƯƠNG II: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU

Điều 7. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của VIMC là 12.005.880.000.000 VNĐ (*Bằng chữ: Mười hai nghìn không trăm lẻ năm tỷ tám trăm tám mươi triệu đồng chẵn*).

2. Vốn điều lệ được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VNĐ).

3. Vốn điều lệ được sử dụng vào các mục đích theo quy định của pháp luật.

4. VIMC có thể tăng, giảm vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. VIMC có thể giảm vốn điều lệ trong các trường hợp sau đây:

a) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, VIMC hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu của họ trong VIMC khi VIMC đã hoạt động kinh doanh liên tục từ 02 năm trở lên kể từ ngày đăng ký thành lập và đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho cổ đông;

b) VIMC mua lại cổ phần đã bán theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 Điều lệ này;

c) Việc giảm vốn điều lệ của VIMC phải bảo đảm vốn điều lệ sau khi giảm không được thấp hơn vốn pháp định theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 8. Cổ phần

1. Mỗi cổ phần của VIMC có mệnh giá là 10.000 VNĐ (*Bằng chữ: mười nghìn đồng*). Số lượng cổ phần của VIMC bằng vốn điều lệ chia cho mệnh giá một cổ phần.

2. Vốn điều lệ của VIMC tại thời điểm Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thông qua được chia thành 1.200.588.000 cổ phần (*Bằng chữ: Một tỷ hai trăm triệu năm trăm tám mươi tám nghìn cổ phần*).

3. Cổ phần VIMC vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông.

4. VIMC có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật. Người sở hữu cổ phần ưu đãi gọi là cổ đông ưu đãi.

5. Người được quyền mua cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phần ưu đãi khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

6. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu cổ phần đó có các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

7. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 9. Chào bán cổ phần

1. Chào bán cổ phần là việc VIMC tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán để tăng vốn điều lệ.

2. Hình thức chào bán cổ phần

- a) Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu;
- b) Chào bán cổ phần riêng lẻ;
- c) Chào bán cổ phần ra công chúng.

3. Chào bán cổ phần của VIMC thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

4. VIMC thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.

Điều 10. Mua lại cổ phần theo quyết định của VIMC

VIMC có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi 12 tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. VIMC có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong VIMC theo trình tự, thủ tục sau đây:

a) Quyết định mua lại cổ phần của VIMC phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả các cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ

ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải gồm tên, địa chỉ trụ sở chính của VIMC, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá trị mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn đề cổ đông chào bán cổ phần của họ cho VIMC.

b) Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được VIMC trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán, chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. VIMC chỉ mua lại cổ phần trong thời hạn nói trên.

4. Ngoài các quy định nêu trên, việc VIMC mua lại cổ phần còn phải thực hiện theo quy định tại Điều 36 Luật Chứng khoán.

5. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần mua lại được thực hiện theo quy định tại Điều 134 Luật Doanh nghiệp.

Điều 11. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại VIMC hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu VIMC mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu VIMC mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến VIMC trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. VIMC phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. VIMC giới thiệu ít nhất 03 tổ chức định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

3. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại được thực hiện theo quy định tại Điều 134 Luật Doanh nghiệp và Điều 36 Luật Chứng khoán.

Điều 12. Chuyển nhượng cổ phần

1. Cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp cổ phần hạn chế chuyển nhượng được nêu rõ trong cổ phiếu của cổ đông tương ứng. Các cổ phần hạn chế chuyển nhượng bao gồm: cổ phần mua ưu đãi của tổ chức công đoàn, cổ phần mua ưu đãi của người lao động theo thời gian thực tế làm việc tại khu vực nhà nước, cổ phần thuộc sở hữu của cổ đông là người lao động trong VIMC được mua ưu đãi theo thời gian cam kết làm việc lâu dài cho VIMC khi VIMC thực hiện cổ phần hóa và các cổ phần khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc chuyển nhượng cổ phiếu đã niêm yết, đăng ký giao dịch trên sở giao dịch chứng khoán được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

3. Việc chuyển nhượng cổ phần chưa được niêm yết, đăng ký giao dịch trên sở giao dịch chứng khoán thực hiện bằng hợp đồng. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ ký.

4. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Thừa kế, tặng cho cổ phần

1. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó trở thành cổ đông của VIMC.

2. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

3. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại VIMC cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của VIMC.

4. Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này và Điều 12 Điều lệ này chỉ trở thành cổ đông VIMC từ thời điểm các thông tin của họ được quy định tại khoản 2 Điều 122 Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

Điều 14. Chứng nhận cổ phiếu và chứng chỉ chứng khoán khác

1. Cổ đông của VIMC được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của VIMC. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của VIMC hoặc trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của VIMC (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho VIMC chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được VIMC cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

5. Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của VIMC được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của VIMC.

Điều 15. Trả cổ tức

1. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.

2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của VIMC. VIMC chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

b) Đã trích lập các quỹ và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật;

c) Ngay sau khi trả hết số cổ tức, VIMC vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của VIMC hoặc bằng tài sản khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và theo các phương thức thanh toán theo quy định của pháp luật.

4. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất là 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất là 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải bao gồm các nội dung theo quy định tại khoản 4 Điều 135 Luật Doanh nghiệp.

5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ VIMC.

6. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, VIMC không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại Điều 9 Điều lệ này và Điều 124, 125 Luật Doanh nghiệp. VIMC phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

Điều 16. Sổ đăng ký cổ đông

1. Sổ đăng ký cổ đông được lập và lưu giữ dưới dạng văn bản giấy, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông VIMC.

2. Sổ đăng ký cổ đông bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của VIMC;

b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán từng loại;

c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;

d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối

với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;

e) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của VIMC hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông VIMC trong sổ đăng ký cổ đông.

4. Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với VIMC để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. VIMC không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.

CHƯƠNG III: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

MỤC 1: CƠ CẤU TỔ CHỨC

Điều 17. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của VIMC bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

MỤC 2: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 18. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

a) Tham dự, phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong VIMC;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi VIMC giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại

tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại VIMC;

h) Yêu cầu VIMC mua lại cổ phần trong trường hợp quy định tại Điều 11 Điều lệ này;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang bằng nhau. Trường hợp VIMC có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do VIMC công bố theo quy định của pháp luật;

k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều này và điểm c khoản 4 Điều 22 Điều lệ này;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của VIMC;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của VIMC khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của VIMC; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến VIMC chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

b) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quy định tại Điều lệ này hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

6. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh VIMC khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho VIMC hoặc người khác theo quy định tại Điều 166 Luật Doanh nghiệp.

Điều 19. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi VIMC dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được VIMC hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong VIMC phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của VIMC trong phạm vi giá trị cổ phần đã rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ này và Quy chế quản lý nội bộ của VIMC.

4. Chấp hành các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được VIMC cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ

quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được VIMC cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh VIMC dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a) Vi phạm pháp luật;
- b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với VIMC.

8. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của VIMC, của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật;

9. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 20. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức

1. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh cổ đông đó thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

2. Việc cử người đại diện theo ủy quyền của tổ chức là cổ đông của VIMC thực hiện theo quy định sau đây: sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền 01 người đại diện theo ủy quyền; sở hữu từ 20% đến dưới 35% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 02 người đại diện theo ủy quyền; sở hữu từ 35% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện theo ủy quyền; sở hữu từ 50% đến dưới 65% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 04 người đại diện theo ủy quyền; sở hữu từ 65% đến dưới 75% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 05 người đại diện theo ủy quyền; sở hữu từ 75% trở lên tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 06 người đại diện theo ủy quyền.

3. Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền.

4. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo cho VIMC và chỉ có hiệu lực đối với VIMC kể từ ngày VIMC nhận được văn bản. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải bao gồm các nội dung chủ yếu được quy định tại khoản 4 Điều 14 Luật Doanh nghiệp. Việc cử và nội dung văn bản cử người đại diện phần vốn nhà nước tại VIMC được thực hiện theo quy định của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

5. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Tiêu chuẩn và điều kiện đối với người đại diện phần vốn nhà nước tại VIMC thực hiện theo quy định của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Điều 21. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức

1. Người đại diện theo ủy quyền nhân danh cổ đông thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ này. Mọi hạn chế của cổ đông đối với người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của cổ đông tương ứng tại Đại hội đồng cổ đông đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba.

2. Người đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm tham dự đầy đủ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; thực hiện quyền, nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của cổ đông cử đại diện.

3. Người đại diện theo ủy quyền chịu trách nhiệm trước cổ đông cử đại diện do vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này. Cổ đông cử đại diện chịu trách nhiệm trước bên thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua người đại diện theo ủy quyền.

Điều 22. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của VIMC. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của VIMC có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, VIMC phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của VIMC dự họp Đại hội đồng cổ

đồng thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của VIMC.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của VIMC;
- b) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện VIMC triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả các chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được VIMC hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

5. Đại hội đồng cổ đông có thể tổ chức bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

6. Thủ tục để tổ chức Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Điều lệ này.

Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển VIMC;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền

chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ VIMC;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

f) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

g) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho VIMC và cổ đông VIMC;

h) Quyết định tổ chức lại, giải thể VIMC;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

j) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;

l) Quyết định việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ; thời điểm và phương thức huy động vốn;

m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của VIMC;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của VIMC, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định hoặc giao cho Hội đồng quản trị quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của VIMC;

k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ VIMC;

l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;

- m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi VIMC;
- n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) VIMC và chỉ định người thanh lý;
- o) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- p) VIMC ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 57 Điều lệ này với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của VIMC được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- q) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 3 Điều 57 Điều lệ này;
- r) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- s) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 24. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

3. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với VIMC).

4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp VIMC nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 25. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ

đồng về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 26, 27 và Điều 28 Điều lệ này.

Điều 26. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 22 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. VIMC phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;

f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ Đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời

công bố trên trang thông tin điện tử của VIMC và Ủy ban Chứng khoán nhà nước, sổ giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của VIMC niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của VIMC. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến VIMC ít nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề đưa vào chương trình cuộc họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

7. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp.

Điều 27. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo

quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 28. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, VIMC phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để

điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp. Chủ tọa đại hội phải:

- a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

- a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
- b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp VIMC áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, VIMC có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện

từ khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 29. Điều kiện để nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều này:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý VIMC;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản cố định có giá trị từ 50% vốn chủ sở hữu trở lên được xác định trong báo cáo tài chính riêng quý hoặc năm tại thời điểm gần nhất của VIMC;

e) Tổ chức lại, giải thể VIMC;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ VIMC. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

6. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 30. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của VIMC, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 23 của Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về VIMC phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến VIMC bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về VIMC phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về VIMC phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về VIMC sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý VIMC. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của VIMC trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của VIMC;

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 31. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số

phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản cuộc họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố trên trang thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của VIMC.

Điều 32. Yêu cầu hủy bỏ các quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 29 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này. Trường hợp nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có nghị quyết bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

MỤC 3: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 33. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, VIMC phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của VIMC để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của VIMC nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e) Lợi ích liên quan tới VIMC và các bên có liên quan của VIMC;
- f) VIMC phải phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu: từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 01 ứng cử viên; từ 20% đến dưới 35% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 02 ứng cử viên; từ 35% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 03 ứng cử viên; từ 50% đến dưới 65% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 04 ứng cử viên; từ 65% đến dưới 75% tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu đề cử tối đa 05 ứng cử viên; từ 75% trở lên tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 06 ứng cử viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 35 Điều lệ này.

Điều 34. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của VIMC là 05 người.

2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

4. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của VIMC phải đảm bảo có tối thiểu 01 thành viên không điều hành; số lượng thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách là người đại diện phần vốn của Nhà nước tại VIMC không quá 30% số lượng thành viên Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 36 Điều lệ này.

6. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 35. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của VIMC và không nhất thiết phải là cổ đông của VIMC;
3. Thành viên Hội đồng quản trị có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
4. Không phải là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của VIMC.

Điều 36. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 35 của Điều lệ này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hành vi.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Không còn là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;
- c) Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó

không còn là cổ đông của VIMC.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ này. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 37. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý VIMC, có toàn quyền nhân danh VIMC để quyết định, thực hiện quyền, nghĩa vụ của VIMC, trừ các quyền, nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có quyền hạn và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của VIMC;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của VIMC;

e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 10 Điều lệ này;

f) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

g) Quyết định đầu tư đối với từng dự án đầu tư, khoản đầu tư có mức vốn đầu tư không quá 50% vốn chủ sở hữu, hoặc không quá 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu. Trường hợp dự án đầu tư, khoản đầu tư có giá trị lớn hơn mức này, Hội đồng quản trị quyết định đầu tư sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

h) Quyết định mua, thuê mua, bán tài sản cố định có giá trị tài sản không quá 50% vốn chủ sở hữu, hoặc không quá 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu. Trường hợp mua, thuê mua, bán tài sản cố định có giá trị lớn hơn mức này, Hội đồng quản trị quyết định sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

i) Quyết định chuyển nhượng vốn đầu tư của VIMC có giá trị không quá 50% vốn chủ sở hữu, hoặc không quá 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu. Trường hợp

giá trị lớn hơn mức này, Hội đồng quản trị quyết định chuyển nhượng sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

j) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng giao dịch khác có giá trị lớn hơn 50% vốn chủ sở hữu, hoặc lớn hơn 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ này;

k) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc; quyết định tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Tổng giám đốc;

l) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, tiền lương, thưởng và lợi ích khác đối với Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng theo đề nghị của Tổng giám đốc;

m) Cử người đại diện vốn của VIMC tại doanh nghiệp khác; cử người đại diện vốn của VIMC tham gia hoặc ứng cử thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng quản trị, cử người tham gia ứng cử thành viên Ban Kiểm soát hoặc cử Kiểm soát viên tại doanh nghiệp khác; cử người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông; quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

n) Chấp thuận đề Tổng giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc các chi nhánh, Trưởng ban và tương đương;

o) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của VIMC;

p) Quyết định thành lập, tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể, phá sản, tăng hoặc giảm hoặc chuyển nhượng vốn điều lệ công ty con do VIMC sở hữu 100% vốn điều lệ; quyết định bổ nhiệm Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc các công ty này;

q) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của VIMC; quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn mua cổ phần của doanh nghiệp khác; quyết định đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp;

r) Tổ chức lại, giải thể đơn vị phụ thuộc, văn phòng, ban chuyên môn nghiệp vụ của VIMC, các Tiểu ban, cơ quan giúp việc thuộc Hội đồng quản trị;

s) Quyết định bảo lãnh cho công ty do VIMC nắm giữ trên 50% vốn điều lệ vay vốn tại các tổ chức tín dụng bảo đảm tổng giá trị các khoản bảo lãnh không vượt quá giá trị vốn góp thực tế của VIMC tại thời điểm bảo lãnh;

t) Quyết định cho công ty do VIMC nắm giữ trên 50% vốn điều lệ vay vốn, bảo đảm tổng giá trị các khoản cho vay đối với từng công ty không vượt quá giá trị vốn góp thực tế của VIMC tại thời điểm cho vay. Trường hợp vượt mức quy định tại điểm này thì Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt;

u) Phân cấp hoặc ủy quyền cho Tổng giám đốc quyết định đầu tư, mua, thuê mua, bán tài sản cố định, chuyển nhượng vốn đầu tư của VIMC, vay, cho

vay và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị;

v) Quyết định các trường hợp đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp, tăng hoặc giảm vốn góp của VIMC tại doanh nghiệp khác;

w) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

x) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

y) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

z) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể VIMC; yêu cầu phá sản VIMC;

aa) Thông qua việc định giá các tài sản góp vốn vào VIMC không phải bằng tiền;

bb) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị VIMC sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

cc) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất các nội dung đã được thông qua tại các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện;

dd) Quyết định vay, cho vay, thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh, bồi thường của VIMC có giá trị không quá 50% vốn chủ sở hữu; xử lý tài chính các khoản nợ của VIMC;

ee) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên các nội dung sau:

a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 39 Điều lệ này.

b) Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị.

c) Báo cáo các giao dịch giữa VIMC, công ty con, công ty do VIMC nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa VIMC với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

d) Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có).

e) Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc.

f) Kết quả giám sát đối với người điều hành khác.

g) Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 38. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f) Thay mặt Hội đồng quản trị ký các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị; ký các văn bản khác để xử lý công việc thuộc quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị;
 - g) Đảm bảo các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét;
 - h) Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - i) Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công;
 - j) Các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Điều lệ này.
 - k) Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 39. Tiền lương, thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. VIMC có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao cho công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của VIMC theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của VIMC và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được VIMC mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn 01 thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với VIMC; người đề nghị có quyền thay thế triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc lịch họp trên hệ thống Văn phòng điện tử của VIMC và phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại VIMC.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử, hoặc lịch họp trên hệ thống Văn phòng điện tử của VIMC.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị.

Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 41. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g, h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ VIMC và pháp luật có liên quan.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của VIMC.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được áp dụng.

Điều 42. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu người điều hành doanh nghiệp cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của VIMC và của đơn vị trong VIMC.

2. Người điều hành doanh nghiệp được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 43. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 44. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 người làm người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại VIMC. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của VIMC.

3. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa VIMC và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của VIMC;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này;

j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

MỤC 4: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 45. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của VIMC phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của VIMC. VIMC có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 46. Người điều hành VIMC

1. Người điều hành VIMC bao gồm Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

2. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của VIMC theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của VIMC và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 47. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của VIMC; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 48 Điều lệ này.

4. Tổng giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của VIMC mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức, thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của VIMC;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của VIMC;

e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với Giám đốc các đơn vị phụ thuộc, Trưởng ban và tương đương sau khi đã được Hội đồng quản trị chấp thuận;

f) Bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với Phó giám đốc các đơn vị phụ thuộc, Phó trưởng ban và tương đương;

g) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong VIMC và người thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

h) Tuyển dụng lao động;

i) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

j) Quyết định và ký kết các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê tài sản và các hợp đồng, giao dịch khác liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của VIMC trừ trường hợp không còn tư cách là người đại diện theo pháp luật của VIMC;

k) Quyết định ban hành các quy chế, quy định nội bộ liên quan đến công việc điều hành của Tổng giám đốc;

l) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy chế nội bộ của VIMC, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp khi được yêu cầu.

6. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của VIMC theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ này, hợp đồng lao động ký với VIMC và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho VIMC thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại cho VIMC.

7. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế. Trong thời gian thực hiện thủ tục bổ nhiệm Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị quyết định việc giao nhiệm vụ cho một người quản lý doanh nghiệp hoặc một người điều hành doanh nghiệp khác thực hiện quyền, nghĩa vụ của Tổng giám đốc và đại diện theo pháp luật của VIMC.

Điều 48. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Không phải là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, thành viên Ban kiểm soát; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại VIMC;

c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của VIMC.

2. Đương nhiên mất tư cách, thay thế Tổng giám đốc trong các trường hợp sau:

a) Mất năng lực hành vi dân sự, chết, mất tích;

b) Vi phạm quy định của pháp luật về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;

c) Khi bị Tòa án quyết định trục xuất khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;

d) VIMC bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

3. Tổng giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;

b) Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trước khi ngừng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình ít nhất 45 ngày;

d) Theo quyết định của Hội đồng quản trị;

e) Các trường khác theo quy định pháp luật hiện hành.

MỤC 5: BAN KIỂM SOÁT

Điều 49. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên Ban kiểm soát, VIMC phải công bố thông tin liên quan đến ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của VIMC để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên thành viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của VIMC nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty khác);

e) Các lợi ích có liên quan tới VIMC và các bên có liên quan của VIMC;

2. VIMC phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên thành viên Ban kiểm soát (nếu có).

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu: từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 01 ứng cử viên; từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 02 ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 03 ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 04 ứng cử viên; từ 50% trở lên tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 05 ứng cử viên.

4. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị VIMC và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 50. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của VIMC là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của VIMC;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác; Không phải là người quản lý doanh nghiệp; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của VIMC;

d) Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của VIMC;

e) Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của VIMC trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

5. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 51. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú tại Việt Nam. Trưởng

Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của VIMC.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 52. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành VIMC.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của VIMC, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của VIMC.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của VIMC, công việc quản lý, điều hành hoạt động của VIMC khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 18 của Điều lệ này.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 18 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của VIMC.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của VIMC.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 55 Điều lệ này phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội

đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của VIMC.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của VIMC để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của VIMC; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của VIMC, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

13. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

14. Giám sát tình hình tài chính VIMC, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

15. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

16. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ này của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của VIMC, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

17. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

18. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của VIMC lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của VIMC trong giờ làm việc.

19. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của VIMC.

20. Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên về kết quả kinh doanh của VIMC, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát phải đảm bảo các nội dung sau:

a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 54 Điều lệ này.

b) Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát.

c) Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của VIMC.

d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa VIMC, công ty con, công ty do VIMC nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của VIMC và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa VIMC với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

e) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của VIMC.

f) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

21. Có quyền được cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 171 Luật Doanh nghiệp.

22. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 53. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết, rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 54. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của VIMC theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của VIMC.

MỤC 6: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 55. Trách nhiệm của người quản lý VIMC

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan, Điều lệ này, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của VIMC;

c) Trung thành với lợi ích của VIMC và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của VIMC để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho VIMC về nội dung quy định tại khoản 2 Điều 58 của Điều lệ này.

e) Trách nhiệm khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ VIMC.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo Điều lệ này và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của VIMC;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa VIMC, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; Giao dịch giữa VIMC với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của VIMC theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho VIMC và bên thứ ba.

Điều 56. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 58 Điều lệ này và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của VIMC.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa VIMC, công ty con, công ty do VIMC nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, VIMC phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Tổng giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của VIMC, người đại diện phần vốn nhà nước theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.

7. Giao dịch giữa VIMC với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng

cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 57. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này

1. VIMC không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.

2. VIMC không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.

3. VIMC không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ các trường hợp quy định tại điểm b, c khoản 84 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.

4. VIMC chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:

a) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này. Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác mà VIMC và tổ chức (trừ trường hợp tổ chức là cổ đông của VIMC quy định tại khoản 2 Điều này) là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ này.

b) Giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa VIMC với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của VIMC và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác của VIMC phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 58 Điều lệ này;

c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa VIMC và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

5. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm b khoản 4 Điều này có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của VIMC. Trường hợp này, người đại diện VIMC ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên

Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và phải gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

6. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho VIMC khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

7. VIMC phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 58. Công khai lợi ích có liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của VIMC thực hiện theo quy định sau đây:

1. VIMC phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của VIMC theo quy định tại khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với VIMC;

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của VIMC phải kê khai cho VIMC về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;

3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với VIMC trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng;

4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) VIMC phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của VIMC; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của VIMC;

c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai;

d) VIMC phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại của VIMC;

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của VIMC đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về VIMC.

Điều 59. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. VIMC bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do VIMC là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được VIMC ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của VIMC với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của VIMC với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của VIMC, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của VIMC, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của VIMC được VIMC bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do VIMC là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của VIMC;

b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát

sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. VIMC có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

MỤC 7: QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ VIMC

Điều 60. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ này, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của VIMC.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của VIMC, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của VIMC vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. VIMC phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ này phải được công bố trên trang thông tin điện tử của VIMC.

MỤC 8: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 61. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của VIMC với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của VIMC và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG IV: CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA VIMC VÀ QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ CỦA VIMC TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC

MỤC 1: CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA VIMC

Điều 62. Cơ cấu tổ chức của VIMC

1. Cơ cấu tổ chức của VIMC bao gồm:

- a) Cơ quan Văn phòng VIMC;
- b) Các đơn vị phụ thuộc.

2. VIMC có thể thành lập các đơn vị phụ thuộc, đầu tư vào công ty con, công ty liên kết ở trong nước và ngoài nước để hỗ trợ hoạt động của VIMC theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và/hoặc Hội đồng quản trị theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ này và trong phạm vi pháp luật cho phép.

MỤC 2: QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ CỦA VIMC TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 63. Quản lý phần vốn đầu tư của VIMC tại doanh nghiệp khác

1. Quyền và nghĩa vụ của VIMC đối với các công ty con, công ty liên kết thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và các quy định hiện hành của Nhà nước.

2. VIMC ủy quyền cho người đại diện phần vốn góp của VIMC trực tiếp thay mặt VIMC quản lý các khoản đầu tư của VIMC tại các công ty con, công ty liên kết. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện phần vốn góp của VIMC tại công ty con, công ty liên kết được quy định tại quy chế quản lý nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành.

CHƯƠNG V: TÀI CHÍNH VIMC

MỤC 1: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 64. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hằng năm từ lợi nhuận được giữ lại của VIMC.

2. VIMC không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, VIMC phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp VIMC đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, VIMC không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền VIMC đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức có thể được tiến hành thông qua VIMC chứng khoán hoặc Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Hằng năm, VIMC sử dụng lợi nhuận sau thuế của mình như sau:

- a) Bù đắp lỗ các năm trước (nếu có);
- b) Trích lập quỹ đầu tư phát triển;
- c) Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi;
- d) Trả cổ tức cho cổ đông theo quy định tại Điều lệ này.

7. Tỷ lệ trích các quỹ trên do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề xuất của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật.

8. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

MỤC 2: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 65. Tài khoản ngân hàng

1. VIMC mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, VIMC có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. VIMC tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà VIMC mở tài khoản.

Điều 66. Năm tài chính

Năm tài chính của VIMC bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

Điều 67. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán VIMC sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. VIMC lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của VIMC.

3. VIMC sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp VIMC có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

MỤC 3: BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 68. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. VIMC phải lập Báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. VIMC công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của VIMC.

3. VIMC phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 69. Báo cáo thường niên

VIMC phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 70. Công khai thông tin

1. VIMC phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. VIMC công bố trên trang thông tin điện tử của mình thông tin sau đây:

a) Điều lệ VIMC;

b) Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc;

c) Báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

d) Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hằng năm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

e) Các tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

3. VIMC thực hiện công bố, công khai thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

MỤC 4: KIỂM TOÁN

Điều 71. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của VIMC cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của VIMC.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của VIMC được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của VIMC.

MỤC 5: DẤU CỦA VIMC

Điều 72. Dấu của VIMC

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của VIMC, chi nhánh, văn phòng đại diện và đơn vị khác của VIMC.

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và cá nhân sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật.

MỤC 6: GIẢI THỂ VIMC

Điều 73. Giải thể VIMC

1. VIMC có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể VIMC do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 74. Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thể VIMC, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó có 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của VIMC

hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được VIMC ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của VIMC.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt VIMC trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý VIMC trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của VIMC;

e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

MỤC 7: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 75. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của VIMC, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ này, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với VIMC;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

MỤC 8: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 76. Điều lệ VIMC

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của VIMC chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của VIMC.

MỤC 9: NGÀY HIỆU LỰC

Điều 77. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 05 chương 77 điều được sửa đổi, bổ sung ngày 15 tháng 4 năm 2026 và được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP nhất trí thông qua tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP.

3. Điều lệ được lập thành 05 bản, có giá trị như nhau và được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2026

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT


Lê Anh Sơn

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản trị nội bộ của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 63/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/4/2026,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế quản trị nội bộ của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc; Kế toán trưởng, Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban chuyên môn nghiệp vụ; Giám đốc: Trung tâm Công nghệ thông tin, Trung tâm Chuyển đổi, Giám đốc Ban Quản lý dự án chuyên ngành hàng hải, Giám đốc các Đơn vị phụ thuộc Tổng công ty Hàng hải Việt Nam; Người đại diện phần vốn của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam-CTCP tại các doanh nghiệp có vốn góp; Chủ tịch Công ty/Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính (để b/c);
- Ban kiểm soát;
- Đảng ủy TCT;
- Công đoàn TCT
- Lưu: VT, CT HĐQT, TK-TH

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Cảnh Tĩnh

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CỦA TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 64/QĐ-HHVN ngày 15 tháng 4 năm 2026
của HĐQT Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP)*

MỤC LỤC

CHƯƠNG I	5
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	5
Điều 1. Giải thích từ ngữ	5
Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	5
CHƯƠNG II	5
ĐHĐCĐ Error! Bookmark not defined.	
Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ	5
MỤC 1:	6
HỢP ĐHĐCĐ THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỢP ĐHĐCĐ	6
Điều 4. Thẩm quyền triệu tập ĐHĐCĐ	6
Điều 5. Chủ tọa, điều hành ĐHĐCĐ	6
Điều 6. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp	8
Điều 7. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ	8
Điều 8. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ	9
Điều 9. Chương trình, nội dung họp ĐHĐCĐ	9
Điều 10. Việc ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ	10
Điều 11. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ	11
Điều 12. Các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ	12
Điều 13. Hình thức thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ	12
Điều 14. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội	12
Điều 15. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết	13
Điều 16. Cách thức bỏ phiếu bầu cử	14
Điều 17. Kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu	15
Điều 18. Điều kiện để nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua	15
Điều 19. Cách thức phản đối nghị quyết của ĐHĐCĐ	15
Điều 20. Biên bản họp ĐHĐCĐ	16
Điều 21. Công bố nghị quyết, biên bản họp ĐHĐCĐ	16
MỤC 2	16
TRÌNH TỰ HỢP ĐHĐCĐ THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN	16
Điều 22. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	16

Điều 23. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	17
MỤC 3	19
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐHĐCĐ ĐỂ THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT	
BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN	19
Điều 24. Thông báo triệu tập họp ĐHĐCĐ trực tuyến	19
Điều 25. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến.....	19
Điều 26. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử	19
Điều 27. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến	20
Điều 28. Điều kiện tiến hành	20
Điều 29. Thảo luận tại ĐHĐCĐ trực tuyến.....	21
Điều 30. Hình thức thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ trực tuyến.....	21
Điều 31. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến	21
Điều 32. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến	23
Điều 33. Thông báo kết quả kiểm phiếu.....	23
Điều 34. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ	23
2. Biên bản cuộc họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội trực tuyến.....	23
Điều 35. Công bố nghị quyết ĐHĐCĐ	23
MỤC 4	24
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐHĐCĐ THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG	
HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN KẾT HỢP TRỰC TUYẾN	24
Điều 36. Thông báo triệu tập họp ĐHĐCĐ	24
Điều 37. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ	24
Điều 38. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ.....	24
Điều 39. Điều kiện tiến hành	25
Điều 40. Hình thức thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ.....	25
Điều 41. Cách thức bỏ phiếu	25
Điều 42. Cách thức kiểm phiếu	26
Điều 43. Thông báo Kết quả kiểm phiếu.....	26
Điều 44. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ	26
Điều 45. Công bố nghị quyết ĐHĐCĐ.....	26
CHƯƠNG III. HĐQT	26
Điều 46. Vai trò, quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của HĐQT và trách nhiệm của thành viên HĐQT.....	26
Điều 47. Số lượng, nhiệm kỳ, cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của TV HĐQT ..	27
Điều 48. Ứng cử, đề cử thành viên HĐQT	27

Điều 49. Cách thức bầu thành viên HĐQT.....	28
Điều 50. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT.....	28
Điều 51. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT.....	29
Điều 52. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT.....	29
Điều 53. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT	29
Điều 54. Thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT	31
Điều 55. Trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT.....	31
Điều 56. Cách thức biểu quyết, cách thức thông qua nghị quyết, ủy quyền cho người khác tham dự họp, lập biên bản họp HĐQT	32
Điều 57. Các tiểu ban thuộc HĐQT.....	35
Điều 58. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty....	35
CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT CỦA VIMC.....	37
Điều 59. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	37
Điều 60. Số lượng, nhiệm kỳ, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát.....	37
CHƯƠNG V. TỔNG GIÁM ĐỐC.....	39
Điều 61. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc	39
Điều 62. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc.....	39
CHƯƠNG VI. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC	40
Điều 63. Nguyên tắc phối hợp công tác.....	40
Điều 64. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc....	41
Điều 65. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc	43
Điều 66. Phối hợp khác.....	45
CHƯƠNG VII.....	45
QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NHỮNG NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA VIMC	45
Điều 67. Phương thức đánh giá hoạt động của người quản lý, người điều hành của VIMC	45
Điều 68. Nguyên tắc áp dụng các hình thức kỷ luật.....	46
Điều 69. Khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT	46
Điều 70. Khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Ban kiểm soát	46

Điều 71. Khen thưởng và kỷ luật đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng	47
Điều 72. Trách nhiệm về thiệt hại.....	47
CHƯƠNG VIII. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ.....	47
Điều 73. Sửa đổi, bổ sung Quy chế	47
Điều 74. Hiệu lực	48
Điều 75. Tổ chức thực hiện.....	48

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây có nghĩa như sau:
 - a) “VIMC” có nghĩa là Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;
 - b) “Điều lệ VIMC” là Điều lệ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;
 - c) “ĐHĐCĐ” hoặc “ĐHĐCĐ” là HĐQT của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;
 - d) “HĐQT” hoặc “HĐQT” là HĐQT Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;
 - e) “Ban kiểm soát” là Ban kiểm soát Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;
 - f) “Ban điều hành” bao gồm: Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;
 - g) “UBCKNN” là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
 - h) “SGDCK” là Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và các công ty con;
 - i) “TTLKCK” là Trung tâm lưu ký chứng khoán;
2. Các thuật ngữ khác được sử dụng trong Quy chế này có nghĩa như trong Điều lệ VIMC và pháp luật hiện hành.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc; trình tự, thủ tục họp HĐQT; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ VIMC và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người liên quan.

CHƯƠNG II

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT

1. HĐQT gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của VIMC.
2. HĐQT có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 23 Điều lệ VIMC.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT.

MỤC 1:
HỢP ĐHĐCĐ THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU
QUYẾT TẠI CUỘC HỢP ĐHĐCĐ

Điều 4. Thẩm quyền triệu tập ĐHĐCĐ

1. *Thẩm quyền triệu tập ĐHĐCĐ thường niên:* HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên. ĐHĐCĐ họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. HĐQT quyết định gia hạn họp ĐHĐCĐ thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. *Thẩm quyền triệu tập ĐHĐCĐ bất thường:*

a) HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại không đáp ứng số lượng tối thiểu theo quy định tại khoản 1 Điều 154 và khoản 1 Điều 168 Luật Doanh nghiệp hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c, d khoản 3 Điều 22 Điều lệ VIMC;

b) Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm a khoản này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 22 Điều lệ VIMC thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ VIMC này có quyền yêu cầu đại diện VIMC triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp ĐHĐCĐ có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ. Tất cả các chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ được VIMC hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự ĐHĐCĐ, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

7. Thủ tục đề tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Điều lệ VIMC.

Điều 5. Chủ tọa, điều hành ĐHĐCĐ

1. Chủ tọa và Đoàn Chủ tọa

a) Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác làm chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ do HĐQT triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều hành để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

d) Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ có quyền sau đây:

- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

- Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.

e) Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

f) Một số quyền và nghĩa vụ khác của Chủ tọa theo quy định của luật hiện hành.

g) Đoàn Chủ tọa gồm 05 người, bao gồm 01 Chủ tịch và 4 thành viên.

h) Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:

- Điều hành các hoạt động của ĐHĐCĐ theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được ĐHĐCĐ thông qua;
- Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
- Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
- Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
- Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

i) Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tọa: Đoàn Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

2. Thư ký đại hội

a) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

b) Nhiệm vụ của Thư ký đại hội:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;
- Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của cổ đông/Đại biểu;
- Lập Biên bản họp và soạn thảo nghị quyết ĐHĐCĐ;
- Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp ĐHĐCĐ và thông báo đến các cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ VIMC;
- Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ tọa.

3. Ban kiểm phiếu

a) ĐHĐCĐ bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

b) Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:

- Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết;
- Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết;
- Thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký;
- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

4. Ban kiểm tra tư cách cổ đông:

a) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thành viên Ban kiểm tra tư cách cổ đông phục vụ cuộc họp. Ban kiểm tra tư cách cổ đông của Đại hội gồm 05 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 04 thành viên.

b) Nhiệm vụ của Ban kiểm tra cổ đông:

- Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
- Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo với ĐHĐCĐ tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết thì cuộc họp ĐHĐCĐ được tổ chức tiến hành.
- Tham gia kiểm phiếu các nội dung khác trước khi thành lập Ban kiểm phiếu.

Điều 6. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp

1. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ.

2. VIMC phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

3. Các thông tin cơ bản về cổ đông:

- Họ và tên;
- Địa chỉ liên hệ, quốc tịch, số và ngày cấp giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của cổ đông là tổ chức;
- Số lượng cổ phần từng loại;
- Số và ngày đăng ký cổ đông;
- Địa chỉ thư điện tử, số điện thoại nếu có.

Điều 7. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ

1. Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức

bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của VIMC và UBCKNN, SGDCK nơi cổ phiếu của VIMC niêm yết hoặc đăng ký giao dịch.

2. Hồ sơ thông báo thực hiện quyền đầy đủ, hợp lệ phải được gửi đến TTLKCK chậm nhất 08 ngày làm việc liên trước ngày đăng ký cuối cùng.

3. VIMC phải công bố thông tin ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ cho UBCKNN, SGDCK và trên trang thông tin điện tử của VIMC theo đúng quy định của Luật chứng khoán và Quy chế công bố thông tin của VIMC.

4. Chuẩn bị chương trình, nội dung họp ĐHĐCĐ:

HĐQT VIMC cần thống nhất một số nội dung sau trước khi tiến hành họp ĐHĐCĐ:

- a) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- b) Thành lập Tổ giúp việc, Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, Ban kiểm tra tư cách cổ đông, Ban kiểm phiếu (nếu có nội dung bầu cử);

Điều 8. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ

1. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc (*tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ*). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

2. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của VIMC và UBCKNN, SGDCK nơi cổ phiếu của VIMC niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của VIMC. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 9. Chương trình, nội dung họp ĐHĐCĐ

1. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

2. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp ĐHĐCĐ:

a) HĐQT thành lập Tổ giúp việc tổ chức ĐHĐCĐ để tham mưu, hỗ trợ HĐQT trong công tác tổ chức họp ĐHĐCĐ;

b) Tài liệu phục vụ cuộc họp ĐHĐCĐ được tổng hợp trên cơ sở tài liệu do các ban chuyên môn cung cấp dưới sự giám sát trực tiếp của Người phụ trách quản trị công ty và Tổ trưởng Tổ giúp việc tổ chức ĐHĐCĐ;

c) Tài liệu phục vụ cuộc họp ĐHĐCĐ phải là tài liệu đã được HĐQT thông qua nội dung và chấp thuận phát hành, công bố;

d) Trong các trường hợp cuộc họp ĐHĐCĐ không do HĐQT triệu tập, Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có trách nhiệm chuẩn bị tài liệu cần thiết phục vụ cuộc họp. VIMC có trách nhiệm phối hợp, cung cấp thông tin, hỗ trợ Người triệu tập họp ĐHĐCĐ hoàn thiện tài liệu cuộc họp.

3. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Quy chế này.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến VIMC chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông; số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 4 Điều này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp người triệu tập họp ĐHĐCĐ từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

7. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận.

8. Chỉ có ĐHĐCĐ mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp.

Điều 10. Việc ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại Điều lệ VIMC.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với VIMC).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp VIMC nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 11. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ

1. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ:

a) Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ được quy định rõ tại Thông báo họp ĐHĐCĐ, bao gồm liên hệ VIMC hoặc gửi Giấy đăng ký tham dự Đại hội (được đính kèm Thông báo họp ĐHĐCĐ gửi cho cổ đông) về VIMC.

b) Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:

- Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;
- Ủy quyền cho một đại diện khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp và tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều này; (Trường hợp có nhiều hơn một đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu cử/biểu quyết được ủy quyền cho mỗi đại diện).
- Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- Gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
- Các hình thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ khác phù hợp với qui định của pháp luật.

c) VIMC phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp ĐHĐCĐ tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp ĐHĐCĐ trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật doanh nghiệp và Điều lệ VIMC.

2. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ và Kiểm tra tư cách cổ đông vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ

Trước khi khai mạc cuộc họp, VIMC phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 12. Các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 13. Hình thức thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ

1. ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản bản và các hình thức khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Nghị quyết ĐHĐCĐ về các vấn đề theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Quy chế này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 14. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội

1. Nguyên tắc chung

a) Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết công khai.

b) Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử được VIMC in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho cổ đông tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự ĐHĐCĐ). Mỗi cổ đông được cấp Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử. Trên Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử có ghi rõ mã số cổ đông, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của cổ đông đó.

2. Quy định về tính hợp lệ của phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử

a) Phiếu biểu quyết

➤ **Phiếu biểu quyết hợp lệ:** Là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát, ... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của cổ đông tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm mở niêm phong thùng phiếu.

Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi cổ đông đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.

➤ **Phiếu biểu quyết không hợp lệ:** Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu biểu quyết hợp lệ.

b) Phiếu bầu cử

➤ Phiếu bầu cử hợp lệ: Là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu; phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của cổ đông tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm mở niêm phong thùng phiếu.

➤ Phiếu bầu cử không hợp lệ:

- Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu bầu cử hợp lệ
- Số ứng viên mà cổ đông bầu lớn hơn số lượng ứng viên cần bầu;
- Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;
- Các quy định khác theo Quy chế bầu cử ĐHĐCĐ và Điều lệ VIMC.

3. Trường hợp VIMC áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức ĐHĐCĐ, việc biểu quyết thông qua các vấn đề của Đại hội được thực hiện theo Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Điều 15. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết

1. Nguyên tắc chung

- ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ, bỏ phiếu trực tiếp, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

- Cổ đông thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết.

- Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định.

2. Các hình thức bỏ phiếu biểu quyết

a) Biểu quyết bằng thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp cổ đông không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp cổ đông giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn 01 lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã cổ đông và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.

b) Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, cổ đông chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, cổ đông gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã

được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của cổ đông.

3. Trường hợp VIMC áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức ĐHĐCĐ, việc bỏ phiếu biểu quyết được thực hiện theo Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Điều 16. Cách thức bỏ phiếu bầu cử

1. Nguyên tắc chung

- Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ VIMC;
- Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát.

2. Các hình thức bỏ phiếu bầu cử

a) Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu

- Theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu;

- Cổ đông tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;

- Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, cổ đông có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu);

- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, cổ đông liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu mới và phải nộp phiếu cũ;

- Cách ghi phiếu bầu cử: Mỗi cổ đông được phát các phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:

- + Cổ đông bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên cần bầu;
- + Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, cổ đông đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” của các ứng viên tương ứng;
- + Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, cổ đông ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.

Lưu ý: Trong trường hợp cổ đông vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” vừa ghi số lượng ở ô “Số phiếu bầu” thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô “Số phiếu bầu”.

- Nguyên tắc trúng cử:

- + Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.
- + Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.
- + Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

b) Bầu cử theo phương thức biểu quyết: Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 hoặc khoản 3 Điều 15 Quy chế này.

Điều 17. Kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu

1. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

2. Cách thức kiểm phiếu được tiến hành bằng cách thu phiếu bầu cử/thẻ/phiếu biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ/phiếu biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Trường hợp VIMC áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức ĐHĐCĐ, việc kiểm phiếu được thực hiện theo Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ đã được ĐHĐCĐ thông qua.

3. Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, VIMC phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

4. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 18. Điều kiện để nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua

1. Điều kiện để nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua theo quy định tại Điều 29 Điều lệ VIMC.

2. Các nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 19. Cách thức phản đối nghị quyết của ĐHĐCĐ

1. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu tòa án hoặc trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

a) Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ VIMC, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 29 Điều lệ VIMC;

b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ VIMC.

2. Các trường hợp có yêu cầu tòa án hoặc trọng tài hủy bỏ nghị quyết của ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 1 Điều này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi tòa án, trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

3. Trường hợp nghị quyết ĐHĐCĐ bị hủy bỏ theo quyết định của tòa án hoặc trọng tài, người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ có nghị quyết bị hủy bỏ có thể xem xét, tổ chức lại cuộc họp ĐHĐCĐ trong vòng 30 ngày theo trình tự thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ VIMC.

4. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại VIMC hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ VIMC có

quyền yêu cầu VIMC mua lại cổ phần của mình theo quy định tại Điều 11 Điều lệ VIMC.

Điều 20. Biên bản họp ĐHĐCĐ

Biên bản họp ĐHĐCĐ được thực hiện và có các nội dung theo quy định tại khoản 1, Điều 31 Điều lệ VIMC.

Điều 21. Công bố nghị quyết, biên bản họp ĐHĐCĐ

1. Đại diện Ban Thư ký trình bày dự thảo biên bản và nghị quyết ĐHĐCĐ tại cuộc họp;

2. Chủ tọa cuộc họp điều hành cuộc họp ĐHĐCĐ xem xét, bổ sung nội dung dự thảo biên bản và nghị quyết cuộc họp nhưng không trái với kết quả biểu quyết đối với từng nội dung đã được thảo luận;

3. Chủ tọa cuộc họp điều hành ĐHĐCĐ thông qua nội dung biên bản và nghị quyết ĐHĐCĐ tại cuộc họp.

4. Nghị quyết, biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu họp đính kèm biên bản (nếu có) phải được công bố thông tin theo quy định tại Quy chế công bố thông tin của VIMC.

5. Bế mạc cuộc họp ĐHĐCĐ

Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ tuyên bố bế mạc cuộc họp ĐHĐCĐ khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

- a) Tất cả các vấn đề trong chương trình họp đã được thảo luận và biểu quyết;
- b) Kết quả biểu quyết đã được công bố;
- c) Biên bản và nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua.

MỤC 2

TRÌNH TỰ HỌP ĐHĐCĐ THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN

Điều 22. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của VIMC, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 23 của Điều lệ VIMC.

2. Thông báo về lấy kiến cổ đông bằng văn bản và quy chế thực hiện phải được công bố thông tin theo quy định về quản trị công ty niêm yết (trường hợp VIMC đã niêm yết).

3. Việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có thể quyết định tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, ngoại trừ các vấn đề phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật và Điều lệ VIMC.

4. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của VIMC được quy định tại Điều lệ VIMC hoặc trường hợp khác được ĐHĐCĐ chấp thuận được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản quy định tại Điều lệ VIMC.

5. Thông báo về lấy kiến cổ đông bằng văn bản và quy chế thực hiện phải được công bố thông tin theo quy định về quản trị công ty niêm yết (trường hợp VIMC đã niêm yết).

Điều 23. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

1. Lập danh sách cổ đông cần lấy ý kiến bằng văn bản. Quy trình lập danh sách thực hiện như đối với công tác tổ chức họp ĐHĐCĐ;

2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất 10 ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 30 Điều lệ VIMC;

3. Nội dung phiếu lấy ý kiến bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/ phiếu bầu cử của cổ đông;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f) Thời hạn phải gửi về VIMC phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến VIMC bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về VIMC phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về VIMC phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về VIMC sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu

HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý VIMC. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu

a) Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của VIMC trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

b) Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ;

7. Lưu tài liệu:

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của VIMC.

8. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ VIMC có quyền yêu cầu tòa án hoặc trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

a) Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ VIMC, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 29 Điều lệ VIMC.

b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ VIMC.

9. Phương thức gửi lại Phiếu lấy kiến, cách thức kiểm phiếu và công bố kết quả tuân thủ quy định tại khoản 4, 5, 6 và 7 Điều 30 Điều lệ VIMC.

MỤC 3

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐHĐCĐ ĐỂ THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN

Điều 24. Thông báo triệu tập họp ĐHĐCĐ trực tuyến

1. HĐQT có quyền quyết định tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ theo hình thức trực tuyến thay vì tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ theo hình thức gặp mặt trực tiếp nếu đánh giá thấy việc tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ gặp mặt trực tiếp có thể không thực hiện được do dịch bệnh, quyết định của cơ quan quản lý nước có thẩm quyền hoặc các nguyên nhân bất khả kháng khác.

2. VIMC gửi thư mời hoặc thông báo mời họp được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông tham dự Đại hội trực tuyến kèm theo văn bản có nội dung hướng dẫn xác nhận tư cách cổ đông đến từng cổ đông. Ban tổ chức đại hội phải thông báo các tài liệu hướng dẫn/quy định đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử và các thông tin cần thiết khác cho cổ đông chậm nhất là 21 ngày, trước ngày diễn ra Đại hội trực tuyến.

Điều 25. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến

Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ được quy định rõ tại Thông báo họp ĐHĐCĐ, bao gồm:

1. Điều kiện tham gia:

- Có tên trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập theo thông báo thực hiện quyền của VIMC.
- Đại diện ủy quyền đủ điều kiện tham dự theo quy định của pháp luật và Điều lệ VIMC.

2. Yêu cầu kỹ thuật:

Cổ đông cần có thiết bị điện tử kết nối internet (ví dụ: máy tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác có kết nối internet...).

3. Cách thức ghi nhận cổ đông tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến:

Cổ đông được hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến khi cổ đông đó thực hiện truy cập vào hệ thống bằng các thông tin truy cập đã được cung cấp theo quy định tại Điều 25 Quy chế này và đã thực hiện bỏ phiếu điện tử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến.

Điều 26. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử

1. Thông tin đường dẫn truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) nhằm tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến sẽ được cung cấp trong thông báo mời họp (hoặc hình thức thông báo thông tin đăng nhập do HĐQT quy định). Cổ đông phải có trách nhiệm bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác được cấp để đảm bảo rằng chỉ có Đại biểu mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.

2. Khi cổ đông có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Ban tổ chức Đại hội có thể thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp hoặc email/điện thoại. Hình thức cung cấp thông tin đăng nhập qua email hoặc điện thoại chỉ được thực hiện dựa

trên thông tin cổ đông từ danh sách cổ đông có quyền bỏ phiếu do TTLKCK lập theo thông báo thực hiện quyền của VIMC.

3. Cổ đông sử dụng tên đăng nhập, mật khẩu truy cập hoặc các yếu tố định danh khác (nếu có) truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu điện tử theo nội dung của Chương trình cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến.

4. Cổ đông đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến sau khi cuộc họp đã khai mạc thì vẫn được đăng ký tham dự và có quyền biểu quyết sau khi hoàn thành đăng ký. Ban chủ tọa không được dừng cuộc họp để cổ đông đăng ký tham dự và hiệu lực của các vấn đề đã tiến hành biểu quyết không bị ảnh hưởng.

Điều 27. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến

1. Việc ủy quyền cho người đại diện tham dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến được thực hiện tương tự theo quy định tại Điều 10 Quy chế này và được gửi đến VIMC theo các phương thức đảm bảo đến được địa chỉ VIMC trước thời gian khai mạc Đại hội.

2. Trường hợp cổ đông ủy quyền tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử cho cá nhân/tổ chức khác thì cổ đông và người được ủy quyền chịu trách nhiệm đối với việc ủy quyền và kết quả bỏ phiếu điện tử theo tài khoản truy cập đã được cấp.

3. Một số quy định cần lưu ý khi thực hiện ủy quyền trực tuyến:

3.1. Các cổ đông cần tuân thủ cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện ủy quyền trực tuyến, đặc biệt cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền: số điện thoại, địa chỉ liên lạc và địa chỉ email. Đây là cơ sở để cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với bên nhận ủy quyền.

3.2. Hiệu lực của ủy quyền trực tuyến: việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền trực tuyến và hoàn thành thực hiện ủy quyền trực tuyến.
- Giấy ủy quyền được in ra theo mẫu ủy quyền trực tuyến có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền.
- VIMC nhận được Giấy ủy quyền bản chính gửi về trước lúc đại hội khai mạc chính thức

3.3. Hủy bỏ ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền trực tuyến

a) Cổ đông gửi văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến cho VIMC trước lúc đại hội khai mạc chính thức. Lưu ý thời gian ghi nhận việc hủy ủy quyền có hiệu lực được tính theo thời gian VIMC nhận được văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến.

b) Hủy bỏ ủy quyền sẽ bị vô hiệu lực nếu đại diện ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết/bầu cử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến.

Điều 28. Điều kiện tiến hành

1. Điều kiện để cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành theo quy định tại Điều 12 Quy chế này.

2. Hệ thống tổ chức Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đường truyền của Hệ thống tại địa điểm tổ chức Đại hội phải liên tục, ổn định, đảm bảo sự tham dự của các cổ đông không bị gián đoạn. Trường hợp việc tổ chức đại hội bị gián đoạn tại địa điểm họp thì Ban chủ tọa phải tóm tắt lại diễn biến nội dung phần gián đoạn đó;

b) Địa điểm họp phải đảm bảo các điều kiện về âm thanh, ánh sáng, đường truyền, nguồn điện, phương tiện điện tử và các trang thiết bị khác theo yêu cầu và tính chất của cuộc họp trực tuyến;

c) Đảm bảo an toàn thông tin, giữ bí mật Tài khoản truy cập vào Hệ thống. Mọi thông tin tiếp nhận và cung cấp trên Hệ thống đảm bảo nguyên tắc bảo mật thông tin và phù hợp với các quy định của Luật An toàn thông tin mạng;

d) Dữ liệu điện tử của chương trình Đại hội trực tuyến phải được lưu giữ, trích xuất được từ Hệ thống.

Điều 29. Thảo luận tại ĐHĐCĐ trực tuyến

1. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong nội dung chương trình ĐHĐCĐ;

- Chỉ có cổ đông mới được tham gia thảo luận;

- Cổ đông có ý kiến đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định cụ thể tại quy chế làm việc của đại hội;

- Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung thảo luận của cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Chủ tọa.

2. Giải đáp ý kiến của các cổ đông:

- Trên cơ sở nội dung thảo luận của cổ đông, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của cổ đông;

- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được VIMC trả lời sau.

Điều 30. Hình thức thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ trực tuyến

1. ĐHĐCĐ trực tuyến thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp bằng phiếu điện tử hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết ĐHĐCĐ về các vấn đề theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Quy chế này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết bằng phiếu điện tử tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 31. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến

1. Cổ đông có thể thực hiện quyền biểu quyết thông qua hình thức bỏ phiếu trực tuyến.

2. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:

➤ Việc bỏ phiếu trực tuyến được thực hiện như sau:

a) Cổ đông sử dụng Tài khoản truy cập để đăng nhập vào trang web theo hướng dẫn được gửi kèm theo Thông báo mời hoặc và được đăng tải trên website VIMC để thực hiện biểu quyết;

b) Cổ đông quyết định chọn biểu quyết bằng hình thức đánh dấu chọn vào 01 trong 03 ô tương ứng “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không ý kiến” đối với từng nội dung xin ý kiến của cổ đông trên Hệ thống;

c) Cổ đông có quyền biểu quyết là cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến tính đến thời điểm biểu quyết và số lượng cổ đông này là cơ sở để tính tỷ lệ phiếu biểu quyết của cổ đông. Trường hợp cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến nhưng không thực hiện biểu quyết thì được hiểu là cổ đông đó bỏ phiếu “Không ý kiến” đối với các nội dung xin ý kiến cổ đông tương ứng.

d) Sau đó, cổ đông tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

3. Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử

a) Trường hợp cổ đông không thực hiện hết các vấn đề biểu quyết, bầu cử theo nội dung chương trình Đại hội thì các vấn đề chưa được biểu quyết, bầu cử được xem như cổ đông không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề đó.

b) Trong trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chương trình đại hội đã gửi, cổ đông có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu cổ đông không thực hiện biểu quyết, bầu cử với những vấn đề phát sinh thì xem như cổ đông không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề phát sinh đó.

c) Cổ đông có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử (nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết, bầu cử); bao gồm cả kết quả biểu quyết, bầu cử bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Đại hội. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong quy chế làm việc của đại hội.

d) Trong trường hợp, Cổ đông thực hiện bầu ghi số: Phiếu bầu không hợp lệ là phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên khác với (lớn hơn hoặc nhỏ hơn) tổng số phiếu bầu của Cổ đông đại diện được tính tại thời gian kiểm phiếu bầu cử.

e) Thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể trong quy chế làm việc tại đại hội. Cổ đông có thể truy cập hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần trừ trường hợp bảo trì hệ thống hoặc lý do khác nằm ngoài tầm kiểm soát của VIMC. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ cổ đông.

f) Khi điều hành đại hội, Ban chủ tọa phải thông báo thời điểm kết thúc bỏ phiếu trên Hệ thống để cổ đông thực hiện quyền của mình. Trường hợp cổ đông gặp trục trặc về việc bỏ phiếu trên Hệ thống có thể liên hệ về số hotline theo thông báo của Ban tổ chức đại hội để được hướng dẫn, hỗ trợ hoàn thành việc bỏ phiếu. Kể từ thời điểm Hệ thống đóng nội dung bỏ phiếu, cổ đông không có quyền thay đổi bất cứ nội dung nào đã bỏ phiếu, kết quả bỏ phiếu của cổ đông được ghi nhận trên Hệ thống theo Tài khoản truy cập là kết quả cuối cùng và không được phép khiếu nại/khiếu kiện liên quan đến kết quả này.

4. Thời điểm biểu quyết

a) Cổ đông có quyền biểu quyết từ thời điểm khai mạc Đại hội trực tuyến đến trước thời điểm kết thúc biểu quyết. Trường hợp cổ đông đã biểu quyết nhưng muốn thay đổi ý kiến thì phải thực hiện thay đổi trước thời điểm kết thúc biểu quyết. Ý

kiến biểu quyết sau cùng được Hệ thống ghi nhận trước thời điểm kết thúc biểu quyết là ý kiến hợp lệ và được ghi nhận vào kết quả kiểm phiếu;

b) Để bảo đảm diễn biến liên tục và tập trung thời gian cho phần diễn biến của đại hội, cổ đông tham dự khi đăng nhập Hệ thống có thể tiến hành biểu quyết về chương trình đại hội, thành phần Ban kiểm phiếu và nội dung sửa đổi về quy chế tổ chức đại hội (nếu có). Thời gian kết thúc biểu quyết của các nội dung này trên Hệ thống sẽ được Ban tổ chức thông báo tại thời điểm khai mạc Đại hội trực tuyến;

c) Các kết quả bỏ phiếu được tính theo tại thời điểm cổ đông thực hiện bỏ phiếu điện tử nên việc kết nối của cổ đông bị ngắt đột ngột (nếu có) chỉ ảnh hưởng đến các nội dung chưa bỏ phiếu, các nội dung đã bỏ phiếu không bị ảnh hưởng;

d) Trước khi thời hạn biểu quyết kết thúc, cổ đông chỉ được biết kết quả bỏ phiếu của mình. Sau khi thời hạn biểu quyết kết thúc, cổ đông sẽ biết được kết quả biểu quyết chung đối với từng nội dung do Ban chủ tọa hoặc Ban kiểm phiếu công bố.

Điều 32. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến

1. Chủ tọa giới thiệu một hoặc một số người làm thành viên Ban kiểm phiếu để Đại hội biểu quyết thông qua, Ban kiểm phiếu có các quyền và nghĩa vụ như sau:

- Hướng dẫn cho cổ đông cách thức biểu quyết tại Đại hội trực tuyến;
- Tiến hành kiểm phiếu biểu quyết;
- Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu biểu quyết cho ĐHĐCĐ.

2. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Hệ thống phần mềm sẽ tự động thống kê, tổng hợp, số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

Điều 33. Thông báo kết quả kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu được ĐHĐCĐ thông qua tại Đại hội có trách nhiệm kiểm tra kết quả bỏ phiếu điện tử để tổng hợp kết quả biểu quyết.

2. Kết quả biểu quyết được Chủ tọa hoặc Ban kiểm phiếu công bố ngay tại Đại hội trực tuyến.

Điều 34. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ

1. Nội dung họp Đại hội trực tuyến được Ban thư ký ghi chép và lập thành Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 20 Quy chế này. Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ trực tuyến được ghi nhận là nơi Chủ tọa điều hành đại hội.

2. Biên bản cuộc họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội trực tuyến.

Điều 35. Công bố nghị quyết ĐHĐCĐ

1. Bản sao biên bản, nghị quyết cuộc họp phải được công bố trên trang thông tin điện tử của VIMC trong thời hạn 24 giờ.

2. VIMC phải tổ chức công bố thông tin về ĐHĐCĐ theo quy định của Luật chứng khoán và Quy chế công bố thông tin của VIMC.

MỤC 4

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐHĐCĐ THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TIẾP KẾT HỢP TRỰC TUYẾN

Điều 36. Thông báo triệu tập họp ĐHĐCĐ

1. HĐQT họp, ra quyết định triệu tập ĐHĐCĐ trực tiếp kết hợp với trực tuyến và thống nhất thông qua các nội dung, chương trình đại hội.

2. HĐQT phải chuẩn bị các công việc theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

3. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (*tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ*).

➤ Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

- Phiếu biểu quyết (đối với cổ đông tham dự trực tiếp).

* Đối với các cổ đông tham dự trực tuyến: VIMC gửi thư mời tham dự Đại hội trực tuyến kèm theo văn bản có nội dung hướng dẫn xác nhận tư cách cổ đông đến từng cổ đông. Ban tổ chức đại hội phải thông báo các tài liệu hướng dẫn/quy định đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử và các thông tin cần thiết khác cho cổ đông trước ngày diễn ra Đại hội trực tuyến.

Điều 37. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ

1. Đối với cổ đông tham dự trực tiếp

Trước khi khai mạc cuộc họp, VIMC phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, VIMC cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Đối với cổ đông tham dự trực tuyến

Thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 31 Quy chế này.

Điều 38. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ

1. Đối với cổ đông tham dự trực tiếp

a) Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải

nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

b) Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với VIMC).

2. Đối với cổ đông tham dự trực tuyến

a) Việc ủy quyền cho người đại diện tham dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến được thực hiện tương tự theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và được gửi đến VIMC bằng các phương thức đảm bảo đến được địa chỉ VIMC trước thời gian khai mạc đại hội.

b) Trường hợp cổ đông ủy quyền tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử cho cá nhân/tổ chức khác thì cổ đông và người được ủy quyền chịu trách nhiệm đối với việc ủy quyền và kết quả bỏ phiếu điện tử theo Tài khoản truy cập đã được cấp.

Điều 39. Điều kiện để tiến hành tổ chức hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ theo hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến được tiến hành khi đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 28 Quy chế này.

2. Hệ thống tổ chức Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 31 Quy chế này.

Điều 40. Hình thức thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ

1. ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp bằng phiếu biểu quyết hoặc bằng phiếu điện tử hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết ĐHĐCĐ về các vấn đề theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy chế này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ bằng phiếu biểu quyết hoặc bằng phiếu điện tử.

Điều 41. Cách thức bỏ phiếu

1. Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một đơn vị biểu quyết.

2. Với cổ đông tham dự và biểu quyết trực tiếp tại địa điểm họp: Khi tiến hành đăng ký cổ đông, VIMC cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

3. Với cổ đông tham dự và biểu quyết trực tuyến thông qua hệ thống trực tuyến: Cổ đông có thể thực hiện quyền biểu quyết thông qua hình thức bỏ phiếu điện tử. Việc bỏ phiếu điện tử được thực hiện theo quy định tại Điều 31 Quy chế này.

4. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

Điều 42. Cách thức kiểm phiếu

1. ĐHĐCĐ bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
2. Số thành viên của ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của chủ tọa.

Điều 43. Thông báo Kết quả kiểm phiếu

Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp; trường hợp việc kiểm phiếu kéo dài sang ngày hôm sau thì Chủ tọa có trách nhiệm thông báo cho cổ đông dự họp kết quả kiểm phiếu thông qua website của VIMC, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác.

Điều 44. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ

1. Nội dung họp Đại hội trực tiếp kết hợp với trực tuyến được Ban thư ký ghi chép và lập thành Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 20 Quy chế này.
2. Biên bản cuộc họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội trực tuyến.

Điều 45. Công bố nghị quyết ĐHĐCĐ

1. Bản sao biên bản, nghị quyết cuộc họp phải được công bố trên trang thông tin điện tử của VIMC trong thời hạn 24 giờ.
2. VIMC phải tổ chức công bố thông tin về ĐHĐCĐ theo quy định của Luật Chứng khoán và Quy chế công bố thông tin của VIMC.

CHƯƠNG III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 46. Vai trò, quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của HĐQT và trách nhiệm của thành viên HĐQT

1. HĐQT là cơ quan quản lý VIMC, có toàn quyền nhân danh VIMC để quyết định, thực hiện quyền, nghĩa vụ của VIMC, trừ các quyền, nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
2. HĐQT phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ VIMC và các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm sau:
 - a) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của VIMC;
 - b) Đối xử bình đẳng đối với tất cả các cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến VIMC;
 - c) Đảm bảo hoạt động của VIMC tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của VIMC;
 - d) Xây dựng Quy chế hoạt động của HĐQT trình ĐHĐCĐ thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của VIMC;
 - e) Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản VIMC sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;
 - f) Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình ĐHĐCĐ thông qua;

- g) Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;
- h) Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người quản lý khác của VIMC;
- i) Báo cáo hoạt động của HĐQT tại ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều lệ VIMC;
- j) Báo cáo tình hình quản trị công ty tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên và công bố thông tin trong Báo cáo thường niên của VIMC theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
- k) Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ VIMC, Quy chế này.

3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ VIMC, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của VIMC và của các đơn vị trong VIMC. Thành viên HĐQT có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ VIMC và các nghĩa vụ sau:

- a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của VIMC;
- b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
- c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với HĐQT các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
- d) Báo cáo HĐQT tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa VIMC, công ty con, công ty do VIMC nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa VIMC với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
- e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của VIMC theo quy định của pháp luật.

Điều 47. Số lượng, nhiệm kỳ, cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT

- 1. Số lượng, nhiệm kỳ, cơ cấu thành viên HĐQT: theo quy định tại Điều 34 Điều lệ VIMC.
- 2. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện được quy định tại Điều 35 Điều lệ VIMC.

Điều 48. Ứng cử, đề cử thành viên HĐQT

- 1. Ứng viên được HĐQT đề cử thêm phải có mặt tại ĐHĐCĐ;
- 2. Ứng viên phải báo cáo trước ĐHĐCĐ thông tin cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 33 Điều lệ VIMC;
- 3. Cổ đông hoặc bất kỳ thành viên nào của Đoàn Chủ tịch, HĐQT, Ban kiểm soát đương nhiệm đều có quyền đặt câu hỏi về lý lịch và chuyên môn.
- 4. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người ứng cử thành viên HĐQT phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai

mạc ĐHĐCĐ. Việc ứng cử, đề cử thành viên HĐQT Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau:

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu: Từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 01 ứng viên; từ 20% đến dưới 35% được đề cử tối đa 02 ứng viên; từ 35% đến dưới 50% được đề cử tối đa 03 ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa 04 ứng viên; từ 65% đến dưới 75% được đề cử tối đa 05 ứng viên; từ 75% trở lên được đề cử tối đa 06 ứng viên.

5. Trường hợp số lượng ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, HĐQT đương nhiệm đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.

Điều 49. Cách thức bầu thành viên HĐQT

1. Nguyên tắc bầu thành viên HĐQT được thực hiện theo Điều lệ VIMC. Theo đó, việc bầu thành viên HĐQT được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

2. Người trúng cử được xác định theo số phiếu từ cao xuống thấp cho đến khi đủ số thành viên quy định. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến) để bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau. Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo khoản 3 Điều 29 Điều lệ VIMC.

Điều 50. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT

1. ĐHĐCĐ miễn nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 35 của Điều lệ VIMC;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

2. ĐHĐCĐ bãi nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Không còn là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

c) Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của VIMC.

3. Khi xét thấy cần thiết, ĐHĐCĐ quyết định thay thế thành viên HĐQT; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba so với số đã được ĐHĐCĐ thông qua. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, ĐHĐCĐ bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 51. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Việc thay đổi nhân sự HĐQT của VIMC phải được công bố thông tin trên website của VIMC và phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK theo các quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 52. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên HĐQT, VIMC phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của VIMC để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của VIMC nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố bao gồm:

- (1) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- (2) Trình độ chuyên môn;
- (3) Quá trình công tác;
- (4) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác);

(5) Lợi ích có liên quan tới VIMC và các bên có liên quan của VIMC;

(6) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ VIMC;

2. VIMC phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên HĐQT (nếu có).

Điều 53. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT

1. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT.

2. Chủ tịch HĐQT được bầu trong cuộc họp đầu tiên của HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp HĐQT.

3. Chủ tịch HĐQT không được kiêm Tổng giám đốc.
4. Chủ tịch HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp HĐQT;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
 - e) Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ;
 - f) Thay mặt HĐQT ký các quyết định, nghị quyết của HĐQT; ký các văn bản khác để xử lý công việc thuộc quyền hạn và nghĩa vụ của HĐQT;
 - g) Đảm bảo các thành viên HĐQT nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà HĐQT phải xem xét;
 - h) Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch HĐQT;
 - i) Giám sát các thành viên HĐQT trong việc thực hiện các công việc được phân công;
 - j) Các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 3 Điều lệ.
 - k) Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ VIMC.
5. Chủ tịch HĐQT sẽ bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT theo quy định tại Điều 35 Điều lệ VIMC;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.
6. Việc bãi nhiệm cũng như bầu, miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT được thực hiện khi có quyết định của HĐQT. Quyết định này sẽ được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp HĐQT.
7. Trường hợp Chủ tịch HĐQT có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
8. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một

người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.

Điều 54. Thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT

1. VIMC có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên HĐQT theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên HĐQT được hưởng thù lao cho công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên HĐQT và mức thù lao mỗi ngày. HĐQT dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của VIMC theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của VIMC và phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.

5. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT hoặc các tiểu ban của HĐQT.

6. Thành viên HĐQT có thể được VIMC mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ VIMC.

Điều 55. Trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT

1. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm: HĐQT họp định kỳ ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

2. Các trường hợp phải triệu tập họp HĐQT bất thường

a) Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:

- Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên HĐQT.

b) Đề nghị nêu tại điểm a khoản này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

c) Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại điểm a khoản này. Trường hợp không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với VIMC; người đề nghị có quyền thay thế triệu tập họp HĐQT.

3. Thông báo họp HĐQT

a) Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

b) Thông báo mời họp HĐQT có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử, hoặc lịch họp trên hệ thống Văn phòng điện tử của VIMC và phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại VIMC.

4. Quyền dự họp của thành viên Ban kiểm soát

a) Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên HĐQT.

b) Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

5. Điều kiện tổ chức họp HĐQT

Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT dự họp.

Điều 56. Cách thức biểu quyết, cách thức thông qua nghị quyết, ủy quyền cho người khác tham dự họp, lập biên bản họp HĐQT

1. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều lệ VIMC;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử, tài khoản Văn phòng điện tử.

2. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

3. Biểu quyết

a) Trừ quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 1 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có 01 phiếu biểu quyết;

b) Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của VIMC. Thành viên

HĐQT không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên HĐQT mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d) Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều lệ VIMC được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e) Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

4. Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với VIMC và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với VIMC, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

5. HĐQT có quyền lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để thông qua Nghị quyết HĐQT khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT tại khoản 2 Điều 37 Điều lệ VIMC.

6. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

7. Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên HĐQT, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

8. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT

Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

9. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên HĐQT

a) Thành viên HĐQT có thể ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp HĐQT bằng văn bản gửi đến Chủ tịch HĐQT trước ngày tổ chức họp ít nhất 01 ngày làm việc.

b) Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

10. Lập biên bản họp HĐQT

Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 41 Điều lệ VIMC.

Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.

Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của VIMC.

Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm gửi biên bản họp HĐQT tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày gửi. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 41 Điều lệ VIMC.

Trường hợp chủ tọa và Thư ký từ chối ký biên bản họp HĐQT thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g, h khoản 1 Điều 41 Điều lệ VIMC thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký biên bản họp. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp HĐQT.

Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

11. Thông báo nghị quyết, quyết định của HĐQT

HĐQT đảm bảo tất cả các bản sao nghị quyết, quyết định của HĐQT sẽ được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc đồng thời với việc cung cấp cho thành viên HĐQT.

Điều 57. Các tiểu ban thuộc HĐQT

1. Vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền của các tiểu ban thuộc HĐQT và từng thành viên trong tiểu ban

HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài.

2. HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

3. Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ VIMC, Quy chế này.

4. Việc thành lập và hoạt động của tiểu ban kiểm toán nội bộ và các tiểu ban khác thuộc HĐQT (nếu có) được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ VIMC. Nguyên tắc hoạt động của các tiểu ban:

a) Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban;

b) Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ VIMC và Quy chế này.

Điều 58. Lựa chọn, bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty

a) Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của VIMC.

b) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật và quyết định của HĐQT.

2. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

HĐQT bổ nhiệm ít nhất 01 người làm người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại VIMC. Người phụ trách quản trị công ty có

thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

3. Các trường hợp bãi nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty
Người phụ trách quản trị công ty bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Có đơn xin từ chức và được chấp thuận;
- b) Không đáp ứng được tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều này;
- c) Các trường hợp vi phạm pháp luật bị xử lý trách nhiệm hình sự hoặc vi phạm nghiêm trọng quy định của VIMC;
- d) Sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;
- e) Các trường hợp khác khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

4. Thông báo bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

VIMC phải thông báo về việc bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty cũng như thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán, Quy chế công bố thông tin của VIMC và pháp luật có liên quan.

5. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty

Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa VIMC và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, Ban kiểm soát và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;
- f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của VIMC;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ VIMC;
- j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ VIMC.

CHƯƠNG IV

BAN KIỂM SOÁT CỦA VIMC

Điều 59. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ VIMC và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao; có vai trò, quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 52 Điều lệ VIMC.

Điều 60. Số lượng, nhiệm kỳ, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng, nhiệm kỳ, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 1, Điều 50 Điều lệ VIMC.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2, Điều 50 Điều lệ VIMC.

3. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau:

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu: Từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 01 ứng cử viên; Từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 02 ứng cử viên; Từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 03 ứng cử viên; Từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 04 ứng cử viên; Từ 50% trở lên tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 05 ứng cử viên.

b) Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

4. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát:

Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến) để bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau. Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo khoản 2 Điều 29 Điều lệ VIMC.

5. Các trường hợp miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát:

ĐHĐCĐ miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại điểm a, b, c, d, e khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

6. ĐHĐCĐ bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ VIMC;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết ĐHĐCĐ.

7. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát:

Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, VIMC phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của VIMC để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của VIMC nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT, Ban kiểm soát của công ty khác);

e) Lợi ích có liên quan tới VIMC và các bên có liên quan của VIMC;

f) VIMC phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới VIMC của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

8. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát:

a) Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của ĐHĐCĐ. ĐHĐCĐ quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

b) Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được ĐHĐCĐ chấp thuận, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác.

c) Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của VIMC theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của VIMC.

CHƯƠNG V

TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 61. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của VIMC; chịu sự giám sát của HĐQT; chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao. Tổng giám đốc có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 4,5,6 Điều 47 Điều lệ VIMC.

2. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của VIMC theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ VIMC, hợp đồng lao động ký với VIMC và nghị quyết, quyết định của HĐQT. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho VIMC thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại cho VIMC.

Điều 62. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc

1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc:

Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 48 Điều lệ VIMC.

3. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc:

a) HĐQT bổ nhiệm 01 thành viên HĐQT hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

b) Hồ sơ đề nghị HĐQT bổ nhiệm Tổng giám đốc bao gồm:

- Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự kê khai nêu rõ nhân thân, học vấn, kinh nghiệm;

- Bản kê khai tài sản, thu nhập;

- Chương trình hành động;

- Bản tự nhận xét đánh giá quá trình công tác;

- Các bản sao văn bằng, chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng (có công chứng hoặc đóng dấu của cơ quan sao y bản chính);

- Các kết luận kiểm tra, thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo và các giấy tờ liên quan khác đối với nhân sự đề nghị bổ nhiệm (nếu có);

**Toàn bộ hồ sơ đề nghị bổ nhiệm Tổng giám đốc phải được gửi đến các thành viên HĐQT cùng với tài liệu mời họp xem xét bổ nhiệm Tổng giám đốc.*

c) HĐQT thông qua nghị quyết để Chủ tịch HĐQT ký quyết định bổ nhiệm Tổng giám đốc.

d) Sau khi có quyết định bổ nhiệm Tổng giám đốc, Chủ tịch HĐQT ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc. Nội dung hợp đồng lao động phải quy định rõ mức thu nhập, nguyên tắc trả tiền lương, thù lao và lợi ích khác được hưởng, trách nhiệm và quyền hạn. Hợp đồng lao động phải tuân thủ các quy định của pháp luật lao động và Điều lệ VIMC.

e) Trong thời gian thực hiện thủ tục bổ nhiệm Tổng giám đốc, HĐQT quyết định việc giao nhiệm vụ cho một người quản lý doanh nghiệp hoặc một người điều hành doanh nghiệp khác thực hiện quyền, nghĩa vụ của Tổng giám đốc và đại diện theo pháp luật của VIMC.

4. Miễn nhiệm, bãi nhiệm chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng giám đốc:

a) HĐQT có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên HĐQT dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.

b) Tổng giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này;
- Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi HĐQT và Ban kiểm soát trước khi ngừng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình ít nhất 45 ngày;
- Theo quyết định của HĐQT;
- Các trường khác theo quy định pháp luật hiện hành.

5. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc: Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, VIMC có trách nhiệm công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của VIMC và cho các cơ quan quản lý nhà nước theo trình tự và quy định của pháp luật.

6. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc:

a) VIMC trả tiền lương, thưởng, thù lao và lợi ích khác cho Tổng giám đốc theo kết quả và hiệu quả kinh doanh và do HĐQT quyết định.

b) Tiền lương, thưởng, thù lao và lợi ích khác của Tổng giám đốc và người điều hành khác được tính vào chi phí kinh doanh theo quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo ĐHCĐ tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG VI

CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 63. Nguyên tắc phối hợp công tác

1. Việc phối hợp công tác giữa HĐQT, thành viên HĐQT với Tổng giám đốc và những người điều hành khác của VIMC cần tuân thủ các nguyên tắc sau:

- a) Luôn trung thành với lợi ích của cổ đông và của VIMC;
- b) Tuân thủ các quy định của pháp luật của Nhà nước, Điều lệ và quy định nội bộ của VIMC;
- c) Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch;
- d) Thực hiện nhiệm vụ với tinh thần trách nhiệm cao, trung thực, hợp tác và chủ động phối hợp giải quyết vướng mắc, khó khăn khi phát sinh.

2. Trong trường hợp khẩn cấp, các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc có thể thông tin ngay (bằng gặp mặt, điện thoại hoặc email) cho Chủ tịch HĐQT, Trưởng Ban kiểm soát hoặc Tổng giám đốc hoặc cả ba để phối hợp giải quyết hiệu quả.

Điều 64. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

1.1. Thành phần mời họp HĐQT do Chủ tịch HĐQT quyết định nhưng ít nhất bao gồm các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát. HĐQT có thể mời Tổng giám đốc không là thành viên HĐQT hoặc người khác (Phó Tổng giám đốc, Trưởng các ban, lãnh đạo các chi nhánh có liên quan tham dự, báo cáo công việc và tham gia ý kiến) tham dự cuộc họp của HĐQT khi cần thiết.

Trình tự, thủ tục tiến hành cuộc họp HĐQT được quy định tại Điều lệ VIMC.

1.2. Tại các cuộc họp có nội dung quan trọng, Trưởng Ban kiểm soát có thể mời một số thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và những người điều hành khác của VIMC để thảo luận về những vấn đề có liên quan. Thông báo mời họp phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc tại cuộc họp và phải được chuyển đến thành viên dự họp ít nhất 05 ngày trước khi tổ chức họp. Trưởng Ban kiểm soát phải có văn bản thông báo kết quả cuộc họp cho HĐQT và Tổng giám đốc trong thời gian 05 ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.

Trình tự, thủ tục tiến hành cuộc họp này thực hiện theo các quy định tại Điều lệ VIMC, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát VIMC.

1.3. Tại các cuộc họp có nội dung quan trọng, Tổng giám đốc có thể mời một số thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát tham gia cuộc họp để thảo luận về những vấn đề có liên quan. Thông báo mời họp phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc tại cuộc họp, và phải được chuyển đến thành viên dự họp ít nhất 03 ngày làm việc trước khi tổ chức họp. Tổng giám đốc phải có văn bản thông báo kết quả cuộc họp cho HĐQT và Trưởng Ban kiểm soát trong thời gian 05 ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.

Chủ tịch HĐQT có quyền tham dự hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị nội dung trình HĐQT do Tổng giám đốc chủ trì.

1.4. Thông báo nghị quyết, quyết định của HĐQT cho Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

HĐQT đảm bảo tất cả các bản sao nghị quyết, quyết định của HĐQT sẽ được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc đồng thời với việc cung cấp cho thành viên HĐQT.

1.5. Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT

a) Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT khi Ban kiểm soát hoặc Tổng giám đốc có đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

b) Trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập cuộc họp HĐQT, trường hợp không triệu tập thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với VIMC. Người đề nghị triệu tập cuộc họp sẽ có quyền thay thế HĐQT triệu tập họp HĐQT.

c) Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp.

1.6. Báo cáo của Tổng giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo (trực tiếp hoặc bằng văn bản) cho HĐQT tình hình thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao. Trong báo cáo, phải phản ánh những nội dung cơ bản sau:

- a) Nội dung chỉ đạo của HĐQT;
- b) Tiến độ thực hiện tính đến thời điểm báo cáo;
- c) Hiệu quả thực hiện và nguyên nhân dẫn đến kết quả;
- d) Phương hướng giải quyết và đề xuất cụ thể (nếu có).

1.7. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng giám đốc

Tổng giám đốc có trách nhiệm nghiêm túc thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT. Trong quá trình thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, nếu phát hiện nội dung không có lợi cho VIMC, Tổng giám đốc có trách nhiệm đề nghị HĐQT xem xét, điều chỉnh cho phù hợp. Trường hợp HĐQT không điều chỉnh, Tổng giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến.

2. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, Ban kiểm soát

Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo HĐQT, Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:

a) Tổng giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu;

b) Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của VIMC, Tổng giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không nhiều hơn 07 ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định;

c) Khi chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của VIMC (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý

của VIMC theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được Tổng giám đốc trình đề HĐQT thông qua;

d) Thông báo cho HĐQT, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa VIMC, công ty con, công ty do VIMC nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật.

e) Các giao dịch giữa VIMC với công ty trong đó các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên HĐQT, Tổng giám đốc trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

f) Các giao dịch giữa VIMC với công ty trong đó người có liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên HĐQT, Tổng giám đốc hoặc cổ đông lớn;

g) Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là 07 ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng 07 ngày làm việc.

Điều 65. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên

1. Quan hệ công việc giữa HĐQT với Ban kiểm soát

a) HĐQT tôn trọng quyền của Ban kiểm soát trong công tác kiểm tra tính hợp lý và hợp pháp trong hoạt động quản lý, điều hành VIMC, đồng thời tạo điều kiện để Ban kiểm soát tiến hành kiểm tra các hoạt động quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của VIMC theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn trong Điều lệ VIMC và nghị quyết của ĐHĐCĐ.

b) HĐQT có trách nhiệm tiếp thu và có biện pháp chỉnh sửa các thiếu sót hoặc khiếm khuyết trong công tác quản lý, điều hành theo kết luận kiểm tra của Ban kiểm soát, đồng thời có trách nhiệm chỉ đạo Tổng giám đốc thực hiện các biện pháp cần thiết để xử lý các sai phạm (nếu có) và/hoặc khắc phục các thiếu sót trong công tác điều hành, trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của VIMC.

c) Chủ tịch HĐQT đảm bảo các thành viên Ban kiểm soát được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ và bất thường của HĐQT.

d) HĐQT đảm bảo thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT, các thông tin khác được cung cấp cho thành viên HĐQT, nghị quyết, quyết định của HĐQT sẽ được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

e) Ban kiểm soát thực hiện việc thẩm định các Báo cáo tài chính của VIMC, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá hoạt động của HĐQT đồng thời định kỳ thông báo cho HĐQT về kế hoạch tiến hành cũng như kết quả thực hiện công tác kiểm tra kiểm soát đối với hoạt động quản lý, điều hành và tình hình ghi chép sổ sách kế toán và lập báo cáo tài chính của VIMC.

f) Thành viên Ban kiểm soát có thể đề nghị HĐQT cung cấp thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành của VIMC, ngoài những thông tin báo cáo định kỳ phải cung cấp theo quy định.

2. Quan hệ công việc giữa HĐQT với Tổng giám đốc và bộ máy điều hành

a) HĐQT có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi cần thiết để Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc hoàn thành nhiệm vụ được giao.

b) Tổng giám đốc có trách nhiệm nghiêm túc thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT. Trong quá trình thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, nếu phát hiện nội dung không có lợi cho VIMC, Tổng giám đốc có trách nhiệm đề nghị HĐQT xem xét, điều chỉnh cho phù hợp. Trường hợp HĐQT không điều chỉnh nghị quyết, quyết định, Tổng giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến.

c) Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo (trực tiếp hoặc bằng văn bản) HĐQT tình hình thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao. Trong báo cáo phải phản ánh được những nội dung cơ bản sau:

- Nội dung chỉ đạo của HĐQT;
- Tiến độ thực hiện tính đến thời điểm báo cáo;
- Hiệu quả thực hiện và nguyên nhân dẫn đến kết quả;
- Phương hướng giải quyết và đề xuất cụ thể (nếu cần).

d) Tổng giám đốc và những người điều hành khác có trách nhiệm tạo mọi điều kiện để các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ được phân công, được tiếp cận thông tin, báo cáo một cách đầy đủ và kịp thời.

e) Định kỳ hàng quý, sáu tháng, hàng năm, Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo HĐQT tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh đã thực hiện và kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn tiếp theo (*có kèm theo bản dự toán*), cùng với kiến nghị cần thiết để thực hiện nhiệm vụ được giao theo thẩm quyền. Khi phát hiện có rủi ro hoặc các sự cố xảy ra có thể ảnh hưởng xấu đến uy tín, hoặc hoạt động sản xuất kinh doanh của VIMC, Tổng giám đốc cần kịp thời báo cáo Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT trực tiếp phụ trách công việc đó biết để có biện pháp xử lý kịp thời.

f) Định kỳ hàng quý, sáu tháng, hàng năm, Tổng giám đốc xin ý kiến HĐQT về nội dung Báo cáo tài chính và các tài liệu giải trình có liên quan trước khi ký ban hành và công bố thông tin.

g) Tổng giám đốc chủ động quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc theo Điều lệ VIMC; quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó, đồng thời phải báo cáo ngay cho HĐQT biết. Thời hạn báo cáo không chậm hơn 24 giờ kể từ thời điểm phát sinh trường hợp khẩn cấp.

h) Đối với những nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT, Tổng giám đốc phải có tờ trình xin ý kiến đính kèm các tài liệu liên quan gửi đến HĐQT. Tờ trình xin ý kiến phải đảm bảo những nội dung cơ bản sau:

- Nội dung cần xin ý kiến;
- Quan điểm của Tổng giám đốc về nội dung cần xin ý kiến;
- Đề xuất cụ thể phương hướng giải quyết.

3. Quan hệ giữa Ban kiểm soát với Tổng giám đốc

a) Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng giám đốc trong công tác quản lý, điều hành VIMC. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, Ban kiểm soát cần phải bàn bạc thống nhất với Tổng giám đốc trước khi báo cáo trước ĐHĐCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với ĐHĐCĐ gần nhất.

b) Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ VIMC của Tổng giám đốc, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với Tổng giám đốc trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

c) Thành viên Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của VIMC tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;

d) Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của Ban kiểm soát phải được gửi đến VIMC trước ít nhất 48 giờ. Ban kiểm soát không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

e) Các nội dung khác cần ý kiến của Tổng giám đốc: phải được gửi trước ít nhất là 07 ngày và Tổng giám đốc sẽ phản hồi trong vòng 07 ngày.

Điều 66. Phối hợp khác

1. HĐQT tạo điều kiện cho các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành và những người điều hành khác của VIMC tham gia các khóa đào tạo, hội nghị, hội thảo, khảo sát trong và ngoài nước nhằm trau dồi trình độ chuyên môn, nâng cao kiến thức quản trị, điều hành. Việc tham gia các khóa đào tạo, hội thảo nói trên không được ảnh hưởng đến công việc chung của VIMC.

2. Các thành viên HĐQT, Tổng giám đốc đi công tác nước ngoài phải có chương trình cụ thể, báo cáo và được Chủ tịch HĐQT chấp thuận bằng văn bản. Tùy theo tính chất và nội dung công việc, Chủ tịch HĐQT có thể yêu cầu cán bộ, nhân viên VIMC có liên quan cùng tham gia.

CHƯƠNG VII

QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NHỮNG NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA VIMC

Điều 67. Phương thức đánh giá hoạt động của người quản lý, người điều hành của VIMC

1. Việc đánh giá hoạt động của HĐQT, Ban kiểm soát và những người điều hành VIMC được thực hiện hàng năm.

2. Thẩm quyền thực hiện đánh giá:

a) HĐQT tổ chức đánh giá nhận xét mức độ hoàn thành công việc và các tiêu chuẩn khác đối với thành viên HĐQT và các chức danh do HĐQT bổ nhiệm;

b) Ban kiểm soát tổ chức đánh giá nhận xét mức độ hoàn thành công việc và các tiêu chuẩn khác đối với thành viên Ban kiểm soát;

c) Tổng giám đốc chủ trì công tác đánh giá nhận xét mức độ hoàn thành công việc và các tiêu chuẩn khác đối với các chức danh do Tổng giám đốc bổ nhiệm;

3. Tiêu chí, trình tự thủ tục đánh giá nhận xét người điều hành do cấp có thẩm quyền đánh giá quyết định.

4. Ban Tổ chức nhân sự, Người phụ trách quản trị công ty, tiểu ban thuộc HĐQT được giao thực hiện hoạt động đánh giá này có trách nhiệm chuẩn bị tài liệu hướng dẫn và giúp việc cho HĐQT, Tổng giám đốc trong công tác đánh giá nhận xét cán bộ hàng năm.

Điều 68. Nguyên tắc áp dụng các hình thức kỷ luật

1. Các hành vi bị xem xét áp dụng hình thức kỷ luật:

a) Vi phạm tiêu chuẩn chức danh hoặc vi phạm nghĩa vụ theo quy định của VIMC.

b) Vi phạm pháp luật bị Tòa án kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật.

c) Các trường hợp chưa xem xét xử lý kỷ luật:

(i) Đang trong thời gian nghỉ hàng năm, nghỉ theo chế độ, nghỉ việc riêng được cấp có thẩm quyền cho phép;

(ii) Đang trong thời gian điều trị có xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền;

(iii) Đang bị tạm giữ, tạm giam chờ kết luận của cơ quan có thẩm quyền điều tra, truy tố, xét xử về hành vi vi phạm pháp luật.

2. Các trường hợp được miễn trách nhiệm kỷ luật:

a) Được cơ quan có thẩm quyền xác nhận tình trạng mất năng lực hành vi dân sự khi thực hiện hành vi sai phạm;

b) Được cấp có thẩm quyền xác nhận vi phạm quy định trong tình thế bất khả kháng khi thực hiện nhiệm vụ.

Điều 69. Khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT

1. Việc trích lập quỹ khen thưởng đối với thành viên HĐQT VIMC được quy định tại Quy chế quản lý tài chính của VIMC.

2. HĐQT chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về việc thực hiện các hoạt động thuộc phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT. Các thành viên HĐQT có thể bị xem xét kỷ luật khi có hành vi vi phạm đã được quy định trong Điều lệ VIMC và các quy định khác của VIMC.

Điều 70. Khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Ban kiểm soát

1. Việc trích lập quỹ khen thưởng đối với thành viên Ban kiểm soát VIMC được quy định tại Quy chế quản lý tài chính của VIMC.

2. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát. Các thành

viên Ban kiểm soát có thể bị xem xét kỷ luật khi có hành vi vi phạm đã được quy định trong Điều lệ VIMC và các quy định khác của VIMC.

Điều 71. Khen thưởng và kỷ luật đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng

1. Khen thưởng và kỷ luật đối với Tổng giám đốc:

a) Khen thưởng: HĐQT sẽ quyết định việc khen thưởng cụ thể cho Tổng giám đốc theo chính sách đã thiết lập và thỏa thuận trước, chi phí này được hạch toán vào chi phí quản lý. Việc khen thưởng thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và Quy chế quản lý tài chính của VIMC.

b) Kỷ luật: Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng giám đốc có thể bị xem xét kỷ luật khi có hành vi vi phạm đã được quy định trong Điều lệ VIMC và các quy định khác của VIMC.

2. Khen thưởng và kỷ luật đối với những người điều hành khác:

a) Khen thưởng: HĐQT sẽ quyết định việc khen thưởng cụ thể cho các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng VIMC theo đề nghị của Tổng giám đốc và theo chính sách của VIMC, chi phí này được hạch toán vào chi phí quản lý. Việc khen thưởng thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và Quy chế quản lý tài chính của VIMC.

b) Kỷ luật: Những người điều hành của VIMC có thể bị xem xét kỷ luật khi có hành vi vi phạm đã được quy định trong Điều lệ VIMC và các quy định khác của VIMC.

Điều 72. Trách nhiệm về thiệt hại

1. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ do pháp luật và VIMC quy định sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Trách nhiệm về thiệt hại được xem xét ngay cả trong trường hợp cá nhân không có hành vi trực tiếp hoặc gián tiếp gây thiệt hại nhưng không có ý thức ngăn cản hành vi vi phạm đó.

CHƯƠNG VIII

THỰC HIỆN, SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG QUY CHẾ

Điều 73. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Trong quá trình thực hiện, khi có nội dung không còn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và hoạt động quản trị của VIMC, Quy chế sẽ được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này thuộc thẩm quyền xem xét, quyết định của ĐHĐCĐ VIMC.

3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật hiện hành có liên quan đến hoạt động của VIMC chưa được đề cập hoặc có nội dung khác với nội dung trong Quy chế này thì sẽ áp dụng của quy định của pháp luật hiện hành.

4.

Điều 74. Hiệu lực

1. Quy chế này gồm 08 chương và 75 điều được ĐHĐCĐ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP nhất trí thông qua, chấp thuận hiệu lực toàn văn và giao cho HĐQT VIMC ban hành, triển khai thực hiện kể từ ngày

2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của VIMC.

3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế về quản trị công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT.

Điều 75. Tổ chức thực hiện

1. HĐQT, Tổng giám đốc chịu trách nhiệm phối hợp triển khai việc thực hiện Quy chế này.

2. Ban kiểm soát có trách nhiệm kiểm tra giám sát việc thực hiện Quy chế này trong VIMC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Cảnh Tĩnh

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;
Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019;
Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;
Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 63/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/4/2026;
Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam-CTCP được ban hành kèm theo Quyết định số 64/QĐ-HHVN ngày 15/4/2026,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc; Kế toán trưởng, Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban chuyên môn nghiệp vụ; Giám đốc: Trung tâm Công nghệ thông tin, Trung tâm Chuyển đổi, Giám đốc Ban Quản lý dự án chuyên ngành hàng hải, Giám đốc các Đơn vị phụ thuộc Tổng công ty Hàng hải Việt Nam; Người đại diện phần vốn của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam-CTCP tại các doanh nghiệp có vốn góp; Chủ tịch Công ty/Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính (để b/c);
- Ban kiểm soát;
- Đảng ủy TCT;
- Công đoàn TCT
- Lưu: VT, CT HĐQT, TK-TH

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Cảnh Tĩnh

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 179/QĐ-HHVN ngày 27/4/2021
và được sửa đổi bổ sung theo Quyết định số 65/QĐ-HHVN ngày 15/4/2026
của Hội đồng quản trị Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP)*

MỤC LỤC

	Trang
CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG.....	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.....	3
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị.....	3
Điều 3. Giải thích từ ngữ.....	3
CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	3
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.....	3
Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.....	4
Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị.....	4
Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị.....	4
Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	4
Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.....	4
Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	4
Điều 11. Thông báo bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	5
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	6
Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	6
Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch.....	6
Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	6
CHƯƠNG IV. CÁC TIỂU BAN VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	7
Điều 15. Các Tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị	7
Điều 16. Người phụ trách quản trị công ty.....	7
Điều 17. Bộ máy giúp việc Hội đồng quản trị.....	7
CHƯƠNG V. CÁCH THỨC GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	8
Điều 18. Nguyên tắc giải quyết công việc của Hội đồng quản trị	8
Điều 19. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	9
Điều 20. Biên bản họp Hội đồng quản trị.....	9

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.....	9
Điều 22. Lưu trữ hồ sơ, tài liệu của Hội đồng quản trị.....	10
CHƯƠNG VI. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH.....	20
Điều 23. Trình báo cáo hàng năm.....	11
Điều 24. Tiền lương, thù lao, thưởng và các lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	11
Điều 25. Công khai các lợi ích có liên quan.....	12
CHƯƠNG VII. MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	22
Điều 26. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị.....	13
Điều 27. Mối quan hệ với Tổng giám đốc và bộ máy điều hành.....	13
Điều 28. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát.....	13
Điều 29. Hiệu lực thi hành.....	13
Mẫu số 1.....	14
Mẫu số 2.....	15
Mẫu số 3.....	16
Mẫu số 4.....	17
Mẫu số 5.....	19

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP

(Ban hành theo Quyết định số 179/QĐ-HHVN ngày 27/4/2021 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP và được sửa đổi bổ sung ngày tháng năm 2026)

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP và các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thực hiện Quy chế này.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ hoặc thuật ngữ được giải thích, định nghĩa như tại Điều lệ VIMC, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác.

2. Trường hợp Điều lệ VIMC và các quy định của pháp luật có liên quan có sự thay đổi dẫn đến quy định tại Quy chế này khác với Điều lệ VIMC và quy định của pháp luật thì áp dụng theo quy định mới tại Điều lệ VIMC và quy định của pháp luật.

CHƯƠNG II THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ VIMC, trong đó có quyền được cung

cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của VIMC và của các đơn vị trong VIMC.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ VIMC, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của các cổ đông và của VIMC;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời và đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa VIMC, công ty con, công ty khác do VIMC nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa VIMC với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của VIMC theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị: thực hiện theo Điều 42 Điều lệ VIMC.

Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị: thực hiện theo Điều 34 Điều lệ VIMC.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị: thực hiện theo Điều 35 Điều lệ VIMC.

Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị: quy định tại Điều 38 Điều lệ VIMC.

Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị: thực hiện theo quy định tại Điều 36 Điều lệ VIMC.

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được

quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ VIMC, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế này. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ VIMC. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ VIMC.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, VIMC phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của VIMC để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của VIMC nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e) Lợi ích có liên quan tới VIMC và các bên có liên quan của VIMC;
- f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ VIMC;

g) VIMC có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị: thực hiện theo quy định tại Điều 37 Điều lệ VIMC.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa VIMC với một trong các đối tượng sau:

a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

b) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của VIMC và những người có liên quan của họ;

c) Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện VIMC ký hợp đồng, giao dịch nêu trên phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 22 Điều lệ VIMC

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ VIMC hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc quy định tại Khoản 2 Điều 26 Điều lệ VIMC.

CHƯƠNG IV

CÁC TIỂU BAN VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Các Tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các Tiểu ban để giúp việc, hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 43 Điều lệ VIMC, Điều 57 Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

2. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, cơ cấu, quyền hạn, trách nhiệm, nhiệm vụ, chế độ làm việc và các nội dung khác có liên quan của các Tiểu ban tại quy chế tổ chức và hoạt động của các Tiểu ban do Hội đồng quản trị ban hành.

Điều 16. Người phụ trách quản trị và Thư ký công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị VIMC để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị công ty có thể là Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là 05 năm. Tiêu chuẩn, quyền, nghĩa vụ và việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty thực hiện theo Điều 44 Điều lệ VIMC, Điều 58 Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Người phụ trách quản trị công ty thuộc cơ cấu tổ chức của Ban Thư ký - Tổng hợp.

3. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ VIMC.

Điều 17. Bộ máy giúp việc Hội đồng quản trị

1. Bộ phận giúp việc trực tiếp: bao gồm Ban Thư ký - Tổng hợp, Ban Kiểm toán nội bộ.

a) Ban Thư ký - Tổng hợp:

Quyết định thành lập, cơ cấu, quyền hạn, trách nhiệm, chế độ làm việc và các nội dung khác có liên quan của Ban Thư ký - Tổng hợp do Hội đồng quản trị ban hành để thực hiện các chức năng:

- Trực tiếp tham mưu, giúp việc Hội đồng quản trị giải quyết công việc quản lý, điều hành hàng ngày theo quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

- Trực tiếp tham mưu, giúp việc cho Người đại diện phần vốn nhà nước tại VIMC thực hiện quyền, trách nhiệm vụ theo quy định tại Quy chế hoạt động của Người đại diện phần vốn nhà nước tại VIMC và các quy định pháp luật hiện hành.

- Chủ trì tổng hợp, xây dựng các đề án về chiến lược phát triển trung và dài hạn, đề án cơ cấu lại của VIMC trình các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các đề án.

- Thực hiện công tác công bố thông tin doanh nghiệp, quan hệ cổ đông.

- Làm Người phụ trách quản trị công ty và Thư ký công ty.

- Thư ký giúp việc cho Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị/Người đại diện phần vốn nhà nước tại VIMC theo Quyết định phân công nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị /Người đại diện phần vốn nhà nước tại VIMC và các quy định pháp luật hiện hành.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác quy định tại Quy chế này hoặc được Chủ tịch Hội đồng quản trị/Người đại diện phụ trách chung và thành viên Hội đồng quản trị/Người đại diện phần vốn nhà nước tại VIMC giao.

b) Ban Kiểm toán nội bộ: Ban Kiểm toán nội bộ là cơ quan tham mưu, giúp việc Hội đồng quản trị VIMC theo các nhiệm vụ quy định tại Quy chế về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị chuyên môn nghiệp vụ thuộc cơ quan văn phòng VIMC hoặc các vấn đề khác được Hội đồng quản trị VIMC, Chủ tịch Hội đồng quản trị VIMC giao.

2. Bộ phận giúp việc khác bao gồm: Các Ban chuyên môn nghiệp vụ, Văn phòng Tổng công ty, Trung tâm công nghệ thông tin; Trung tâm chuyển đổi; Ban Quản lý Dự án chuyên ngành hàng hải, các chi nhánh, văn phòng đại diện được thành lập để thực hiện chức năng tham mưu, giúp việc chung cho Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc trong hoạt động quản trị và điều hành VIMC, đồng thời có trách nhiệm báo cáo những vấn đề liên quan khi có yêu cầu.

CHƯƠNG V

CÁCH THỨC GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 18: Nguyên tắc giải quyết công việc của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ VIMC quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ VIMC gây thiệt hại cho VIMC thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho VIMC; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của VIMC có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 19. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Quy định về cuộc họp Hội đồng quản trị: thực hiện theo Điều 40 Điều lệ VIMC.

2. Cách thức biểu quyết và thông qua nghị quyết: thực hiện quy định tại Điều 56 Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của VIMC.

Điều 20. Biên bản họp Hội đồng quản trị

Việc lập biên bản cuộc họp được thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ VIMC, Quy chế nội bộ về quản trị công ty của VIMC để làm căn cứ cho việc ban hành các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt (và có thể lập thêm bằng tiếng Anh) theo mẫu số 01 kèm theo Quy chế này.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại khoản 2 Điều 37 Điều lệ VIMC.

2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

3. Việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản được thực hiện như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.

b) Ban Thư ký - Tổng hợp rà soát thẩm quyền, tập hợp các tài liệu cần thiết có liên quan để thực hiện xin ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị thông qua phần mềm Văn phòng điện tử (trừ các văn bản mật thì thực hiện soạn thảo Phiếu lấy ý kiến theo mẫu số 02 kèm theo Quy chế này). Tất cả các nội dung (trừ công tác nhân sự) đều gửi tới Ban Kiểm toán nội bộ để cho ý kiến tham mưu cho Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị nghiên cứu và cho ý kiến theo đúng thời hạn quy định.

c) Ý kiến biểu quyết của thành viên HĐQT gửi qua phần mềm Văn phòng điện tử có giá trị pháp lý tương đương biểu quyết qua văn bản giấy.

d) Thời hạn lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản thông thường là 05 ngày làm việc, tùy trường hợp nội dung lấy ý kiến mà thời hạn lấy ý kiến có thể nhiều hơn hoặc ít hơn theo chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT.

e) Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị chưa thấy có đủ cơ sở để cho ý kiến thì ghi yêu cầu vào phiếu lấy ý kiến hoặc phần mềm Văn phòng điện tử để Ban Thư ký - Tổng hợp chuyển lại các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện bổ sung thông tin, tài liệu và giải trình.

f) Đối với các Tờ trình do Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị thì mặc định là người ký Tờ trình đã có ý kiến bằng văn bản đồng ý với nội dung trình.

g) Ban Thư ký - Tổng hợp thực hiện thủ tục kiểm phiếu và lập biên bản tổng hợp phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị; dự thảo Nghị quyết, quyết định, văn bản đề báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền xem xét, ký ban hành nếu đủ tỷ lệ thông qua; trường hợp có ý kiến không tán thành hoặc không có ý kiến thì lập văn bản báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền xin chỉ đạo phương án xử lý theo quy định và Điều lệ VIMC. Biên bản tổng hợp phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị lập theo mẫu số 03, Nghị quyết theo mẫu số 04 kèm theo Quy chế này.

h) Trưởng Ban Thư ký - Tổng hợp và chuyên viên xử lý trực tiếp thực hiện việc nhận và kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của Biên bản tổng hợp phiếu lấy ý kiến; Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền chịu trách nhiệm liên đới về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

i) Biên bản tổng hợp phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị và biên bản đó là bằng chứng xác thực về các nội dung được Hội đồng quản trị thông qua trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày gửi.

j) Phiếu lấy ý kiến đã trả lời, Biên bản tổng hợp phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị, toàn văn nghị quyết, quyết định, văn bản đã được thông qua và các tài liệu, hồ sơ có liên quan đều phải được lưu giữ tại Ban Thư ký - Tổng hợp và trên phần mềm Văn phòng điện tử VIMC theo quy định.

Điều 22. Lưu trữ hồ sơ, tài liệu của Hội đồng quản trị

1. Hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động của Hội đồng quản trị được lưu trữ và bảo mật tại Ban Thư ký - Tổng hợp, trụ sở VIMC và trên phần mềm Văn phòng điện tử của VIMC theo quy định của pháp luật về chế độ văn thư, lưu trữ của VIMC.

2. Ban Thư ký - Tổng hợp phải lập sổ theo dõi Tờ trình/Báo cáo biên bản, nghị quyết/quyết định/văn bản của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật về chế độ văn thư, lưu trữ và quy định của VIMC; ứng dụng công nghệ thông tin để bảo đảm việc lưu trữ, tra cứu, nghiên cứu, trích lục được dễ dàng, thuận lợi.

3. Đối với những tài liệu mang tính chất nội bộ, ảnh hưởng đến khách hàng, sản xuất kinh doanh của VIMC thì những người có quyền như thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát chỉ được phép tìm hiểu hồ sơ, tài liệu tại Văn phòng VIMC. Trong trường hợp có nhu cầu sao chụp hoặc mang những hồ sơ, tài liệu này ra khỏi Văn phòng VIMC thì phải có sự đồng ý hoặc có yêu cầu bằng văn bản gửi Chủ tịch Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VI

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 23. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của VIMC;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành VIMC;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của VIMC chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của VIMC liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 24. Tiền lương, thù lao, thưởng và các lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. VIMC có quyền trả lương, thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng tiền lương, thù lao cho công việc và thưởng. Tiền lương, thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức tiền lương, thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức tiền lương, thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Tiền lương, thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của VIMC theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của VIMC và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện

những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được VIMC mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ VIMC.

Điều 25. Công khai các lợi ích có liên quan

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải kê khai cho VIMC về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với VIMC trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của VIMC đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về VIMC.

CHƯƠNG VII

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 26. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hay lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ VIMC và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 27. Mỗi quan hệ với Tổng giám đốc và bộ máy điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 28. Mỗi quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mỗi quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP bao gồm 08 chương, 29 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Cảnh Tĩnh

Số: ... /BB-HHVN

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

**BIÊN BẢN CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
PHIÊN HỌP THỨ (NGÀY)...**

Hôm nay, vào hồi.... ngày... tháng... năm..., Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP, mã số doanh nghiệp: ..., có địa chỉ trụ sở chính tại số 01 Đào Duy Anh, P. Kim Liên, Hà Nội, tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (HĐQT) tại...

I. MỤC ĐÍCH, CHƯƠNG TRÌNH VÀ NỘI DUNG CUỘC HỌP

...

II. THÀNH PHẦN THAM DỰ

Thành phần tham dự cuộc họp bao gồm:

1. Chủ tọa cuộc họp: Ông (bà)... - Chủ tịch HĐQT

2. Thư ký cuộc họp: Ông (bà)...

3. Tất cả các thành viên của HĐQT gồm:

Ông (bà) ... - Chủ tịch HĐQT

Ông (bà)... - Thành viên chuyên trách HĐQT

...

Tổng số thành viên dự họp: ... thành viên.

Số thành viên vắng mặt: ... thành viên, lý do:...

Tổng số phiếu biểu quyết: ... phiếu

4. Thành viên mời tham dự họp:

- Ông (bà)...

- Ông (bà)...

- ...

III. CÁC VẤN ĐỀ ĐƯỢC THẢO LUẬN VÀ BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP

...

IV. Ý KIẾN CỦA CÁC THÀNH VIÊN DỰ HỌP

...

V. KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT

- Tổng số thành viên tán thành:, đạt tỷ lệ ...%.

- Tổng số thành viên không tán thành:, đạt tỷ lệ ...%.

- Tổng số thành viên không có ý kiến:, đạt tỷ lệ ...%.

VI. CÁC VẤN ĐỀ ĐƯỢC THÔNG QUA TẠI CUỘC HỌP

Căn cứ vào kết quả biểu quyết trên đây, Hội đồng quản trị đã thông qua...

1...

2...

...

Biên bản này được đọc lại tại cuộc họp và được toàn thể Hội đồng quản trị nhất trí thông qua. Biên bản được ban hành trên phần mềm Quản trị văn thư (PO) để gửi tới các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát.

Cuộc họp kết thúc lúch00 cùng ngày.

CHỮ KÝ CỦA CHỦ TỌA VÀ THƯ KÝ CUỘC HỌP

CHỦ TỌA

THƯ KÝ

Số: ... /BB-HHVN

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

PHIẾU LẤY Ý KIẾN

Kính gửi: Ông (bà)

Hội đồng quản trị Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP

I. THÔNG TIN CÔNG TY

Tên công ty: Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP

Trụ sở chính: Số 1 Đào Duy Anh, P. Kim Liên, TP. Hà Nội.

Mã số doanh nghiệp: 0100104595

II. MỤC ĐÍCH, VẤN ĐỀ CẦN LẤY Ý KIẾN

1. Mục đích: Đề thông qua/ ban hành/... ..

2. Vấn đề cần lấy ý kiến

Nội dung 1: ...

Nội dung 2: ...

...

III. TÀI LIỆU KÈM THEO PHIẾU LẤY Ý KIẾN

1. Tờ trình số

2. Báo cáo ...

...

IV. THỜI HẠN GỬI PHIẾU LẤY Ý KIẾN: Trước ... giờ ngày .../ ... / ...

**TL. CHỦ TỊCH HĐQT
TRƯỞNG BAN TK-TH**

Nguyễn Văn B

V. BIỂU QUYẾT CỦA THÀNH VIÊN HĐQT

Nội dung 1:

TÁN THÀNH: ☐

KHÔNG TÁN THÀNH: ☐

KHÔNG CÓ Ý KIẾN: ☐

Nội dung ...:

TÁN THÀNH: ☐

KHÔNG TÁN THÀNH: ☐

KHÔNG CÓ Ý KIẾN: ☐

Ngày... tháng.... năm.....

Ký và ghi rõ họ tên

Số: .../BBYK-HĐQT

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

BIÊN BẢN
Tổng hợp phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP

Ban Thư ký - Tổng hợp thực hiện việc tổng hợp các Phiếu lấy ý kiến .../PLYK-HĐQT ngày .../.../... đối với Tờ trình/Báo cáo/Văn bản số .../... ngày .../.../... của ... về việc..., kết quả như sau:

I. Nội dung lấy ý kiến:

Nội dung 1: ...

Nội dung 2:...

...

II. Ý kiến của các thành viên HĐQT:

3.1. Ông (bà) ...: “... ”

3.2. Ông (bà) ...: “... ”

...

III. Kết quả kiểm phiếu:

Nội dung ...:

1. Tổng số phiếu tham gia biểu quyết: ... phiếu, trong đó có ... phiếu biểu quyết hợp lệ và ... phiếu biểu quyết không hợp lệ.

2. Tỷ lệ biểu quyết:

- Số phiếu tán thành:.../... (gồm các ông (bà):...) đạt tỷ lệ ...% tổng số phiếu biểu quyết.

- Số phiếu không tán thành:.../... (gồm các ông (bà): ...) đạt tỷ lệ ...% tổng số phiếu biểu quyết.

- Số phiếu không có ý kiến: .../... (gồm các ông (bà): ...) đạt tỷ lệ ...% tổng số phiếu biểu quyết.

...

a. Các nội dung HĐQT thông qua:

...

Biên bản được lưu tại Ban TK-TH và gửi các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát Tổng công ty.

CHỦ TỊCH HĐQT

TRƯỞNG BAN TK-TH

Nguyễn Văn A

Nguyễn Văn B

Số: ... /NQ-HHVN

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

NGHỊ QUYẾT
Về

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số ... ngày ...;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CRCP;

Căn cứ Biên bản tổng hợp phiếu lấy ý kiến Hội đồng quản trị Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP số .../BBYK-HĐQT ngày .../.../... đối với Tờ trình/Báo cáo/Văn bản số .../... ngày .../.../... của ... về việc...,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. ...

Điều 2...

Điều ... Giao ... tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp các quy định hiện hành có liên quan./.

Nơi nhận:

- Như Điều ...;
- Ban Kiểm soát;
- Các thành viên HĐQT;
- ...;
- Lưu VT, TK-TH, ...

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn A

Số: ... /NQ-HHVN

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

NGHỊ QUYẾT
Phiên họp ngày tháng năm

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2025;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP số.../BB-HHVN ngày ...,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1...

Điều 2...

Điều ... Giao ...thực hiện ... và Nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp các quy định hiện hành có liên quan./.

Nơi nhận:

- Như Điều ...;
- Ban Kiểm soát;
- Các thành viên HĐQT;
- ...;
- Lưu: VT, TK-TH, ...

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn A

TỜ TRÌNH
Về việc phê duyệt Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (VIMC);

Căn cứ nhu cầu kiện toàn cơ chế giám sát, kiểm soát nội bộ và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Ban Kiểm soát trong giai đoạn 2026-2030.

Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát ban hành năm 2021 đã tạo nền tảng cho hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát trong thời gian qua. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay, hệ thống pháp luật liên quan đến quản trị doanh nghiệp và thị trường chứng khoán đã có những sửa đổi, bổ sung; đồng thời Điều lệ Tổng công ty dự thảo sửa đổi năm 2026 có một số quy định cập nhật về cơ chế tổ chức, hoạt động, chế độ thông tin, chế độ họp và trách nhiệm của Ban Kiểm soát.

Vì vậy, việc xây dựng và trình ĐHĐCĐ thông qua Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát là cần thiết nhằm bảo đảm: (i) tuân thủ Điều lệ và pháp luật hiện hành; (ii) thống nhất quy trình nghiệp vụ, chế độ làm việc; (iii) nâng cao tính độc lập, khách quan và hiệu quả giám sát; (iv) tăng cường minh bạch, phòng ngừa xung đột lợi ích và rủi ro quản trị.

Do đó, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét và phê duyệt “Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP” áp dụng từ năm 2026. Dự thảo Quy chế kèm theo Tờ trình này là cơ sở để Ban Kiểm soát và các đơn vị/cá nhân liên quan tổ chức thực hiện thống nhất.

Sau khi được ĐHĐCĐ phê duyệt, Ban Kiểm soát sẽ ban hành quyết định và phối hợp với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các đơn vị chức năng để phổ biến, triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các thành viên HĐQT;
- Lưu: VT, BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



Lương Đình Minh

Số: 66/QĐ-HHVN

Hà nội, ngày 15 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP**

BAN KIỂM SOÁT

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020 và các sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp.

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019 và các sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP đã được ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua ngày 15/4/2026;

Căn cứ Nghị quyết số 63/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/4/2026 của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP ban hành theo Quyết định số 169/QĐ-HHVN ngày 26/4/2021.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Trưởng các ban, đơn vị, Người đại diện vốn và Kiểm soát viên tại các công ty có vốn góp của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Trương Đình Minh

MỤC LỤC

Chương I.....	3
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG.....	3
Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng	3
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát.....	3
Điều 3. Giải thích từ ngữ.....	3
Chương II.....	3
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	3
Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát.....	3
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban Kiểm soát.....	4
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban Kiểm soát.....	4
Điều 7. Trưởng Ban Kiểm soát.....	4
Điều 8. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát	5
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát.....	6
Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	6
Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	7
Chương III	7
BAN KIỂM SOÁT.....	7
Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát.....	7
Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát	9
Điều 14. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông	10
Chương IV.....	10
CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT	10
Điều 15. Nguyên tắc làm việc của Ban Kiểm soát.....	10
Điều 16. Cuộc họp của Ban Kiểm soát.....	11
Điều 17. Biên bản họp Ban Kiểm soát	11
Chương V	12
BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH	12
Điều 18. Trình báo cáo hàng năm	12
Điều 19. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên.....	12
Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan	13
Chương VI.....	13
MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT	13
Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban Kiểm soát	13
Điều 22. Quan hệ làm việc với Tổng Giám đốc.....	14
Điều 23. Quan hệ làm việc với Hội đồng quản trị.	14
Chương VII.....	15
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	15
Điều 24. Hiệu lực thi hành	15

QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP
(Ban hành kèm Quyết định số 66/QĐ-HHVN ngày 15 tháng 4 năm 2026
của Ban Kiểm soát Tổng công ty Hàng hải Việt Nam -CTCP)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (Ban Kiểm soát) quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát được áp dụng cho Ban Kiểm soát, các thành viên Ban Kiểm soát và các đối tượng quy định tại Điều 3 Quyết định ban hành Quy chế này.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Các từ ngữ đã được định nghĩa trong Điều lệ VIMC cũng có nghĩa tương tự như trong Quy chế này.

2. Trường hợp Điều lệ VIMC và các quy định của pháp luật có liên quan có sự thay đổi dẫn đến quy định tại Quy chế này khác với Điều lệ VIMC và quy định của pháp luật thì áp dụng theo quy định mới tại Điều lệ VIMC và quy định của pháp luật.

Chương II
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ VIMC, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của VIMC.

3. Trung thành với lợi ích của VIMC và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của VIMC để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ VIMC.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho VIMC hoặc người khác thì thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho VIMC.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

7. Thực hiện các nhiệm vụ theo phân công của Trưởng Ban Kiểm soát và báo cáo kết quả thực hiện.

8. Tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát, tham gia góp ý và biểu quyết những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát có 3 (ba) thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban Kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của VIMC.

3. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban Kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của VIMC;

3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác; Không phải là người quản lý doanh nghiệp; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của VIMC;

4. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của VIMC;

5. Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của VIMC trong 03 năm liền trước đó.

Điều 7. Trưởng Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của VIMC.

2. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát: Ngoài các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 4 Quy chế này, Trưởng Ban Kiểm soát có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tổ chức triển khai việc thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát tại Điều 12 Quy chế này;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung các cuộc họp của Ban Kiểm soát trên cơ sở xem xét các vấn đề và mối quan tâm của tất cả các Kiểm soát viên liên quan đến các nội dung quy định tại Điều 12 Quy chế này;

c) Triệu tập và chủ tọa các cuộc họp của Ban Kiểm soát;

d) Thay mặt Ban Kiểm soát yêu cầu Hội đồng quản trị họp bất thường khi cần thiết để thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát; Thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập họp ĐHĐ cổ đông bất thường khi Hội đồng quản trị có hành vi vi phạm pháp luật, theo quy định của pháp luật và của Điều lệ VIMC;

e) Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát;

f) Phê duyệt chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát định kỳ 6 tháng, hàng năm; tổ chức chỉ đạo thực hiện chương trình, kế hoạch của Ban Kiểm soát đã được phê duyệt;

g) Phân công Kiểm soát viên giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của VIMC; qua đó đánh giá, nhận định rủi ro trong quá trình hoạt động để đưa vào kế hoạch kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát; nhằm đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và các yêu cầu của đại hội đồng cổ đông đề ra;

h) Ủy quyền cho một Kiểm soát viên thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt;

i) Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, tham gia ý kiến và đưa ra các kiến nghị nhưng không biểu quyết;

j) Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong Biên bản họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến của mình khác với quyết định của Hội đồng quản trị;

k) Trực tiếp tham gia các cuộc họp giao ban định kỳ, các cuộc hội nghị, hội thảo chuyên đề của VIMC nhằm mục đích nắm bắt thông tin phục vụ giám sát thường xuyên. Trưởng Ban Kiểm soát chủ động thu xếp, lựa chọn thời gian và nội dung các cuộc họp để tham gia cho phù hợp;

l) Các nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của VIMC.

Điều 8. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên Ban Kiểm soát, VIMC phải công bố thông tin liên quan đến ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của VIMC để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên thành viên Ban Kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của VIMC nếu được bầu làm thành viên Ban Kiểm

soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát của công ty khác);
- e) Các lợi ích có liên quan tới VIMC và các bên có liên quan của VIMC;

2. VIMC phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên thành viên Ban Kiểm soát (nếu có).

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu: từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 01 ứng cử viên; từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 02 ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 03 ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 04 ứng cử viên; từ 50% trở lên tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 05 ứng cử viên.

4. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị VIMC và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ VIMC. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ VIMC.

Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ VIMC;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. VIMC thực hiện công bố thông tin và thông báo tới cổ đông về danh sách ứng viên Ban Kiểm soát, kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm quy định pháp luật chứng khoán về công bố thông tin và Điều lệ VIMC.

2. Ứng viên Ban Kiểm soát phải cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của thông tin và cam kết thực hiện nhiệm vụ trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích cao nhất của VIMC nếu được bầu.

Chương III BAN KIỂM SOÁT

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành VIMC.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của VIMC, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của VIMC.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của VIMC, công việc quản lý, điều hành hoạt động của VIMC khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 18 của Điều lệ VIMC.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 18 của Điều lệ VIMC, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của VIMC.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của VIMC.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 55 Điều lệ VIMC phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của VIMC.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của VIMC để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của VIMC; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của VIMC, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

13. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

14. Giám sát tình hình tài chính VIMC, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

15. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

16. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ VIMC của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của VIMC, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

17. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

18. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của VIMC lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của VIMC trong giờ làm việc.

19. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của VIMC.

20. Báo cáo của Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên về kết quả kinh doanh của VIMC, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát phải đảm bảo các nội dung sau:

a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 54 Điều lệ VIMC.

b) Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát.

c) Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của VIMC.

d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa VIMC, công ty con, công ty do VIMC nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của VIMC và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa VIMC với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

e) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của VIMC.

f) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

21. Có quyền được cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 171 Luật Doanh nghiệp.

22. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ VIMC và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do VIMC phát hành.

2. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của VIMC lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của VIMC trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành VIMC phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác

quản lý, điều hành và hoạt động của VIMC theo yêu cầu của Ban Kiểm soát hoặc thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 14. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban Kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c. Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban Kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban Kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho VIMC.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được VIMC hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 15. Nguyên tắc làm việc của Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ được phân công; báo cáo hoặc có ý kiến đối với Trưởng Ban Kiểm soát đối với nhiệm vụ được phân công. Ngoài ra, tùy từng thời điểm, thành viên Ban Kiểm soát được phân công thực hiện kiểm tra, giám sát một số nội dung theo chương trình công tác thuộc chức năng và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát;

2. Nguyên tắc biểu quyết:

a. Mỗi thành viên tham dự cuộc họp Ban Kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát. Nếu thành viên Ban Kiểm soát không thể tham dự cuộc họp trực tiếp thì có thể biểu quyết ý kiến của mình bằng hình thức biểu quyết từ xa như họp trực tuyến hoặc qua điện thoại.

b. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban Kiểm soát để quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp.

c. Tại cuộc họp, nếu có thành viên Ban Kiểm soát nào nghi ngờ một thành viên có quyền lợi liên quan hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên, và những nghi ngờ đó không được thành viên đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên có liên quan đó chưa được biết rõ.

3. Biểu quyết theo đa số:

a. Quyết định của Ban Kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận.

b. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban Kiểm soát hoặc thành viên được Trưởng Ban Kiểm soát ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát vắng mặt).

c. Trường hợp Ban Kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định đó được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến và số lượng thành viên tham gia lấy ý kiến bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Ban Kiểm soát.

Điều 16. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban Kiểm soát.

2. Cuộc họp bất thường của Ban Kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của một trong các đối tượng sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị.

b. Ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Hội đồng quản trị trở lên.

c. Trưởng Ban Kiểm soát.

d. Ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Ban Kiểm soát trở lên.

e. Tổng giám đốc.

3. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban Kiểm soát bất thường của một trong các đối tượng nêu tại Điểm a, b, d của Khoản 2 Điều này, Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban Kiểm soát bất thường.

Trường hợp, sau hai lần đề nghị kế tiếp mà Trưởng Ban Kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Kiểm soát phải tiến hành họp Ban Kiểm soát để xử lý công việc, đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng ban, bầu một thành viên Ban Kiểm soát đảm bảo các điều kiện giữ chức danh Trưởng ban, tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường để xử lý những tồn tại, vướng mắc chưa thể giải quyết (nếu có).

4. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 17. Biên bản họp Ban Kiểm soát

1. Cuộc họp Ban Kiểm soát phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết, rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự cuộc họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.

2. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm phân công ghi chép và gửi biên bản họp Ban Kiểm soát cho các thành viên Ban Kiểm soát và Biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của Biên bản đó trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi biên bản.

3. Sổ biên bản và biên bản cuộc họp Ban Kiểm soát phải được lưu giữ và bảo quản tại VIMC bởi Ban Kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo thẩm định về Báo cáo tài chính, báo cáo giám sát về kết quả kinh doanh của VIMC, công tác hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro của Tổng công ty trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban Kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của VIMC.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa VIMC, công ty con, công ty khác do VIMC nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa VIMC với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của VIMC; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của VIMC khi xét thấy cần thiết.

Điều 19. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát.

2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của VIMC theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của VIMC.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban Kiểm soát của VIMC phải kê khai cho VIMC về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với VIMC trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban Kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của VIMC.

4. Thành viên Ban Kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa VIMC, công ty con, công ty khác do VIMC nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban Kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, VIMC phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện

tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban Kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 22. Quan hệ làm việc với Tổng Giám đốc.

1. Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát trong quá trình làm việc với Tổng giám đốc và hệ thống điều hành phải giữ vững tính độc lập, khách quan, đồng thời phải hợp tác chặt chẽ trong khi thực thi nhiệm vụ của mình.

2. Tổng giám đốc báo cáo việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, báo cáo thực hiện các nhiệm vụ kinh doanh và điều hành VIMC và các báo cáo khác theo định kỳ và gửi cho Ban Kiểm soát.

3. Căn cứ và báo cáo hoạt động thường kỳ và những thông tin đáng tin cậy của Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát có quyền đề nghị Hội đồng quản trị xem xét lại các quyết định của Tổng giám đốc.

4. Trong trường hợp xét thấy quyết định của Tổng giám đốc có dấu hiệu vi phạm pháp luật, Điều lệ VIMC và/ hoặc quyết định đó có thể gây thiệt hại lớn về vật chất, uy tín của VIMC, Ban Kiểm soát có quyền đề nghị Tổng giám đốc dừng ngay việc thực hiện các quyết định đó. Trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi có yêu cầu, Ban Kiểm soát phải thông báo ý kiến của Ban Kiểm soát đến các thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị sẽ ra thông báo về việc thực hiện quyết định của Tổng giám đốc.

Điều 23. Quan hệ làm việc với Hội đồng quản trị.

1. Ban Kiểm soát với tư cách là một bộ phận trong cơ cấu tổ chức quản lý của VIMC, quan hệ làm việc với Hội đồng quản trị theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi có yêu cầu bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần xin ý kiến của đa số thành viên Ban Kiểm soát.

3. Chương trình, nội dung và dự kiến các vấn đề quyết nghị tại cuộc họp Hội đồng quản trị phải được gửi đến các thành viên Ban Kiểm soát cùng thời gian gửi đến thành viên Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Ban Kiểm soát có trách nhiệm tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, thảo luận và đóng góp ý kiến đối với các vấn đề được đưa ra và thông qua tại cuộc họp.

5. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị phải được gửi đến Ban Kiểm soát.

6. Hội đồng quản trị có trách nhiệm cung cấp tất cả thông tin và tài liệu quan đến hoạt động của VIMC cho Ban Kiểm soát.

7. Ban Kiểm soát có trách nhiệm thông báo kịp thời những kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và những kiến nghị cần thiết đến Hội đồng quản trị theo quy định.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm bảy (07) chương, hai mươi tư (24) Điều, được các thành viên Ban Kiểm soát thông qua ngày 15 tháng 4 năm 2026 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của quy chế này.
2. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các văn bản trước đây trái với Quy chế này đều hết hiệu lực thi hành./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Lương Đình Minh